

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

LỊCH-SỬ VÀ TRIẾT-HỌC AUGUSTE COMTE

I

AUGUSTE COMTE. — Tầu dịch là Không-đức, — là một nhà triết-học trứ-danh nước Pháp về tiền-bán thế-kỷ thứ 19, xướng ra chủ-nghĩa thực-chứng, hay là chủ-nghĩa thực-nghiệm (*positivisme*), thật là phát ra một cái tia sáng trong cõi tư-tưởng cận-đại.

Bài này lược-thuật về lịch-sử và học-thuyết của ông để giới-thiệu cùng các học-giả trong nước.

Ông sinh ở *Montpellier* ngày 19 tháng giêng năm 1798, mất ngày mồng 5 tháng chín năm 1857. Chín tuổi vào học trường trung-học bản-tỉnh, học-tập xuất-sắc lắm, hạch được đỗ đầu số thí-sinh vào trường Cao-đẳng Bách-công (*Ecole Polytechnique*) ở *Paris* mà tuổi hầy còn kém một năm mới đúng niên-lệ vào học. Cuối năm 1814 vào học, nhưng không học được đến tốt-nghiệp, vì năm 1816 trường Cao-đẳng Bách-công bị Chính-phủ « Quân-chủ phục-quyền » (*Restauration*) có lệnh bãi. Sự học-hành bị trặc-trở như thế, ông phải dạy học tư để kiếm ăn, chuyên dạy về khoa số-học; mãi về sau này vẫn còn giữ nghề đó để làm kế sinh-nhai. Ông vốn có khiếu riêng về khoa số-học, giá cứ tự mình thì cũng yên phận làm một ông giáo dạy số-học, mà có lẽ cũng nổi danh

trong nghề đó. Nhưng ngay tự năm 1819, ông đã được biết một bậc đại-tri đối với ông thật đã có ảnh-hưởng sâu-xa vậy. Bậc đại-tri này là nhà tư-tưởng SAINT-SIMON. Nước Pháp hồi bấy giờ vừa mới qua thời-đại đế-chính của vua Nã-phá-luân, là một thời-kỳ lịch-sử vừa hiền-hách mà vừa khốc-hại thay, mới rõ ra những cái lý-tưởng phá-hoại, những cái chủ-nghĩa tiêu-cực về thế-kỷ thứ 18 trước là không thích-hợp với đời nữa: SAINT-SIMON bèn nhân đó xướng lên một cái quan-niệm mới về nhân-sinh, về xã-hội, về sự tiến-hóa của loài người. Tuy không có học-vấn yêm-bác mà có trí-tuệ sáng-suốt, không có ngồi không mà bài-bác những sự mắt thấy tai nghe ở quanh mình, lại muốn đảm-đương ra sáng-tạo một cái nền-nếp mới cho xã-hội. Cái thuyết cải-tạo xã-hội của SAINT-SIMON đề-xướng lên nhất-đán được thịnh-hành hết sức, biết bao nhiêu người cổ-võ đua theo, biết bao nhiêu người tán-dương sùng-phụng, lại biết bao nhiêu người cực-lực phản-đối, làm cho kinh-động một thời; ngay nay hồi-tưởng lại hoặc cho là những lý-tưởng kỳ-dị, nhưng không phải là kỳ-dị cả, vì những bậc tài-tri xuất-chúng như AUGUSTIN THIERRY, AUGUSTE COM-

TE, MICHEL CHEVALIER đều cảm-phục mà theo cả. Thực thời cái thuyết của SAINT-SIMON, tuy còn khuyết-diếm nhiều thật, nhưng chính là một sự thí-nghiệm trước nhất muốn đem sự thực kinh-nghiệm trong xã-hội mà thay vào những lý-trưởng bông-lông của phái thuần-lý vậy. Cái chí của SAINT-SIMON là to-tát lắm, muốn đặt khoa xã-hội-học vào trong qui củ các khoa-học thực-nghiệm khác. AUGUSTE COMTE lấy làm thâm-phục cái chí đó, tự-nguyện làm học-trò SAINT-SIMON. Tình thầy trò càng ngày càng thân-mật, thầy trò mà thực là bạn-hữu vậy. Song tính-cách hai người không thể hợp nhau lâu được: SAINT-SIMON thời quen cách bề trên, nhất-thiết muốn sử-lingh cho người khác phải phục-tòng mình; còn AUGUSTE COMTE thời tự biết mình có tài, lại có tính bất-cơ, khó chịu cho người sai-khiến. Hai người không thể cùng nhau hiệp-lực mà làm việc chung được. Năm 1824 giận nhau to, vì có SAINT-SIMON không giữ lời ước xuất-bản tập thứ ba « Sách vấn-đáp của nhà công-nghệ » (*Catéchisme des industriels*) do một tay AUGUSTE COMTE soạn cả mà không đề tên tác-giả. Thực ra thì chỉ là bởi hai người tính-khí sung-khắc, không thể hòa-thuận với nhau lâu được, mà về phần AUGUSTE COMTE thời đã tự nghĩ ra được một cái triết-học mới còn hay hơn, mạnh hơn học-thuyết của SAINT-SIMON vậy. Triết-học ấy đa phác-họa ra trong mấy bài đại-luận đề là « Luận triết-lý về khoa-học cùng các nhà khoa-học » (*Considérations philosophiques sur la science et les savants*), « Luận về quyền tinh-thần mới » (*Considérations sur le nouveau pouvoir spirituel*) in trong báo *Le Producteur* (Nhà sinh-sản) tháng 11 năm 1825 và tháng 3 năm 1826, và nhất là trong chương-trình lớp học của ông định khai-giảng ở nhà riêng, số 13 đường *Faubourg-Montmartre ở Paris*. Lớp học ấy dự-

định những bảy-mười-hai bài, bắt đầu khai-giảng ngày mồng 1 tháng 4 năm 1826, thỉnh-giả cũng đông, có những bậc như ALEXANDRE DE HUMBOLDT, POINSOT, BLAINVILLE, nhưng được ba buổi thời phải đình. AUGUSTE COMTE bỗng mắc bệnh điên, phát cuồng lên, phải đem giữ ở sở bệnh EQUIROL bảy tháng không thấy khỏi. Được bà vợ là người vốn bụng dạ cao, tài-tri lớn, đem về nhà hết sức chăm nuôi, dần dần bớt, trong khoảng năm 1827 có thể lại làm việc như thường được. Năm 1828 lại tiếp-tục cuộc giảng học phải đình trước, lần này thời được trọn cả chương-trình, và người đến nghe toàn là những người trí-thức cả.

Từ nay là bắt đầu một thời-kỳ có thể gọi là thời-kỳ hoạt-động tinh-thần của AUGUSTE COMTE, được mười-lăm năm (1828-1842). Trước thời-kỳ ấy là hồi dự-bị, sửa-soạn sẵn đề gây ra sự-nghiệp lớn, sau thời-kỳ ấy là hồi phát cuồng, lại mắc phải bệnh điên như trước, khiến cho danh-giá bị giảm sút đi nhiều. Thừa trẻ ông đọc sách nhiều lắm, vốn đã sở-trường về khoa số-học, mà nhờ có cái ký-lực mạnh, học rộng ra các khoa khác cũng tinh-thông lắm. Vì có học-vấn yêm-bác như thế mới làm được trọn sáu bộ « Thực-nghiệm triết-học khóa » (*Cours de Philosophie positive*, 1830 - 1842), tóm-tắt được cả những điều cốt-yếu trong các khoa học một cách cực kỳ đích-xác, mà không hề phải tra-khảo một quyển sách nào, vì đến hồi biên-tập sách-vỏ, kết-cấu tư-tưởng thì ông tuyệt-nhiên không đọc một quyển sách nào của ai nữa. Cái cách làm việc của ông thì thật là lạ-lùng, tỏ ra người có cái sức óc mạnh-mẽ khác thường, có lẽ cỗ-kim không có người nào bằng. Sáu quyển sách của ông cứ đều-đần hai năm xuất-bản một quyển, mà mỗi quyển là sắp đặt cả tự trong óc, không hề phải cầm bút viết một câu một chữ

nào ; không những sắp-đặt đại-cương mà thôi, mà cả đến những điều chi tiết nhỏ-nhất vậy. Khi nào kết-cấu trong óc thành rồi thì nói rằng sách đã làm xong ; bấy giờ mới cầm bút viết, viết thẳng một mạch, được trang nào cho đem in trang ấy, bản in chỉ xem lại một lượt, không hề có sửa đổi một tí gì.

Triết-học của AUGUSTE COMTE thế nào, sau này sẽ giải rõ. Nay thuật về lịch-sử ông, chỉ nên nói qua mấy câu cho biết đại-khái sự-nghiệp học-vấn của ông thế nào. Triết-học ấy là toàn căn-cứ ở sáu khoa-học trừu-tượng : số-học, thiên-văn-học, vật-lý-học, hóa-học, sinh-vật-học, xã-hội-học. Sáu khoa-học ấy có tự-nhiên liên-tiếp với nhau, ông là người trước nhất phát-minh ra lẽ đó, nay ai cũng đều công-nhận cả, dù người phản-đối học-thuyết ông cũng vậy. Tổng-triết-học tức là gồm triết-học riêng của cả sáu khoa-học đó. Vậy thời thuộc về mỗi khoa-học trước hết phải tìm lấy phần nào là phần cốt-yếu, phần đích-xác, và phần nào là phần ưc-đoán, phần phụ-thuộc ; mỗi khoa phải định giới-hạn cho rõ-ràng, đặt qui-tắc cho phân-minh, rồi nhân đó kết-luận thành lẽ chung cho đích-đáng ; xong rồi phải đặt cơ-sở cho khoa xã-hội-học là một khoa chữa thành-lập hoàn-toàn. Công-trình lớn-lao đó, kể đến công-phu mấy người làm mới nổi, mà một mình ông làm trọn được trong mười - lăm năm, khiến cho người sau không còn phải bổ thêm vào mấy tí nữa. Tuy-nhiên, ông không phải chỉ chuyên về triết-học mà thôi. Vốn không có gia-tư gì riêng, cần phải làm việc để lấy kế sinh-nhai. Trước làm thầy dạy số-học ở một trường học riêng, rồi sau nhờ được NAVIER và DULONG che-chở cho, năm 1832 được bổ làm chức phụ-giáo và năm 1835 làm chức khảo-sát các thí-sinh vào

trường Cao-đẳng Bách-công. Thế là đã có một cái địa-vị, tuy chưa phải là danh-giá gì lắm, nhưng cũng là vừa hợp với cái tính-cách đạ-m-bạc của ông, và giá biết khéo ra thì cũng có thể hơn được nữa. Mấy lần chức giáo-viên khoa phân-tích-học (*chaire d'analyse*) ở trường Cao-đẳng Bách-công khuyết, ông không phải là không đủ tư-cách đương được chức đó, và không phải là không có hi-vọng đắc-cử, nên lần nào cũng có ứng-cử, nhưng không chịu đứng cái địa-vị một người ứng-cử thường, phải khuấy-tất nói - năng và để cho người ta bình - phẩm, lại làm ra cách cao - thượng như muốn đòi một cái quyền-lợi phải về mình vậy. Không những không chịu đi nói - năng với ai, lại đối với những người che-chở cho mình, đối với Hội Khoa-học Bác-sĩ có quyền kén-chọn các giáo-viên, viết thư ra giọng kiêu-cãnh, mạ-sát những kẻ ra tranh-cử với mình, thậm-chi công-kích cả mấy tay số-học đại-danh đời bấy giờ. Thành ra lần nào cũng hỏng, đem lòng oán - giận cả mọi người, cả những người sẵn lòng giúp cho rồi cũng phải chán. Tự biết rằng cái triết - học mới của mình đương kết-cấu có giá-trị to, nên càng thấy có kết-quả lại càng lấy làm tự-cao, tính-khi kiêu-cãnh, không sao hạn-chế lại được. Trong bài tựa quyền cuối cùng bộ « Học-khóa » xuất-bản năm 1842, không phải chỉ công-kích riêng một vài nhà số-học mà thôi, mà lại bài-bác hết-thảy cả các nhà đại-số-học, lại thêm một câu chỉ - trích cả ARAGO là tay thiên-văn-học bấy giờ đương nức tiếng một thời. Nhà xuất-bản là MALLETT-BACHELIER muốn đáp lại lời chỉ-trích đó, bèn tự-tiền in bài trả lời ngay trong sách đó, không xin phép tác - giả. Ông đem kiện ở tòa án thương - mại, tự ra cãi lấy, được kiện. Nhưng cái ác - quả việc

ấy, rồi thấy hiện ra ngay : ông mất chức khảo-sát ở trường Bách - công, lại mất cả chỗ dạy học ở trường tư LAVILLE. ARAGO bấy giờ đương quyền-thể lắm, định làm hại ông để báo-thù lại ; cách báo-thù đó có lẽ cũng không được quân-tử lắm, nhưng ARAGO cũng có tính tự-kiêu chẳng kém gì AUGUSTE COMTE vậy. Chính giữa lúc bấy giờ (năm 1842) là hồi ông lia vợ, sau một cuộc ăn-ở với nhau đã mười-bảy năm trời. Tính ông càng ngày càng khó chịu, không để cho ai can-ngăn, ai khuyên-bảo gì cả, thành ra vợ chồng không thể ở với nhau được nữa. Bà vợ biết như thế, xin lia ra ở ngoài, nhưng vẫn thư-từ với ông trong mấy năm.

Khoảng năm 1842-1845 là khoảng cái công-trình kết-cấu triết - học đã xong, còn soạn được hai bộ sách có giá - trị nữa, rồi đến thời - kỳ suy-đồi hẳn, cái bệnh diên lại nổi lên, làm những sách-vở bóng-lông, không có căn-cốt gì nữa. Hai bộ sách có giá-trị đó là bộ « Sách yếu-lược về phân-tích kỹ-hà-học » (*Traité élémentaire de géométrie analytique*, 1843), và bộ « Sách triết-lý về thiên-văn-học phổ thông » (*Traité philosophique d'astronomie populaire*, 1845), là tóm-tắt những bài giảng không cho thiên-hạ nghe trong mười-bảy năm (1830-1848) ở nhà thị-sảnh khu thứ 3 thành Paris. Hai bộ sách ấy có nhiều ý-kiến mới-mẽ, nghị-luận đích - đáng, tư - tưởng sâu-xa, duy không phải là sách yếu-lược mà cũng không phải là sách phổ-thông vậy.

Bắt đầu từ năm 1845 là hồi trí-tuệ suy-kém dần mãi đi. Bao nhiêu cái học bình-sinh, chung-đúc cả trong sáu quyển « Thực-nghiệm triết-học-khoa » ; rồi không thêm được tí gì nữa, vì ông tuyệt-nhiên không chịu đọc sách-vở gì cho tăng thêm trí-thức

nữa. Vậy mà muốn đem triết-học mình ứng-dụng ra chính-trị xã-hội vậy. Bấy giờ không căn-cứ ở đâu, tư-tưởng bóng - lông, bằng-không ức - đoán, kết-cấu càng dễ thời kiềm-điềm càng khó, thật là trái hẳn với cái tôn-chỉ thực-nghiệm thực-chứng là phần cốt-yếu trong triết - học của ông. Nhân lại thêm một chuyện tư - tình nữa, thành ra cái chí-hướng của ông lại càng thêm sai - lạc đi vậy. Nguyên hồi năm 1845, trong cái xã-hội nhỏ-hẹp ông thường giao-tiếp, ông có được gặp một người thiếu-phụ, hồng-nhan bạc-phận, đa-bệnh đa-sầu, liền đem lòng thương, gây lên một cuộc ái-tình thiết-tha đắm-thắm như trong tiểu-thuyết vậy, khiến cho người đời phải lấy làm lạ, vì ông tuổi đã bốn-mươi-bảy mà vốn xưa nay không phải là người đa-tình chi. Người thiếu - phụ đó tên là CLOTILDE DEVAUX, ông tưởng-tượng muốn cùng với bà kết-cấu ra một cuộc diêm-sử để lưu-truyền hậu-thế như DANTE với BÉATRIX, PÉTRARQUE với LAURE đời xưa, không biết rằng tự mình chữa có tài-tình, chữa có nhân - cách như DANTE cùng PÉTRARQUE vậy. Xưa nay những cái ái-tình muộn - màng như thế, vào lúc lòng hăng-hái tuổi tráng-niên đã kém sút, phải lấy trí tưởng-tượng mà thế vào, là không được viên - mãn bao giờ, chỉ đủ làm cho hạ mất phẩm-giá người ta đi : xem như chuyện AUGUSTE COMTE thật là minh - chứng vậy. Bấy giờ ông quên cả sự-nghiệp từ trước, tự đặt ra một cái tôn-giáo mới, đem khoa-học mà pha lộn với thần-quyền, lại đặt ra các nghi-tiết lễ-bái, tự-xưng mình là giáo-chủ, thờ « bà thánh CLOTILDE » tôn là thánh-mẫu của loài người. Hồi này là hồi thần-trí suy-đồi, càng ngày càng tệ, chỉ được ngồi một lúc, là giữa năm cách-mệnh 1848. Được tin lập Dân-quốc mới, ông bình như tỉnh người

ra, cổ-võ hoan-nghênh vô-cùng, liền nghĩ lập một hội chính-trị để giúp cho chính-thể mới như đảng *Jacobins* hồi cách-mệnh thứ nhất năm 1789, bèn tổ-chức ra « Hội Thực-nghiệm » (*Société positiviste*), hội này rồi cũng không có ảnh-hưởng đến thời-cực, vì chỉ đứng trong phạm-vi lý-luận mà không can-thiệp đến việc chính-trị. Ông lại xuất-bản một quyển toát-yếu về cả học-thuyết của ông, đề là « Tổng-luận về toàn-thể chủ-nghĩa thực-nghiệm » (*Discours sur l'ensemble du positivisme*, 1848); năm 1849-1850 lại mở một khoa giảng học không lấy tiền về « Lịch-sử nhân-loại » (*Histoire de l'humanité*) ở một gian trong viện *Palais-Royal* của chính-phủ cho mượn, bài giảng thật có giá-trị. Nhưng mà cái thời-kỳ sáng-sủa đó chỉ thoáng qua được một vài năm, rồi những tư-tưởng mơ-màng thần-bí lại làm cho mờ tối cái óc thông-minh của ông đi. Sau cuộc cách-mệnh đến cuộc chính-biến năm 1851 của Nã-phá-luân thứ 3, ông công-nhiên theo về đế-chính mới, lại viết thư cho Hoàng-đế Nga *NICOLAS* thứ I (năm 1852) bàn với Hoàng-đế nên ra tay thống-nhiếp cả toàn-Âu về đường chính-trị, còn về đường tinh-thần thì đề cho « đạo thực-nghiệm » (*religion positiviste*) của ông chủ-trương vậy. Các sách-vở vừa kể trên, ông cho in làm phụ-lục vào bốn quyển « Chính-trị thực-nghiệm », nhất-danh là « Sách xã-hội-học đặt ra đạo nhân-loại » (*Système de politique positive, ou Traité de sociologie instiluant la religion de l'humanité*), xuất-bản năm 1851-1854. Ông lại soạn một quyển « Lịch của đạo thực-nghiệm » (*Calendrier positiviste*, 1849), bao nhiêu tên thánh đạo Gia-tô ông thay bằng tên các danh-nhân đã có công giúp cho nhân-loại được tiến-hóa; lại một quyển « Kinh vấn-đáp về đạo thực-

nghiệm » (*Caléchisme positiviste*, 1852) tóm-tắt cả triết-học và chính-trị của ông một cách rõ-ràng lắm. Còn làm hai quyển sách sau cùng nữa, một quyển đề là « Lời cáo các nhà về phái bảo-thủ » (*Appel aux conservateurs*, 1855), một quyển đề là « Một phép tổng-quát về chủ-quan » (*Synthese subjective*, 1856), sách sau này thời thật là cái mộng một người cuồng, không còn gì là dấu-vết của bậc đại-trí đã đề-xương ra cái triết-học thực-nghiệm vậy.

Từ ngày mất chức giáo-viên nhà nước, thời ông chỉ nhờ học trò cùng những người có bụng cảm-phục giúp đỡ cùng tư-cấp cho mà ăn. Ông thường có thư-trát vãng-lai với nhà triết-học nước Anh *STUART MILL*, nhờ có ông này làm môi-giới nên được người Anh giúp tiền trước nhất. Nguyên có ba người Anh giàu, trong bọn đó có ông *GROTE* là nhà sử-học trứ-danh về Hi-lạp, suốt một năm ông cần-dùng đến bao nhiêu đều giúp đỡ cho ông cả. Nhưng ông lại muốn cho người ta giúp luôn mãi, hết năm ấy đến năm khác. Ba người kia không chịu, ông *STUART MILL* cũng cho thế là lẽ tự-nhiên, ông bèn đem lòng giận cả ông *STUART MILL*. Bấy giờ trong bọn đệ-lữ ông có một người trứ-danh nhất là ông *LITTRÉ* đứng lên mở một cuộc lạc-quyền để lấy tiền cung-cấp thường cho ông. Lạc-quyền như thế được bốn năm, rồi đến năm 1852, ông cho ông *LITTRÉ* là không đủ có bụng phục-tông cho ông dễ sai-khiến, bèn giận cả ông *LITTRÉ*, rồi tự mình đứng chủ-trương lấy cuộc lạc-quyền.

Thành ra những người trung-thành với ông, ông làm cho dần-dần phải xa ông hết cả, bấy giờ đồ-đề chỉ còn những người lao-động ít học-thức, không ai dám can-ngăn ông nữa, mỗi ngày ông càng mê-mẩn trong cõi thần-

bí, suốt ngày giờ chỉ đọc kinh *Imitation*, thờ «bà thánh *Clotilde*», và lấy tư-cách là giáo-chủ đạo nhân-loại chủ-trương những sự lễ-bái kỳ-dị. Sau mắc bệnh ung độc trong dạ dày mà chết, để lại một bản «Di-chức» (*Testament*) rất dài và cũng rất lạ-lùng, bản này rồi mãi về sau (năm 1884), các nhà chấp-hành di-y của ông mới đem ra xuất-bản cùng với tập tư-thư của ông viết cho bà *DEVAUX*.

AUGUSTE COMTE » (*Notice sur la vie et l'œuvre d'Auguste Comte*, 1860), một bản của *LITTRÉ* đề là «AUGUSTE COMTE và triết-học thực-nghiệm» (*Auguste Comte et la philosophie positive*, 1863), hai quyển đó đều có tài-liệu phong-phú về lịch-sử AUGUSTE COMTE, nhưng quyển trên có ý tán-dương quá, quyển dưới phẩm-bình đich-dáng hơn.

(Còn nữa)

Có hai bản truyện-ký về AUGUSTE COMTE : một bản của *D^r ROBINET* đề là «Lược-ký về thân-thế và sự-nghiệp

HỒNG-NHÂN biên-dịch

NÓI CÓ SÁCH

Tiểu - dẫn

Có tổ-quốc thì có văn-chương, văn-chương là tinh-thần của tổ-quốc, dấu tang-thương biến-cải mà văn-chương vẫn còn, văn-chương còn thì hồn nước còn, hồn nước còn thì văn-chương in vào óc ta, khiến cho ta không bao giờ quên được.

Phương-ngôn ngôn-ngữ là văn-chương của nước ta đó. Lời-lẽ thanh-thoát, ý-tư sâu-xa, nói thấu cả nhà-linh thể-cổ cho đến đường ăn lẽ ở, phạm những việc có quan-thiết đến xã-hội nhân-quần, không gì là không bao-quát. Bেম so với lời triết-học bên Âu-châu cùng kinh Thi nước Tàu đời trước, cũng không kém gì.

Than ôi ! người đời trước nói để người đời sau nghe, người sau nghe để mà nói, nói rồi để theo mà làm, như thế thì lời nói ấy mới là hữu-dụng. Chỉ vì nước ta xưa kia sùng-thượng khoa-cử, chỉ chăm đạo-lập câu thơ câu phú, điều-luyện những lời hư-văn, đến như văn-chương của tổ-quốc thì gác bỏ ngoài tai, không ai chịu lý-hội đến, thành ra những lời vàng tiếng ngọc chỉ để làm câu đầu lưỡi cho bọn đàn-bà trẻ con mà thôi.

Tiếc thay lời nói của cổ-nhân là một cái ống thiên-lại tự-nhiên của trời đất, dấu lao-nhân học-sĩ có tư-tưởng cao-siêu đến thế nào cũng không thể đem cái văn-tài của mình mà sửa đổi được.

Vậy thì cái văn-chương ấy thật là quốc-túy của mình, đáng nên quý đáng nên chuộng, mà ta lại không biết quý biết chuộng, thì đối với tổ-quốc chẳng là hờ-hững lắm ư ?

Vậy nghĩ đem những câu ngôn-ngữ tập thành bài phú, dùng cách nối vần, khiến cho đàn bà con trẻ đọc đến cũng dễ hiểu, và để tổ nước mình cũng có văn-chương so-sánh với các nước đương buổi văn-tự tranh-cạnh bây giờ.

**

I. — Luân-thường đạo-lý

ĐOẠN THỨ 1

Lộc nước ngôi trời ; quê cha đất tổ.
Com vua áo chúa ; nghĩa mẹ công cha.

Kể gần người xa ; điều nặng tiếng nhẹ.

Có già có trẻ ; dễ người dễ ta.

Thương con ngon quả ; ít thầy đầy đầy.

Câu được ước thấy ; giận mắng lặng thương.

Mẹ tròn con vuông ; sống tốt chết giỗ.

Sang về cửa trọng về cửa ; giàu vì con khó vì con.

Cháu có lú đã chú nó khôn ; gái có công thì chồng chẳng phụ.

Một mặt người bằng mười mặt cửa ; mảnh chồng quan hơn đản chồng dân.

Con cháu đỡ-dần, máu loãng còn hơn nước lã ; vợ chồng êm-ả, lửa cháy chớ đổ dầu thêm.

Sinh con rồi lại anh em, nước mưa chảy dưới giọt ; nuôi con biết lòng cha mẹ, gan ruột để ngọn cây.

Com nặng áo đầy, con có cha như nhà có nóc ; duyên ư phận đẹp, gái có chồng nhu rồng có mây.

Xảy vai xuống tay, chớ kể thiệt hơn, anh khúc ruột trên em khúc ruột dưới ; vật mũi dứt miệng, chớ làm hoang phí, chồng thì như rỏ vợ thì như hom.

ĐOẠN THỨ 2

Trong ấm ngoài êm ; đầu chạy đuôi lọt.

Cha già nhà giột ; con dại cái mang.
Người sống đồng vàng ; lữ-hành giành bạc.

Anh em chông mác ; bày-tờ chân tay.

Phúc chủ lộc thầy ; cửa chồng công vợ.

Một đồng không thông đi chợ ; trăm ơn không bằng hơn tiền.

Ép dầu ép mỡ ai nỡ ép duyên ; nói gần nói xa chẳng qua nói thực.

Lựa tốt xem biên, người hiền xem mặt ; thuyền mạnh về lái, gái mạnh về chồng.

Làm đi làm lại, làm mãi đến xong ; có đầu có đuôi, nuôi lâu cũng lớn.

Trai vượt bể có chúng có bạn, gái vượt cạn chỉ có một mình ; mẹ nuôi con bằng trời bằng bể, con nuôi mẹ con kể từng ngày.

Nhất vãng nhất lai, ông mất của kia bà chia của nọ ; thiên quan thiên lộc, giàu thì làm chị khó làm em.

Đã mừng lại mừng thêm, rẻ hiền hơn con trai, dẫu hiền hơn con gái ; có phải thì phải với, yêu nhau chị em gái, rai nhau chị em dẫu.

Lo phải lo sâu, tìm nơi có đức gửi thân, tìm nơi có nhân gửi của ; thương là thương hại, yêu con cho roi cho vọt, ghét con cho ngọt cho bùi.

HOẠN THỨ 3

Của bèn tại người ; con khôn có giống.

Biết thì để bụng ; làm phải liệu lung. Chị ngã em nâng ; cha truyền con nối.

Kính già già để tuổi ; yêu trẻ trẻ đến nhà.

Nâng như trứng húng như hoa ; khôn ăn cái đại ăn nước.

Có tiền mua tiên cũng được ; không thầy đố mày làm nên.

Có khấn có thiêng có kiêng có lành ; nhiều vốn nhiều lãi, nhiều má nhiều để.

Gái có con như bồ hòn có rẻ ; nhà nhiều người như con rết nhiều chân.

Cậu đã chết mợ ra người dung ; con không khóc mẹ chẳng cho bú.

Lấy vợ phải kén tông, lấy chồng phải kén họ ; làm bạn với người có, nói khó với người khôn.

Chiều người lấy của chiều chồng lấy con ; bên cha cũng kính, bên mẹ cũng rai.

Làm rẻ thì chó nấu thịt trâu, làm dẫu thì chó đồ xôi lại ; có cơm có gạo vạn người hầu, có bắc có dẫu vạn người khêu.

Đời cua cua máy đời cáy cáy đào, nợ phong-trần đến dẫu hay dấy ; của anh anh mang, của nàng nàng xách, gánh giang-sơn này bỏ cho ai ?

Nghĩa ngắn tình dài, ăn dẫu ở dẫu, sống ở làng sang ở nước ; công to việc lớn, lo được làm được, trẻ cậy cha già cậy con.

II. — Học ăn học nói

Của trời của chung ; đạo thánh đạo rộng.

Dốt đặc hơn hay chữ lỏng ; học ít lại hóa biết nhiều.

Chơi có buổi học có chiều ; văn có bài vũ có trận.

Học tài thi phận ; chữ tốt văn hay.

Ngang bằng sổ ngay ; miệng đọc tay viết.

Học hay cày biết ; ăn học học nên.

Làm trai giữ chí cho bền ; ở đời có thân phải giữ.

Thứ nhất hay chữ ; thứ nhì dữ đòn.

Mài mực ru con ; mài son đánh giặc.

Giữ điều phép-tắc, tiên học lễ hậu học văn ; chăm-chỉ học-hành, dân bất phiền quan bất nhiều.

Nhờ thầy dạy bảo, bé chẳng vin cả gãy ngành ; gặp vận bước lên, con hơn cha nhà có phúc.

Thói phù-hoa được mấy lúc, ở bầu thì tròn ở ống thì dài ; phường xô lá chó chơi chi, gần mực thì đen gần đèn thì rạng.

Học thầy không tầy học bạn, nhất tự vi sư bán tự vi sư ; sinh con ai nữ sinh lòng, nhất tội nhất xá vạn tội vạn xá.

Học ăn học nói, học gói học mở, một ngày dăng cũng được sàng khôn ; có câu có được, có ước có nên, trăm bó được cũng được con ếch.

Vô sư vô sách, quỷ thần bắt trách, kể chi những thói đàn bà ; bất tu bất khuỷu, bất hiểu văn-chương, theo chi những phường đồ hủ.

Ngâm đến chữ hoàng-thiên bất-phụ.

có chi làm quan có gan làm giàu ; cũng lắm người bạch-địa khởi gia, hay học thì sang, hay làm thì có.

III. — Làm ruộng thì gia

Ăn lá trả tơ ; lâu ngày dày kén.

Nở ngành xanh ngọn ; cả cây này buồng.

Cây nhà lá vườn ; nước khe chè núi.

Lợn chọn đầu cau chọn cuối ; mít chạm cành chanh chạm rễ.

Một mẫu ruộng nhà ba mẫu ruộng bẽ ; lúa chiêm bóc vỏ lúa mùa xỏ tay.

Tháng chạp trồng khoai, tháng hai trồng đậu ; tháng năm khua bầu, tháng mười sáu rơm.

Tháng năm hơn đèm, tháng mười thêm lượt ; đi cày gà gáy đi cấy sáng trắng.

Cấy thưa thưa thóc, cấy giầy cóc được ăn ; lúa giỗ ngã mạ vàng rạ mạ xuống được.

Thấp mạ phải tinh con nước ; cấy lúa phải xem thời trời.

Mất tháng năm chằm tháng mười ; đậu tháng hai khoai tháng sáu.

Ái thâm không bằng giâm ngấu ; xanh nhà còn hơn già đồng.

Ba tháng xem cây không bằng một ngày xem bông ; lợn đói một năm không bằng tấm đói một bữa.

Làm ruộng có năm, chẵn tấm có lửa ; trồng rau đắp luống, cấy ruộng đắp bờ.

Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa ; đất thiếu trồng dưa đất thừa trồng cau.

Trồng cây chuối khỏi phải mua rau ; trồng cây cau khỏi phải mua củi.

Nhà giàu trồng cau ra mía ; nhà nghèo trồng củ tía hóa bồ-nâu.

Lúa mùa cấy cao, lúa chiêm cấy

trùng ; đồng lội trôi tro, đồng bẽ no lòng.

Nước sa đầy đồng, vợ chồng đi cấy ; sao tua ngang mặt, thợ gặt ăn cơm.

Làm ruộng com năm, chẵn tấm com đúng, việc lam - làm cốt phải siêng - năng ; cấy lúa ruộng lạ, gieo mạ ruộng quen, sự trồng cấy tinh cho sản-sóc.

Lợi chỗ này không lợi chỗ khác, trời ấm tốt mạ trời giá tốt rau ; có mùa nọ cũng có mùa kia, năm trước được cau năm sau được lúa.

Biết sự trời một đời không khó, có cấy có trồng có ăn ; xem màu đất những vật gì hơn, chẳng tập chẳng hay chẳng cày chẳng biết.

IV. — Buôn đông bán tây

Mở hàng mở quả, đi buôn đi bán.

Chẳng lãi cãi lấy vốn ; đương may quay ra nôm.

Già kén kén thơm ; năng nhặt chặt bị.

Buôn hùm bán quỉ ; thăm ván bán thuyền.

Ngồi thúng thóc, móc thúng tiền ; đeo túi vàng quàng túi bạc.

Thôi cuộc này bày cuộc khác ; thua keo trước rước keo sau.

Một đồng một rổ chẳng bỏ nghề giàu ; ba cọc ba đồng cũng xong một việc.

Suy hơn tinh thiệt ; mua đoạn bán rời.

Quan ngắn quan dài ; giá cao giá hạ.

Buôn trâu bán chả, liệu mất cả nhà ; so cò bẻ măng, suy cho đến nước.

Cửa mua là cửa được ; tiền trước là tiền khôn.

Hàng xay hàng sáo khua láo chống con ; buôn tàu buôn vĩ chẳng đã hà-tiện.

Buôn lấy danh bán lấy tiếng ; buôn có bạn bán có phường.

Khách nhớ nhà hàng, nhà hàng chẳng nhớ khách ; người làm ra cửa, cửa chẳng làm ra người.

Làm phúc qua đàng mở hàng sớm mai ; bán hàng nói thách làm khách trả rẻ.

Mùa hạ cá sông mùa đông cá bể ; đầu năm mua muối cuối năm mua voi.

Buôn đứng buôn ngồi, ra chi vật mớ rau xâu mớ cá ; tinh vốn tinh lãi, khéo khéo làm con toán bán con trâu.

Buôn đầu bán đầu, năng-nỗ mất ngõ mất vườn, lươn-khươn còn vườn còn ngõ ; lo đấy liệu đấy, được mùa mua gấm mua vóc, mất mùa đong thóc đong ngô.

Biết bao trăm người bán vạn người mua, kia xem trên bến dưới thuyền đủ đồ tiện-lợi ; hay chi bảy xó nhà ba xó bếp, nên phải trèo non vượt bể, mở lối thông-thương.

V. — Ăn về phúc-đức

Ở hiền gặp lành ; làm phúc phải tội.

Hay nói hay lời ; có nhân có hơn.

Oán báo oán, ân báo ân ; hậu giả hậu, bạc giả bạc.

Phúc nơi nao cầu ao chẳng bắc ; đình đã mở quán chợ làm sao ?

Người trước bắc cầu người sau nơi theo ; đời cha ăn mặn đời con khát nước.

Cửa làm ra thời để trên gác, cửa có bạc thời để ngoài sân ; ở sỏi-lỏi trời gối cửa cho, ở quanh co trời gõ cửa lại.

Có phúc lấy được dầu hiền, vô duyên lấy phải dầu dại ; có phúc để con hay lợi, có tội để con hay trèo.

Làm phúc như làm giàu ; rậm người hơn rậm cửa.

Có thì giúp của chẳng có thì giúp công ; xuỉ nhau làm phúc chớ giục nhau đi kiện.

Thua trời một vạn còn hơn thua bạn một ly ; ăn mặn nói ngay còn hơn ăn chay nói dối.

Ở đứng chẳng lành độc canh phải tội ; đường đi hay tối, nói dối hay cùng.

Một người đứng đàng cả làng đều trông ; một lời nói dối sám-hối bảy ngày.

Một đời tham-lại, vạn đại ăn mày ; một người làm quan được sang cả họ.

Ở dở lại gặp dở ; ở hay lại gặp hay.

Làm phúc quá tay, ăn mày ai cho ; mũ ni che tai, sự ai không biết,

Ở bất - nhân sau chịu tội nghiệt ; cứu được người phúc đặng hà - sa.

Trời gần trước mắt không xa, phúc qui thiên - đàng, tội qui địa - ngục ; người sao chiêm-bao làm vậy, hữu phúc biến tướng, vô-phúc hiện hình.

Phúc đảo tâm linh, quân-tử nhờ trời qua vận bĩ ; nhân-bần tri-đoan, tiều-nhân có đất nợ ai bầu.

VI. — Quan hình sát sắc

Coi mặt đặt tiên ; thom tay may miệng.

Rộng miệng cả tiếng ; trơn lông đỏ da.

Cười tươi như hoa ; da vàng như nghê.

Đầu xanh tuổi trẻ ; tóc bạc da mồi.

Đầu gối quá tai ; lỗ mũi dòm miệng.

Ngay lưng làm biếng ; rộng miệng ăn hoang.

Mặt đỏ tổ gan ; rậm râu sâu mắt.

Tiếng khản vịt đực ; đầu giẹp cá trê.

Miệng loe-loét như ống nhỏ thầy đờ ; cao lỏng-ngồng như minh-tinh nhà khó.

Gà thấp chân, đàn-bà cao cổ ; voi tréo ngà đàn-bà một mắt.

Đàn ông lỏng chân, đàn bà gán

mặt; con trai liền-bì con gái thùy-châu.

Sang-sảng tiếng vàng, vira sang vira giàu; sanh-sản tiếng đồng, sát chông sát con.

Nốt ruồi ở cổ, có lỗ tiền chôn; tốt mếp kêu giai, già vai ăn nợ.

Thâm dưa thì khú, thâm vú thì trừa; dài lưng tổn vải, lồi rốn tổn com.

Mặt xám như chàm, đã thâm lại độc; búi tóc quả cà, trong nhà có ăn.

Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân; chân tốt về hài, tai đẹp về bạc.

Cong môi hay hờn, mỏng môi hay hót; to đầu thì đại, lớn giải thì khôn.

Hàm răng khin-khit, nó riết như ôn; dit ngài cong-cong, con đông như vịt (1).

Tinh mã quỷ quyệt con mắt sắc như dao; phú-quí phong-lưu, bàn tay đỏ như duối.

Đầu bông tóc rối, vất-vả long-dong; thịt bắp vai u, ăn no vác nặng.

Chỉ bàn tay trắng lúc lên lên như điều; gập vụn áo thâm, khi đen đen như chấy.

Nồi nào giống ấy, khôn ngoan hiện ra mặt, què quặt hiện chân tay; tập dữ tính thành, ăn cắp thì quen tay, ngủ ngày thì quen mắt.

Người thực tính cũng thực, trông mặt mà bắt hình-dung; ở hay lại gặp hay, có phúc nhiều khi biến tướng.

VII. - Nhân-tính thể thái

ĐOẠN THỨ 1

Quyền rơm vạ đá; già néo đứt dây.

Ném đất giấu tay; nổi giáo cho giặc.

Quan tha nha bắt; kiện gian bàn ngay.

Nghĩ mướn lo thay; giờ cao đánh sẽ.
Già dòn non nhẽ; mềm nắn rắn buông.

Nói ngọt lọt đến xương; đồng tiền liền với ruột.

Của đau con xót; tiền ngăn mặt dài.

Giấu đầu hổ đuôi; xui nguyên giục bị.

Phải ai tai nấy; được vạ má sưng.

Tham thực cực thân; tốt lễ dễ nói.

Xá phúc xá tội; mang oán mang ân.

Ai khảo mà xưng; chưa đe đã khiếp.

Khôn chẳng qua nhẽ, khôn chẳng qua phép; khôn đầu đến trẻ, khôn đầu đến già.

Khôn làm lại, chịu đại ở nhà; bạc thì dân, bất-nhân thì linh.

Môi hở răng lạnh; quan xa nha gần.

Cốc mò cò ăn; bút sa gà chết.

Khôn-ngoa đến cửa quan mới biết; giàu khó ba-mươi tết mới hay.

Cầm chẳng nóng tay, cửa nhà khó như gió nhà trống; ăn không nề mặt, tiền vào quan như than vào lò.

Đục nước béo cò, quit làm cam chịu; bới bèo ra bọt, tiền mất tật mang.

Làm dở làm dang, hại nhân nhân hại; tranh hơi tranh khí, sinh sự sự sinh.

Trống bỏi vật mình, được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười-lăm quan chẵn; gương to tày liếp, của bụt mất một đèn mười, của trời mất một đèn muôn.

ĐOẠN THỨ 2

Trên kính dưới nề; trước lạ sau quen.

Sống lâu giàu bền; nợ mòn con lớn.

Đèn nhà ai nhà ấy rạng; trống làng nào làng ấy đánh.

(1) Hay là: cong cong dit ngài, con sai như vịt.

Con nhà tông chẳng giống lông giống cánh ; miệng nhà quan nói có gang có thép.

Tuần già bằng ba kẻ cướp ; tốt số còn hơn bố giàu.

Đi tát sấm gâu, đi câu sấm rỏ ; làm thầy có sách dào gạch có dao.

Đâm lao thì phải theo lao ; chết chóc rồi lại mọc chóc.

Cứ người có tóc, chẳng cứ người trọc đầu ; đánh kẻ chạy đi, không đánh kẻ tìm lại.

Làm tớ thẳng khôn hơn làm thầy thẳng dại ; một người hay lo bằng kho người hay làm.

Tôi thẳng hủi hơn chịu tủi anh em ; thiếu thũe vua còn hơn thua lệnh làng.

Giữ miệng lọ, ai giữ được miệng họ hàng ; dò lòng sông, chẳng dò được lòng thiên-hạ.

Sống về mờ mắt, chẳng sống về cả bát cơm ; giàu về hàng nén, chẳng giàu về xén mép bờ.

Một mắt mười ngoi, làm tôi cho ngay ăn mày chợ thực ; năm rắp bảy đốn, nhà giàu tham việc thất-nghiệp tham ăn.

Khó muốn vạn phần, thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn ; giàu ba bảy đặng, cụ tiền cụ thóc cụ cóc gì ai.

Giàu đầu ba họ, khó đầu ba đời, ai vững nắm tay đến tối gói đầu đến sáng ; sống người một nét, chết người một tạt, thời thì có việc thì bận, có thân thì lo.

ĐOẠN THỨ 3

Người dật nát người bạo ; cái khó bỏ cái khôn.

Con gái cái bòn ; gan già ma mọi.

Bỏ thương vương tội ; hơn thiệt thiệt vau.

Sống lâu lên lão làng ; tốt danh hơn lành áo.

Dốc lòng trông một đạo ; bực mình phải đi tu.

Lắm sãi không ai đóng cửa chùa ; trăm tội chẳng qua đồ nhà oán.

Làm ơn nên oán, làm bạn thiệt mình ; chiều người thì dễ, chiều ma thì khó.

Đánh nhau rồi mới nhận họ ; làm dĩ lại mất cửa bù.

Mùi thành-thị thú giang-hồ ; trong anh em ngoài cò-bạc.

Gái góa vợ chạ làng nước ; di ghê ai thương con chồng.

Ngáy lắm mỗi tối nằm không ; trước lâm phúc sau tức bụng.

Vào lỗ hà ra lỗ hồng ; được lòng đất mất lòng đò.

Giận chẳng bề thước mà đo ; yêu nhau rào giậu cho kín.

Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén ; kim học rẻ lâu ngày trời ra.

No nèn bụt đói nèn ma ; khôn làm thầy khéo làm thợ.

Trai giàu về vợ, gái sang về chồng ; giận vợ mất công, giận chồng mất việc.

Lắm kẻ yêu hơn nhiều người ghét ; dung kẻ dưới mới là người trên.

Người ta chết đuối sông cả, ai chịu chết đuối đội-đèn ; anh em chém nhau đang sống, chẳng ai chém nhau đang luối.

Thà bẽ con chồng hơn bồng cháu ngoại ; mắc mưu con dĩ thua tri dân-bà.

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa ; ban trước phải đau, ban sau phải rả.

Già bát canh, trẻ manh áo mới ; vợ dân-bà, làm nhà hương nam.

Có mẹ mẹ làm cho, không mẹ phải lo mà làm; có con thì tội sống không có con thì tội chết.

Làm như ngày mùa của để đầu cho hết; ăn như ngày tết lấy chết gì mà ăn.

Nghĩ phải nghĩ chẳng, chó ba quanh mới nằm, người ba làm rồi hãy nói; giữ danh giữ giá, mèo lành chẳng ở má, gà lành chẳng ở hàng com.

ĐOẠN THỨ 4

Được ăn thua chịu; giàu hởi khó phiền.

Câu phát cầu tiên; mượn thầy mượn thợ.

Một đồng nên công, hai đồng nên nợ; nhất sự không tin, vạn sự không tin.

Mắm đã thối chẳng ma nào nhìn; của không ngon nhiều con cũng hết.

Được người lại được cả nết; hay vũ vừa hay cả văn.

Chịu khó mới có mà ăn; đi lâu xa đầu cũng tới.

Chẳng ngon cũng thể sốt, chẳng tốt cũng thể mới; chết được chôn là qui, giàu biết nghĩ là hơn.

Đã làm thì làm cho trót, đã vót thì vót cho tròn; khôn từ nứt mắt đã khôn, đại đến bạc đầu vẫn đại.

Đi đường chó uống rượu say, cho vay chó ham nhiều lãi; chó thấy của mà tối mắt, chó thấy mặt mà dựng tay.

Đói trong bụng không ai hay; rét ngoài thầy mọi người biết.

Nhà giàu com ăn hai bữa; nhà khó đồ lửa hai lần.

Gạo đồ hộc chẳng đầy thưng; cày ngay không sợ chết đứng.

Làm thầy giữ vững tay ấn; vị thần phải nể cây đa.

Lệnh ông không bằng công bà; giặc pha không bằng nhà cháy.

Đi bên nào ôm áo bên ấy; ăn đã vậy mùa gậy làm sao.

Ngọc lành ai nỡ bán rao; của ôi trách nào chẳng rê.

Làm thì chọn làm việc nhẹ; ăn thì muốn ăn của ngon.

Được tiếng khen thì cái hèn chẳng còn; nhịn nằm cơ hơn ăn no làm nhọc.

Thấy ăn xồi rồi con đi học; muốn ăn cỗ chẳng ma nào mời.

Suy bụng ta ra bụng người; anh khi này mây khi khác.

Hơn một ngày hay một chước; phải một cái rai đến già.

Nhất quỷ nhì ma, thứ ba học trò; nhất con nhì cháu thứ sáu người đung.

Một cây chẳng nên rừng, công việc có người này người nọ; hai thưng vào một đấu, lam-làm phải tính trước tính sau.

Áo có lẽ qua đầu, con cháu khôn hơn ông vải; cò đến tay phải phát, gãi góa lo chi việc triều.

Chớ lấy đồng tiền làm lão, đồ đại-sự bất kể tiền-phí; lễ đầu có của vút bị, phóng tài-hóa dĩ thu nhân-tâm.

Lo lam lo làm, liệu việc tính công, khéo kẻ sai một ly thì đi một dặm; dù nhiều dù ít, cứu người làm phúc, thực là miếng khi đói bằng gói khi no.

ĐOẠN THỨ 5

Mẹ gà con vịt; thầy mặt tó ruồi.

So ngắn tính dài; có mới nói cũ.

Đất lành thì chim đỗ; nhà rách có chạch vàng.

Già mạnh khỏe trẻ bình-an ; giàu về-
vang sang lịch-sự.

Nóc nhà xa hơn kẻ chợ ; phép vua
còn thua lệ làng.

Công nợ nhất trả nhì vạn ; suy tính
một vừa hai phải.

Trồng cây có ngày ăn trái ; chơi dao
có ngày đứt tay.

Nhịn đói qua ngày, ăn vay phải trả ;
thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng.

Một quan tiền công không bằng một
đồng tiền thưởng ; một miếng giữa
làng còn hơn một sàng của nhà.

Xem bói ra ma, quét nhà ra rác ;
miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời.

Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi
cũng hoai ; kẻ làm thì lâu, kẻ ăn thì
chóng.

Mật mỡ để đỡ người vụng ; cờ bạc
là bác thẳng bần.

Phấn giời mặt phấn chẳng ai giời
chân ; thuốc chữa bệnh thuốc chẳng
chữa được mệnh.

Giặc đến nhà đàn bà phải đánh ;
làng được mùa sãi chùa ăn no.

Đàn ông phấn vua, đàn bà phấn
chồng ; ơn vua giấy vàng, ơn làng giấy
trắng.

Người khôn như cát gánh nặng ;
hơn nhau nhờ được bước may.

Ruộng bẽ bẽ không bằng nghề trong
tay ; miệng nói ngay không bằng tay
làm lấy.

Ở giang-sơn nào có anh-hùng ấy ;
bán anh em xa mua láng-diềng gần.

Già quen việc trẻ quen ăn, lão-mưu
đa-kế ; gái tham tài trai tham sắc, nhàn-
dục vô-nhai,

Đàng ăn đàng chơi, của thế-gian để
đãi người ngoan thiên-hạ ; vẽ khôn vẽ
khéo, bụi trong nhà đi cầu thích-ca
ngoài đường.

ĐOẠN THƯ 6

Thóc lúa chứa chan ; gạo cơm bốc
lộc.

Nom rỏ bỏ thóc ; ăn cháo báo cơm.

No cơm tấm ấm ổ rơm ; tốt vàng
son, ngon mật mỡ.

Hàng quà kẻ chợ ; canh cửa nhà quê.

Giàu ruộng đợ, nợ ruộng thuê ; đất
thóc tẻ rẻ thóc nếp.

Có muốn ăn thì lặn vào bếp ; hay
đi chợ để nợ cho con.

Không cá lấy má làm ngon ; có thực
mới vực được đạo.

Có thóc thời gióc ra gạo ; có bột
mới gột nên hồ.

Đói đầu gối phải bò ; khát tu vôi
mà uống.

Đục từ đầu nước đục xuống ; giàu
từ trong trứng giàu ra.

Vì của đồng quyền của nhà ; bả
con khôn mua con dại.

Cả vốn thì lớn lãi ; thấy non lại làm
già.

Không ăn càng để cơm ra ; chữa giỗ
hãy còn nấp đó.

Thờ thì dễ lễ thì khó ; mạnh vì gạo
bạo vì tiền.

Của đồng làm ra, của nhà làm nên ;
làm ruộng thì già, làm nhà thì tổn.

Hai vợ chồng son, đẻ một con hóa
bốn, phòng khi ăn lấm tiêu nhiều ;
trong nhà chín đụn, muốn đụn nữa là
mười, mới biết người khôn của hiếm.

Tùy gia phong-kiệm, rộng làm kép
hẹp làm đơn ; đảo xứ phong-lưu, đông
thì che hè thì tồ.

Ăn có nơi nằm có chỗ, chả hơn tối
đâu là nhà ngã đâu là giường ; làm tùy
chủ ngủ tùy nơi, có gì bảo đi một đường
thỉnh đi một nẻo.

ĐOẠN THƯ 7

Một gươm hai lưỡi ; một cỏ hai tròng.

Coi trời bằng vung ; khinh người như rác.

Cắm sào đọi nước ; chở củi vào rừng.

Trâu buộc ghét trâu ăn ; cò gõ mỏ cò thất.

Bớt bát mát mặt ; khỏi tròng cong đuôi.

Lấy thịt dè người ; đem dầu làm lễ.

Bốc muối bỏ bể ; mượn gió bẻ măng.

Chín nhịn mười ăn ; một tang hai ngoại.

Vật ba keo chèo ba mái ; cờ ba cuộc thuốc ba thang.

Có bệnh thì vái tứ-phương, không có bệnh đồng hương không mất ; làm nên thì mình một cỗ, chẳng làm nên thì vô tay không.

Khôn khi vô-tự, thảo khi no lòng ; dè một thì giàu, chia nhau thì khó.

Ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa ; cả sông đông chợ, lắm vợ nhiều con.

Học khôn đi lính, học tỉnh đi buôn ; làm thầy nuôi vợ, làm thợ nuôi miệng.

Muốn giàu nuôi tằm, muốn nằm đi kiện ; liệu cơm gắp mắm, liệu con gả chồng.

Làm quan có mả, kẻ cả có dòng ; gửi lời thì nói, gửi gói thì mở.

Điều lành thì nhớ, điều dở thì quên ; ăn phải có nhai nói phải có nghĩ.

Hát đình nào chúc đình ấy, nghe cũng êm tai ; đứng núi nọ trông núi kia, tình hay chuộng lạ.

Kiến đùn lâu nên mả, ăn lâu cũng hết, làm lâu cũng rồi ; đố nào chẳng có ngoài, có thóc thì coi, có tiền thì giữ.

ĐOẠN THƯ 8

So gan đấu trí ; liệu sức bỏ tài.

Giật gấu vá vai ; vụng chèo khéo chống.

Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống ; khôn người rái, dại người thương, ương người ghét.

Rồi thì nằm ngủ, chớ có đi bầu chủ mà chết ; biết thì thừa-thót, không biết đứng dựa cột mà nghe.

Được ăn được nói, được gọi mang về ; không ốm không đau, làm giàu chẳng khó.

May ra gặp được vận đỏ ; ghét nhau đào đến đất đen.

Thuốc nam đánh giặc, thuốc bắc lấy tiền ; xấu hay làm tốt, dối hay nói chữ.

Đeo hương đeo hoa, ai muốn đeo nợ ; chẳng cơm chẳng cháo, có mạnh chi thầy.

Khôn khéo và may, vụng dại chầy cối ; anh em khinh trước, làng nước khinh sau.

Càng yêu nhau lắm, càng cắn nhau đau ; uống rượu chẳng say như vay chẳng trả.

Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo ; chớ thấy người sang bắt quàng làm họ.

Giàu lấy của che thân, khó lấy thân che của ; khôn thì ta ăn người, dại thì người ta ăn.

Quần-tử phải phòng thân, chớ có nước đến chân mới nhảy ; thánh-nhân vô khí-vật, lẽ nào của đến tay còn chê.

Giấy rách phải giữ lấy lề, khéo ăn thì no, khéo co thì ấm ; dao sắc không gọt được nham, có hỏi sẽ nói, có gọi sẽ thưa.

Tích y phòng hàn, tích cốc phòng cơ ; ăn trước lo sau, có của khó về của nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục ; đến đâu hay đấy, ở đời phải chiều đời,

ĐOẠN THỨ 9

Già càng lổ lộc; kính chẳng bỏ phiền.

Thầy đốt đọc canh khôn; người ốm ăn của độc.

Cha chung ai muốn khóc; mẹ hát con khen hay.

Ấn khi đói, nói khi say; khó giữ đầu, giàu giữ của.

Chó quen nhà ma quen ngõ; chim vấn tổ người vấn tông.

Giặc bên Ngô, cô bên chồng; cháu bà nội, tội bà ngoại.

Chẳng chê mất lễ con gái; cứ lệ chẳng nề bề trên.

Trai ơn vua được buổi đua thuyền; gái ơn chồng được buổi hồng con.

Gái trăm mẫu phải ăn nhờ chồng; trai tay không chẳng ăn nhờ vợ.

Gái thương chồng đang dồng buổi chợ; trai thương vợ nặng quai chiều hôm.

Gái chê chồng một đồng phải trả; trai chê vợ chỉ vô tay không.

Chín phương làm dĩ, đề một phương lấy chồng; năm quan mua người nhưng mười quan mua nét.

Người ăn thi còn, con ăn thi hết; lớn làm đỡ trẻ, khỏe làm đỡ già.

Di đến nhà nôi lành bếp đỏ, cò đến nhà nôi vỡ bếp tắt; con mất cha ăn cơm với cá, con mất mẹ liếm lá gặm xương.

Chị được mối hàng chẳng nhường cho em; con đã mọc răng nói năng gì nữa.

Trăm phúc nhà vợ chẳng đỡ cái va nhà chồng; một lá thuốc ta đánh ngã ba chén thuốc bắc.

Được chẳng chắc làm vua, thua mang tiếng làm giặc; khôn thì làm cột cái, dại phải làm cột con.

Tự đứng ghé lưng chịu đòn; bông đầu thò đầu chịu báng.

Hơn chúng hơn bạn, một con đồ ấy cả nhà mong; trông cửa trông nhà, có mẹ già bằng ba lần giậu.

Con chúa chúa yêu, con triều triều giầu, hễ có máu có đau; chồng ong ong đốt, chồng bụt bụt làm, chẳng thấy bở thấy báo.

ĐOẠN THỨ 10

Machê cười trách; ngựa ghê hơn ghen.

Nằm mộng nghe kèn; đắp tai gái chốc.

To thuyền cả sóng; giày kén lấm to.

Cửa ruộng đắp bờ; thêm gạo tháo nước.

Miệng nói chân bước; ngồi lâu câu bèn.

Bệnh quý thuốc tiên; cửa chùa cúng bụt.

Cơm tẻ mẹ ruột; người gầy thầy cơm.

Đói cho sạch rách cho thơm; quen rai dạ lạ rai áo.

Ăn táo thì rào cây táo; yêu hoa nên phải tìm hoa.

Ra đường hỏi già, về nhà hỏi trẻ; ăn cò đi trước, lợi nước đi sau.

Trăm tuổi sống lâu, biết nhiều sự lạ; bảy mươi chưa què, chớ khoe răng lành.

May buồn ngủ lại gặp chiếu manh; thấy có thóc mới cho vay gạo.

Người có tiếng chẳng mạnh thì bạo; gái có ngoan làm quan cho chồng.

Khi nên trời cũng chiều lòng; chết thì tay cặp lỗ dít.

Tham thì thâm làm thì thiệt; ăn trông xuống uống trông lên.

Mua danh ba vạn, bán danh ba tiền ;
một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa.

Em biết phận em, chị biết phận chị ;
trẻ giông đạo trẻ già giông đạo già .

Ma ăn nhờ bụt, bụt chẳng ăn nhờ
ma ; đất chẳng chịu trời, trời lại phải
chịu đất.

Chín phương trời mười phương
phật ; một thì loạn vạn thì bình.

Một câu nhĩa là chỉ câu lành ; trăm
cái phúc thực một cái tội.

Đàng không đi đàng còn lại ; lời
không cánh lời hay bay.

Tráo - trung lưng bát, ngồi mát
bát đầy ; máu chảy đến đầu, ruồi bâu
đến đầy ;

Xương ai người ấy mang, đầu ai
chảy nấy ; giàu nhờ hai con mắt, khó
hai bàn tay.

Sống lâu sức khỏe mọi vẻ mọi hay ;
nở ngọn cao thành, mọi buồn mọi đến .

Miếng giàu là đầu câu chuyện ; con
mắt là mặt đòn cân.

Hồ người giấy người khéo phất thì
ăn ; lộc trời ngời trời, cho ai thì được.

Mạnh dùng sức yếu dùng chước ;
nhiều làm phúc ít làm duyên.

Thượng-giới chơi tiên, hạ-giới chơi
tiền ; thú nhất quận-công thú nhì
không khổ.

Trăm đàng chẳng khỏi tại số ; một
ngày ấy cũng nên quen.

Thấy mặt rặt hơi men ; dứt tay mới
hay thuốc.

Trong dom-dóm ngoài bó đuốc ;
giàu chiều hôm khó sớm mai.

Bàn thuốc phiện nói chuyện đến
dại ; tiền không chân xa gần đi khắp .

Có miệng thì cắp, có nắp thì đậy ;
lấy công làm lãi, lấy đại che khôn.

Quân-tử nhất ngôn, nói như dao
vạch đất ; tiều-nhân dắc-chi, nghĩ một
tấc đến trời.

Gặp vận dễ như chơi, qui vát dãi
quí-nhân, phúc thiên dãi phúc địa ; ở
dời cũng có lúc, phú-quí sinh lễ-nghĩa,
bần-tiện sinh man-di.

ĐOẠN THỨ 11

Quan yêu dân chuộng ; tiếng cả nhà
than.

Sinh dữ tử lành ; trơn lòng bèn giọt.

Ngần hai dai một ; trên chín dưới
mười.

Chết một đồng hơn sống một người ;
trăm cái khôn dồn một cái dại .

Làm đi không bằng làm lại ; khôn
độc sao bằng gốc đàn.

Vàng chẳng tiếc tiếc công mang vàng
của không khó, khó người gửi của.

Xa ngày thường hay mất giỗ ; cách
sông nên phải lụy dò.

Trẻ vui nhà già vui chùa ; sông có
khúc người có lúc .

Chớ chín người coi như một chực ;
dẫu trăm hay không bằng tay quen.

Ăn lấy chắc mặc lấy bền ; ăn trông
nồi ngồi trông hương.

Dưới trông lên trên trông xuống ;
đẹp mắt ta ra mắt người.

Lành làm gạo, võ làm mối ; dễ là
áo, tháo là giẻ.

Cho xôi chẳng tầy đòi đĩa ; ăn quả
nhờ kẻ trồng cây.

Miếng ngon đánh ngã bát đầy ; tiếng
chào cao hơn mâm cỗ.

Nhiều no ít đủ ; lớn bùi bé mềm.

Ăn miếng chả thì trả quả nem ; giọt
màu đào hơn ao nước lã .

Tuy bé cũng kê nóc xã ; xem hội đi
cho đến chùa.

Bà vải không phải lần di tu ; làm

trai cứ phân hai mà nói.

Đất có lẽ quê có thói ; trai thì loạn
gái thì bình.

Ăn chẳng có lại khó đến mình ; khó
ai tha giàu ra có phận.

Nằm trong chẵn mới biết chẵn có rạn,
đứng dưới cây nào biết cây mấy buồng.

Được bạc thì sang, được vàng thì
hại ; của vua có thần, của dân có ma.

*Báo nó chết đề da, người ta chết
đề tiếng ; con chẳng chê mẹ khó, chó
chẳng chê chủ nghèo.

Bé người lại chơi trò ; to đầu lời
cái dai.

Đất ném đi chi ném lại ; ăn cũng
nhiều, tiêu cũng hoang.

Chưa đánh người mặt đỏ như vang,
đã đánh được người mặt vàng như
nghê ; lúc ăn thì chẳng nhớ đến ai,
lúc bồng lại cứ mang tai mà giờ.

Mưa bao giờ mát bấy giờ ; gió chiều
nào che chiều ấy.

Người là vàng, của là ngãi, liệu ăn
một miếng tiếng một đời ; nhiều không
có, ít không thông, thực của một đồng
công một nén.

Khó giữa chợ chẳng ai hỏi thăm,
giàu thâm-lâm có người tìm đến, có
sao kẻ trọng người khinh ; gần nhà
giàu đau răng ăn cơm, gần kẻ trộm
ôm lưng chịu đòn, phải chọn nơi ăn
chỗ ở.

Có lúc tắt đèn tối lửa, lễ đàn cháy
nhà hàng xóm, như vại bằng chân ;
phòng khi vạ gió tai bay, khéo chẳng
cái ách ngoài đàng đem quàng vào cổ.

ĐOẠN THỨ 12

Gà bạc lấy hồ ; cầm vàng nhịn đời.

Bán mình chuộc tội ; dây máu ăn
phần.

Cầm khoán lại bẻ măng ; mất trộm
mới rào giậu.

Ăn mồng năm năm mồng sáu ; được
buổi giỗ lỗ buổi cây.

Ra măn vào chay ; nay chèo mai hát.

Xem đất xem cát ; đi bói đi khoa.

Bắt tà bắt ma ; lên đồng lên cốt.

Đất của vua, chùa của bụi ; cheo que
cha, ma que chông.

Cha gậy tre, mẹ gậy vông ; gái thứ
hai, trai thứ một.

Hòn đất cất nền bụi ; chết trẻ thì
khỏe ma.

Lấy vợ xem tuổi đàn bà, làm nhà
xem tuổi đàn ông ; muốn giàu thì
hãy buôn bè, muốn quê thì hãy
tập vật.

Chờ mua trâu chiêu mà mắt ; ai thấy
bò béo cũng nhắm.

Đầu gối tranh trưởng-nam ; kim-
ngân phá luật-lệ.

Đọc canh kê kê ; nghe mõ ra tiền.

Chùa nát có đức bụi thiêng ; thì nào
theo kỹ-cương ấy.

Nén bạc đâm toạc tờ giấy ; cơm nhà
đi vác ngà voi.

Thứ nhất tốt mời, thứ nhì ngồi dai ;
thứ nhất phạm phòng, thứ nhì lòng lợn.

Bắn súng không nên phải đèn đạn ;
phù-thủy không hay phải đèn gà.

Vạ vịt chưa qua, vạ gà đã đến ; con
rô cũng tiếc, con diếc cũng ưa.

Bữa sớm thì thừa, bữa trưa thì thiếu ;
người ăn thì có, người mó thì không.

Xấu hổ tốt long, đến cơn đói lòng tốt
long liền hồ ; nhất sĩ nhì nông, hết
gạo chạy giông nhất nông nhì sĩ.

Chữ phú dè chữ quý ; cái nhục đời
cái vinh.

Bán tiếng bán danh ; mua ngôi mua
thứ.

No cơm tẻ vẽ mọi sự ; làm cô to no
bụng làng.

Hết nạc vạc đến xương; hát lâu thì
chầu mỗi.

Muốn nói gian làm quan mà nói;
đi học đạo lấy gạo mà ăn.

Lọng xanh chớp bạc bắt nạt đàn dân;
giấy trắng mực đen làm then thiên-hạ.

Áo cũ chàng, làng cũ cha; trẻ làm ma,
già làm chay.

Trọng thầy được làm thầy; của bụt
thieu cho bụt.

Giàu về con út khó về con út; hay
mặc người ta, dở mặc người ta.

Tuy đẹp lòng ta xót-xa lòng người;
chưa đỡ ông nghề đã đe hàng xóm.

Ma chẳng thương người ốm, trộm
chẳng thương người kiết; dầu dữ mất
lòng họ, chó dữ mất láng giềng.

Anh em thật hiền, lâm đến đồng
tiền thì mất lòng nhau; vợ con trong
nhà, cốt lấy chữ hòa bảo nhau là quý.

Cắt dây bầu dây bí, ai cắt dây chi
dây em; chề cửa cô cửa di, con cháu
lấy gì làm bữa.

Làm ruộng phải ba năm, nuôi tằm
phải ba lứa, lỗ lãi cũng cầm lòng; sống
mỗi người một nhà, chết mỗi người một
mồ, rộng hẹp phải tùy ý.

Sống ở trên đời, làm người biết
nghĩ, ăn uống tìm lại đánh nhau tìm
đi; sự tình nhà mình, kể lẽ ai thương,
tốt đẹp phò ra, xấu sa đẩy lại.

ĐOẠN THỨ 13

Một mắt mười ngờ; năm chim bảy
nồi.

Già chơi trống bỏi; quỷ quấy nhà
chay.

Đay khỉ treo cây; thả bò ăn mạ.

Coi cò ra quạ; đang trâu xâu bò.

Há miệng chờ ho; được quơ thua lỗ.

Quấy hôi bôi nhọ; đương ngay quay
oéo.

Đánh bùn sang ao; rán sành ra mờ.

Kéo cày trả nợ; chịu dấm ăn xôi.

Đánh trống bỏ dùi; qua cầu cắt dịp.

Giặm rá vá liếp; đục cây tra cành.

Nhỏ mốc làm quanh; bới lòng tìm
vết.

Trêu gan trọc tiết; giờ chân lăm tay.

Giả dại làm ngây; đan đi giặm lại.

Lanh-chanh như hành không muối;
láo-nhầu như cháo với cơm.

Lúng-túng như thợ vụng mắt kim;
lờ-mờ như đứa xăm sờ gậy.

Chưa học bò đã lo tập nhảy; đã ăn
no lại co lấy phần.

Miệng chào mời, bụng khẩn trời
đừng ăn; mình vụng kẻ, lại chề đất
nó lịch.

Gậy vông phá nhà gạch; áo gấm
đi ban đêm.

Cả vú lấp miệng em; mưa riu trước
mắt thợ.

Khôn nhà đại chợ, hồn lính tính
quan.

Giả họa vu oan; lập mưu bày chước.

Đón người cửa trước, rước người
cửa sau; tốt ông không nhà, tốt bà
không sống.

Làm không chùa như múa không
trống; thuyền không lái như gái
không chồng.

Bòn nơi khố rách dải nơi quần
hồng; đương đi đường quang dâm
quang bụi rậm.

Đánh trống qua cửa nhà sấm; đem
chuông đi dấm nước người.

Một ngày vãi chài, hai ngày phơi
lưới; mồng ba ăn dớn, bốn mồng ngồi
trơ.

Trước chẳng ăn dè, sau ăn dè chẳng
ra, kéo giố làm chạp; thấy nói làm sao
lại bào hao làm vậy, vịn chỗ nghe hơi.

Bóc ngăn cản dài tiền không một
đồng lại muốn ăn hồng một hột ; hết
khôn dồn đại, chừng chết chưa chưa
vẫn giữ cùi dứa bánh đa.

ĐOẠN THƯ 14

Giắt trâu xâu mũi ; bắt bọ bỏ tai.

Mất dề trước ngôi ; mòi cần lấy lợi.

Bóp họng thì mới lè lưỡi ; vạch áo
cho người xem lưng.

Có tiền mà làm chẳng nên ăn ; biết
nghĩ thì nhà đã hết cửa.

Ăn cơm không biết trở đầu đũa ; ra
ngõ không biết lối về nhà.

Ông tổ chẳng cúng, cúng cái ma ; mỗ
cha không khóc, khóc đồng mồi.

Cay như gừng mặt như muối ; khôn
như mại đại như lư.

Đi tập nghề phải lễ thánh-sư ; chưa
học mù đã bói gia-sư.

Vắng mặt thẳng ngó hề có mặt ông
sư ; báng đầu thẳng trọc chẳng nề đầu
ông sư.

Chúng-khâu đồng từ, ông sư cũng
chết ; tha-phương tổng khứ, đũa tẻ ai
dung.

Chưa được khỏi tròn, đã hồng cong
đuôi ; chưa kịp vo tròn, đã toan bóp bẹp.

Cái nết đánh chết cái đẹp ; người
đại làm hại người khôn.

Chợ không nên lỗ, võ không nên
hòn ; đi chợ ăn quà, về nhà ăn vụng.

Đi không chịu mưa, ngồi không ưa
gió ; tháng ba đau máu, tháng sáu đau
lưng.

Mặt tái mét nói phét thành thần,
muoi voi không được bát xáo ; lưỡi
không xương nhiều đường ngoắt-
ngoéo, cái sâu bỏ sâu nồi canh.

Đem cái rách đổi cái lành, của
người thì bỏ-tát, của nhà thì lạt buộc ;
dặn điều này quay điều khác, việc

nhà thì nhác, việc chủ bác siêng-năng

VIII. — Biết được sự trời

Gió đông động bể, nước mưa cưa trời.
Vật đổi sao dời ; mây che núi khuất.

Mưa nam gió bắc ; mống đông vòng
tây.

Sáng trăng như ban ngày ; tuôn
mưa như đổ ống.

Trời rộng bể cũng rộng ; trăng cao
bóng càng cao.

Vắng trăng có sao ; góp gió làm bão.

Mưa dầm cũng ướt áo ; nắng mãi
cạn cả ao.

Đông có mây, tây có sao ; vang như
sấm, âm như sét.

Gió may hiu-hiu, điều kêu thì rét ;
chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

Trời nắng chóng mưa, trời mưa
chóng tối ; tháng chín động rươi, tháng
mười động rạ.

Đèn sáng như sao sa ; nước nóng
như lửa luộc.

Trời nắng chang-chang, đất càng
khó cuốc ; trời mưa phân-phất, ướt
đất dễ cày.

Tháng bảy gió may, chuồn-chuồn
bay thời bão ; mùa hè đương nắng có
gà trắng thì mưa.

Ngày thì thiếu tháng thì thừa ; mây
thì mờ sao thì sáng.

Giữa trời có sông Văn-hán ; một
năm là mấy tháng xuân.

Năm nọ năm thân, con năn với mẹ ;
năm Thìn năm Tị chị chẳng nhìn em.

Nồi con phương nam vừa làm vừa
ăn ; nồi con phương đông vừa trông
vừa chạy.

Đêm tháng năm chưa năm đã dậy ;
ngày tháng mười chưa cười đã tối.

Trăng mồng một đã hé lưỡi trai ;

trăng mỏng hai mới bằng lưỡi liềm.

Trời quang-mây tạnh cảnh cũng êm-đềm; quầng vắng canh chầy đêm dài đặng-đặng.

Trăng quầng thì nắng, trăng tán thì mưa; sao hôm đã lặn, sao mai mới mọc.

Tháng tám mưa tai, tháng hai mưa thốc; mỏng bảy ngâu ra, mỏng ba ngâu vào.

Lúa tháng bảy vợ chồng dây nhau; trời tháng ba bà già chết rết.

Mù trời mới bắt được kết; mưa mãi lấp cả lỗ rươi.

Đêm ngắn thì ngày dài; sớm mưa thì trưa tạnh.

Mùa hạ nắng nồng, mùa đông giá lạnh; đầu năm sương muối, cuối năm gió nồm.

Bóng soi chiều sáng, bóng dáng chiều hôm; gió bão tháng năm, mưa dầm tháng chạp.

Thấy cầu vồng cao thì táp, thấy cầu vồng rập thì mưa; lúa giỗ gió nồm thì đày, lúa giỗ gió tây thì lép.

Tối như ba-mươi tháng chạp; sáng nào bằng trăng hôm rằm.

Ăn lúa tháng năm xem trăng rằm tháng tám, ăn lúa tháng mười xem trăng mỏng tám tháng tư; tháng bảy chuông trống chảng đám hội thì chay, tháng bảy hiu may chảng mưa dây cũng gió giạt.

Trời cao mấy tấc, đất dày mấy phân; ông trăng một sào, ông sao một mẫu.

Mười rằm trăng nấu, mười sáu trăng treo; bảy con nước cường, mười con nước ghen.

Năm hết tết đến, qua xuân rồi sang hạ, qua thu rồi sang đông; tháng tốt ngày lành, có cùng mới có thông, có hổ mới có thái.

IX. — Phong-ti. ở sản-vật

Tiền rừng bạc bẽ; gạo chợ nước sông.

Núi Tản non Nùng; hang tiên động phật.

Đo-đạo sản lò nấu mật; Hà-nội có khuôn đúc tiền.

Gà Văn-cú, phú Lộng-điền; ma Yên lệ, nước Kệ-son.

Mỏ đồng Tuyên-quang; mỏ vàng Hưng-hóa.

Các quan xứ Nghệ; linh lệ xứ Thanh.

Lúa bạch Quần-anh; the thâm Vạn-phúc.

Cam-đường Ngọc-cục; nhãn tiến Hưng-yên

Cau chợ Dầu, giàu chợ Viềng; khoai trên Đoài, xoài trên Lạng.

Chợ Bò chè khô, sông Ngâu chè mạn; Đồng-tĩnh bán thuốc, Huế-cầu nhuộm thâm.

Nhất Kinh-kỳ nhì Hiến-nam; nhất Ba-vi nhì Tam-đảo.

Voi ngựa chạy về Bồng-báo; vồng lọng rợp chôn Trảng-an.

Con trai Bát-tràng, thành-hoàng Kiêu-ky; chiếu cỏi Bồng-hải, vải tấm Tương-đồng.

Thứ nhất Cồ-bi, thứ nhì Thăng-long; xứ Đông Cồ-am, xứ Nam Hành-thiện.

Vũ-lao thợ nề, Nhị-khê thợ tiện; Đồng-xâm thợ bạc, Đình-bảng thợ sơn.

Làng Lũ lăm quan, làng Thừa lăm lại; xứ Thanh cây thế, xứ Nghệ cây thần.

Động bằng Giao-thủy, đồng quí Nam-chân; quan-tước làng Tô, trâu bò làng Hẹ.

Mười-sáu cửa bể phải nề cửa Tuần-vương; mấy ngọn sông Đào đồ

vào sông Bạch-hạc.

Mỗi nơi mỗi khác, sông Thao nước đục người đen ; mọi vẻ mọi hay, Hà-nội nam-thanh nữ-tú.

Bạn bè vui thú, trai tứ-trấn gái giang-hồ ; thần thánh a phù, đất thờ-công sông hà-bá.

Nọ phải tham thanh chuộng lạ, của đời người thế nước non tiên ; cũng nên tìm quán thăm quê, đất vua chùa làng phong-cảnh bụi.

X — Xét lẽ phải chăng

Đánh rắn chặn khúc ; bắt chạch dâng đuôi.

Tâm-ngâm đấm ngàm chết voi ; lờ-vờ giả chết bắt quạ.

Giấu voi đục rạ ; vật mèo đồng rơm.

Được cá quên nôm ; trói voi bỏ rọ.

Đánh chuột kiêng cửa lỗ ; rước voi về giầy mề.

Trâu trắng mất mùa ; bò non tốt sữa.

Hàm chó vó ngựa ; đầu trê đuôi heo.

Mỡ bêu miệng mèo ; nước đổ đầu vịt.

Đóm sáng dàng đit ; gà khôn giấu đầu.

Máu chảy ruồi bâu ; nhỏ rò cò đồ.

Cao như cò nghênh cổ ; thấp như vịt chặt chân.

Chim chích vào rừng ; thoi-lời bỏ bề.

Rồng leo cây nghệ ; củ đồ canh mai.

Ngựa chạy đường quai ; cò rò ruộng dăng.

Bò thấy nhà táng ; mèo nằm xó gió.

Bắt hùm tay vo ; nuôi ong tay áo.

Chuột bò cong gạo ; chó nhảy làn khoai.

Sư-tử cộc đuôi ; rẻ-cùi tốt mã.

Ao thưa béo cá ; mật ngọt chết ruồi.

Chó gầy hồ người nuôi ; trâu trộm uống nước đục.

Trâu ho bằng bò thúc ; mèo bé bắt chuột con.

Muốn ăn hết phải đào giun ; ai ăn ốc phải đồ vỏ.

Con ngựa đau cả tàu chối cỏ ; cả cuống chết đến đit còn cay.

Gà què quần cối xay ; chó nhảy ngồi bàn độc.

Cóc kêu rêu mọc ; mèo thềm nem thừa.

Cái chim cái sẻ mong ngày mùa ; con tôm con cá sống về nước.

Bò cày còn hơn đi cuốc ; trâu ngã lằm kẻ cầm dao.

Tướng con nai hóa con hươu ; được lòng rắn mất lòng ngòe.

Cá lớn nuốt cá bé ; lợn lành hóa lợn toi.

Chuồn chuồn ngắn cánh không bay đến trời ; cáo chết ba năm quay đầu về núi.

Trâu bò húc nhau chết ruồi muỗi ; cá chép có ngày cũng hóa long.

Chim khôn khôn cả bề lông ; gà đẹp đẹp về bộ mã.

Uốn câu vừa miệng cá, đem đàn gảy tai trâu.

Chim chích lại gheo bờ-nông ; mèo mù bắt được cá trắm.

Đãi phân gà lấy tằm ; kén con cá chọn canh.

Trâu lằm vầy quanh ; gà ganh tiếng gáy.

Lác bỏ rỏ cây ; chó ngáp phải ruồi.

Vịt ngoài đồng mua về mà nuôi ; lợn trong chuồng thả ra mà bắt.

Bụi trên tòa gà nào mổ mắt ; chừa vắng nhà gà mọc đuôi tôm.

Chim về tổ thì trời đã hòm ; gà sỏ lòng thì đông đã rạng.

Voi già để đống ngô hạng ; rồng vàng tắm nước ao tù.

Chông ong ong đốt đầu; nuôi cò cò
mồ mắt.

Chó nhờn liếm mặt; chuột chù
gặm chân.

Ngoàm-ngoàm như gấu ăn trắng; lò-
dò như cò phải bão.

Mèo già hóa ra cáo; rắn đồ nọc cho
lươn.

Cá tươi nuốt cá ươn; rắn đến già
rắn lột.

Cơm gạo đồ lô chuột; tơ chỉ buộc
chân voi.

Đem thịt tùm cho hùm nó nhai;
hoài thóc ta cho gà người boi.

Lắm kẻ tự-tự tự-lợi, công rắn cắn
gà; những phường bắt-nghĩa bắt-nhân,
mồ mèo lấy cá.

Trưng chọi với đá, to gan cả dạ, toan
là châu-chấu đá ông-voi; tiền mất
không tấm, tổn của tổn công, cũng
giống tò-vò nuôi con dện.

Ở ác rồi gặp ác, ở thiện lại gặp thiện,
giống nào rõ giống ấy, rắn nở ra
rắn, rồng nở ra rồng; sẵn tri thì giỏi tri,
sẵn tài thì giỏi tài, ai chả chịu ai đâu,
bống có gan bống, bọp có gan bọp.

XI. - Chữ nho thường dùng

Phong hòa vũ thuận 風和雨順;
Hải án hà thanh 海宴河清.

Thiên - hạ thái - bình 天下太平;
đại - thần phong - thể 大臣風體.

Cứu dân độ thế 救民度世; suy
kỷ cập nhân 推己及人.

Đầu thượng quân thân 頭上君親;
đồng - bào huynh - đệ 同胞兄弟.

Phụ truyền tử kế 父傳子繼; phu
xướng phụ tùy 夫唱婦隨.

Bằng hữu cố tri 朋友故知; sư
sinh đại nghĩa 師生大義.

Trung-thần nghĩa - sĩ 忠臣義士;
hiếu-tử từ - tôn 孝子慈孫.

Ngũ phúc lâm môn 五福臨門;
bách niên giai lão 百年偕老.

Nhân hiền tại mạo 人賢在貌;
quan pháp vô thân 官法無親.

Tống cựu nghinh tân 送舊迎新;
chiêm tiền cố hậu 瞻前顧後.

Tứ thân phụ mẫu 四親父母;
ngũ đại đồng đường 五代同堂.

Vạn thọ vô cương 萬壽無疆;
thiên niên bất dịch 千年不易.

Nhân-tâm tùy thích 人心隨適;
thiên-đạo hiếu hoàn 天道好還.

Tùy ngộ nhi an 隨遇而安; kiến
cơ nhi tác 見幾而作.

Tâm-trung khoái - lạc 心中快樂;
tài-thượng phân - minh 財上分明.

Bất bình tắc minh 不平則鳴;
thành sự bất thuyết 成事不說.

Ẩm thực hữu tiết 飲食有節;
cam khổ bị thường 甘苦備嘗.

Chấp kỳ đại-cương 執其大綱; thúc
chi cao-các 束之高閣.

Quyền thu quyền phát 權收權發;
báo oán báo ân 報怨報恩.

Họa phúc vô môn 禍福無門; công
danh hữu phận 功名有分.

Pháp hành tự cận 法行自近; lễ
thống vu tôn 禮統于尊.

Hỗ - hương nan ngôn 互鄉難言;
dục tốc bất đạt 欲速不達.

Cường nỗ chi mạt 強弩之末; phu
tử chi binh 父子之兵.

Cải tử hoàn sinh 改死還生; tông
đầu triệt vĩ 從頭徹尾.

Sở cầu như ý 所求如意; sở nguyện
tòng tâm 所願從心.

Thốn thổ thối kim 寸土寸金; nhất
động nhất phi 一動一費.

Thế bất đắc dĩ 勢不得已; lý sở
đương nhiên 理所當然.

Hữu kinh hữu quyền 有經有權;

tri tiến tri thoái 知進知退.

Long-vân khánh hội 龍雲慶會;
phượng-hoàng đáo gia 鳳凰到家.

Bình-địa phong ba 平地風波;
hoàng-thiên vũ lộ 皇天雨露.

Đức năng thắng số 德能勝數; lực
bất tùng tâm 力不從心.

Kiến mộc kiến kim 見木見金; cứu
nhân cứu hỏa 救人救火.

Thiên thiện cải quá 遷善改過; đại
tội lập công 戴罪立功.

Nhất tự cách trùng 一字隔重; tam
sao thất bản. 三抄失本

Hữu động hữu đoan 有動有斷; hữu
thỉnh hữu lai 有請有來.

Xạ khứ xạ hồi 乍去乍回; nhất
phát nhất trúng 一發一中.

Vật khinh tình trọng 物輕情重; lễ
bạc tâm thành 禮薄心誠.

Thiên địa chứng minh 天地證明;
quỷ thần a hộ 鬼神阿護.

Thanh-vân đắc lộ 青雲得路; bạch-
địa khởi gia 白地起家.

Cầm thượng thiêm hoa 錦上添花;
son trung uẩn ngọc 山中蘊玉.

Giáo lao thăng mộc 教爨升木; lão
bạng sinh châu 老蚌生珠.

Hiền giả quá ngu 賢者過愚; tham
giả vô ích 貪者無益.

Nho-gia thanh-bạch 儒家清白; thế
tục phù-hoa 世俗浮花.

Nhất quỷ nhị ma 一鬼二魔; thiên
biến vạn hóa 千變萬化.

Đầu thân giá họa 投身嫁禍; thị
phú khinh bần 恃富輕貧.

Bất ly tảo-quân 不離灶君; bất
phục thủy-thổ 不服水土.

Đắc tân vong cố 得新忘故; xuy
mao cầu tỉ 吹毛求疵.

Khẩu thị tâm phi 口是心非; từ
cùng lý khuất 辭窮理屈.

Bất học vô thuật 不學無術; hữu
tiên tắc danh 有仙則名.

Vô văn bất hành 無文不行; vô
bản bất lập 無本不立.

Nhiên mi chi cấp 然眉之急; bán
diện chi giao 半面之交.

Tiểu trung hữu đao 笑中有刀;
sát nhân vô kiếm 殺人無劍.

Tham tâm vô yếm 貪心無厭; vô
vật bất linh 無物不靈.

Chấp hạ hô danh 執簿呼名;
xuất quan nhập lại 出官入吏.

Tài tiểu chí đại 才小志大; pháp
lập tễ sinh 法立弊生.

Tứ tung ngũ hoành 四縱五橫;
thất diện bát đảo 七顛八倒.

Ác giả ác báo 惡者惡報; công
giả công ngôn 公者公言.

Túy lý cần khôn 醉裡乾坤; bất
tỉnh nhân sự 不醒人事.

Vô tư vô lự 無思無慮; tự thành
tự thần 自聖自神.

Hạc lập kê quần 鶴立鷄羣;
long hành hổ bộ 龍行虎步.

Vương-thần vương-thổ 王臣王土;
dân cao dân chi 民膏民脂.

Cư cao giả nguy 居高者危; kinh
lão đắc thọ 敬老得壽.

Nhân-tâm bất cổ 人心不古; sự-
thế đảo đầu 事勢到頭.

Trí bất cập mưu 智不及謀; lợi
bất cập hại 利不及害.

Tích tiểu thành đại 積小成大;
lộng giả thành chân 弄假成真.

Quân-tử phòng thân 君子防身;
phụ-nhân tràng thiệt 婦人長舌.

Cầu công phản chuyết 求工反拙;
tuy bại do vinh 雖敗猶榮.

Hoàn phúc hoàn danh 完福完名;
xuất tài xuất lực 出財出力.

Nhất bản nhất tức 一本一息;
thiên nan vạn nan 千難萬難.

Du thủy du sơn 遊水遊山; phát
phong phát vũ 發風發雨.

Nhân khí ngã thủ 人棄我取; tâm
động thần tri 心動神知.

Lạc cực sinh bi 樂極生悲; cùng
cực tắc biến 窮極則變.

Đa đa ích thiện 多多益善; niệm
niệm tại tâm 念念在心.

Nhất khắc thiên kim 一刻千金;
thốn âm xích xích 寸陰尺璧.

Khai - quyền hữu ích 開卷有益;
xuất khẩu thành chương 出口成章.

Lực bất tương-đương 力不相當;
phúc bất hưởng tận 福不享盡.

Nhất duyên nhị phận 一緣二分;
nhất lý nhị tiền 一理二錢.

Kế xuất vạn toàn 計出萬全; mưu
vô lục nhĩ 謀無六耳.

Thuận phong đắc lợi 順風得利;
âm hà tư nguyên 飲河思源.

Đắc ngư vong thuyên 得魚忘筌;
dầu thử kỳ khí 投鼠忌器.

Xuất nhĩ phản nhĩ 出爾反爾; tự
nhiên nhi nhiên 自然而然而然.

Thành phật thành tiên 成佛成仙;
thị thần thị thế 恃神恃勢.

Thiên phương bách kế 千方百計;
nhất cảnh lưỡng thặng 一頸兩繩.

Khẩu thuyết vô bằng 口說無憑;
nhân-tâm nan trắc 人心難測.

Đa tư phản hoặc 多思反感; phát
lự hồ thành 弗慮胡成.

Bất cận nhân-tình 不近人情; bất
kể tiền-phi 不計小費.

Lý vô nhị thị 理無二是; nhân vô
thập toàn 人無十全.

Thiên bất dung gian 天不容奸;
địa vô di lợi 地無遺利.

Thành nhân chi mỹ 成人之美; suy
kỷ chi tâm 推己之心.

Do thiên nhập thâm 由淺入深; xả

cần cầu viễn 舍近求遠.

Nhất cử lưỡng tiện 一舉兩便; tam
tư hậu hành 三思後行.

Vạn sự giai thành 萬事皆成; nhất
hào mạc thủ 一毫莫取.

Bất phân thắng phụ 不分勝負; bất
ly chi thù 不離錮銖.

Cần tắc vô tru 謹則無憂; hữu bị vô
hoạn 有備無患.

Dĩ nông vi bản 以農爲本; dĩ thực
vi tiên 以食爲先.

Gia sự bình yên 家事平安; ngôn
ngữ giao thiệp 言語交涉.

Đồng thanh tương ứng 同聲相應;
chúng khẩu đồng từ 衆口同辭.

Ngôn dục trãng phi 言翼長飛;
quân hồi vô lệnh 軍回無令.

Liên chi hồ điệp 連枝蝴蝶; sa số
Hằng-hà 沙數恆河.

Thế vô nại hà 勢無奈何; vật bất
tương xứng 物不相稱.

Tâm thần bất định 心神不定; vũ
dũng vô mưu 武勇無謀.

Đào xứ phong-lưu 到處風流; làm
cơ ứng-biến 臨幾應變.

Bán ẩn bán hiện 半隱半現; bán
tín bán nghi 半信半疑.

Thủy hợp chung ly 始合終離; tiền
bần hậu phú 前貧後富.

Điền-viên đa lạc-thú 田園多樂趣;
phú-quí qui cố-hương 富貴歸故鄉.

Hữu xạ tự nhiên hương 有麝自然香;
vô tửu bất thành lễ 無酒不成禮.

Đa kim-ngân phá luật lệ 多金銀破律
例; xả cốt-ahục dụng bì phu 捨骨肉
用皮膚.

Vạn sự xuất ư nho 萬事出於儒;
nhã sinh bản hồ tử 人生本乎祖.

Nhất điền thiên vạn chủ 一田千萬
主; độc thụ bất thành lâm 獨樹不成林.

Mưu thâm họa diệt thâm 謀深禍亦

深; nhân lão tâm bất lão 人老心不老.

Thượng bất chí hạ bất đáo 上不至下不到; tiền giả sáng hậu giả nhân 前者創後者因.

Vạn tội bất như tội bần 萬罪不如罪貧; nhất ngộ khởi dung tái ngộ 一誤豈容再誤.

Tri tử mạc nhược phụ 知子莫若父
vô cổ bất thành kim 無古不成今.

Tri diện bất tri tâm 知面不知心;
đấu trí bất đấu lực 鬪智不鬪力.

Đa hư nhi thiếu thực 多虛而少實;
úy trọng dĩ cầu khinh 畏重以求輕.

Vụ thực bất vụ danh 務實不務名;
đa ngôn tắc đa quá 多言則多過.

Tinh tường xuất nhân hạ 精詳出閭閻;
ngu si hưởng thái-bình 愚癡享太平.

Bạch ốc xuất công khanh 白屋出公卿;
hồng-nhan đa bạc mệnh 紅顏多薄命.

Nhất sinh hữu phận định 一生有分定;
vạn sự khởi đầu nan 萬事起頭難.

Thân nhân tâm bất nhân 身開心不閑;
mệnh hảo vận diệc hảo 命好運亦好.

Bạch phát thời nhân lão 白髮催人老
hoàng kim hắc thế tâm 黃金黑世心.

Nghi ư cổ bất nghi ư kim 宜於古不宜於今;
tri kỷ nhất bất tri kỷ nhị 知其一不知其二.

Kinh nhất biến trưởng nhất tri 經一變長一智;
nhất nghệ tinh nhất thân 一藝精一身榮.

Hữu chí sự cánh thành 有志事竟成;
an phận thân vô nhục 安分身無辱.

Kỳ tiến nhuệ kỳ thoái tốc 其進銳其退速;
sinh giả ký tử giả qui 生者寄死者歸.

Cầu thị bất tất cầu kỳ 求是不求必奇;
sở đắc bất thường sở thất 所得不償所失.

Bất nhất lao bất cử dật 不一勞不逸;
bất kiến pháp bất tri ân 不見法不知恩.

Hữu phúc khán nhi tôn 有福看兒孫;
tứ hải giai huynh đệ 四海皆兄弟.

Anh-hùng tạo thời-thế 英雄造時勢;
thương-hải biến tang-diền 滄海變桑田.

Đắc nhất biên di liễu nhất biên 得一邊遺了一邊;
vô toàn lợi diệc vô toàn hại 無全利亦無全害.

Bất đại thắng tắc đại bại 不大勝則大敗;
tuy chí ngu nhi chí thần 雖至愚至而神.

Qui-vật đãi qui-nhân 貴物待貴人;
phúc thiên đãi phúc địa 福天待福地.

Nhất thế nhân liễu nhất thế sự 一世人了一世事;
duy anh-hùng hậu thức anh-hùng 惟英雄後識英雄.

Diện bất đồng tâm bất đồng 面不同心不同;
ngu khả sử trí khả sử 愚可使智可使.

Vô tiểu-nhân bất thành quân-lữ 無小人不成君子;
bất tiểu khuất bất hữu đại thạc 不小屈不有大伸.

Chính kỷ nhi hậu chính nhân 正己而後正人;
nhập thế an năng xuất thế 入世安能出世.

Thủy thành chung phản tệ 始成終反弊;
tiền minh hậu bất tranh 先明後不爭.

Hương - đảng tiểu triều-dinh 鄉黨小朝廷;
nhân thân tiểu thiên-địa 人身小天地.

Bất học bất tri lý 不學不知理
bất độc bất anh-hùng 不獨不英雄.

Tiền tích đức hậu tầm long 先積德後尋龍; tả cầu tài hữu bản mệnh 左求財右本命.

Nhất ẩm nhất trắc mạc phi tiền định 一飲一啄莫非前定; nhất tử nhất sinh nãi tri giao tình 一死一生乃知交情.

Thủ khẩu như bình, phòng ý như thành 守口如瓶, 防意如城; cận thủy tri ngư, cận sơn tri thú 近水知魚, 近山知獸.

Vi phú bất nhân, vi nhân bất phú 爲富不仁, 爲仁不富; hành tất cố ngôn, ngôn tất cố hành 行必願言, 言必願行.

Cận mặc tắc ám, cận đăng tắc minh 近墨則暗, 近燈則明; hòa khí tri tường, quái khí tri dị 和氣致詳, 乖氣致異.

Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chi 福不重來, 禍無單至; mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên 謀事在人, 成事在天.

Lão đương ích tráng, cùng đương ích kiên 老當益壯, 窮當益堅; nhu dĩ chế cương, tĩnh dĩ chế động 柔以制剛, 靜以制動.

Bại-binh chi tướng bất khả ngữ 敗兵之將不可語勇; tao-khang chi thê bất khả hạ đường 糟糠之妻不可下堂.

Tiền môn cự hổ, hậu hộ tiến lang 前門拒虎, 後戶進狼;

điều cùng tắc trắc, thú cùng tắc bác 鳥窮則啄, 獸窮則搏.

Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác, tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác; đức cao giả cao, đức hạ giả hạ 欲高者高, 欲下者下.

Tiền đạo tiền tọa, hậu đạo hậu tọa 前到前坐後到後坐; đại sơn đại thần, tiểu sơn tiểu thần 大山大神, 小山小神.

Đại phú do thiên, tiểu phú do cần 大富由天, 小富由勤; họa tòng khẩu xuất, bệnh tòng khẩu nhập 禍從口出, 病從口入.

Cứu nhân chi nguy, tế nhân chi cấp 救人之危, 濟人之急; tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phụ 在家從父, 出嫁從夫.

Thành-môn thất hỏa, họa cập tỳ ngư 城門失火, 禍及池魚; tinh tinh năng ngôn, bất lý tầu-thú 猩猩能言, 不離走獸.

Nhân-tình thế-cổ, nguyên lai hữu biến hữu thường 人情世故原來有變有常; ngạn-ngữ phương ngôn khởi tận vô thư vô sách 諺語方言豈盡無書無冊.

THIỆN-ĐÌNH

DANH-NHO NƯỚC TÀU

II

3. — Vương Thông

Vương Thông 王通 là một kẻ ẩn-nho (ẩn-cư chẳng xuất-hiện) đời nhà Tùy, và là một kẻ đào-tạo ra những nhân-vật kiến-quốc đời nhà Đường. Tiên-sinh tên tự là Trọng-yêm 仲淹, người huyện Long-môn. Tổ là Vương Nguyên-Tắc nghiên-cứu đạo-đức, khảo-cầu kinh-diễn đã là một kẻ danh-nho đời nhà Tấn. Đến người cha là Vương Long nổi truyền nghiệp cũ, dạy bảo học-trò có hơn nghìn người. Bắt đầu năm Khai-hoàng nhà Tùy, Vương Long lấy tư-cách bác-sĩ được đãi-chiêu ở cửa Vân-long. Vua Tùy Văn-đế thông-dong hỏi rằng : « Trẫm là ông vua thế nào ? » Vương Long đáp rằng : « Bệ-hạ thần-vũ thông-minh, được về phần thiên-bẩm. Song-le phát-hành hiệu-lệnh chẳng hết thầy-kê-xét về sự kinh-nghiệm của đời xưa; dầu có cái tư-bẩm như vua Nghiêu vua Thuấn chẳng nữa, rút lại cũng là sự khiếm-khuyết về bất-học. » Vua Văn-đế nín lặng hồi lâu, rồi nói rằng : « Ngày xưa vua Hán Cao-tổ lấy kiếm-mã được thiên-hạ, người Lục-Giả thường ở trước mặt vua Hán Cao-tổ nói kinh Thi kinh Thư; nay nhà ngươi là Lục-Giả của trẫm vậy. » Vương Long mới trước-thuật ra bảy thiên gọi là sách *Hung-suy yếu-luận*, đem tâu vua Văn-đế, Văn-đế khen hay.

Năm Khai-hoàng thứ tư là năm tiên-sinh mới sinh ra, người cha là Vương Long đem kinh *Dịch* ra bói, gặp được quẻ *Khôn* biến ra quẻ *Xu*. Người ông là An-Khang lấy lời Hệ-từ trong kinh *Dịch* ra, đoán

rằng thằng bé này ngày sau tất thông-đạt được cái tinh-chí trong thiên-hạ. Mới đặt tên là Thông. Tiên-sinh lên sáu tuổi vừa gặp khi nhà Tùy vừa mới thống-nhất đất Giang-nam, thiên-hạ đương mừng-rỡ thái-bình. Vương Long lại than rằng : « Thiên-hạ làm sao mà đã thống-nhất thế ru ! » Tiên-sinh khi ấy còn là hạng trẻ thơ, đứng hầu ở bên cạnh cũng tỏ ra sắc mặt lo buồn mà nói rằng : « Con nghe đời xưa kẻ trị nước thường có cái chính-sách lâu-dài, cho nên nhà Hạ, nhà Ân, nhà Chu cho đến nhà Lương-Hán, bốn bề thường thống-nhất; đời sau kẻ trị nước, chỉ làm cái chính-sách cầu-thả, cho nên nhà Ngụy, nhà Tấn, cho đến đời Nam-bắc-triều, chín châu không định-chủ; cha nay than-thở, chừng là lo về đạo nhà vua chẳng chấn-chinh, nhân-dân lao-khổ về thuế-mã nặng-nề, mà thiên-hạ sắp-sửa loạn đậy ư ? » Vương Long lấy làm kỳ-dị, mới bảo cho những sự nghiên-cứu kinh-diễn. Tiên-sinh lay cha hai lay thừa-nhận lấy trách-nhiệm, chẳng khác gì kẻ thành-nhân.

Tiên-sinh năm 18 tuổi, người cha lúc nhàn-cư thường hát thơ *Phật-mộc* là thơ kể về sự tiếng chim cầu bạn trong kinh *Thi*, triệu tiên-sinh lại trước mặt mà bảo rằng : « Tự xưa đến nay, từ ông Thiên-tử cho đến kẻ thứ-nhân, chưa có ai là chẳng nhờ về thầy về bạn để thành-tự-đức-nghiệp đó; con nên cố-gắng, giao-du với thiên-hạ-sĩ cho rộng, kén lấy bạn hiền thầy giỏi mà học. » Tiên-sinh từ đấy mới có cái chí du-lich bốn phương; đến đất Đông-hải thì giao-du với Lý Dục mà nghiên-cứu kinh

Thư, đến đất Cối-kê thì giao-du với Hạ-Điền mà nghiên-cứu kinh *Thi*, đến đất Hà-đông thì thờ Quan Lãng làm thầy mà hỏi-han kinh *Lễ*, đến đất Bắc-bình thì thờ Hoắc-Cấp làm thầy mà chính-định kinh *Nhạc*, lại thờ người bác họ là Trọng-Hoa mà khảo-cứu kinh *Dịch*; trong sáu năm tay chẳng rời sách, thần chẳng rời thầy rời bạn, tiên-sinh chí-nghiệp tinh-cần như vậy.

Năm Nhân-thọ thứ 3, tiên-sinh đã ngoài 20 tuổi, khẳng-khái có cái chí cứu-vớt cho kẻ thương-sinh trong cuộc đời, phía tây du-lịch đất Trảng-an là chỗ quốc-đô, vua Văn-đế triệu vào tiếp-kiến ở Thái-cực-diện. Tiên-sinh tâu 12 bài sách, gọi là *Thái-bình thập-nhi-sách* đại-khái nói về sự tôn đạo vương, truat đạo bá, thần người quân-tử, xa kẻ tiền-nhân, kê-xét việc đời xưa, thí-nghiệm việc đời nay, chế ra pháp-độ, làm ra lễ-nhạc; phạm-vi rộng-rãi, có thể vận-dụng được việc thiên-hạ ở trên bàn tay. Vua Văn-đế cả đẹp lòng nói rằng: «Trẫm được tiên-sinh, thực đã là muợn.» Vua giao lời nghị của tiên-sinh xuống cho các hàng công-khanh, hàng công-khanh có nhiều người không bằng lòng, lời nghị của tiên-sinh lại phải đình-bãi. Tiên-sinh khi ở đất Trảng-an, thường giao-thiệp với những người trọng-yếu trong triều như lũ người Dương Tố, người Tô Quì, người Lý Đức-Tài, cùng những người ấy bàn nói suốt ngày. Tiên-sinh lui về mà có sắc mặt lo-buồn. Kẻ môn-nhân đi theo hầu khi ấy hỏi cớ. Tiên-sinh nói rằng: «Dương Tố nói chính-trị mà chẳng nói đến giáo-hóa, ấy là thiên-hạ không có lễ vậy; Tô Quì nói thanh-âm mà chẳng nói đến nhã-nhạc, ấy là thiên-hạ không có nhạc vậy; Đức-Tài nói văn-chương mà chẳng nói đến nghĩa-lý, ấy là thiên-hạ không có văn vậy; lễ-nhạc văn-chương

là cái đồ để cứu-vớt thiên-hạ; không lễ, không nhạc, không nghĩa-lý, thì vương-đạo theo đâu mà dấy được đó vậy! Cho nên lấy làm buồn.» Lúc ấy chốn cung-đình nhà Tùy cha con đã sắp-sửa có nội-biến, tiên-sinh biết rằng cái đạo mình không thể hiện-hành được, mới làm ra bài ca *Đông-chính* (1) để tỏ chí mà trở về.

Tiên-sinh về ẩn-cư ở đất Hà-phần, Hà-phần là nơi ông tổ năm đời Tinh-châu thứ-sử Vương Cầu tự đất Giang-tả thiên-cư ở đó. Tiên-sinh giảng đạo ở trên một cái suối gọi là Bạch-ngư-khê, thường cùng lũ đệ-tử nghỉ-ngoi ở dưới gốc cây thông, bàn nói triết-lý kinh *Dịch*. Vua Văn-đế nghe tiếng lại triệu vào, tiên-sinh từ-chối chẳng đến. Năm Đại-nghiệp thứ 2, vua Dương-đế lại triệu vào kinh, tiên-sinh lại từ-chối chẳng đến. Tiên-sinh thường nói rằng: «Ta xem nghìn năm trở lên, đạo ta chưa có ai bằng ông Chu-công, chế-độ đại-bị, khiến cho đời sau nhà chính-trị có chốn mà noi theo. Ta lại xem nghìn năm trở xuống, đạo ta chưa có ai bằng ông Khổng-tử, thuật-tác đại-minh, khiến cho đời sau nhà trước-thuật có chốn mà tu-chính.» Tiên-sinh cả đề công-phu về sự trước-thuật, nói thêm kinh *Thi* kinh *Thư*, chỉnh lại kinh *Lễ* kinh *Nhạc*, soạn ra sách *Nguyên-kinh*, tâu về nghĩa *Dịch*-đạo; cả thầy 9 năm, mà sự-nghiệp lục-kinh cả thành-tựu; học trò tự phương xa lại học rất nhiều, sự giáo-dục của tiên-sinh cả phát-siễn ở đất Hà-phần, có về hòa-mĩ lắm. Học trò tiên-sinh như bọn Lý Tĩnh, Lý Mật, Đỗ Yêm, Phòng Huyền-Linh, Ngụy Trung, Tiết Thu, Trần Thúc Đạt mọi người, về sau đều la-liệt ngôi tướng-tướng hồi quốc-sơ nhà Đường; lúc ấy thì đều bắc-diện thờ tiên-sinh làm thầy, mà vâng chịu cái đạo vương-tá.

(1) *Đông-chính* cũng như *đông - qui*.

Tiên-sinh khi nhàn-cư, lúc nào cũng thấy có vẻ nghiêm-nhiên khá-kinh. Khi hành-động, thì từ-từ phương-chính chẳng cấp-bách, dường như có đo-đắn suy-nghi. Tiếp bạc tôn-trưởng rất mực cung-kinh, tiếp kẻ đồng-ấu rất vẻ hòa-vui. Sai-khiến người làm việc, dầu đến kẻ nô-bộc cũng tất tỏ ý hòa-kính khiêm-nhã. Họ-hàng làng-mạc nhà nào có tang, tiên-sinh tất đến trước khúm-núm giúp việc, khi trở về tất ở lại sau. Trong nước khi có việc đào sông đắp đê, tiên-sinh tất tự mình mang đồ thường-cước gơ-sọt, để đi với kẻ dân-đình, tiên-sinh nói rằng : « Ta là kẻ bình-dân hông phải là kẻ quý-tộc. » Kẻ quyền-quí trong triều có thể-lực khi ấy là Dương Tố rất kính-trọng tiên-sinh, thường lại thăm tiên-sinh, khuyên tiên-sinh ra làm quan. Tiên-sinh nói rằng : « Thông này có mấy gian nhà nát của tiên-nhân để lại cho đó, cũng đủ che gió mưa ; có mấy khu ruộng xấu, hết sức đi cày, cũng đủ cung cơm cháo ; đọc sách-vở, bàn đạo-lý, cũng đủ tự vui. Thông này chẳng muốn ra làm quan. »

Việc hôn-thú, việc tống-táng, việc tế-tự, tiên-sinh lại càng suy xét trong cổ-lễ, để làm gương cho đời. Thường nói rằng : « Lễ hôn-thú mà cầu-thả, thì thiên-hạ không có gia-đạo, lễ tống-táng mà cầu-thả, thì thiên-hạ bỏ sót mất người thân ; lễ tế-tự mà cầu-thả, thì thiên-hạ bỏ quên mất ông tổ. » Học-trò là Ngụy Trưng hỏi đấng thánh-nhân có điều lo không. Tiên-sinh đáp rằng : « Thiên-hạ đều lo, ta sao được một chẳng lo. » — Đấng thánh-nhân có điều hoài-nghi không ? — Thiên-hạ đều hoài-nghi, ta sao được một chẳng hoài-nghi. — Ngụy Trưng lui ra. Tiên-sinh bảo học-trò là Đồng Thường rằng : « Vui lẽ trời, biết mệnh trời, ta lo gì, suy-xét cái lẽ cho thích-đáng, mà hết trong bôn-phận mình, ta hoài-nghi gì. » Học-

trò là Giả Qui hỏi làm thế nào thôi được kẻ gièm - chê. Tiên-sinh đáp rằng : « Chớ biện-bạch phải trái. — Làm thế nào thôi được kẻ thù-oán ? — Chẳng tranh lợi, chẳng tranh danh. — Tiên-sinh lại thường nói rằng : « Phàm thấy lời chê mà đem lòng giận, ấy là bắc cầu cho kẻ gièm ; phàm thấy lời khen mà đem lòng mừng, ấy là dấn mối cho kẻ nịnh ; thấy chê chẳng giận, thấy khen chẳng mừng, kẻ gièm kẻ nịnh tự-khắc xa vậy. » Học-trò hỏi cái đạo quân-tử. Tiên-sinh đáp rằng : « Trước hết phải suy bụng ta ra bụng người, người quân-tử lấy bụng thiên-hạ làm bụng mình, ấy sẽ khá ». Học-trò là Lý Mật hỏi thế nào là anh-hùng. Tiên-sinh đáp rằng : « Minh tự biết mình ấy là anh, tự chiến - thắng được với thi-dục với cảnh-ngộ ấy là hùng. » Hỏi thế nào là đạo vương với đạo bá. — Thà rằng chẳng được thiên-hạ thì thôi, chứ không nỡ giết một người dân vô-tội, ấy là đạo vương. — Những lời hay hạnh tốt của tiên-sinh, học-trò cùng nhau ghi chép lại thành sách, gọi là sách *Trung-thuyết*. Năm Đại-nghiệp thứ 10 bị triệu làm chức Thục-châu Tư-hộ, chẳng đi. Năm Đại-nghiệp thứ 11 lại bị triệu làm chức Trưóc-tác-lang quốc-tử - bác-sĩ, đều chẳng đi. Năm Đại-nghiệp thứ 13, vua Tùy Dương-đế bị giết ở đất Giang-đô, thiên-hạ nhiễu-loạn Tiên-sinh khi ấy đã ốm nằm, cảm khóc vùng trở dậy mà nói rằng : « Kẻ sinh-dân chán loạn đã lâu rồi, hoặc-giả trời sắp-sửa mở ra cái vận-hội Nghiêu, Thuấn, mà ta chẳng được dự, là mệnh vậy. » Tiên-sinh liền mất ở nhà, học-trò đặt tên thụy là Văn - trung - tử. Những sách tiên-sinh làm ra *Lê-luận* hai-mươi-nhăm thiên, liệt, làm mười quyển, *Nhạc-luận* hai-tư-mười thiên, liệt làm mười quyển, *Tục-thư* một trăm năm-mười thiên, liệt làm

hai-mươi-năm quyền, *Tục-thi* ba trăm sáu-mươi thiên, liệt làm mười quyền, *Nguyên-kinh* năm-mươi thiên, liệt làm mười-lăm quyền, *Tán-dịch* bảy-mươi thiên, liệt làm mười quyền. cả thầy là tám - mươi quyền, lưu-truyền ở đời, gọi là sách « *Văn-trang-tử* ». Đương thuở nhà Tùy đạo - thuật đã suy - hoại ; tiên - sinh một mình phần - chấn tu cái nghiệp ông Chu ông Khổng, xướng-giáo ở đất Hà phần, thành - tựu cho kẻ hậu-tiến ; những đệ-tử bị đào-tạo phần nhiều là kẻ danh-thần hồi Đường-sơ ; cái học-thức của tiên-sinh thực có cả hơn người. Cho nên ông Chu-tử có khen cái học của tiên-sinh có chốn thực-dụng, Toan-Hưởng đời Chiến-quốc, Dương Hùng đời Tây-Hán, người Hàn Dũ đời Đường đều chẳng kịp vậy.

4. — Tiết Du

Tiết Du 薛攸 là một kẻ nhà nho đủ tài kinh-luân khang tế ở hồi nhà Đường mới khai-quốc. Tiên-sinh là học-trò Vương Thông, tiên-sinh tên tự là Bá-biêu 伯裊, người đất Bồ-châu huyện Phần-âm. Mười hai tuổi đã làm văn hay. Vì người cha là Tiết Đạo-Hành bị chết oan với nhà Tùy, cho nên tiên-sinh chẳng chịu ra làm quan nhà Tùy, để tỏ chí không đội trời chung. Địa-phương-quan cử tiên-sinh khoa tú-tài, tiên-sinh chẳng ứng-cử. Thờ Vương Thông làm thầy, tình-hiếu khắp mọi nghĩa trong lục-kinh, làm bậc đệ-tử phẩm-giá cao trong cửa Vương Thông. Vương Thông khen rằng : « Hiếu thay gã Tiết-thu, phẩm-hạnh chẳng xấu - hổ với quỷ-thần ». Tiên-sinh hỏi điều nhân, Vương Thông đáp rằng : « Nhân, nghĩa, lễ, trí-tin, trong năm đạo thường, điều nhân đứng đầu, người quân-tử phải tu điều nhân làm trước ». Hồi tình người. — Tình người gốc ở năm đạo

thường.—Hỏi thế nào là đạo.—Chia ra có năm đạo thường, tóm lại là một đạo làm người. — Tiên-sinh hỏi điều chính-trị với người bạn là Trọng-Tràng Tử-Quang. Tử-Quang đáp rằng : « Trăm cái dui, chui vào một cái nóc ; sai một li, đi một dặm. » Tiên-sinh đem lời ấy báo Vương Thông. Vương Thông nói rằng Tử-Quang nói phải đấy.

Kịp khi vua Đường Cao-tổ khởi-binh, tiên-sinh trốn vào núi Thủ-dương, toan đi hưởng ứng việc nghĩa-cử. Quan nhà Tùy là Nghiêu Quân-Tổ nghe biết sự, đón bắt người mẹ tiên-sinh để ở trong thành. Tiên - sinh lại phải về, chẳng được đi nữa. Sau thiên-hạ nhiễu-loạn, Nghiêu Quân-Tổ cũng phản nhà Tùy, phía đông kết-liên với Vương Thế-Sung. Tiên-sinh mới thừa-cơ đĩnh-thân về với nhà Đường. Phòng Huyền-Linh liền nói với Tần-vương Thế-Dân (tức Đường Thái-tôn), Tần-vương triệu tiên-sinh vào tiếp-kiến, hỏi cái phương-lược binh-dịnh thiên - hạ. Tiên-sinh ứng-dối, rất hợp ý Tần-vương. Tần-vương trao cho chức Vương-phủ chủ-bạ, kiêm chức Thiềm-tây đại hành-đài kim-bộ-lang-trung.

Lúc ấy Tần-vương đương đi đánh Vương Thế-Sung, quân-sự phiền-phức. Tiên-sinh giữ việc văn-hàn, làm thư, làm hịch, làm lộ-bổ, phần nhiều ở trên mình ngựa miệng đọc tay thảo ra lời, mà mần-tiếp như thể sẵn có thành-cảo, không đợi phải thay đổi chữ nào. Đậu Kiến-Đức đem quân lại cứu-viện Vương Thế-Sung, binh-thế mạnh-dữ ; chư-tướng đều tranh nhau xin hăng lui quân để tránh cái nhục-khi Đậu Kiến-Đức. Tiên-sinh một mình nói rằng : « Chẳng nên ! Vương Thế-Sung giữ đất Lạc-dương, quân đều là quân tinh-nhuệ sông Giang sông Hoài, chỉ khổ về thiếu ăn, bị quân ta chen giữ. Nay Đậu Kiến-Đức cất toàn-quân lại cứu, nếu ta phóng cho nó đến, tất nó

vận thóc ở Hà-bắc, để đem cho đất Lạc-dương, thì sự chiến-tranh dang-dai mãi ra, không có ngày liễu-cục, cái thời-kỳ thống-nhất chưa biết đến bao giờ. Chẳng gì bằng ta chia quân-giữ đất Lạc-dương, hào cho sâu, lũy cho cao, cẩn-thận chớ cùng với giặc giao-chiến mà đại-vương thì thân-độc quân kiêu-nhuệ trước chiếm-giữ lấy đất Thành-cao, mài sẵn đồ binh, mặc sẵn áo giáp, tiết đường đón đánh Đậu Kiến-Đức, lấy thế dật dãi với thế lao, quyết đánh được vậy. Kiến-Đức đã bị phá, thì Thế-Sung tự-khắc đầu-hàng; chẳng qua độ hai mươi ngày, hai chúa nghịch kia phải lại với ta mà chịu trời vậy.» Tần-vương khen là phải. Quả-nhiên bắt được Đậu Kiến-Đức, hàng được Vương Thế-Sung, nhất-nhất như lời tiên-sinh hoạch-sách không sai.

Tần-vương vào Lạc-dương, xem cung-điện nhà Tùy xa-xỉ vô-độ. Tiên-sinh tiến nói rằng: «Nhà cao tường đẹp, vua Trụ số-dĩ mất; thềm đất nóc tranh, vua Nghiêu số-dĩ thịnh; vua Thủy-Hoàng dấy cung A-phòng, mà vua nhà Tần đến ngay; vua Văn-đế bãi việc Lộ-dài, mà ngôi nhà Hán dài hưởng; những ông vua hèn đời sau từng chẳng biết xét về lẽ ấy, đua nhau xa-xỉ tàn-ngược, rút lại chết ở trong tay một đứa

sát-phu, làm trò cười cho hậu-thế đầy thối, giữ sao được cái vật xa-xỉ ấy đó thay!» Tần-vương rất trọng lời tiên-sinh nói, phút chốc trao cho tiên-sinh chức Thiên-sách-phủ ký-thất tham-quân, đi theo giúp giặc Lưu Hắc-Thất, phong tước là Phần-âm-nam. Tiên-sinh từng dâng thư can Tần-vương đi săn bắn. Tần-vương đáp lại rằng: «Kẻ ngọc - thành cho ta đó, là nhà người vậy, mấy xe tràn-châu, cũng không bằng một lời nói của kẻ hiền-giả.» Liền ban-thưởng cho tiên-sinh hoàng-kim bốn mươi đĩnh. Năm Vũ-đức thứ bảy, tiên-sinh bị bệnh đau nằm. Tần-vương sớm chiều sai sứ đến thăm hỏi, tấp-nập ở trên đường. Tần-vương lại sắp xe thân-hành đến nhà, cất tay áo vỗ vào mình tiên-sinh, bàn kẻ nghĩa tri kỷ thuở binh-sinh. Tiên-sinh cảm-khích khóc-lóc. Tần-vương cũng khóc. Tiên-sinh mất tuổi mới ba mươi ba. Tần-vương vật-vã than-khóc, thương-xót vô-cùng. Kịp khi Tần-vương lên ngôi hoàng-đế, có bảo với Phòng Huyền-Linh rằng: «Nếu Tiết Du còn sống, nên sử-dải lấy ngôi tề-tướng, sẽ xứng-đáng cái tài.»

TỪNG-VÂN

L'enthousiasme n'est pas un état d'âme d'écrivain. Quelque grande que soit la puissance du feu, elle ne devient utile et motrice que par les machines où l'art l'engage; il faut que des gênes bien placées fassent obstacle à sa dissipation totale, et qu'un retard adroitement opposé au retour invincible de l'équilibre permette de soustraire quelque chose à la chute infructueuse de l'ardeur.

PAUL VALÉRY

Sự nhiệt-thành cổ-vô không phải là cái tâm - trạng nhà văn. Vì như sức lửa, dù mạnh thế nào mặc lòng, có biết khéo dùng máy-móc mà sai khiến thời mới vận - động được và mới có ích-lợi; phải khéo đặt cách hạn-chế cho khỏi tiêu-tán đi mất cả; phải khéo biết cầm lại cho cái sức hăng-hái nó khỏi theo thế tự-nhiên mà chuyển ra điều-hòa ngay, không còn để lại tí gì nữa.

VIỆT-NAM SỬ-VỊNH

越南史詠

1. — Kinh-dương-vương 涇陽王

*Cánh bằng ngang dọc buổi ty-minh,
Tám thước thân cao sá quân minh ;
Muôn dặm trời Nam vin mở nước,
Một niềm vua Bắc quyết nhường anh ;
Hong-bàng để giống dân hào-phú,
Xích-qui truyền ngôi vận thái-bình ;
Công-đức ngày nay bao xiết kể,
Trông với non nước một màu xanh.*

Gốc việc — Vua Kinh-dương-vương là con thứ vua Đế-minh bên Tàu, khi Đế-minh đi tuần ở Ngũ-lĩnh lấy con gái nàng Vụ-tiên làm vợ. Sau sinh ra, vua muốn truyền ngôi cho, nhưng vua cố nhường anh. Rồi bèn sang cai-trị cõi Nam ta, gọi tên họ là Hồng-bàng 鴻龐, đặt tên nước là Xích-qui 赤鬼. Nước ta dựng nước từ vua là đầu.

2. — Hùng-vương 雄王

*Triều - đình riêng một cõi châu
[Phong,
Mười tám đời vua hiệu vẫn cùng ;
Giữ nước chin nhờ tay kiếm-mã,
Nổi nhà đường để giống tiên-long ;
Văn-thân bởi đó còn ghi lại,
Cổng vật vì đâu mới mở thông ;
Cây-cước xiết bao đường dạy-dỗ,
Nóng-dân ai hỡi phải nhờ công.*

Gốc việc — Vua Hùng-vương thứ nhất là con cả vua Lạc-long. Khi xưa vua Lạc-long thường bảo bà Âu-cơ rằng: Người là giống tiên thuộc về hỏa, ta là giống long thuộc về thủy, thủy hỏa cùng khắc, không ở chung được. Rồi chia con 49 người theo mẹ về núi, 50 người theo cha về bể, để con cả là Hùng-vương nối ngôi. Sau truyền đến 18 đời cùng gọi là Hùng-vương cả.

Vua đóng đô ở châu Phong, chăm dạy dân cây-cấy, lại dạy dân vẽ loang-lổ vào mình để bắt cá, tục gọi là văn-thân. Hai lần khiển sứ sang Tàu dâng rùa vàng và trĩ trắng. Đến đời thứ sáu có giặc Ân sang, nhờ có ông Đồng-thiên-vương cưỡi ngựa sắt cầm gươm sắt mới dẹp tan được.

3. — Đồng-thiên-vương 董天王

*Mấy độ tang-thương miếu vẫn còn,
Bia tàn riêng vững với hòn non ;
Một manh áo cỡi dân ghi truyền,
Ba thước gươm quay giặc mắt hồn ;
Cứu nước trung kia đành đã vưng,
Rảnh nhà hiếu họ hãy còn non ;
Sông Đà đỉnh Sóc đầu chẳng tá,
Xin thấu cho cùng một mảnh son.*

Gốc việc — Ông Đồng-thiên-vương khi bình giặc Ân xong cỡi áo nhung vắt lại rồi lên núi Ninh-sóc ẩn mất, không tưởng gì cha mẹ nữa. Sau vua Hùng-vương nhớ ơn dựng đền thờ ngài, nay vẫn còn, tục gọi là đức thánh Dóng.

4. — Thục An-dương-vương

蜀安陽王

*Lá thắm chim xanh phân chẳng tròn,
Rửa thù dạn lại với đàn con ;
Nỏ thần đã trải rùa trao móng,
Thành cổ còn lưu ốc xoay tròn ;
Đuổi sạch quân Tàu xa bãi cỏ,
Gây thành cõi Thục đậm màu son ;
Năm mươi năm lễ trời Âu-lạc,
Người vẫn xa xa tiếng vẫn còn.*

Gốc việc — Vua An-dương-vương họ là Thục, quê ở Ba-thục bên Tàu. Trước muốn hỏi con gái vua Hùng-vương là Mị-nương làm vợ, nhưng không được.

Sau dẫn con cháu rằng : « Thế vào cũng lấy được nước của Hùng-vương mới thôi. » Sau quả được nước gọi tên nước là Âu-lạc, đóng đô ở Phong-khê, đắp thành Loa-thành, chu-vi nghìn trượng, lại được thần kim-quy trút móng cho làm máy nổ, khi giặc Tần sang, vua phát một mũi tên giết được muôn người. Tướng Tần là Nhâm-Ngao phải lui về, còn Triệu-Đà xin giảng-hòa ở sông Bình-giang. Vua lên ngôi được hơn 25 năm.

5. — Lý-Ông-Trọng. 李翁仲

Quê ở đâu ta hỏi Lý-Ông,
 Từ-liêm nơi ấy phải hay không ?
 Nổi danh Hiệu-úy mình hai trượng,
 Tan bóng Hùng-nô giặc mấy vòng ;
 Ngán lại Triệu Cao đều đội đức,
 Quay sang Tần Hán hết nhờ công ;
 Ngát trời chinh-khí nam cùng bắc,
 Miếu-vũ muôn năm dấu tượng đồng.

Góc việc — Lý-Ông-Trọng mình dài hai trượng quê ở Từ-liêm, tục gọi là đức thánh Tiêm, làm chức Tư-lệ hiệu-úy nhà Tần, bình được giặc Hùng-nô. Khi mất, vua Thủy-hoàng đúc tượng đồng để thờ, đến đời Hán vẫn còn hâm-mộ. Sau Triệu Xương và Cao-Biên sang làm đô-hộ bên Nam, ông thường hiển-linh trợ-thuận.

6. — Triệu Đà 趙陀

Hai nghìn năm lẻ cõi Viêm-châu,
 Để-nghiệp từ nay mới xướng đầu ;
 Cấm chợ chắn e lòng chị Liễu,
 Mách đường riêng nhớ nghĩa nàng
 [Châu ;
 Nghìn vàng buổi trước cho là thế,
 Lỗi ngọc kỳ sau cống bởi đầu ;
 Muôn dặm Phiên-ngung bỏ cõi cũ,
 Hêm đêm lòng-lọt liêng ve sầu.

Góc việc. — Cuối đời Tần ông Triệu-Đà đem quân sang đánh vua An-duong-vương, nhưng thua công. Sau nhờ có nàng Mi-châu trộm máy nổ và chỉ

đường đi cho mới được. Bấy giờ Trung-quốc đã thuộc về Hán, vua Cao-tổ sai Lục-Giả sang phong vương, ông tặng cho nghìn vàng. Vua Cao-tổ mất, vợ là Lữ-hậu xưng-chế, cấm Tàu với Nam không được thông chợ buôn-bán. Ông nổi giận tự xưng là hoàng-đế, đóng đô ở Phiên-ngung. Đến đời vua Văn-đế lại sai Lục Giả sang ủy dụ. Ông dâng bạch-bích một đôi, thủy-vũ một cặp, để tạ lỗi.

7. — Trưng-nữ-vương 徵女王

Non nước gây nên cuộc bất-hòa,
 Sanh-trì chi quản phận quân-thoa ;
 Ba năm vùng-vẫy em cùng chị,
 Bốn cõi yên vui nước với nhà :
 Sóng bạc hồ còn hương lửa ngát,
 Cột đồng núi đã tuyết-sương pha ;
 Ấy ai nữ giới đầu chàng nhĩ,
 Giếng Lạc dòng Âu thế mới là.

Góc việc. — Bà Trưng nữ-vương tên là Trắc, quê ở châu Phong, giận người Tô Định giết mất chồng. Rồi cùng em gái là Trưng-Nhị đuổi Tô Định về Tàu. Lâm vua được ba năm, sau nhà Hán sai Mã-Viện đem quân sang đánh, bà liền xuống hồ Lãng-bạc tự-tử. Mã-Viện đến núi Phán-mao dựng cột đồng làm mốc rồi về. Đến nay bên hồ vẫn còn đền thờ hai chị em bà.

8. — Sĩ-Nhiếp 士變

Rằng vương rằng tướng ấy rằng liền,
 Uốn-nắn trăm dân vững một niềm ;
 Mở mạch thi-thư dòng chứa cày,
 Đắp nền lễ-nhạc sử còn biên ;
 Muôn năm thế-phách tan phường
 [nguy,
 Máy độ giang-sơn tiếp sử hiền ;
 Ươm hởi khoa-danh nào những kẻ,
 Trời Nam văn-học bởi ai truyền.

Góc việc. — Ông Sĩ-Nhiếp là chức Trung-lang - tướng nhà Hán, cai-trị Giao-chỉ. Sau Hán thất-thế, triều Ngô sai người Bộ Tắc sang, ông suất anh em

khảo - tếp rất hậu. Binh - sinh ông thường đem thi thư lễ nhạc dạy dân. Nước ta biết văn-tự từ ông, dạy dẫu, cho nên dân thường tôn là Sĩ-vương, và Sĩ-vương-tiên, và Nam-giao học-tổ. Một ông an-tàng ở xã Tam-á, cách sau ngót hai nghìn năm nước Lâm-áp vào làm ngục, quật mộ ông lên, thấy thể-phách còn như lúc sống, bèn kinh sợ tan quân.

9. — Triệu-Ấu. 趙姬

*Trời đất xoay-và xoay nổi nước non,
Bướng xuân chi tưởng sự chông con;
Áo vàng phất-phới đầu voi nhẹ,
Cờ đỏ xông-pha cánh phượng giòn;
Đi đi giặc vũ xoài ba thước sắt,
Yên dân lòng vững một vầng son;
Công danh so-sánh nàng Trưng cũ,
Gương nguyệt soi chung chiếc bóng [tròn.*

Gốc việc. — Bà Triệu-Ấu mình cao hơn năm thước, vú dài hơn ba thước, quê ở quận Cửu-chân, ngoài hai mươi tuổi chưa chịu lấy chồng. Rồi vào núi ở chiêu-tập được hai nghìn quân, khi ra đánh với người Ngô, mặc áo vàng cỡi trên đầu voi, tự xưng là Nhị-kiều tướng-quân. Người Ngô thấy bà đều sợ, tôn là Lệ-hải-bà-vương.

10. — Triệu-Quang-phục 趙光復

*Tình thầy nghĩa tớ cảnh non sông,
Đạ-trạch hồ kia lưỡng chạnh lòng;
Tạc đất chữa yên đềm bạch-độc,
Khẩn trời may được giấu hoàng-long;
Tỏ danh bốn bề con nhà Triệu,
Yên gối muôn dân giống nước Hồng;
Hương-lửa năm năm đèn Độc-bộ,
Ấy ai du-tử biết chẳng không ?*

Gốc việc. — Ông Triệu Quang Phục là con ông Triệu Túc, hai cha con làm bộ-tướng vua Lý Nam-đế. Lúc ấy có con trâu đen sinh ra con nghé trắng 黑牛生白犢, trên mình có bốn chữ: « Nhật phụ mộc lai 日附木來, » kể tán-tự bảo là chữ Trần. 陳 Sau quả Trần Bá-Tiên

đem quân sang lấn, vua Nam-đế thua trận liền mất, ông lui về giữ động Khuất-liệu. Đêm đêm thường ra hồ Đạ-trạch lấy sự non nước bắt bình khẩn trời. Hốt-nhiên thấy ông Chử-dông-tử cỡi rồng vàng từ trên mây xuống, tụt móng rồng cho để trên mũ đầu-máu. Sau ông đánh đầu được dấy tự xưng là vương. Hiện nay đền Độc-bộ vẫn còn thờ ông.

11. — Ngô-vương Quyền 吳王權

*Trăm năm đầu-bề lúc dấy voi,
Tuồng-mạo khen ai khác tuyệt vời;
Chuột Hán chôn xa nghìn dặm đất,
Rồng Ngô bay bổng sáu năm trời;
Rửa thù chin sạch hồn vua trước;
Giúp chính chi quen giống họ ngoài,
Một dải sông Hằng nay vẫn biết.
Công-danh ghi để mấy nhiều người.*

Gốc việc. — Ông Ngô-vương Quyền đi nhanh hơn hồ, mắt sáng hơn chớp. Giận người Kiều-Công-Tiên giết mất cố-chủ là Đinh-Nghệ, liền dấy quân lên đánh. Công-Tiên trốn sang Tàu nhờ vua Hán giúp, Hán sai con là Hoảng-Thao đem quân quanh bề đến, khi đã vào sông Bạch-đăng. Ông giáp mặt ra trận, quân Hán đều mắc thuyền vào cọc gỗ của ông mà đắm chết, « Sau đức Hưng-đạo phá quân Nguyên cũng sông này. » Bấy giờ cỡi Việt dã yên, ông lên ngôi vua được sáu năm. Khi gần mất bảo em vợ là Dương Tam-Kha giúp triều-chính. Sau Dương Tam-Kha cướp mất ngôi.

12. — Đinh Tiên-hoàng 丁先皇

*Cò lau đường trải mấy mươi xuân,
Phảng-phất non sông tiếng vẫn gần;
Kiệu phượng trẻ bầy khi chấp cánh,
Cầu rồng chú phục lúc sa chân;
Mười năm rục-rỡ ngôi hoàng-đế,
Một trận toi-bời bọn sứ-quân;
Độc-lập từ đây đã trước nhất,
Bia còn kỷ-niệm với muôn dân.*

Gốc việc. — Ông Đinh Tiên-hoàng người động Hoa-lư là con ông Đinh-Công-Trứ. Thủa nhỏ di chẵn trâu, bận mục-đồng đều chấp cánh tay làm kiệu, bẻ hoa lau làm cờ đề nghinh-tiếp. Một hôm chú là Đinh Dự đuổi đánh, ông chạy đến cầu Đàm-gia, cầu gãy rơi xuống bãi lầy, hốt-nhiên có đôi rồng ôm vực ông lên. Chú trông thấy bèn phục. Sau lớn lên binh được mười hai sứ-quân, lên ngôi vua được 12 năm thì mất. Nước ta độc-lập từ đấy là đầu.

13 — Lê Đại-hành 黎 大 行

*Bình Xiêm phá Tống dễ ai tây,
Cơ-nghiệp triều Lê xướng tự đây;
Châu-quận phong con diềm sọt trước,
Áo xiêm nhờ vợ tiếng cười nay.
Cung vàng chĩnh trái mây tan hợp,
Ruộng bạc từng quen nước đổi thay.
Vợ-vườn năm canh thềm bắc tựa,
Hoa sen mấy đóa mộng còn say.*

Gốc việc. — Lê Đại-hành húy là Hoàn, quê ở châu Ái, khi xưa mẹ là Đặng-thị nằm mộng thấy có cây sen khai hoa kết quả ở trong bụng, rồi sinh ra ông. Lớn lên làm chức Thập-đạo-tướng-quân triều Đinh. Vua Tiên-hoàng mất, con là Toàn còn nhỏ, lúc đó giặc Tống sang, bà Dương-hậu là vợ vua Tiên-hoàng lấy áo hoàng-bào mặc cho ông, sách lên làm thiên-tử, tự phối làm phu-phụ. Sau ông phá được giặc Tống binh được giặc Xiêm, lấy các châu - quận phong cho mọi con, nghĩa là sợ nhà Đinh khi xưa không phong cho con đến nỗi chóng mất. Năm giáp - thân đúc vàng làm cung điện, năm đinh-hợi cây ruộng tịch-diên được chum vàng và chum bạc, nhân gọi ruộng là ruộng vàng ruộng bạc. Ở ngôi được 25 năm.

14. — Lý Thái-tổ 李 太 祖

*Ấu cũng na-mô cũng trụ-trì,
Triều-đình riêng miễn lữ-tăng-ni;
Non-sông tay vững khai nền Lý,
Xã-tắc lòng vui nổi nghiệp Lê;
Sáng-sủa dung-quang từng đã định,
Mơ-màng sấm-ký nữa mà chi;
Thăng-long thành cũ lâu dài mới,
Văn-vật muôn năm đất Bắc-kỳ.*

Gốc việc. — Lý Thái-tổ tên húy là Công-Uân, mẹ là Phạm-thị ở bổ chùa Tiêu-son, nằm mộng thấy người thần giao mà sinh ra ông, hình-dung đĩnh-đặc, trông - mao khôi - ngô, hai lòng bàn tay có ngón đỏ thành bốn chữ: « Sơn hà xã-tắc 山河社稷. » Sư cụ chùa là Lý - Khánh - Văn và sư thầy là Vạn-Hạnh lấy làm lạ bảo rằng: « Đứa trẻ này sau hầu lán, chủ cả thiên-hạ » Bèn nuôi làm tiều, nhân theo họ là Lý. Khi ấy sét đánh sân chùa một cây bông trong có sấm-văn 40 chữ. Sư cụ tán tự biết rằng họ Lý đương thịnh. Lúc đã khôn-lớn bỏ chùa ra linh, vua Ngoa-triều nhà Lê rất yêu, cho làm Chỉ-huy-sứ. Sau Ngoa-triều mất, con còn dại, quần-thần đều tôn ông lên làm hoàng-đế. Năm canh-tuất dời đô sang La-địa-thành, có rồng vàng hiện lên, mới gọi là thành Thăng-long. Ông sinh-trưởng cửa thiền, rất đam đạo phật, cho nên triều Lý nhiều sư làm quan.

15. — Lê Phụng-Hiểu 黎 奉 曉

*Anh-hào từng tỏ tiếng binh-gia,
Xá-quản trong tay nước với nhà;
Rút kiếm thẳng xoay trời Lý lại,
Nhổ cây dượng mở đất làng ra;
Trung này Kinh-đức hơn chi mấy,
Sức nọ Hàn-công kém vẫn xa (1).
Tước-thưởng ham chi câu truyện
Băng-son mấy đổi thế du mà. [hảo,*

(1) Hàn-tín có tiếng sức khoẻ ở triều Hán.

Gốc việc. — Ông Phụng-Hiêu quê ở châu Ái vẫn có tiếng khỏe. Một hôm làng Cồ-bi cùng làng Đàm-xá đem quân tranh ruộng, ông bảo làng Cồ-bi để ông giúp, khi ra đánh nhổ cây cối nhảy ném, làng Đàm-xá bị-thương nhiều, liền trả ruộng. Vua Lý Thái-tổ nghe thấy dùng làm thượng-trống. Sau vua mất, Thái-tử Phật - Mã nối ngôi, ba em là Đông-chinh-vương Dực-thành-vương, Vũ - đức - vương kéo quân vây thành toan đánh. Lúc đó triều đình nguy-ngập, thái-tử bàng-hoàng, ông chạy thẳng ra chém được đầu Vũ-đức, mọi quân đều tan. Thái-tử cầm tay ông ủy-dụ rằng: «Ta thường xem Đường-sử thấy người Kinh-Đức tận trung cứu vua, tự bảo người sau không ai bằng, thế mà người nay lại hơn Kinh-Đức gấp mấy. » Sau lại theo thái-tử phá được Xiêm-thành, khi về định công, ông không nhận tước-thưởng, chỉ xin nghỉ mẫu ruộng ở bên núi Bạng-sơn làm nghiệp.

16. — Lý Thường-Kiệt 李常傑

*Thao-lược kinh-luân biết đủ vanh,
Anh-hùng nước tiếng cả thần-minh ;
Trời nghiêng ba quận Xiêm từng*

[*phục,*

*Đất mở hai châu Tống vẫn kinh ;
Vang-vẻ bia còn ghi mệnh khách,
Dài lâu sử đã chép tên mình ;
Cho hay gặp-gỡ riêng ai tá,
Non nước muốn năm vạn thái-bình.*

Gốc việc — Ông Thường-Kiệt làm chức Thái-úy triều Lý, có tướng-tài, tinh thao-lược. Đường khi nước giàu dân thịnh, vua Nhân-tôn sai đem quân sang lấn nước Tống lấy được châu Khâm châu Liêm làm thuộc-địa. Năm sau quân Tống sang báo-thù, ông đắp thành quanh bờ sông Như-nguyệt để giữ. Đêm nghe trong đền Trương-

tướng-quân có tiếng người thần ngầm thơ tán-mĩ, Trần ấ Tống cũng thua. Năm giáp-thân lại lấy của Xiêm-thành được ba quận, Tiếng-lăm lừng-lấy đến nay còn truyền.

17. — Tô Hiến-Thành 蘇憲誠

*Lộc nước ơn vua phúc-dức nhà,
Tài thường hăng-hái sức xông-pha ;
Mặt đầu ở bạc cùng tiên-đế,
Bụng há tham vàng với hậu-gia ;
Đạo gót tuần-phòng khi tuổi trẻ,
Chọn tay thay đổi lúc thân già ;
Trung này trái mấy người kim cổ,
Đoãn Đán cùng nhau ấy mới ba.*

Gốc việc. — Ông Tô Hiến-Thành còn nhỏ đã có tài-lược văn-vũ, làm chức Thái-úy triều Lý Anh-tôn. Chăm đi tuần ngoài biên, thường phá được Ngưu-hống Ai-lao, Xiêm-thành. Khi vua mất dặn ông giúp thái-tử Long-Cán nối ngôi, bà Lê-hậu đem vàng dụ ông để dựng lại con mình là Long-Sởng. Ông không nghe, trả lời rằng « Ta là một vị đại-thần phụ-chính, nếu chịu vàng của bà thì sau này còn mặt nào trông thấy tiên-đế ở dưới đất nữa. » Sử-thần cho truyện đó cũng được như ông Y-Doãn giúp vua Thái-Giáp; ông Châu-Đán giúp vua Thành-vương. Sau về già bà hậu hỏi ai khá thay làm Thái-úy được, ông lại cử người Trung-Tả lên thay.

18. — Huệ-tôn 惠宗

*Cơ-nghiệp hai trăm cảnh đã tàn,
Tài hèn khôn cứu được giang-san ;
Đã lưu thân-kiếp mười năm nhục,
Còn giữ sự-mô chút truyện gàn ;
Phận gái lẽ đầu truyên vạn lòn,
Ngôi thần sao lại phó người gian ;
Vị dù sớm biết mà lo-liệu,
Ấu cũng tuyên Khang cũng đủ*
[*bản (1).*]

(1) Vua Chiêu-khang trung-hưng nhà Hạ, vua Tuyên-vương trung-hưng nhà Châu.

Gốc việc. — Cuối đời Lý rất suy, vua là Huệ-tôn mắc bệnh điên-cuồng múa hát nhảy nhót xưng là thiên-tướng giáng-hạ. Chính-sự giao cả về tay Trần Tự-Khánh. (Họ Trần từ đây giàu thịnh.) Ở ngôi 14 năm. Sau truyền cho con gái là Chiêu-hoàng, tự ra ở chùa Chân-giáo.

19. — Trần Thái-tôn 陳太宗

Nào Nghiêu nào Thuấn có chi đầu,
 Ấp-tồn ung-dung thể mới màu ;
 Lưới cá xưa kia mò đất Phục (1),
 Áo rồng nay đã dẫm trời Châu (2).
 Hai trăm phúc-quả năm năm thịnh,
 Sáu chục niên-hoa tuổi tuổi giàu ;
 Mới biết Đông-a nhiều mả được,
 Kia nơi Tức-mặc nọ Mân-châu.

Gốc việc. — Vua Thái-tôn chịu bà Lý Chiêu-hoàng truyền ngôi cho, mới gây nên cơ-nghiệp họ Đông-hà, 東阿 Mấy năm trước chính-sự còn sơ-suất, sau gia công khảo-cứu, học-vấn ngày tinh. Cũng là một vị thách-quân sáng-nghiệp. Sống 60 tuổi, truyền 12 đời, cộng 174 năm.

Tục Truyền tở bốn đời vua ngày trước là Trần Kinh làm nghề chài-lưới được ngôi mộ phát đế-vương ở châu Mân bên Tàu. Sau quanh bề sang Nam lại được ngôi nữa ở Tức-mặc.

20. — Hưng-đạo-vương 興道王

Non nước xông-pha lưới kiếm thần,
 Nghìn năm vang-vẻ hội phong-vân ;
 Sông Hằng sóng vỗ tan hồn Đát,
 Sển Vị hoa in dẫm vẻ Trần ;
 Trung-hiếu treo cao trời một bóng,
 Uy-danh mở rộng đất hai lần ;
 Giang-hồ ai kể xưa nay tá,
 Mỏ sủ thêm đầy mặt mấy phâu.

Gốc việc. — Đức Hưng-đạo-vương là người tôn-thất nhà Trần quê ở Tức-mặc Nam-dinh, tính rất hiếu-trung, tài gồm văn-vũ, khi còn nhỏ đi chơi gặp người thần cho thanh bảo-kiếm dặn rằng : « Bao giờ có giặc thì đem ra cứu nước ». Sau quân Nguyên Đát sang, lần đầu ngài phá tan được ở núi Vạn-kiếp, lần thứ nhì phá tan được ở Bạch-đăng, uy-danh rục-rở đến nay thiên-hạ vẫn còn sùng-bái.

21. — Chu Văn-Trình 朱文貞

Học rộng tài cao chí-khi hùng,
 Danh-nho nay mới có mình ông ;
 Anh-tài mấy kẻ đều qua cửa,
 Gian-nịnh nào ai hết đổi lòng ;
 Bến Củng non Linh nhà mở rãnh,
 Nền Châu cửa Khổng nước thờ

[chung ;

Độc thiên thất-trăm thiên bi-ký,
 Phẳng-phất bên tai tiếng sấm dùng.

Gốc việc. — Ông Chu Văn-trình húy là An, quê ở Thanh-đàm, tính rất cương-giới, học rất tinh-thuần, làm chức Ti-nghiệp triều Trần, dâng sớ thất-trăm lên mà kể gian-thần đều sợ, sau xin tri-sĩ, thích núi Chí-linh sông Củng-hoàng, nhân làm nhà tới ở, đương-thời danh-sĩ đều theo học tập. Ông có làm bài bi-ký ở chùa Thiệu-phúc bài-bác đạo phật, và Tiều-ần-tập, Tứ-thư thuyết-ước. Khi mất, vua Nghệ-tôn mệnh triều-quan đến tế, cho tên thụy là Văn-trình, được tòng-tự Văn-miếu.

Sử-thần đều khen rằng : « Danh-nho nước ta có ông là một. 我越名儒古後一人

22 — Hồ Quý-ly. 胡季犛

Bức tranh tứ-phụ giấy chưa tàn,
 Liếm-thiệt mưu đường đã tỏ gian ;

(1) Họ Phục-hi ngày trước đặt ra chài lưới.

(2) Châu là một họ thiên-tử đời trước.

Mẹo bỏ con đầu sao sáng nghĩ,
 Lờ thay cháu ngoại ấy khôn bần ;
 An-tôn thành cũ màu hoa nhợt,
 Thượng-phụ ngôi cao trận gió tràn ;
 Bỏ đó lại về Minh chiếm-cứ,
 Anh-hùng riêng giận với giang-san.

Gốc việc.— Hồ-Quy-Ly làm chức Khu-mật-sứ giúp vua Trần Thuận-tôn, đương-thời quyền-bính hết về tay cả, Thượng-hoàng (Nghệ-tôn) biết rằng sau hẳn cướp ngôi mới vẽ đồ tứ-phụ đưa cho, Quý-Ly ngửa mặt lên trời thề xin tận-trung kiệt-lực. Sau giết vua Thuận-tôn bỏ vua Thiếu-đế, tiến lên ngôi vua, dời đô đến thành An-tôn. Được và năm muốn truyền ngôi cho con thứ là Hán-Xương, nhân trở nghiên mực ra đổi cho con cả là Nguyên-Trùng rằng: 此一拳奇石, 有時爲雲爲雨以潤生民. Nguyên-Trùng đổi lại; 這三寸小松, 他日作棟作樑以扶社稷. Quý-Ly cho là chí-khí nhỏ-mọn, bèn quyết truyền cho Hán-Xương, tự xưng là Thái-thượng-hoàng. Khiến sứ sang nhà Minh nói đổi họ Trần đã tuyệt, lấy là cháu ngoại xin thay việc nước. Vua Minh biết là không thật, sai Chu-Năng, Mộc-Thanh, Trương-Phụ đem quân sang đánh. Nước ta buổi đó lại phải nội-thuộc về Tàu.

23 — Lê Thái-tổ 黎太祖

Phong-trần mài một lưỡi gươm
 [ra (1),

Giáo áo bao cơm sá quân là ;
 Cáo lử Chi-quan đầu lấp-lé,
 Rồng bay Lam-lĩnh cánh sa-đa;
 Mười năm thu-xếp yên càn nước,
 Bốn bề đua chen hợp một nhà (2) ;
 Cách-mệnh kia ai Thang Vũ đó,
 Anh-hùng bia đề tiếng còn xa.

Gốc việc.— Vua Lê Thái-tổ tên là Lợi quê ở Thanh-hóa, giận người Minh sang chiếm-cứ, dấy nghĩa ở núi Lam-son, tự xưng là Bình-định-vương. Sau đuổi quân Minh đến Chi-lăng-quan thì tan cả. Kinh-doanh mười năm, thiên-hạ đều định, chính là vị anh-hùng sáng-nghiệp thứ nhất ở nước ta xưa nay. Ông Ngô Sĩ-Liên lấy vua Thang vua Vũ ngợi khen thật phải.

24. Nguyễn-ức-Trai 阮抑齋

Nổi nước chưa xong lại nổi nhà,
 Chút riêng riêng bận tấm lòng hoa ;
 Lên tìm Lê-tổ công ai vi,
 Chung đuổi Minh-bình sức vẫn già ;
 Trung-hiếu chưa tan hồn thảo-mộc,
 Văn-chương còn đậm nét sơn-hà ;
 Thanh-hư động cũ người thiên-cổ,
 Y-ức thân đau mấy tiếng gà.

Gốc việc.— Ông Nguyễn Ức-trai húy là Trai, quê ở Thượng-phúc, tuổi mới nhọc-quán mà văn-chương đã lừng-lẫy cõi đời. Cha ông là Phi-Khanh làm quan triều Hồ. Năm đình-hội quán Minh sang, bất-hạnh bị bắt, từ đó nước mất nhà tan, tấm lòng cảm tức, mới lên vào núi Lam-son giúp vua Lê Thái-tổ khởi-nghĩa. Sau giang-sơn đã định, trung-hiếu đã toàn, xin tri-sĩ về ở động Thanh-hư thuộc núi Côn-son.

25. — Thánh-tôn 聖宗

Trời Nam tó-điểm cánh hoa Lê,
 Động-chủ kia ai khéo nổi nghề ;
 Nguyễn-tặng Qui phong ơn trái khấp,
 Xiêm binh Qua phục sức càng ghé ;
 Tao-dân sáng tỏ sao ca-vịnh,
 Quỳnh-uyên bày xa khúc xướng-đề;
 Biển đổi viết bao triều-thị mãi,
 Muôn năm Hồng-đức vẫn còn đề.

(1) Tục truyền khi còn bé ra chơi Thăng-long được thanh thần-kiếm. Đồ-thi: 風塵三尺劍, Truyện Kiều diễn rằng: Phong-trần mài một lưỡi gươm, những phường giáo-áo túi cơm sá gi.

(2) Tiêu-Hà nói với vua Hán rằng: «Ngôi thiên-tử lấy bốn bề làm nhà, 天子以四海爲家»

Gốc việc — Vua Thánh-tôn là cháu thứ bốn vua Lê Thái-tổ, bình được Xiêm-thành Lão-qua và Bồn-man. Truy tặng ông Nguyễn Trãi là Tân-trù-bá, và phong cho các kẻ dực-dời công-thần. Năm canh-dần niên-hiệu Hồng-đức thứ bảy, vua sợ bốn phương bị thủy tai, bèn sai dân quanh bờ bể bồi-dê. Đến nay còn kỷ-niệm là đê Hồng-đức. Sau thiên-hạ thái-bình hiệu vua tự là Nam-thiên đông-chủ 南天洞主. Năm ất-mão chọn 28 người văn-thần cùng vua ca-vịnh xướng-họa, gọi là 28 vì sao ở trong chốn tao-dân. Chế thành được một tập *Quyển-huyền cứu ca* 瓊苑九歌 và những bài thơ nôm rất hay, thiên-hạ bây giờ cũng còn nhiều người truyền-tụng.

26. — Mạc Đăng-Dung 莫登庸

*Tài giỏi mưu cao sức gấp đời,
Cánh bằng giáy phút tuyệt mù khơi;
Vũ-xuyên thường trước công riêng*
[một,

*Minh-đức xung sau thế tổ mười.
Mỗi mắt Trương-Phu tờ giấy gấp,
Om đầu Nguyễn-Thái cạnh thêm
Nghĩ ai lại gớm cho ai nhỉ, [phoi.
Non nước khôn ngăn một tiếng cười,*

Gốc việc. — Người Mạc Đăng-Dung là cháu bảy đời cụ Mạc Đĩnh-Chi, có sức khỏe, nhà rất nghèo làm nghề đánh cá. Vua Uy-mục muốn cầu kẻ dưng-sĩ, mới dùng làm Chỉ-huy-sứ. Đến đời vua Trương-dực lấy là cụ-thần phong trước Vũ-xuyên-bá. Tự đó chuyên quyền kiêu ngạo, mệnh ông Trương Phu-Duyệt thảo bài chiếu bắt vua Chiêu-tôn thiện-vị cho, ông Duyệt nổi giận giương mắt cả chữ. Sau giết vua tự xưng là hoàng-đế, chép niên-hiệu là Minh-đức. Đương thời có ông Nguyễn Thái-Bạt làm chức Hàn-lâm-hiệu-lý giả là đầu mắt xin vào gần yết-kiến, ông nhỏ bọ vào mặt người rồi dăm đầu vào thềm điện tự-tử.

27. — Trịnh Kiểm 鄭檢

*Trống Nguyễn chuông Lê kíp mấy hồi,
Lãnh thân là rẻ lại là tôi;
Sang Lào dất mỏ vua về nước,
Phá Mạc trời cho chúa nổi ngôi;
Liệu với non sông quyền xếp đặt,
Bàn chi giao-lá truyện qua rồi;
Ngang-tàng cũng muốn như ai đấy,
Hỏi cụ Trịnh xọng thế mấy thôi.*

Gốc việc. — Người Trịnh Kiểm quê ở Sóc-son, nhà rất nghèo, thường đi trộm-cướp. Sau đến ở với ông Nguyễn Kim, ông thấy người có tài giỏi sức mạnh gả con gái cho, liền cho làm đại-tướng, thường phá được quân Mạc. Lại khiến sang Ai-lao rước vua Trang-tôn lên ngôi. Ông Nguyễn Kim mất, bình-quyền về cả trong tay, từ đó có lòng muốn thay đổi xã-tắc, khiến con thứ là Trịnh Tùng đến hỏi cụ Trịnh quốc-công, nhưng cụ bảo không được. Đoạn rồi tự xưng là chúa Trịnh, giúp chính triều Lê gồm 13 đời.

28. — Nguyễn Văn-Nhạc 阮文岳

*Đuổi Trịnh ngăn Lê phá giặc Tàu,
Anh-hùng ngang-dọc kềm ai đầu;
Tiêu tiền phủ trước gan chưa bạo,
Trữ thóc kho sau kế mới màu;
Vi chốn anh em đưng chéch-lếch,
Thì ngôi vua chúa hẳn dài lâu.
Năm năm Thái-ấp mừng năm lẻ,
Kỷ-niệm non-sông cuộc khởi đầu.*

Gốc việc. — Ông Nguyễn Văn-Nhạc làm lính-lại ở phủ Quy-nhân, tiêu lạn mất tiền thuế, rồi cùng em là Nguyễn Huệ dấy quân. Dần dần đuổi cả chúa-Trịnh chúa Nguyễn và vua Lê, tự xưng là hoàng-đế. Mừng năm tháng giêng năm kỷ-dậu ông cùng tướng Tàu đánh nhau ở Đống-đa (Hà-dông) quân ông toàn thắng. Xưa nay nước ta cùng Tàu đánh được nhiều trận, nhưng trận này lừng-lẫy hơn cả, cho nên ở Thái-hà Ấp vẫn còn kỷ-niệm. Đoạn rồi thiên-hạ thống-nhất, ông về Phú-xuân chúa thóc

chứa quân, toan khôi-phục Quảng-dông Quảng-tây của Tàu lại. Nhưng vì anh-em gây thù, việc đó cũng chưa kết-quả.

29. Bản-triều Gia-long 本朝嘉隆

*Giang-son một gánh đê cho ai,
Vây phải mau chân phải ghé vai;
Say tỉnh năm canh hồn cố-quốc,
Được thua ba trận mặt trần-ai;
Non Bình nước Thuận thành-trì mới,
Gió Hán mưa Châu vận-hội dài;
Đức trạch nơi nơi đầm-ngắm khắp,
Quần chi trong nước quần chi ngoài.*
Gốc việc. — Vua Gia-long là vị sáng-

ngiệp ra bản-triều và lại là vị thế-thần nhà Lê cũ. Vua giận nhà Tây-son hung-ngược, lánh mình ra đảo Phú-quốc ở, quyết chí báo thù để khôi-phục lại giang-son cũ. Lúc đó người Đại-Pháp người Xiêm-la và các lân-bang cũng sẵn lòng giúp sức. Song ba lần dấy quân mới nhất-thống được.

Đoạn rồi đóng đô tại Thuận-hóa và phong cho các bọn công-thần. Ở ngôi 18 năm.

NHÂN-VÂN-ĐÌNH

CÁC NƠI CỔ-TÍCH ĐẤT NGHỆ-TỈNH (1)

IV

Sự-tích đền Ngũ-long và chùa Diên-quang

Đền Ngũ-long tục gọi là đền Thánh-mẫu, ở về địa-phận làng Hòa-yên 和安, tổng Đồng-công 同公, phủ Đức-thọ 德壽, tỉnh Hà-tĩnh.

Theo như lời người thủ-từ, thì mấy tòa đền bây giờ đó là mới làm ra năm ất-dậu 乙酉 về đời vua Đồng-khánh, còn mấy tòa làm khi trước thì năm ấy đã bị giáo-dân thiêu-hủy mất rồi.

Lại theo như trong nham-cảo thì mấy tòa đền làm trước đã bị giặc đốt về đời Hồng-đức nhà Lê kia rồi.

Đền này thờ ba vị nữ-thần là :

- 1° Bà Bạch-ngọc-hoàng-hậu
白玉皇后。
- 2° Bà Huy-chân-công-chúa

徽真公主 hay là Trinh-thục-hoàng-hậu 貞淑皇后。

- 3° Bà Trang-từ-công-chúa
莊慈公主。

Theo nham-cảo của làng Hòa-yên và chùa Diên-quang thì bà Bạch-Ngọc là vợ vua Duệ-tổn nhà Trần.

Nguyên bà tên là Ngọc-hào 玉豪, con ông Trần Công-Nhiều 陳公繞, người làng Mộc-bản 木板, (tức là Bình-bản 平板), tổng Thiên-hoàng 天黃 (tức là Thổ-hoàng 土黃), huyện Đỗ-gia 杜家 (tức là Hương-son và Hương-khê) tỉnh Hà-tĩnh.

Bà tuy là con nhà tầm-thường bách-tinh, nhưng nhan-sắc thì tuyệt vời, lại thêm thông-minh rất mực, thật là tài này sắc ấy ngàn vàng chưa cân vậy.

(1) Xem Nam-Phong từ số 135.

Lúc bấy giờ gặp lúc vua Duệ-tôn nhà Trần hạ - chiếu tuyền con gái đẹp trong nước thì bà được tiến vào cung. Vua thấy bà đã có vẻ sắc nước hương trời, lại thêm tài phun châu nhả ngọc, thì mướn phần kinh yêu, rồi phong bà làm Bạch-ngọc-hoàng-hậu. Bà vào cung mấy năm thì sinh được một người con gái, đặt tên là Ngọc - Hiền 玉賢; sau được phong làm Huy-chân-công-chúa.

Khi họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, rồi nhà Minh sang quận-huyện nước Nam, thì trong nước loạn-lạc, bà phải đưa con cùng tôi tớ là bọn Nguyễn Thời-Kinh 阮辰敬, Trần Quốc-Trung 陳國忠, tất cả năm trăm bảy mươi hai người trốn đi, rồi cứ theo đường trong rừng mà đi vào Nghệ-an, để tìm về quê nhà.

Thử trời đất nổi cơn gió bụi, khách má hồng nhiều nỗi truân - chiến! Thương thay mẹ con bà, xua sao phong gấm dù là, giờ sao tan-tác như hoa giữa đường. Thầy tớ cứ ngày đi đêm nghỉ, dãi gió dầm sương, ăn rau uống suối như vậy tới hơn năm mươi ngày mới về tới quê nhà là làng Bình-bản. Tôi tớ đi theo kẻ thì chết đói, kẻ thì đau ốm mà chết đi cũng nhiều.

Nhưng khốn thay, hết nạn ấy tới nạn kia, chẳng được bao lâu lại bị tên tướng giặc là Hồ Cảnh-Câu 杜景駒, lúc bấy giờ dấy loạn ở đất Kỳ-đà 忌駝 gần xứ Tam-soa 三叉, tới cướp phá giết hại bọn tôi tớ của bà gần hết, chỉ còn lại được mấy người tôi tớ hầu trong mà thôi. Bởi vậy bà phải cùng bọn Nguyễn Thời-Kinh và Trần Quốc-Trung đi tới xứ Bình-bản mà ở, vì chỗ ấy lúc bấy giờ hãy còn rừng xanh, chưa có người ở thì quân Tàu cùng các đảng trộm cướp chưa đi tới nơi.

Chỗ ở định rồi thì bà định sai tôi tớ chăm nghề trồng lúa để làm ăn. Nhưng ngặt vì tay không thì chưa dễ đã làm gì nổi việc. Bất-dắc-dĩ bà phải sai bọn

Nguyễn Thời-Kinh và Trần Quốc-Trung giả làm kẻ cướp đi cướp lấy các đồ ngu-canh điền-khí và giống-mà đưa về để lo việc khai-khẩn đất hoang mà khai-cơ lập-nghiệp ở đó. Bà lại sai người đi chiêu-dụ các dân lưu-tán về ở đó cấy bừa làm ăn. Khi đã được tới hơn ba ngàn người rồi, thì bà chia ra cho ở làm bốn xóm, gọi là bốn điểm, tức là điểm Lai-sơn 萊山; Ngũ-khê 五溪, Hằng-nga 姮娥, và Tùng-chinh 從征。

Bà Bạch-ngọc có hai người cung-nữ, một người tên là Phạm 范, một người tên là Kỳ 忌, đều có vẻ đoan-trang, bà thường yêu-mến lắm. Thấy ông Nguyễn Thời-Kinh 阮辰敬 và ông Trần Quốc-Trung 陳國忠, đều một lòng tận-trung kiệt - thành với bà, trước đã không quản vào sinh ra tử mà bảo-hộ cho mẹ con bà được thoát khỏi mấy cơn tai-nạn, sau lại chẳng từ những nỗi lao - khổ, mà lo mộ phu phá hoang lập thành dinh trại cho bà, thì bà lấy làm qui-trọng lắm, cho nên bà đem nàng Kỳ mà gả cho ông Kinh mà nàng Phạm thì gả cho ông Trung để tỏ lòng cảm ơn với hai ông. Bà lại lấy tên hai cặp vợ chồng ấy mà đặt tên cho hai điểm mới lập ra, một điểm gọi là Kinh-Kỳ 敬忌; một điểm gọi là Trung-Phạm 忠范 để cho việc hay ấy được lưu-truyền tới ngàn muôn năm về sau.

Lúc bấy giờ vua Thái-tổ nhà Lê khởi-nghĩa đóng quân ở Ai-lao rồi sai tướng là ông Bùi Bị 裴備, Đinh Lễ 丁禮 và Đinh Phổ 丁浦 kéo quân xuống hạt Hương - sơn mà tiêu - trừ quân nhà Minh lúc bấy giờ đương đóng ở miền ấy.

Bọn ông Bùi Bị kéo quân đi tới đất Yên-áp thì chia nhau đưa quân đi đánh phá các đồn của quân giặc. Khi đã giết được tướng giặc là Ngô Cảnh-Câu và Cao Lô 高魯 thì ông Bùi Bị lại mộ thêm quân lính mà sai tụi ông

Nguyễn Tông Qui 阮從規, Nguyễn Tông-Cử 阮從矩, Nguyễn Tông-Chính 阮從政 và Nguyễn Văn-Bằng 阮文朋 chia nhau kéo quân đi mà tìm-nã các dư-đảng của giặc đang núp trốn trong rừng núi.

Nguyễn Tông-Quy và Nguyễn Tông-Cử đưa quân đi tới đất Bi-bản, thấy ở trên núi có nhà cửa làm theo lối lâu-đài nhà vua, và tới-tớ hầu - hạ, cách cử-chỉ trang-nghiêm kính - cần cũng giống như các bọn kim - đồng ngọc - nữ ở trong chốn thâm-cung, thì đều lấy làm lạ, mới rủ nhau về thuật chuyện lại cho ông Bùi Bị nghe. Ông Bùi Bị nghe tin thì tức - thì thân - hành đi tới nơi mà hỏi xem nguyên-ủy.

Ông Bùi Bị vào hỏi thăm biết là bà Hoàng-hậu cùng nàng Công-chúa vua Duệ-tôn nhà Trần bị loạn tới đó, thì liền rước mẹ con bà về ở xứ Ky-đà, lại sai mấy tên tỳ-tướng trung-thành ở đó mà hầu bà, rồi kéo quân lên Ai-lao mà rước vua Thái-tổ nhà Lê.

Khi vua Thái-tổ kéo quân về tới dãy núi Yên-mã rồi đóng quân lại đó mà triệu-hội các tướng thì ông Bùi Bị đưa bà Hoàng-hậu cùng nàng Công-chúa vào xin bệ-kiến. Vua Thái-tổ thấy nàng Huy-chân công-chúa đã có nhan-sắc lại đương trẻ tuổi thì nạp làm cung-phi. Ngài sai làm hai toà đèn một toà gọi là Phượng-hoàng, một toà gọi là Ngũ-long để cho mẹ con bà ở.

Từ đó Nguyễn Thời-Kinh và Trần Quốc-Trung lại ra giúp vua Thái-tổ mà đưa các lương-thực của bà hoàng-hậu tích-trữ trong trận từ mấy năm nay mà cấp cho quân nhà vua.

Bà Huy-Chân sau sinh được một người con gái đặt tên là Ngọc-Châu 玉珠, phong tước là Trang-từ-công-chúa.

Vua Thái-tổ thấy con ông Bùi Bị là Bùi Ban, người cao bảy thước mà có sức khỏe lạ thường lại theo cha đi

đánh giặc Minh đã lập được nhiều công, thì đưa nàng Trang-từ-công-chúa mà gả cho làm vợ. Ông Bùi Ban sau được liệt vào hạng khai-quốc-nguyên-huân và được phong tới tước Minh-quận-công 明郡公.

Trong năm đầu hiệu Hồng-đức vua Thánh-tôn nhà Lê, ông Bùi Ban phụng mệnh đi đánh nước Xiêm, chẳng may bị thương nặng rồi đưa về tới đất Thổ-hoàng thuộc huyện Hương-son bây giờ thì mất.

Ông Bùi Ban mất được năm năm thì bà Trang-từ lại trở về đi tu cùng bà là bà Bạch-Ngọc và mẹ là bà Trinh-Thục ở chùa Diên-quang thuộc về địa-phận làng Hoảng-công 弘公 (tức là làng Phụng-công bây giờ). Bà Trang-từ có cúng vào chùa sáu mẫu ruộng để lo việc tế-tự trong chùa. Trong chùa ấy có một cái tượng, gọi là tượng Thành-mâu, mà theo như người sở-tại thì đó là tượng của bà Bạch-ngọc.

Bà Bạch-Ngọc lại có lập ra một cái chùa ở làng Trung-hòa 忠和 (tức là Trung-Phạm ngày xưa). Chùa ấy gọi là chùa Tiên-lữ 仙侶. Bà lại để ba mẫu ruộng ở xứ Ao-sen làm ruộng tam-bảo chùa ấy. Đến sau Khôi-quận-công là Trần Hồng 陳洪 dấy loạn rồi tranh chiếm ruộng ấy làm của tư. Lúc bấy giờ Trần Hồng tự xưng là con cháu nhà Trần, cho nên dân trong nước theo đảng cũng nhiều lắm.

Bà Bạch-Ngọc và bà Huy-Chân đều mất về đời Hồng-đức, còn bà Trang-từ thì mất về đời Cảnh - thống 景統. Lãng bà Bạch - Ngọc thì ở xứ Bản-bì, còn lãng bà Huy-Chân và bà Trang-Từ thì ở trên núi Phúc-son 福山 là chỗ sau đền Ngũ-long bây giờ. Bởi vậy núi Phúc-son cũng gọi là núi Vua, mà xứ ấy cũng gọi là xứ « Mồ-Vua ».

Theo nham-cảo đền Ngũ-long thuộc làng Hòa-yên và nham-cảo chùa Diên-quang thuộc làng Phụng-công thì sự-

tích bà Bạch-Ngọc và bà Huy-Chân là thế. Còn như việc sai hay nhầm, không hay có, thì chúng tôi cũng chưa dám chắc là thế nào. Đền và chùa làm từ năm nào, trong nham-cảo không thấy nói tới, thì chúng tôi cũng không có thể nào mà nghiên-cứu được, bởi vì mấy cuốn sổ hiện bây giờ đây là mới viết lại về hồi Cảnh-thống, còn mấy cuốn đầu tiên thì khi trước gặp loạn đã bị thiếu-hủy cả rồi. Vả lại theo lời văn trong các nham-cảo đó thì người viết mấy cuốn đó lại là người còn ít học. Chuyện đã viết theo truyền-ngôn mà người viết chuyện lại là người ít học, thì trong ấy sai - lầm tưởng cũng phần nhiều. Tức như chép rằng bà Bạch-Ngọc là vợ vua Duệ-tôn, thì điều ấy là một điều sai-lầm rất lớn và rất rõ - ràng.

Theo sử Nam thì vua Duệ-tôn đi đánh Xiêm-thành rồi bị tử-trận trong năm đĩnh-tỵ là năm 1377. Mà năm vua Thái-tổ nhà Lê ở Trưng-dương đưa quân xuống Nghệ-an mà đóng ở dãy núi Thiên-nhận là về năm ất-tỵ tức là năm 1422. Vậy thì tự khi vua Duệ-tôn nhà Trần tử-trận cho tới khi vua Thái-tổ nhà Lê gặp mẹ con bà Bạch - Ngọc thì tính ra đã được tới bốn-mươi-chín năm rồi.

Nếu bà Bạch-Ngọc quả là vợ vua Duệ-tôn mà nàng Huy-Chân quả là con gái ngài, thì năm gặp vua Thái-tổ, nàng Huy-Chân ít ra cũng đã tới bốn chín, năm mươi tuổi rồi. Không có lẽ vua Thái-tổ lại đi cưới một người vợ tuổi tác dường ấy. Vậy thì bà Bạch-Ngọc không phải là vợ vua Duệ-tôn nhà Trần đã rõ rồi. Có lẽ thì bà là hoàng-hậu của vua nào về cuối đời nhà Trần thì phải.

Ước gì các bậc hiếu - cõ ra công khảo-cứu trong các sổ sách ngày xưa như là dã-sử, gia-phả, hay là nham-cảo các làng, mà xét cho rõ được sự-

tích của bà ấy, thì tưởng bổ-ích cho các nhà khảo-cổ không phải là ít.

Cuộc đi chơi phủ Diên

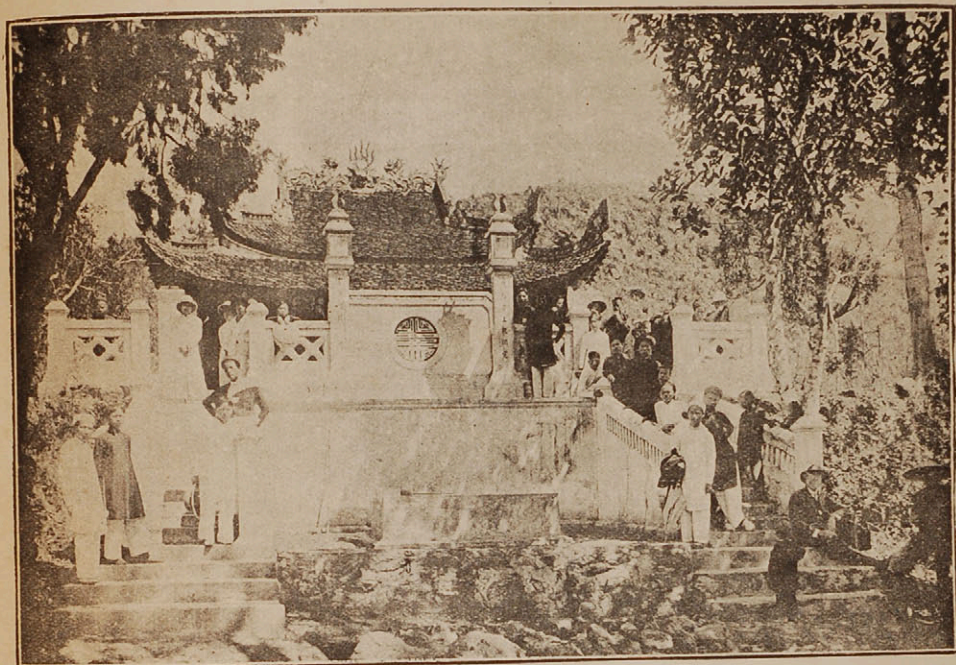
Ngày thứ năm 22 Mars 1928, quan Đốc dẫn học-trò đệ-tứ-niên đi chơi mấy nơi danh-thắng trong hạt phủ Diên.

Sáu giờ rưỡi sáng thì thầy trò lên ô-tô ra đi. Khi tới ga Đò-Cấm, thấy mấy vạt cây thông xanh tốt như rừng của sở Kiểm-lâm trồng ở hai bên đường và trên sườn núi, thì quan Đốc bảo dừng xe lại để thầy trò lên xem, và nhân tiện dạy cho học-trò một bài học về cách giồng thông và các công-dụng của cây thông luôn thể.

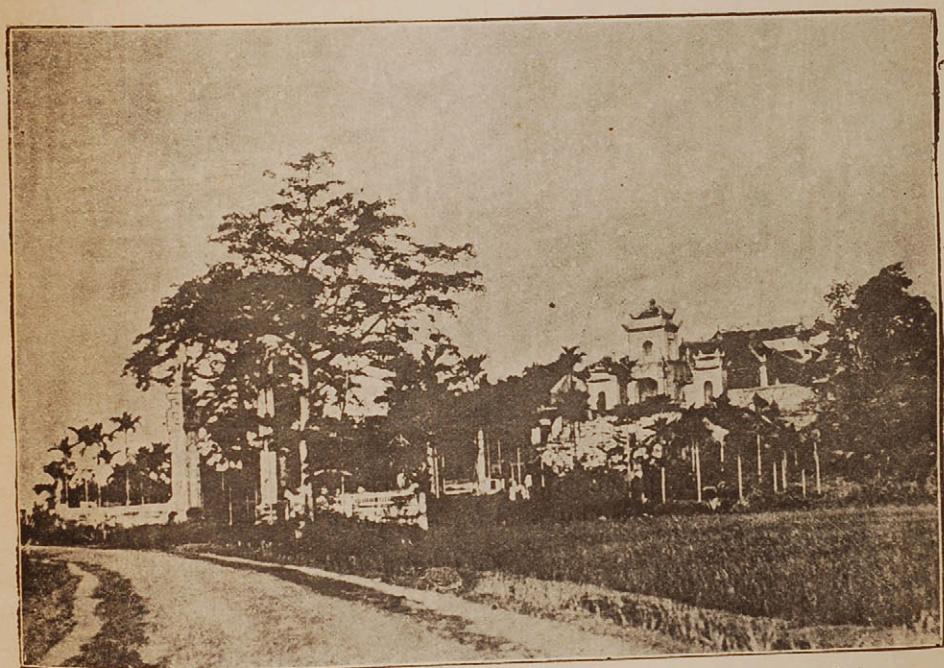
Trong đất ở trên núi này, phần nhiều là đá nhỏ, các thứ cây khác mọc lên ở đó, không có cây gì tốt được như thường, thế mà thông thì cây nào cây nấy đều có vẻ tươi tốt màu mỡ, thế mới hay câu của người Tàu nói: «Thạch-thượng tài tùng» là đúng, và mới hay người Tàu tinh về thổ-nghi cũng đã sớm lắm vậy.

Ở trên núi xuống đi ra tới cầu Đò-Cấm, trông về phía tây, thấy ước chừng vào trăm người đương đào đất đắp bờ dọc theo bờ sông, hỏi ra mới biết đó là phụ đắp đê để ngăn nước mặn mà cây bừa cấy khu đất trên bờ sông ở đó. Nguyên ở trên bờ táng-nạ về phía ngoài cầu, có một dải đất ước chừng vài ba trăm mẫu, nhưng vì mỗi khi nước lên, thì nước mặn tràn vào, cho nên phải chịu bỏ hoang, chứ không cấy cấy gì được. Năm trước quan Công-sứ CHATEL nhân năm cơ-cận, dân-tình cát-cứ, mới trích công-ngân ra 3.000\$ phát về cho huyện Nghi-lộc hưng-công đại-chấn mà đắp đê để chỗ ấy thành ruộng cho dân cấy cây.

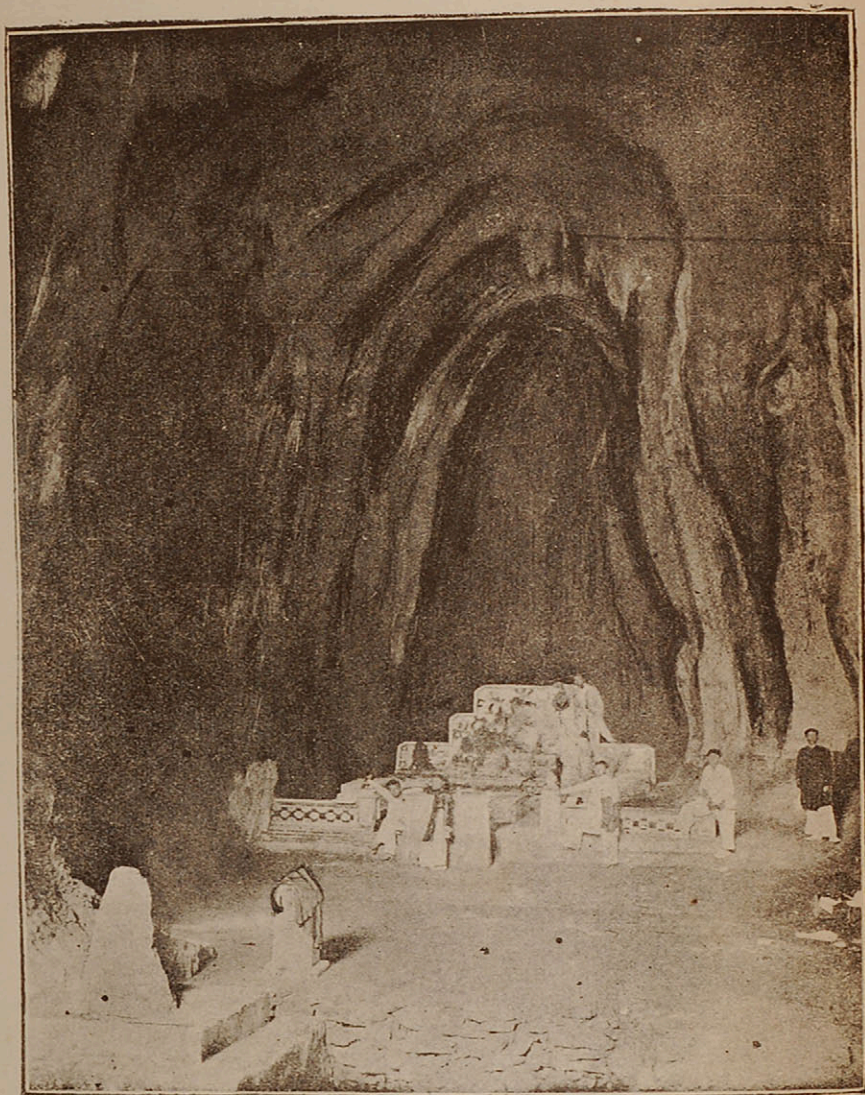
Thầy-trò đứng trên cầu xem phụ đắp đê một chốc, rồi lại lên xe đi ra.



Chùa Điền-quang. — Cửa trong



Đền vua An-dương-vương (Đền Công) ở núi Mộ-dạ (Phủ-Diễn)
Kính ảnh Trần-đình-Quán, Vinh



Động Lạc-sơn.—Bàn thờ Thập-phương
chư-phật ở trong động

Kinh ảnh Trần-đình-Quán, Vinh

Ngồi trên xe trông về phía tây, thấy một dòng nước quanh co, chảy giữa cánh đồng, đó tức là kênh Sắt. Kênh này theo *Đại-Nam-nhất-thống-chi* thì đào ra từ đời nhà Trần, mà theo tục truyền thì của Cao Biền đào ra, cho nên tục lại gọi là Thiên-uy-cảng.

Xét trong sử thì trong năm thứ bảy hiệu Kiến-trung (1232), vua Thái-tôn nhà Trần sai đào sâu mấy cái kênh ở Nghệ-an, chứ suốt đời nhà Trần không thấy nói đến việc đào kênh mới trong hạt này; vậy thì nói rằng kênh Sắt đào ra từ đời nhà Trần, cũng không rõ là theo về sách nào. Lại như nói rằng kênh này là của Cao Biền đào ra, thì cũng chẳng qua là theo khẩu-truyền, chứ cũng chưa có gì làm bằng-chứng. Bởi vậy chúng tôi cũng chưa dám quyết là kênh này đào ra từ Cao Biền hay là từ nhà Trần. Còn như nhận kênh này làm Thiên-uy-cảng thì chẳng qua là nghe kênh này là của Cao Biền đào ra, và thấy trên bờ khúc kênh chảy qua xã Văn-trình có nhiều quặng sắt (bởi vậy mới gọi là kênh Sắt), cũng phảng-phất như Thiên-uy-cảng ở giữa dòng có đá, cho nên mới ngộ-nhận làm vậy đó mà thôi, chứ xét ra thì Thiên-uy-cảng không phải thuộc về địa-phận nước Nam. Nguyên sử chép rằng: « Cao Biền đi tuần ở sông Dung-châu 容州江, thấy lòng sông lấm đá, thuyền bè đi lại không tiện, bèn sai Lâm Phúng và Dư-Tồn-Cổ đưa quân đi khai đạo, gặp một chỗ có một hòn đá lớn lắm, đứng tro-tro giữa dòng, quân lính không làm thế nào mà phá tan được. Một hôm trời mưa to gió lớn, có chừng hai trăm tiếng sét đánh luôn vào, làm cho hòn đá ấy vỡ tan ra; từ đó dòng sông mới thông. Vì có uy trời sấm sét, cái kênh ấy mới thành, cho nên đặt tên kênh là Thiên-uy-cảng. » Vậy thì Thiên-uy-cảng là về phần đất tỉnh Quảng-tây bên Tàu, cách địa-phận nước Nam xa lắm, chứ

có ở đầu trong địa-phận nước Nam, mà nhận là kênh Sắt tỉnh Nghệ-an được.

Đi qua ga Mỹ-lý một đoạn thì dừng xe lại, rồi thầy trò đi rẽ vào làng Nho-lâm, mà xem mấy cái lò rèn và hỏi sự-tích việc lấy sắt ở làng ấy. Nguyên ở xã Văn-trình gần đó có một hòn núi, trong núi có mỏ sắt (bởi vậy mới gọi là núi Sắt), ngày trước dân Nho-lâm thường đi lấy sắt ở đó đưa về luyện ra mà rèn các đồ dùng như lưỡi cày, lưỡi cuốc, răng bừa, dao, rạ, liềm, hái, nói tóm lại thì tất cả các đồ cần - dùng trong nhà về sự canh-nông.

Vào tới nơi thì thầy trò liền ghé vào thăm cụ Tế Đặng Văn-Đoan để nhờ cụ thuật chuyện cho biết sự-tích nghề làm sắt ở làng cụ. Nhưng cụ nói rằng trong làng cụ xưa nay không có sổ-sách gì để lại nói về việc ấy cả, cho nên bây giờ cũng không biết là dân làng cụ biết lấy sắt ở núi Sắt từ hồi nào nữa.

Xét trong sử thì về đời nhà Trần có thu thuế sắt ở châu Hoan mỗi năm phỏng 400 tạ. Và theo lời các cổ-lão truyền ngôn-lại thì về đời Hồng-đức nhà Lê, có một năm dân xã Văn-trình cấm không cho làng Nho-lâm sang lấy sắt ở núi Sắt, cho nên hai làng kiện nhau mãi, sau làng Nho-lâm vào kêu tới Bộ, thì vua Thánh-tôn phê vào đơn năm chữ: « Sơn hà qui thánh đế 山河歸聖帝 », rồi từ đó dân làng Văn-trình không dám ngăn giữ nữa.

Xem như vậy thì làng Nho-lâm biết lấy sắt sống ở núi Sắt về mà rèn đồ, có chậm chẳng nữa thì cũng từ đời nhà Trần kia rồi.

Từ độ ba mươi năm về trước, vì dân làng làm được sắt, cho nên trong làng có tới những hai, ba trăm cái lò. Mấy năm nay, phần thì vì sở Kiểm-lâm cấm ngặt quá, dân không được tự-tiện chặt củi đốn than như khi

trước, cho nên không có đủ than mà luyện sắt, phần thì vì hầm sắt đào xuống sâu quá, bây giờ xuống mà lấy sắt thì đã khó-khẩn lại có phần nguy-hiểm. Bởi vậy các lò luyện sắt bây giờ bỏ hết rồi. Tuy dân làng ấy còn theo nghề « thợ rèn » thì trong làng còn có tới mấy mươi cái lò rèn, nhưng sắt thì đều phải ra Hải-phòng hoặc vào Bến-thủy mà mua các thứ sắt loại ở bên Tây chở sang, như đường - lầy (rails), toa-ve-tơ (traverses), nồi-nước tàu thủy và xe lửa, vãn-vãn.

Cụ Tế dẫn thầy trò đi xem các lò rèn xong rồi thì dẫn vào cái đình làng để thầy trò nghỉ chân.

Vào trong đình thấy ở gian giữa có treo một bức biển có ba chữ: «Tứ trung nghĩa 賜忠義» của vua Hiền - tôn nhà Lê ban cho. Hỏi sự-tích thì cụ Tế nói : « Đó là vua Lê ban cho dân làng cụ để khen cái lòng không theo giặc và thưởng cái công đã bắt được tướng giặc là Nguyễn Hữu-Cầu mà tục gọi là giặc He. Nguyễn Hữu-Cầu lúc bấy giờ ở ngoài Bắc bị ông Phạm Đình-Trọng đánh thua mãi, phải bỏ chạy vào Nghệ-an mà mộ thêm quân. Nguyễn Hữu-Cầu có tới làng Nho-lâm để rủ dân làng ấy theo đảng, nhưng không ai chịu theo cả. Hữu-Cầu tức-giận và muốn đề dọa làng khác, cho nên sai quân phóng-hỏa thiêu-hủy làng ấy đi. Được ít lâu ông Phạm Đình-Trọng lại theo vào đánh cho Nguyễn Hữu-Cầu thua luôn mấy trận. Tướng-sĩ của giặc phần thì bị giết, phần thì bị bắt, Nguyễn Hữu-Cầu một mình chạy lên dãy núi thuộc tổng Hoàng-mai mà trốn. Chẳng may lúc bấy giờ dân làng Nho-lâm có mười người đi đốn củi đốt than ở trên núi ấy, trông thấy biết là Nguyễn Hữu-Cầu, mới lừa mưu bắt trói lại đưa về nộp cho ông Phạm Đình-Trọng. Ông Phạm Đình-Trọng làm sớ về tâu vua, nói rõ sự-tích như vậy, cho nên vua Lê mới ban cho biển ấy.

Thầy trò từ-giã cụ Tế rồi lại đi ra phủ Diên để ăn cơm và ra chơi cửa Vạn.

Tới ba giờ chiều thì thầy trò lại lên xe ra về. Khi về tới chợ Sò, thì lại dừng xe để xuống xem cái hầm sò ở đó, chỗ ấy gọi là Bạch - long - đồi 白龍堆. Nguyễn dẫn dắt chạy dọc từ Đồn-công ra tới cầu Bùng dài ước chừng mười cây số, ở dưới đất đều có các thứ ốc, nghêu, mà nhiều nhất là vỏ sò, đóng lại thành một lớp cứng như đá mà có chỗ dày được chừng ba thước tây. Dân sở-tại thường ra đào về để thay gạch mà xây nhà xây tường. Khi xây thành phủ Diên, cũng dùng đá sò này. Các chỗ đất có sò thì người ta giồng bắp, khoai lang mà nhất nhiều là đậu.

Vỏ sò này ở đâu mà tới, chắc ai cũng đã biết; chỗ này ngày xưa là biển, tới sau bờ biển bồi ra dần dần mãi, bây giờ mới thành ra đất liền. Hầm sò này cũng như mấy cái cồn « điệp » ở huyện Quỳnh-lưu và huyện Nghi-lộc là một cái tang-chứng rõ-ràng về sự thương-hải tang-diễn vậy.

Thầy trò quan-sát xong lại lên xe đi vào xem đền Công thờ vua An-dương-vương ở trên núi Mộ-dạ. Đền này dân làng Cao-ái, làng Tập-phúc, làng Cao-quan và làng Yên-phụ phụng-tự. Thường năm có các quan tỉnh ra tế.

Nguyễn theo *Việt-sử-ngoại-kỷ*, thì vua An-dương-vương họ là Thục 蜀 húy là Phán 泮, đánh lấy được nước Nam rồi thì đổi nước gọi là Âu-lạc, đóng đô ở đất Phong-khê. Có xây cái thành hình như con ốc, gọi là Loa-thành. Trị vì từ năm 257 tới năm 207 trước Thiên-chúa giáng-sinh, tính ra vừa được năm-mươi năm,

Vua An-dương-vương nhờ có thần Kim - qui trút cho cái móng để làm máy nổ rồi phá tan được quân của Triệu Đà. Triệu Đà biết vua An-dương-vương có nổ thần, thế không địch

nổi, bèn xin giảng-hòa, lại biết vua An-duong - vương có người con gái tên là Mị-Châu, thì sai sứ sang cầu-hôn, rồi cho con dâu là Trọng-Thủy sang ở rể mà dặn kiếm cách phá máy nỏ thần.

Trọng-Thủy ở được ít lâu bèn dỗ nàng Mị-Châu dẫn đi xem nỏ, rồi nhân dịp lấy cái máy đi. Lấy được máy rồi giả thác xin về thăm cha mẹ để về tin với Triệu Đà đưa quân sang đánh. Khi ra về có hỏi nàng Mị-Châu rằng: « Nếu ngày sau hai nước có sinh ra sự bất-hòa với nhau, thì chúng ta làm thế nào mà gặp nhau được? ». Mị-Châu thật dạ tin người, bèn nói với Trọng-Thủy rằng: « Thiếp có cái mền lông ngỗng, khi nào đi kiếm thiếp thì chàng cứ nhận lông ấy mà theo thì sẽ gặp ».

Trọng-Thủy về rồi thì Triệu Đà đưa quân sang đánh, An-duong-vương cậy mình có nỏ thần, cho nên việc võ - bị cứ bỏ trễ-nải. Nghe Triệu Đà đưa quân sang đánh mà vẫn tưởng nỏ thần hãy còn, cho nên vẫn cứ ngồi yên mà nói rằng: « Đà không sợ nỏ của ta hay sao? ».

Tới khi Triệu Đà đã dẫn quân vào tới nơi, mới đưa nỏ ra bắn thì máy nỏ đã gãy rồi. Lúc bấy giờ An-duong-vương không biết làm thế nào nữa, phải đưa con là Mị - Châu lên ngồi sau yên ngựa với mình rồi chạy về phía nam.

Mị-Châu ngồi sau ngựa, cứ lấy lông ngỗng mà rắc ra giữa đường để làm dấu cho Trọng-Thủy đi tìm. Bởi vậy quân của Trọng-Thủy cứ theo lông ngỗng mà đuổi theo mãi. Vua An-duong-vương chạy tới núi Mộ-dạ mà thấy quân giặc vẫn cứ đuổi hoài, mới kêu tên rằng: « Thần Kim-qui lên cứu ta ! »

Kim-qui ở dưới nước vọt lên mà nói to lên rằng: « Giặc ở sau ngựa, không giết để làm gì? » Vua An-

duong-vương rút gươm ra chém nàng Mị-Châu rồi cầm ngọc vắn-tệ dài bảy tấc theo thần Kim qui xuống biển mà đi.

Trọng-Thủy tới đó thấy vợ bị giết rồi, thì ôm thây van khóc, rồi sai quân đưa về Loa-thành mà mai-táng. Khi mai-táng nàng Mị-Châu xong rồi, thì Trọng-Thủy cũng nhảy xuống giếng mà trầm mình.

Tục lại truyền rằng: « Nàng Mị-Châu khi bị chém có nói rằng: « Cả đời thật-thà, bị người lừa đảo, khi chết rồi xin hóa làm ngọc châu. » Nàng chết rồi máu chảy xuống biển, các thứ trai hút được máu ấy thì sinh ra ngọc. Thứ ngọc trai ấy hề lấy nước ở cái giếng Trọng-Thủy trầm mình mà rửa thì lại đẹp thêm.

Bởi những lẽ trên ấy, cho nên đền thờ vua An-duong-vương mới làm ở núi Mộ-dạ, mà trong đền lại có cả bàn thờ thờ Trọng-Thủy và Mị-Châu nữa.

Sự-tích đền Công là như thế đó, còn nỏ thần và ngọc châu thì sự ấy có không không có, xưa nay các sử-thần nghị-luận cũng đã nhiều rồi, không cần phải biện-bác làm gì nữa.

Bây giờ chỉ nên nói là theo như sự-tích trên kia thì về hồi vua An-duong-vương, biển còn ở dưới chân núi Mộ-dạ, mà bây giờ biển đã ở cách núi ấy đến những 3,4 cây số rồi. Và theo địa-hình mà xét thì về hồi trước nhà Thục, hòn núi Mộ-dạ này còn ở giữa biển. Bởi vì về phía tây núi ấy có một dải sỏi và đá trầy từ chân núi chạy dài về phía tây-nam, đó tức là đá và sỏi mà sóng biển đập giạt vào. Lại mấy cánh đồng ở về phía tây núi đều có từng luồng như làn sóng, đó tức là sóng biển dội bùn non và cát ở dưới biển bồi lên.

Còn như đền này sở-dĩ gọi là đền Công, là vì khi trước ở núi này có nhiều công lẫm, mà nhất là chỗ sau đền lại cây cối sâm-uất, rồi chim công thường tới đó bay múa vui lắm. Ông Bùi Huy-Bích vịnh đền Công có hai câu thơ rằng:

Diều mang hải thượng văn tê khứ,
渺茫海上文犀去。

Đoạn tục lâm biên không tước lai.
斷續林邊孔雀來。

Quan Đốc đem sự - tích vua An-đương-vương kể qua một lượt lại nhân theo địa-hình mà giảng-giải lễ tang-hải-biến-thiên cho học trò nghe rồi, thì thầy trò lên xe trở về trường.

Cuộc đi chơi động Lạc-sơn

Ngày thứ năm 18 Avril 1928, quan Đốc đưa học-trò lớp đệ-tứ-niên đi chơi Lạc-sơn, thuộc huyện Tuyên-hóa, tỉnh Quảng-bình.

Học trò đi chơi chuyến này là chủ ý để đi xem mấy cái động trong hòn lên Lạc-sơn và mấy bức chữ của người Xiêm-thành trong cái động ấy.

Năm giờ sáng hôm ấy thì thầy trò lên ga lấy vé để đi xe-lửa. Học trò có được theo lệ giảm giá nửa tiền. Lấy vé xong, thì thầy trò đều lên xe ngồi nghỉ.

Đúng năm giờ 25 phút thì xe chạy. Hôm ấy mù to lắm, tuy đến hồi bảy giờ sáng, mà ngoài trời còn tối như ban đêm, cho nên ngồi trên xe cũng không trông thấy được phong-cảnh gì vui mắt. Xe chạy khỏi ga Yên-xuân, lại tới ga Chợ-thượng, ga Phụng-công, khỏi ga Yên-duệ, lại tới ga Hòa-duyet, ga Phương-trạch, cứ tới ga thì xe dừng lại trong mấy phút, cho khách trên xe xuống, khách dưới ga lên, đó cũng đều là sự thường, không có gì lạ.

Khi qua ga Thanh-luyện một đoạn, tới đất Vạn-dồng, thì quan Đốc ra chỉ cho học trò biết là đó có một cái mỏ than của người sở Hỏa-xa mới kiếm được. Quan Đốc lại theo sắc đất sắc đá ở đó mà dạy cho học trò biết rằng ở đó cũng còn có một cái mỏ sắt nữa.

Xe chạy khỏi ga Chu-lễ, ga Nha-phố, thì tới ga Lộc-yên. Ở ga này có sở đồn-điền của Bùi Huy-Tin ước chừng 200

mẫu tây; trong sở nào lúa, nào bắp, nào cà-phê, hoa-lợi nhiều lắm. Ở Đồn-điền này khi trước thì về sự vận-tải chỉ nhờ có đường thủy mà thôi, bây giờ có đường hỏa-xa chạy qua, thì thành ra đường thủy đường bộ đều thông cả, cho nên sự phát-đạt lại dễ-dàng thêm.

Xe chạy tới ga Phúc-trạch lại thấy một sở đồn-điền nữa, ước chừng hơn 100 mẫu tây của ông Coudeaux mới khai-khẩn.

Khỏi ga Phúc-trạch thì tới ga Tân-ấp. Ở chỗ này trồng cà-phê nhiều lắm. Ở trên núi thì có các thú muông chim rừng như voi, bò tót, hươu, nai, công, gà-di, v. v..

Đứng trên xe trông về phía tây, thấy có một con đường đi trên núi, hỏi ra mới biết đó là đường lên Ai-lao. Đường này đi qua đèo Qui-hợp, ngày xưa có quân đông đồn ở đấy, gọi là đồn Qui-hợp. Nguyên về đời Minh-mệnh, nước Ai-lao còn thuộc về nước Nam bảo-hộ. Năm thứ ba hiệu Minh - mệnh nước Xiêm-la kéo quân sang đánh nước Ai-lao, bởi vậy đức Nhân-hoàng mới sai đưa quân lên đóng đồn ở đèo Qui-hợp là chỗ giáp-giới với Ai-lao, một là để trang thanh-thế cho quân Ai-lao, hai là để phòng khi quân Xiêm-la có tràn sang địa-phận An-Nam thì đã sẵn có quân đó mà chống lại.

Từ Tân-ấp trở vào thì hai bên đường toàn là rừng xanh núi rậm, chỉ thỉnh-thoảng có đôi khóm nhà của các tú sơn-tràng ở để chặt cây đốn củi, chứ chưa có dân-cư gì mấy.

Có tới những chỗ này thì mới biết Nhà-nước họa ra con đường này là đã có lưu - tâm về đường mở-mang trong xứ. Những chỗ này về đường vận-tải, không có đường nào tiện cả. Nếu không có xe lửa qua đó, thì bao nhiêu ruộng đất cứ để cho cây mọc thành rừng, biết khi nào mà dân

các miền trung-châu lên đó mà khai-khẩn ra được ; bao nhiêu lâm-sản ở những chỗ này, biết bao giờ mà chở về các miền trung-châu được. Bây giờ đã nhờ có xe lửa đi lại dễ-dàng, vận-fải thuận - tiện, chắc chẳng bao lâu nữa mà chỗ rừng xanh núi rậm này sẽ lại thành ra mấy nơi dân-cư đông-đúc vậy.

Đứng trên xe trông về phía nam, thấy một dãy núi chạy dài ra biển, đó là dãy núi Hoành-sơn, chính là dãy núi có quan - hệ trong lịch - sử nước Nam vậy. Nguyên dãy núi này khi xưa là quốc-giới của nước Nam và nước Xiêm - thành. Và khi ông Trịnh Vĩnh cho chúa Nguyễn là Nguyễn Hoàng vào lập cơ-nghiệp ở Thuận-hóa có nói rằng : « Hoành-sơn nhất đại, vạn đại dung thân 橫山一帶萬代容身 », cũng tức là dãy núi ấy vậy.

Khúc đường từ ga Kiều-mộ tới ga Ngọc - lâm, thì núi mọc liền nhau, không có thung-lũng, mà xuyên hầm thì tốn công tốn của, cho nên đường xe chạy cứ phải quanh-co trên sườn núi mà lên dần dần. Bởi vậy có khúc đi xếp con bải lại thành ra hai khúc song-hành với nhau.

Khi tới gần ga Lạc-sơn thì phải đi qua ba cái hầm. Ngày xưa Cao Biền đào kênh gặp mấy hòn núi giữa dòng, phải nhờ có uy trời sấm sét mới phá tan được, rồi dòng sông mới thông. Chẳng hay khi mấy người xuyên ba hòn lên to lớn đó để mở đường cho xe chạy có phải nhờ thiên-uy không, hay là tự mình đã sẵn có cái thuật « cướp quyền tạo-hóa » mà chỉ dùng thứ « cốt-min » là thứ sét nhân-tạo mà thôi.

Khi xuống ga Lạc-sơn thì đồng-hồ đã mười giờ rồi. Thầy trò cứ lần theo đường hỏa-xa mà đi ra. Đi được một đoạn, thấy ở bên đường, trên bờ hữu-ngạn sông Minh-cầm, có một cái hang,

ngoài có xây một cái cửa bằng gạch, ở trên có đề ngang ba chữ « Sơn-linh-tự 山靈寺 ». Đó tức là cửa động Lạc-sơn. Chúng tôi bước chân vào, thấy ở bên cửa có một tờ yết-thị bằng chữ nôm của chánh-tổng sở-tại, đại-ý nói rằng cái động Lạc-sơn này đã vào sổ hội Bác-cổ rồi, theo tờ nghị-định của quan Toàn-quyền ký ngày 16 tháng 5 năm 1925, thì các khách du-quan trong khi đặng-lâm tới đó, không được phá-hủy hoặc mang đi một cái gì ở trong động này cả.

Xem tờ yết xong, quan Đốc dân học trò vào xem. Khi vào tới động, thấy ở ngoài hết có một cái hang rộng chừng năm thước tây, bề dài chừng hơn hai mươi thước, trông như một gian nhà gạch vậy, ở chính giữa, thạch-nhũ rơi xuống đông lại thành một hòn đá, đứng hơi xa xa mà trông thì hình như cái tượng, mặt người mà hình thú. Dân sở-tại thấy vậy, xây bàn thờ ra đó mà thờ Phật. Bởi vậy chỗ ấy người ta thường gọi là « Chùa Hang » mà chính tên chữ là « Sơn-linh-tự ».

Thầy trò ăn bánh lột dạ xong rồi thì thấp đèn và thuê người dẫn đường để đi xem các hang khác. Khi rẽ sang cái khuỷu ở bên hữu, thì thấy ở dưới có một viên đá bằng như cái phán, ở trên vách có mấy bài thơ. Bài thứ nhất của một ông Đốc-học tỉnh Quảng-bình ngày trước. Thơ rằng :

Thạch động lai thời siêu tục-lụy,
石洞來辰超俗累。

Giang đầu vọng lý luyện thiền-quan ;
江頭望裡戀禪關。

Lạc-san san tự truyền san thắng,
樂山山寺傳山勝。

Quận chí ưng đề đệ nhất san.
郡志應題第一山

Bài thứ hai thì của một người du-khách, mà cũng không có tên có hiệu gì cả. Thơ rằng :

Tạo-hóa thần kỳ tiết thử gian,
造化神奇洩此間

Đăng lâm kim nhật tưng du-quan.

登臨今日縱遊觀。

*Phật đài thanh tịnh phần hương
chức;*

佛臺清淨焚香祝。

Man tự lung hoành bình chúc khan.

巒字縱橫秉燭看。

Xem chỗ này xong lại đi xem mấy hồ ở trong mấy hang khác. Trong mấy hang sau này, thạch-nhũ đồng lại thành nhiều bình rất đẹp. Đi vào tới hang thứ hai, thấy ở giữa hang có ba cây bậc cấp thiên-tạo, trông rất là hần-tinh, tướng nhân-công cũng chưa lẽ làm được khéo và có vẻ tự-nhiên như thế. Thầy trò cứ lần theo bậc cấp mà lên, và đi và khen ngợi. Ngang đầu lên mà xem ở phía trên hang thì thấy: chỗ thì như bức cửa-võng, chỗ thì như cái áo treo, chỗ thì hình này, chỗ thì hình khác, rất là có vẻ ngoạn-mục.

Theo như bài thơ trên kia, thì cái bàn thờ Phật đã thấy ở hang ngoài kia rồi, còn chữ man thì xem khắp mấy hang này mà không thấy đâu cả. Hỏi người dẫn đường chỗ nào có chữ, thì nó nói rằng chúng nó mới đi tới hang ấy mà thôi. Nhưng khi chúng tôi đi lần sang chỗ cuối hang về bên tả, thì thấy có một cái cửa nhỏ thông qua bên kia. Vì chúng tôi cũng có chút tinh tò-mò, mới ngồi xuống rồi nghiêng mình đi qua bên kia.

Cái hang này thì không rộng bằng hai cái hang bên kia, nhưng ở hai bên, thấy có nhiều chữ lắm. Chữ viết bằng mực ta. Người ta nói đó là chữ của người Xiêm-thành ngày xưa. Mấy bức chữ ấy, tuy chúng tôi có biên và chụp ảnh đưa về, nhưng cũng không có ai đọc được. Thứ chữ ấy có phẳng-phất như chữ Lào, chứ không có chút nào giống chữ Hán cả. Vả viết cũng từ tả sang hữu như chữ Lào chứ không phải từ trên xuống như chữ Hán, chữ Nôm và chữ Mường.

Theo sách Tàu *Pháp-viền-chân lâm* 法苑珠林 thì đặt ra chữ có ba người là ba anh em họ Sử-hoàng 史皇 bên Tàu về đời thượng-cổ. Nguyên lúc bấy giờ có một con rùa mai đỏ mà trên có vân xanh. Ba anh em thấy vậy, liền sinh ra tư suy xét các lẽ biến-hóa của trời đất mà đặt ra chữ. Người đầu tên là Phạn 梵 đặt ra thứ chữ viết từ tả sang hữu, người thứ hai tên là Khư-Lư 佺廬 đặt ra thứ chữ viết từ hữu sang tả. Chữ của hai người ấy đặt ra thì đều viết ngang cả. Còn người thứ ba, tên là Thương-Hiệt 倉頡 thì bắt-chước các núi sông, tinh-tú, cây-cối, muông chim mà đặt ra thứ chữ viết dọc từ trên xuống. Tuy những chữ ông Thương-Hiệt đặt ra hồi ấy, bây giờ hoặc đã đổi đi, hoặc đã bỏ đi hết rồi, nhưng ông thật là ông tổ chữ Hán vậy. Còn lối chữ Xiêm-thành này thì tức là theo lối chữ của ông Phạn. Nhưng chữ của ông Phạn, cũng như chữ của ông Khư-Lư, ở bên Tàu từ xưa, vẫn không dùng tới. Vậy thì nước Xiêm-thành khi xưa theo một lối văn-minh nào với nước Lào, chứ không phải theo văn-minh nước Tàu.

Khi ra tới cửa hang thì đồng-hồ đã hơn một giờ chiều rồi. Thầy trò lại cứ theo con đường hỏa-xa mà đi ra ga Ngọc-lâm.

Ba giờ rưỡi thì xe Huế về tới đó. Thầy trò lại lên xe mà về Vinh. Hôm ấy đi về, thầy trò tuy đều mệt cả, nhưng học trò thì ai nấy đều lấy làm một cuộc đi chơi rất có thú-vị, vì có nhiều người thiết từ bé tới bây giờ mới đi xem hang lần này là đầu. Vả lại được xem tự-tịch của một nước ngày xưa mà rất có quan-hệ với lịch-sử nước nhà thì tưởng có cuộc đi chơi nào mà có thú-vị hơn nữa.

(Còn nữa)

HI-LONG DITHẶNG

希龍遺乘

Đặt-sử một nhà nho nước Nam : Cụ Đặng Xuân-Bảng tự Hi-long (1).

VII

XIX

Hết lòng thần-thánh tổ-tiên,
Ngoài vui chúng bạn trong yên họ-
hàng.

Triều vua Thành-thái năm thứ hai
(Tây-lịch năm 1890)

Ông sáu mươi ba tuổi, lúc vẫn-niên,
việc thần-thánh lại càng gia-tâm lắm.

Văn-từ hàng huyện nhân trước ở
xã Trung-dông, gần mé sông sắp lở
đến; ông bàn với thân-hào trong
huyện dời chỗ khác. Thân-hào ngại
phải bỏ tiền, lắm người lấy làm sự
khó khăn không đương nổi.

Ông bảo rằng:

— Đức thánh Khổng là bậc đạo-đức,
đáng nên kính-trọng. Thân-hào biết
được luân-lý cương-thường cũng nhờ
ó học đạo ngài. Nay đền thờ ngài gần
lở đến nơi, có lẽ nào khiết-nhiên được.

Ông bèn quyền các thân-hào và
xuất tài xuất lực, dời về xã Thượng-
phúc gần bên làng. Khi dời xong được
hơn một tháng thì xã Trung-dông
sập về huyện Nam-trực, mà chỗ đất
ấy cũng lở xuống sông mất, ai nấy đều
phục ông là tiên-kiến.

Đến như văn-từ ở trong làng ông
cũng cũng năm trăm quan để sửa lại.

Lệ làng sự-thần ba năm một lần vào
đám, đồng-dân ai cũng phải đóng tiền
tay để vào đám, ông cúng ngay một

ngàn tám trăm quan để làm miếu; tự
đẩy dân không phải đóng tiền nữa.

Ông sinh-bình vẫn thường sùng-
bái đức thánh Quan, đức thánh Văn-
Xương, vì là đức thánh Quan trung-
nghĩa với nhà Hán không chịu hàng họ
Tào, có kinh Đào-viên để khuyến-thế,
đức thánh Văn-Xương ở đời nhà Tấn
đi tu tiên có kinh Âm-chất dạy người
ta làm việc thiện; ông bèn xuất tiền và
quyên các thân-sĩ ở trong hạt làm
miếu thờ ở bên đông làng gọi là đền
Nhị-thánh hội Đồng-thiện.

Ông sùng đạo Phật, nhưng không
mê-tin về sự tôn-giáo. Một hôm có
người sư, cõ tràng hạt, áo cà-sa, nón
tu-lờ, giép vỏ dừa, tay cầm quyền
phổ-khuyến đến khuyên-giáo sửa
chùa. Ông hỏi:

-- Sư định sửa chùa để làm gì?

— Na-mô-a-di-đà Phật, làm chùa để
cúng Phật.

— Cúng Phật để làm gì?

— Cúng Phật để cầu phúc.

— Cầu phúc là nghĩa thế nào?

— Lúc sống thì cầu Phật độ cho mạnh
khỏe, lúc chết cầu Phật độ cho lên
cõi cực-lạc.

— Quả như lời sư nói, chỉ cầu cúng
mà Phật cũng tế-độ cho, thời những
đứa trộm cướp cứ giết người lấy của
trần, về chằm cầu cúng, Phật cũng độ

(1) Xem N. P. từ số 132-137.

cho nó được lên cõi cực-lạc hay sao ?

— Bạch, kinh nhà Phật cũng dạy sám-hối; những đũa bạc-ác hay hồi-tâm hướng-thiện, Phật cũng đem lòng từ-bi lễ-độ cho.

— Quả như lời sư nói thời người ta đã có thực lòng tu-thiện, thời bất-tất phải làm chùa, bất-tất phải tô tượng đúc chuông. Phật đã chứng-quả cho rồi, tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ ấy là chân-tu; dầu xây chín bậc phù-đồ, sao bằng làm phúc cứu cho một người. Xem thế-tục bây giờ, chỉ vụ-danh mà không biết vụ-thực; nay làm chùa, mai tô tượng đúc chuông, chẳng qua yêu phúc với Phật, nhưng không biết ba nghìn thế-giới đều là cảnh cực-lạc, Phật có phải đòi mình làm chùa mới có ở đâu.

— Sư lặng ngắt ngồi nghĩ một lúc nói rằng :

— Cụ lớn xem sách Phật cũng rộng, chắc là sách bên đạo cụ cũng xem.

Ông nghe có ý nói thêm ông đỡ bực dờ đạo, ông nói rằng :

— Sách nào tôi cũng xem, đạo nào phải tôi cũng theo.

Nói chưa dứt lời, sư toan sự đứng dậy cáo biệt.

— Mời sư ngồi lại chơi thông-thả đề nói hết câu chuyện sư nghe. Đạo Gia-tô cũng giống như đạo Phật, có mười điều răn : một là kính-mến đạo Thiên-chúa ; hai là thực bụng với Thiên-chúa, đừng nói dối ; ba là giữ ngày lễ bái ; bốn là kính-mến cha mẹ ; năm là đừng giết người hại người ; sáu là đừng làm sự gian-dâm ; bảy là đừng đi ăn trộm ; tám là đừng nói vu nói càn ; chín là đừng quyến-dũ vợ con người ta ; mười là đừng có tham lấy của người ta. Ngày lễ cũng có ăn chay, sám-hối không khác đạo Phật. Xem như triều nhà Lý, thiên-tử bái Phật, triều nhà Trần Thượng-hoàng xuất-gia ; triều nhà Đinh và phái nhà Nho cũng trọng đạo Phật, không những ở dân-gian, các ông hòa-thượng triều nhà Lý tu-hành

đắc-đạo. Đức Khổng Minh - Khổng ở huyện Gia-viễn cao tay có phép thần-thông, chữa được vua Lý thần-tôn hóa hùm. Đức Lô-Đô người đất Hoàng-giang, kinh-dô hồ hoạn chưa yên, đọc câu thần-chú hồ liền lãnh xa. Thế biết phép Phật linh-thông, cứu-dân độ thế, công-đức ấy đáng nên sùng-bái. Lại thay đạo Phật đến bây giờ đối với đạo Gia-tô thời lãnh-đạm quá ; bởi vì các người theo đạo Phật, không biết đem kính Phật diển-giảng cho thiện-nam tín-nữ mọi người đều nghe, chỉ biết tay lần hạt, miệng đọc kệ, đầu lạy Phật, lấy thế làm hết bản-phận tu-hành, cứ ra quốc-dân không được bỏ-ích cả. Kia xem các cổ đạo khuyên bảo con chiên và người trong bôn-đạo, bảo-ban cách ăn-ở cẩn-kế mọi điều như là cha bảo con, thầy bảo trò, anh bảo em vậy. Người trong bôn-đạo ai có cấp-nạn cố giúp đỡ cho, không trách giáo người ta phát-đạt hơn giáo mình. Miệng người ta nói dõc một lòng trông một đạo. Lại có câu : « Miệng Na mô, bụng bồ dao găm, » xét ra cũng có.

Lão sư hồ-mang bấy giờ nghe ra có tật giạt mình lùi thảng.

Việc thần-thánh rất là kính-trọng, đều như tiên-tổ lại càng lưu-tâm lắm.

Tự nghĩ rằng : có tổ-tiên mới có mình, chim có tổ người có tông, tình huyết-mạch không thể khiết-nhiên được. Bèn xuất tiền tu-bồ từ-đường họ nội họ ngoại đầu đấy đều chu-tất hết thảy.

Nhân có mộ tổ đề xa ở xã Cồ-lộng và xã Cát-kê, ông mưu với trong họ xây mộ cho kiên-cố, và mua ruộng ở xã ấy giao cho người coi mộ. Khi ấy có tên trưởng-tộc Đặng Thăng là một người trắng-trợn không bằng lòng nói rằng : « Mộ tổ đề đấy đã yên rồi, việc gì phải xây lạ, việc gì phải mua ruộng thêm tốn tiền ? »

Ông bảo rằng : Anh biết một không biết mười. Phần-mộ là việc quan-hệ ;

tổ-tiên hài-cốt đối với con cháu cũng như âm-diện với dương-diện, hai khí giao-ứng với nhau rất là quan-hệ. Nên biết phần-mộ ở xa, con cháu không hay đến đây, tang-thương biển-cải, chắc đâu mãi như thế này; lỡ ra có sự bất-trắc, thời con cháu chả phải tội với tiên-tổ lắm dư ? » Ông bèn xuất tiền nhà ra xây mộ và mua ruộng để cho người chôn ấy nhận coi, không phiền gì đến họ. Cách được mấy năm xã Cát-kê có tên cường-hào đến kêu với ông rằng ngôi mộ tổ để đây làng động, có ý dọa dể với tiên.

Ông nói : « Mộ tổ để đây đã mấy mươi năm nay, không thấy ai nói động, bây giờ mới thấy anh nói động, thời động về lẽ gì ? Phàm địa-lý chỗ nào thủy-sa phân-xạ ngay trước mộ thời mới động ; động thời nhà có mộ động trước. Sao nhà tôi không thấy việc gì ? » Tên ấy thưa : « Tôi không biết địa-lý, thấy các thầy địa-lý đến đây xem, kêu rằng động, thì tôi cũng biết là động. »

Ông lại nói : « Những thầy địa-lý bây giờ được mấy thầy biết gì, chẳng qua chỉ cầm cái địa-bản đi nói dối người ta lấy tiền ; nếu biết chỗ nào động chỗ nào không, chả làm lấy đất cho nhà mình, còn phải làm cho ai nữa. Anh về cứ bảo người địa-lý ấy đến đây tôi hỏi quả thực động thì tôi sẽ dời đi chỗ khác. »

Người ấy lặng ngắt bèn thôi.

Việc tiên-tổ phân-mộ đã vậy, đến như họ-hàng lại càng chu-tất mọi việc.

Trong họ người nào bỏ-côi đem về nuôi, dựng đặt cho được nên vợ nên chồng như đũa có đôi. Người nào chết không có con thời cho sáng váu mai-táng.

Có một người công nợ không trả được, người chủ nợ bắt-bớ lôi-thôi. Ông gọi người chủ nợ bảo rằng :

— Công nợ nhất trả nhì van, nay nó không trả được, anh định giết nó hay sao ?

Người ấy kêu :

— Chủ ấy nợ của tôi năm mươi quan tiền có văn-tự, đã lâu nay vốn lãi không trả đồng nào, hỏi đến thời chủ ấy lại nói nhiều điều như dấm vào tai, ai là chẳng tức. Chủ ấy là người họ quan lớn, nên tôi đã phải nhin như nhin com sống đã nhiều lần ; phen này tôi không để yên nữa.

— Nô thực nợ của anh, có giấy-má, thời tôi cho năm-mươi quan để trả vốn anh, còn lãi nên chám-chước cho nó.

— Bầm nợ đã tám chín năm nay, kễ lãi ra bây giờ không biết thế nào mà tính, bây giờ tôi chỉ xin vốn lãi một trăm thôi.

— Nếu cứ tính lãi ba phân như thế thời một trăm không mấy lúc thành nghìn, nhà giàu để của đâu cho hết. Anh nên biết tạo-vật còn có thừa-trừ, người ta cũng có món lãi món lỗ, giàu sau mới bèn. Nghe tôi lấy vốn chứ, còn làm phúc cho nó, và để cái phúc ấy cho con anh.

Người ấy vốn là người riết-ráo, nhưng nghe lời ông, cũng mở lòng nhân-đức.

Việc họ-hàng đã vậy, trong anh em lại càng thân-ái. Ông xử với anh em tình rất đôn-đốc, từ lúc bé đến lúc lớn vẫn thương mãi vậy. Em ruột thứ hai là Đặng Ngọc-Toản đỗ cử-nhân, khoa vào thi hội, cũng có bài được ngư-lâm ; học có tiếng ngang với Hoàng-giáp Đỗ Đình-Liên, Tiến-sĩ Phạm Trọng-Mưu, thế mà không đỗ cao, lấy làm phân-uất lắm. Ông ủy-dụ rằng :

— Anh em ta nhờ tiên-ấm được như thế này, cũng là hạnh-phúc lắm. Tôi đã đỗ mà chú lại còn đỗ đại-khoa nữa thời nhà mình tích-đức được bao nhiêu, mà chú với tôi lại hưởng hết cả. Vả học tài thi phận, thôi chú bình-tâm vậy.

Tự đó ông Toản không đi thi hội nữa, ra làm Giáo-thụ được hơn năm, về nhà dạy học-trò ngồi ở Bồng-hải (thuộc tỉnh Ninh-bình), dạy đồng

học trò kê hơn ngàn người, thành-đạt được cử-nhân, tú-tài hơn chín mươi người. Ông ấy ham đạo Phật; học-trò ai đến học cũng giảng-thuyết đạo Phật và bắt học kinh *âm-chất* của đức thánh Văn-Xương. Ông thực là nhà học-hạnh danh-giá ở xứ Bắc-kỳ.

Người em thứ ba là Đặng Quân, cùng cha khác mẹ, tính hay chén, rượu vào lời ra, nói giai như cháo. Một hôm đến chơi nhà ông đã thấy say tít.

Ông hỏi :

— Sao sẵn tiền mua rượu thế ?

Ông Quân bầm :

— Bầm tiền đâu mà sẵn.

— Sao thấy rượu say ?

— Rượu đâu mà uống, uống đâu mà say. Nay đến nhờ anh mười quan tiền về tiêu.

— Tôi cấp tạm cho chú đã nhiều, lấy của đâu mà cấp mãi; dầu năm đến giờ tiền trao tay cho chú mấy lần chú có nhớ không ?

— Bầm, tôi rày có tính nhãng, không nhớ.

— Không phải chú nhãng, chỉ tại chú chén say tít cung-thang; nếu chú có nhớ tôi cũng chả dòi, chỉ nhắc lại để chú biết thôi, nay nhà không sẵn.

— Anh không sẵn thì ai sẵn. Tục người ta nói : « Một người làm quan được sang cả họ », cả họ còn được nhờ nữa là em. Em không nhờ anh thì nhờ ai ? . . . thì nhờ ai ?

Nói đi nói lại, nói mãi không thôi. Nghe chán cả tai, ông ngồi lặng ngắt, bèn gọi thẳng Chắt lấy ba quan tiền, đưa liền chú tiêu. Bấy giờ chú được tiền, mới khỏi cà riềng cả tởi.

Nói nhè nói nhệ, say be say bét; đầu thì ngắt-nga ngắt-ngưỡng, chân thì tạt-tà tạt-tưỡng. Ngã vào cái ngưỡng, đau thậm là đau; dất lấm cả râu, gạch sễ cả răng. Kêu sợ anh mắng, liền về thẳng; về đến đầu hè gọi : « Cháu đâu lấy be mua rượu, ông uống nữa nhè ! . . . »

Ông lại có người em gái lấy ông

Nguyễn Trụ xã Dũng-nghĩa, đỗ cử-nhân, làm Tuần-phủ tỉnh Hà-tĩnh. Ông ấy lấy vợ bé ở chỗ làm quan; bà ấy ở nhà nghe tiếng, chăm gan ngửa tiết, lập-tức đến ngay chỗ làm quan đánh người vợ bé, xé cả quần áo, vác vênh vác vào, giận ông tháo ngay về nhà.

Ông biết tin, tìm xuống chơi hỏi truyện.

Ông bảo :

— Sao cô ghen mấy ? Lại còn bé có không học nên cô không biết. Bảo ai biết chữ đem kinh *Thi*, thơ *Quan-thư* giảng nghĩa cho cô nghe.

— Thưa anh thơ *Quan-thư* nghĩa là thế nào ?

— Thơ ấy khen bà Hậu-phi là vợ vua Văn-vương n.à Chu, có đức quan-thư, bao-dong chúng-thiếp, chúng-thiếp ai cũng yêu mến, cũng như cây cả lá xanh, leo quanh giây cát được nhờ bóng cao, cho nên con lấm chấu nhiều, nghiệp vua thịnh-vượng mọi điều vẻ-vang.

— Thưa anh thơ ấy ai làm ?

— Ông Chu-công làm.

— Tôi tưởng bà Chu-công làm, chứ ông Chu-công là bạn đàn ông bênh nhau, tôi chả tin.

Bà Tuần có ý giận, chực đứng dậy ra về. Ông khẩn-khoãn giữ ở lại nói chuyện. Bấy giờ bà ấy mới ngồi lại kể việc nhà lói-thời :

— Ông Tuần nhà tôi lạ lắm, say mê vợ bé, coi tôi không ra gì, mà con vợ bé nó lại ghê lấm nữa; lên mặt lên mũi, được chân lân đầu, tự-xưng là cô lớn, không làm cho nó một trận nó không biết tay; ớt nào là ớt chẳng cay, gái nào là gái chẳng hay ghen chổng.

— Sự ấy tôi đã trải cả rồi. Tôi muốn nói nhưng ngại cô có tính nóng, cô hay giận, nói cũng chẳng nghe nào, nên không muốn nói.

— Bầm anh dạy vậy, chứ lẽ nào em không nghe anh.

— Cô cứ để cho ông ấy lấy một người cho đứng số lại và để người ta hầu

hạ tại quan. Khi có ở đấy đã vậy, có ở nhà thì đã có người ta giúp đỡ mình. Một mai năm cõi bầy cảnh, con chồng thì cũng con mình chứ ai? Có thuận-hòa mới hẳn-hoi, máu ghen chớ để tiếng cười Hà-dòng

Chưa dứt lời bà Tuần đã vội nói :

— Tôi bực với ông tuần tôi quá. Không mấy khi gặp được anh, để tôi nói chuyện cho hả lòng, chứ không phải tôi nói lấy hay dẫu. Tôi vẫn bằng lòng cho ông ấy lấy vợ bé, chứ có phải như ai, tề ngoài thơn-thớt nói cười, mà trong nham-biêm giết người không dao dẫu. Tôi vẫn biết đàn ông lấy vợ bé là thường, nhưng người ta chỉ yêu vụng giấu thắm, chứ ông Tuần tôi yêu ngay ra mặt, nói ngay ra miệng, lại sấm-sửa cho nó ăn mặc đài-các, chiến nón bạc, bông tai vàng, khăn nhiều Tam-giạ, áo lương Vạn-phúc, dây lưng mùi lục, giải yếm lụa điều, lượn ra lượn vào, trở lên trở xuống, làm dãi làm dáng, lên trước công-đường, giở lược giở gương, ngồi trên ghế gụ; thế mà ông ấy vẫn chề nó dung nó, không biết nhà mình là nhà đại-gia, thời còn ra phong-thể gì nữa? Nói ra những chuyện rờm-rạc, sợ rác tai anh, nhưng không nói ra thời anh ở xa không biết, anh lại tưởng tôi là Hà-dòng su-tử.

— Gái tham tài trai tham sắc, nhân-tình thể-thái như thế là thường, nếu bây giờ cô đuổi người ấy đi, ông ấy lại lấy người khác, thời biết dẫu mà ngăn-cấm, và ông ấy cũng là phương-diện quốc-gia, quan trên trông xuống người ta trông vào, mà cô lại ra đến chỗ ông ấy làm quan mà đánh ghen, thời quan khác người ta cười, việc nhà chả xử xong, xử gì việc dân việc nước, thế thời có mất thể-diện ông ấy hay không? Thời cô nghe tôi cứ cho người ta ở để người ta hầu-hạ. Tục-ngữ rằng : « Dù chồng có bầy có ba, có dong kẻ dưới mới là người trên. »

Bà Tuần từ đấy tỉnh-ngộ, cho người

hầu về; người ấy sau sinh được một người con trai.

Việc anh em họ hàng đã vậy, đến như xử với nô-bộc lại có lòng khoan-thứ. Một hôm ở nhà lên ấp đi bộ, các con kêu rằng : « Thiếu gì thầy-tớ để bảo chúng nó sắp cang ông đi. Tự nhà lên ấp gần sáu cây-lò-mét, ông đi sao được? »

Ông bảo rằng : « Tao đi còn khỏe, đi được mà mình lại ngồi trên vai chúng nó, để chúng nó phải đi khó-nhọc thời không đang. Thôi cho ở nhà làm, để khỏi mất công mất việc. »

Có đứa ở trai đánh vỡ cái bát thương-cổ, cái bát ấy rất là quý-trọng. Khi đánh vỡ ông thấy nó tái mét mặt đi, run run sợ sợ. Ông giả làm không biết. Sau thấy người con đánh đứa ấy. Ông hỏi có gì mà đánh nó. Con bầm nó đánh vỡ cái bát cổ. Ông bảo rằng : « Nó đánh vỡ tao đã biết rồi. Nó lỡ tay làm vỡ thời lấy lời lẽ mà bảo nó tự sau làm việc gì cũng phải cẩn-thận, không được sơ-suất như thế nữa : nếu đánh nó thì bát cũng vỡ rồi, không lành lại được. Phỏng như bảo nó việc gì mà nó không nghe thời cho phép bắt nó nằm ra đánh rằm ba roi cho nó biết sợ, chứ không được đánh vùi đánh giập như thế, lỡ phải chõ phạm thời khổ đến mình. »

Lại một ngày ông thấy con mắng đứa ở ăn nhiều và bẻ lẽ nấu canh mặn canh nhạt đánh nó, ông mắng rằng : « Nó có ăn được thời nó mới làm được, chúng con nhờ được cha mẹ sẵn cơm ăn, sẵn áo mặc, không phải đi ở không biết sự khó-nhọc, bát cơm đôi bát mớ hời. Còn như cơm canh mặn nhạt, thế nào xong bữa thì thôi, không nên bẻ lẽ đánh nó. Nếu nó có khôn-ngoan thời nó đã làm thầy, việc gì nó phải đi ở. »

Phu-phen trong làng, các quan thường bắt nó đến hầu, có công việc gì cũng bắt chúng nó phải phục-dịch. Ông thời việc nhà không bắt chúng nó đến hầu,

nhân có việc bận, bảo làm thì cũng chiều trả tiền công nhật, chúng nó không dám lấy, ông cũng không nghe, bảo rằng: « Chúng mày không có ơn-huê gì với ta, nên ta không muốn phiền đến làm gì. »

Xử với nô-bộc đã vậy, với dân làng cũng chu-chuân mọi việc. Tháng ba trời làm đói kém, dân làng nhiều kẻ đói. Ông mưu quyền tiền và xuất tiền nhà để phát-chuần, hội các nhà giàu trong làng đến bảo rằng: « Người cùng một giống, sinh cùng một làng, ở cùng một xóm, tối đèn tắt lửa có nhau, lẽ nào mình được no ấm mà để người ta đói khát, mình cũng không yên lòng; vả người hàng xóm cũng là anh em các người, chú không phải người ở đâu. Nhiều điều bực lấy giá gương, cũng chung một giống thì thương nhau cùng. Các người nên bớt tiền ra một ít, đem nộp tại đình, xong lại giao tiền ấy cho các người đem về phát-chần cho người đói khó, trước là làm ơn, sau là làm phúc, cũng không đi đâu mà thiệt. »

Khi ấy có người nghe mà có người không nghe, kêu rằng: « Nhà chúng tôi tiếng cả nhà thanh, thực tiền không sẵn. » Ông bảo: « Việc này là việc phúc đức hơn việc làm chùa đình, vì là làm chùa làm đình thần phật chứng - giám hay không, mình cũng không biết, cứ người ta thời người ta trả ơn trả huê, cái phúc ấy mắt trông thấy ngay. Phúc trông thấy mà không chịu làm lại đi làm phúc ở đâu? Các người bảo nhà không sẵn, nhưng sao vẫn có tiền cúng vào chùa, tô trọng đức chuông, và lại có tiền tậu ruộng tậu nương? Ý các người sợ bỏ tiền ra thời mang tiếng giàu sợ người ta lại chực nhằm hay sao? Nhưng không biết người ta nhằm mình không sợ, chỉ sợ ăn ở cay-nghiệt ông trời nhằm, ông ấy lấy đi thì lại sợ lắm. »

Nghe ông nói các người đều xin về lo tiền đem nộp. Khi nộp tại đình, ông lại giao cho số tiền ấy đem phát cho người đói trong xóm mình, và cử một người lý-dịch đến đấy chứng-kiến.

Trong làng có một tên cai nhà giàu, tính hiền-lặn, ăn không nỡ ăn, mặc không nỡ mặc, chăm chăm làm giàu, có của mà vẫn giấu không dám hở ra cho ai biết. Anh ta có một người con trai cho đi học; nhưng không chịu bỏ tiền mua sách, chỉ mượn sách của bạn học mà thôi. Một hôm có người trong họ đến vay tiền, anh ta chối không có. Bỗng chốc con trai đi học về hỏi xin tiền mua sách; anh ta thét lên mắng rằng có tiền đâu mà mua.

Con nói:

— Mới hôm nọ tôi thấy chân tiền mà cha lại bảo không có.

Anh ta đỏ mặt lên mà quát con rằng:

— Tiền đâu bố mày, mày chỉ coi có ra quạ, chứ có tiền đâu.

— Thực con mắt trông thấy để ở trong hôm, hay cha quên, con đi lấy cho mà xem.

Không may cho anh ta quá, có ý giấu nhưng không ngờ thằng con nó khờ quá, nó chạy luôn vào buồng, vừa chạy vừa nói: « Để con lấy cho mà xem! để con lấy cho mà xem!... »

Anh ta liền theo chân vào nghiên rằng nghiên lợi mắng: « Mày giết tao! Mày giết tao! Tao vẫn giấu mãi mà cứ phun ra, giấu đâu hở đuôi, bực với mày quá; thà mày đem dao đâm ruột tao một nhát cho xong. » Rồi thụi ngăm con, bẹo ngăm con; con đau quá kêu lên: « Bố có bảo con giấu đâu mà con giấu?... » Vội-vàng bung lấy mồm con: « Người ta ngồi chực vay nợ bố mày ở ngoài kia, bé mồm chứ! »

Cha con ở trong buồng cắn dứt nhau mãi mãi; người vay nợ ngồi ngoài không nhìn cười được, lên về lúc nào không biết. Anh ta ở trong buồng ra

không thấy nữa, bụng bảo dạ rằng :
« Lão này nó biết ta có tiền nó ra sau nhà thám-thính mình hẳn. » Rồi ra tìm hết sau nhà liền trước nhà cũng không thấy, lo sợ quá mới đem trap bạc chôn kỹ một nơi.

Sau có thầy cử họ anh ta đến hầu ông. Ông hỏi :

— Chẳng hay thầy cử độ này có đồ túng không ?

Thầy cử thưa rằng :

— Thưa độ này túng lắm.

— Họ thầy có tên cai giàu có, sao không bảo anh ta giúp cho ?

— Bẩm anh ta nghiệt lắm, rán mảnh sành ra mỡ, vắt cổ chày ra nước, làm đến việc thì buộc cổ mèo treo cổ chó, động đến tiền thì vật đầu cá và đầu tôm, còn chịu li cho ai đồng nào ! Có hỏi vay nhưng anh ta vẫn chối.

— Vậy sao thầy không đi ngồi dạy học ?

— Bẩm cận-lai chữ nho ít người chuộng. Những chỗ nhà trọ cũ cho con lên trường Hà-nội học chữ tây cả rồi, nên năm nay không có chỗ ngồi.

— Thôi phải đi ngồi đầu nữa ; tôi nghe nhà tên cai cũng có con học, ngồi ở đấy cũng tiện, để tôi bảo hẳn cho.

— May nhờ được cụ bảo cho, tôi cảm ơn lắm.

Ông lập-tức cho người gọi tên cai xuống bảo :

« Họ anh được mấy thầy cử mà anh để thầy ấy túng kiệt làm vậy. Của để làm gì? Anh có một con trai mà không biết trọng người khoa-mục, con anh học thế nào được và của anh giữ thế nào được, anh rước thầy cử, vừa tiện cho con học mà lại được tiếng tốt với người họ mình. »

Tên cai nghe lời liền rước thầy cử nuôi ; nhưng xem ra cũng miễn-cưỡng, bữa mặn bữa nhạt, xử đãi chẳng ra sao. Thầy cử lại đến kêu rằng :

« Anh ta sợ lời cụ-lớn cũng miễn-cưỡng nuôi cho ; nhưng com nước

bôi-bác, hễ đến bữa ăn thì vợ chồng anh ta quăng mèo ném chó ; ngồi đầy nhiều lúc mất thể-diện về vợ chồng anh ta. »

Ông lại gọi anh cai xuống mắng cho một lúc, tự đẩy anh ta xử cũng hơn trước một hai phần ; nhưng khúc ruột anh ta không thể rửa cho sạch được.

Anh ta có ba gian nhà gỗ lim, bào gọt đánh bóng coi thật choáng ; nhưng cái nhà ấy không dám ở đến, chỉ ở nhà dưới mà thôi. Con anh ta hỏi rằng :

— Có nhà đẹp sao cha không ở ?

— Tao sợ người đi lại nhớ động vào nó cũ đi. Để dành ngày sau ta trăm tuổi thờ ta ở đó.

— Bẩm lúc sống còn chả ở, đến lúc chết còn đâu mà ở nữa.

— Thằng này cuồng, không biết gì cả, cốt là làm cái nhà này để làm từ-dường lưu-truyền vạn-đại về sau.

Khi anh ta ốm gần chết sợ người ta lấy mất cửa, bắt kê cái giường ra ngoài cửa buồng để nằm canh cửa, gió-máy cũng không ngại, trống-trái cũng chẳng nề. Đến lúc chân tay đã gần lạnh hết mà tai vẫn lắng nghe mà giật mình về những tiếng chuột rúc, mèo kêu, mồm vẫn lẩm-nhảm dặn con rằng :

« Tao bình-nhật ăn không nở ăn, mặc không nở mặc, để dành của cải và tậu được những đồ vật ấy để lại cho con, con nên giữ lấy để làm ăn, kẻo ta tiếc lắm. »

Nói xong thở dài một tiếng mà chết. Sau người con trai ấy bị quân ác-thiếu rú-rê đem nhà đất đổi cho người khác, còn của-cải phá-tán hết sạch-sành-sanh.

Nói đến biển-lặn lại có một tên nữa, nhà cực giàu mà cực tham. Nhà thường đóng ngõ không cho ăn mày vào. Có khách đến vay công mượn nợ thời đã làm một ngõ riêng ; còn những khách đến chơi thì cứ ẩn núp ở dưới nhà, nói

đổi rằng đi vắng. Nhà không mượn người ở, dọn cơm kín nước, cùng là phơi thóc, đánh đồng rơm, các việc một tay làm cả, đầu tắt mặt tối, xem ra vất vả suốt ngày. Một hôm người vợ bảo anh ta rằng :

— Nhà lắm việc nên mượn người ở cho nó đỡ mình, chứ thầy cũng mình mà bầy-lớ cũng mình, thời đương làm sao được ?

Anh ta nghe lời mượn dứa ở. Dứa nào đến ở cũng không vừa ý anh ta ; dứa nào nhân lắm được rằm ba ngày rồi cũng bỏ. Một ngày có một dứa hình-dung xác-lắc, dáng bộ nhanh-chai, xin đến ở. Anh ta hỏi :

— Mày đã bằng lòng xin ở với tao, mày có thể kiêm được cả các việc không ?

Nó hỏi :

— Thưa thầy những việc gì ?

— Việc hầu khách, việc thổi nấu, việc làm ruộng nữa.

— Bẩm nghĩ là việc gì, chứ việc ấy thời tôi chả coi ra gì, xin đương được cả.

— Vậy thì tiền công mày muốn một năm bao nhiêu ?

— Công thì tùy lượng thầy, nhưng xin thầy may cho con ba bộ quần áo.

— Làm gì mà may nhiều thế ?

— Thưa làm việc gì quần áo nấy, chứ ăn mặc hỗn-dộn thế nào được.

— Quần áo đã vậy, nhưng tao hỏi công mày muốn bao nhiêu ?

— Công tôi không cần, tùy thầy tính sao cho phải, nhưng cốt được cái quần cái áo ăn vận sao cho người ta khỏi cười, và quý-hò được việc cho thầy thì thôi.

Anh ta ung ý gật đầu.

Một hôm nó đương thổi bếp, gọi lên lấy trà nước hầu khách. Tính anh ta nóng, gọi mãi nhưng nó vẫn thông-thả, đổi bộ quần áo hàng giờ mới lên. Khi lên thời khách về rồi. Anh ta mắng nó, nó nói rằng : « Mặt-mũi nhem-

nhuốc, quần áo bẩn-thỉu, lên hầu ngay không tiện. » Ngày hôm sau nó đương xới vườn lại có khách vay nợ đến. Gọi nó về hầu ; nó để nguyên quần áo chân tay lấm-láp vôi-vàng chạy thẳng vào nhà khách, vira chạy vira dạ lên một tiếng thật to, vào bưng nước. Anh ta trông thấy trùng mắt lên mà mắng : « Mày vô-phép ». Nó lững-thững bưng chén nước ra, rửa chân tay thay quần áo chân-chè, khách chờ mãi không thấy, bèn từ về. Anh ta giận lắm, gọi nó lên, nhăm-nhăm cầm cái roi toan đánh. Nó khấu đầu mà rằng :

— Xin thầy người cơn nóng, bớt giận làm lành, để tôi xin nói ; nếu phải thì thầy nghe, không phải thì thầy miễn-thứ cho, tôi mới dám nói.

— Ủ, lẽ gì nói mau.

— Bẩm thầy có cửa mượn tôi, tôi có công hầu thầy, một công một cửa bằng nhau. Thầy là bạc trên, tôi là bạc dưới, thầy nói thế nào cũng được : khi thì sai làm cơm, khi thì sai làm đất. Vả nhà thầy lắm khách, kể vay công người mượn nợ cũng nhiều ; đang làm việc nợ thì thầy sai việc kia. Hôm tôi đổi quần áo sạch-sẽ thì thầy mắng giở bộ, hôm tôi để nguyên quần áo bẩn-thỉu thì thầy mắng vô-phép ; tôi không biết làm thế nào, cũng đương mong mọc ra sáu chân sáu tay, mặc ba bộ quần áo này để hầu thầy, nhưng không thể sao được.

— Mày nói lý với tao, tao biết ; nhưng tính mày ung-dung quá ; có khách đến đợi mày lấy được trà nước thời khách đã về, như thế thì không tiện.

— Bẩm khách về thì càng để trà nước ra, có ngại chi cái đó !

Anh ta khen biết cần-kiệm cho thầy mà không đánh nữa.

Một hôm nhà anh ta ăn khao. Đêm hôm ấy định đặt tiệc thết-dãi thân-bằng làng xóm. Anh ta sai nó lên thu phòng khách. Nguyên nhà vẫn có một cái đèn nến mười lăm ngọn, nhưng vẫn

đề cho mành nhện chằng chưa hề thấp đến bao giờ. Bấy giờ là lúc vui mừng bậc nhất, anh ta mới sai bầy-tớ lên thấp rậm cây gọi là cho đủ sáng. Đưa bầy-tớ ấy nghe thấy thầy bảo thích ý quá liền chạy thẳng vào nhà thờ vợ hết cả tiền đem ra thấp đủ mười lăm ngọn, rồi đem kéo cao đèn lên tít xà nhà, người với không tới. Một lát, tiệc bày xong, khách vào ngồi, nó xuống mời thầy lên tiếp khách. Lúc bấy giờ anh ta tay giấy tay bút đương tính toán tiền tiêu phí trong ngày hôm ấy, thấy nó mời lên tiếp khách vội-vàng rời quyền sở chi-tiểu đảo bước lên nhà khách, thoạt mới vào thì giật mình không biết cái gì mà sáng thế; ngẩng lên thì thấy mười lăm ngọn đèn nền đương giơng nhau cháy bằng-bằng. Khách thấy anh ta vào đứng dậy chào mời và giắt tay ngồi. Anh ta thì mồm tiếp chuyện khách mà mắt không rời ngọn đèn; khắc-khoải, lại cứ lườm đưa bầy-tớ hoài, lúc ấy nó cũng bùng mồm đứng đó coi bộ anh ta rất là khở-sở, tiếc đến chết đi được mà đèn cao không tắt nổi, có khách phải giữ nhả, không dám đánh đũa hầu. Trong lòng tức-tối, chỉ chửi mướn cho cuộc rượu chóng tàn, đến nỗi câu chuyện cũng lạc mà tiếng mời cũng lằm. Khách biết ý phì cười mất một vài ông. Anh ta đã phải nuốt tức lại không giấu được cái ngòi biền-lận của mình, càng thêm tức nữa. Tiệc tan anh ta gọi đưa bầy-tớ lên chực đánh, chỉ vào ngọn đèn mà mắng rằng :

— Tao đã dặn mày chỉ được thấp năm ngọn trở lại thôi, sao mày được thấp cả bằng này ngọn, thời hại bao nhiêu là tiền của tao?

Nguyên tên ấy có tính bướng, kêu rằng :

— Xin thầy để tôi thưa rồi thầy sẽ đánh. Thưa thầy trong lúc bối-rối, người gọi chỗ nọ, kẻ gọi chỗ kia, một mình tôi hầu tôi biết lấy tai đâu mà nghe cho lọt hết được; tôi rõ ràng

nghe thấy thầy bảo đốt mười-lăm ngọn tôi mới dám đốt. Vả chằng tôi sên nhất cho thầy từ miếng trầu chén nước điếu thuốc cái diêm, chứ có phải đưa ăn trần làm hại đâu. Hôm nay là ngày thiết tiệc vui mừng, tôi tưởng thấp mười-lăm ngọn cũng phải, vì khách xa gần đều đến, không có lẽ tù-mù được, năm ngọn thì người ta cười tôi không biết hầu mà lại cười thầy nữa. Xin thầy nghĩ lại cho tôi.

Anh ta không sao được phải lặng ngắt.

Nhân đêm khuya thanh vắng rồi việc gọi nó lên ủy-dụ rằng :

— Mày ở với tao nên có bụng trung thì sau này tao tính công cho tử-tử. Tuy tao có tính nóng, nhưng xong lúc bấy giờ thôi. Tục rằng: « Làm tùy chủ, ngủ tùy nơi », mày phải biết tính tao mới được.

— Bầm tôi không biết tính thầy thì tôi chả ở được một ngày.

Sau người vào đong thóc anh ta sai nó đong thóc bán. Mấy thùng trước thì thóc tốt, đến sau thì anh ta đã sẵn có cốt thóc chộn thóc lép, bảo nó đong bán cho người ta, nó không đong. Anh ta chửi nó, nó cãi rằng :

— Làm như thế thời lãi thầy ăn tội ai chịu; tục rằng: « Sỏi-lỏi trời gỏi của cho, quẩn-co trời gò của lại. » Thầy ăn ở như thế thời tôi chịu thôi.

Nó nghĩ thầm rằng: « Anh này biền-lận quá độ, mình đã nhầm hết cách mà chọc tiết đâm gan cho anh ta, mong anh ta bỏ cái thói của anh ta đi, không ngờ cái khúc ruột kia đã bị cái đồng bạc nó làm cho đen tối, cái lòng kia đã bị cái thế-lực của đồng tiền hột thóc nó ám-ảnh đã lâu rồi, khó lòng mà gỡ ra được, thời ta sớm liệu mà đi cho rồi. »

Bèn lên kêu với anh ta rằng :

— Còn hai tuần-lẽ nữa đầy nửa năm thầy tính công cho tôi về.

— Mày không bằng lòng ở cả năm thời cũng phải cho trọn nửa năm, thời hôm về tao trả tiền cho tử-tử.

Nó vâng lời ở lại. Một hôm anh ta tỉnh đốt tay đã gần đến ngày nó về, bèn sinh - sự bề lẽ đuổi đánh nó để võ công. Nó biết ý bảo anh ta rằng : « Thầy chả phải đuổi tôi cũng đi, nhưng xin thầy trả tiền công rồi tôi kể chuyện này cho mà nghe ; chuyện có ích cho thầy không phải chơi.» Anh ta giục nó nói nhưng nó chỉ ập ở không nói ra. Sau phải lời tiền ra khiến nó nói. Nó mới lần-mần mà rằng : « Từ khi tôi ở với thầy, tôi ra ngoài thấy nhiều người nói thầy biển-lặn lắm, làm tôi tức thay cho thầy và xam cả mặt lại. Nếu thầy nghe thấy những câu chuyện ấy thầy có chết đi được cũng chết.» Anh ta hỏi : « Tao có chuyện gì ? Ai nói ? » Nó bảo rằng : « Không phải ai cả, thầy cứ hỏi đến vợ thầy con thầy thì sẽ biết. » Dứt lời nhắc tiền chạy thẳng.

Sau tên ấy đến làm cho nhà ông, nó kể chuyện biển-lặn của anh ta và nói con anh ta du-dăng cho ông nghe. Ông nói : « Những người ấy giàu chắc cũng không bền, vì là cay nghiệt lắm ông trời đã sai lũ phá-hao-tính xuống làm con để phá của. Mày thử ngẫm, lời tao nói không sai. »

Ông có bài « Giới-tham » :

Người đời khôn thực là khôn,
 Gian-tham biển-lặn ai thời là ngáy.
 Túi tham vợ vét cho đầy,
 Nhà đều ăn cả tội nay một mình.
 Người làm một việc chẳng mình,
 Thi trời cũng báo không tình riêng ai.
 Càng giàu càng đối ở đời,
 Lại càng khốn-đốn nhiều tai ầu-sầu.
 Phận mình giàu có đến đâu,
 Gẫm xem nước chảy qua cầu khác chi.
 Cửa trời trời lại lấy đi,
 Giương đời mắt xích làm chi được trời.
 Than ôi ! khôn thực là người,
 Cái thân chẳng giữ giữ ngoài cái thân.
 Ta nên tích-đức tu-nhân,
 Gẫm xem cái của phù-vân ra gì ?

Lại có bài « Khuyên người làm phúc » :

Làm lành như cỏ tháng xuân,
 Lớn nào ai thấy dài dần cũng cao.
 Làm ác như đá mài dao,
 Mòn nào ai thấy hao dần cũng mau.
 Có người lành trước dữ sau,
 Là người phá-giới tội đầu đã dành.
 Có người trước dữ sau lành,
 Là người cải-quá thiên đình cũng cho.
 Có người gian-ác đủ trò,
 Thế mà vẫn hưởng ấm no thanh-nhàn.
 Bởi là phúc trước còn sang,
 Ác này chưa đến tội đường chưa ra.
 Có người hiền-hiểu thực-thà,
 Thế mà vất-vả lại là long-dong.
 Bởi là tội trước chưa xong,
 Quả lành chưa chín để hồng phúc cho
 Trồng lúa cách năm cách mùa,
 Bằng như trồng phúc phải cho cách đời.
 Cách đời cũng chóng như chơi,
 Ngựa qua cửa sổ đến nơi bầy giờ.
 Khuyên người phải nghĩ tóc tơ,
 Hồi-tâm hướng-thiện thời giờ cho
 Bớt ăn bớt mặc ở mình. [nhankh,
 Hễ mà lấy phúc hiền-vĩnh lâu dài.
 Áo com có hạn mà thôi,
 Cửa đời rồi lại trả đời về không.
 Sao bằng tích-đức lấy công,
 Nhân-duyên thoát khỏi cái vòng trần-ai.
 Xử với bầu bạn lại có lòng tử-tế.
 Bạn-hữu thường đến chơi với ông, rằm
 ba tuần-lễ, khoản-đãi như thường, chỉ
 hay nói chuyện cổ-tích, nói mãi không
 chán ; còn những chuyện hoa-nguyệt
 phong-tinh không nói đến bao giờ.
 Bạn có làm lỗi thì ông gắng bảo sự
 phải chẳng, và có tình trực-tiết, cũng
 nhiều người mất lòng, nhưng sau nghĩ
 ra nói phải cũng không ai giận. Người
 nào lỡ có việc hiểu việc hỉ đến nói khó
 với ông, ông cũng cấp cho ít nhiều.
 Một hôm có ông bạn đến nói việc cưới
 con đã đến nơi mà nhà túng, xin ông
 chiếu-cổ cho, việc cưới xin đã trót định
 rồi, cả năm chọn được một tháng, cả
 tháng chọn được một ngày, chưa có
 tiền chỉ sợ việc ngăn-trở không xong.

Ông nghe nói gọi con lên bảo rằng :

— Xuống nhà hỏi mẹ con có tiền cầm lên đây cho ta mấy chục.

— Bầm mẹ vẫn nói nhà không có tiền, chỉ có tiền của quan viên tư-vấn hàng huyện mới đem gửi.

— Xuống lấy hai-chục cho bác mượn rồi bác sẽ trả sau.

— Bầm tư-vấn nay mai tế thành thời lấy tiền đâu mà trả ?

— Lúc đó sẽ liệu, cứ lấy cho bác vay không ngại.

Người trong làng có ông cụ là bạn lão với ông, tuổi đã ngoài sáu-mươi, nhưng vẫn tấp-tễnh lấy vợ hầu.

Dâu con can rằng :

— Cụ nay đã có tuổi lại còn lấy vợ hầu, sợ sau này da-mang con thơ, gái quẩn, già chẳng trót đời, lại thêm cái nợ nữa.

— Nợ gì mà nợ, cứ tìm cho tao một người hầu trẻ để người ta trông coi cơm nước; lỗ có vãng dầu đau mình đã sẵn có người đấm bóp, không phải phiền lụy đến đâu con.

— Bầm nếu thế thì tìm một người đàn bà góa để làm bạn lão cũng được, việc gì cụ cứ đòi lấy con gái tân. Tục có câu ; « Trời mưa nước chảy qua sân, lấy chồng ông lão qua lần thời thôi, một mai ông lão châu trời, lại ra đi lấy một người trai tân », như thế thì cụ lấy làm chi cho bạn.

Lão nghe nói hỏa thái - dương bốc lên, quát mắng rằng ; « Chúng mày rửa tao, tao còn sống năm nào, chúng mày cứ để cho tao sượng cái đời tao, rồi sau này thế nào thì thế, việc gì lại nói gàn-trở làm vậy? »

Dâu con bàn nhau rằng : « Lấy cho cụ cũng khốn, không lấy cũng khốn, ta nên nghĩ lập cách thế nào cho cụ chán một mẻ. »

Một hôm thuê một người con trai lạ mặt, vẫn khăn mặc yếm, trang-diêm quần áo làm ra cách điệu người con gái, rồi bảo người vào mách cụ ra

xem mặt. Bấy giờ cụ trông thấy dáng người lịch-sự, yêu-điệu thanh-lân, thích híp cả mắt lại, về gọi dâu con mà bảo rằng :

— Nay tao đã chọn được người rồi.

Con bầm :

— Cụ chọn người ở đâu ?

— Đã có người mới người ta biết, không phải hỏi nữa ; thôi cứ sắm lễ đề mượn người mới đến hỏi, nếu họ bằng lòng thời phải lo liệu cho chóng xong, đừng để chậm.

— Cụ nóng quá để đợi xem người thế nào rồi sẽ liệu.

Ông gắt lên :

— Chúng con trẻ tuổi không biết lấy vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha.

— Bầm cụ đã định vậy thì chúng con xin theo ý cụ.

Bèn sắm sửa lễ - vật đến hỏi ; hỏi xong định ngày cưới liền tay cho cụ.

Khi rước được người về cụ vui-vẻ quá, cười khành-khách bảo dâu con rằng : « Chúng này coi có ấy thế nào ? Ta xem người cũng giòn-giã và cũng có thể giúp đỡ được công việc cho ta. » Con thưa : « Bầm chả biết sau này thế nào, bây giờ coi cũng khá. »

Đêm hôm ấy cụ chuyện-trò ri-rầm đã khuya, lâu lâu mới tần-mẩn tần-mẩn, không ngờ nó cũng như mình, rõ ra cái đếch ! Dâu con cả nhà đang ngủ thấy tiếng cụ quát rầm lên, tỉnh dậy khúc-khích cười thầm với nhau, cụ thời cứ vừa quát vừa mắng chán rồi lại thở dài.

Con vào bầm : — Có chuyện gì đó mà cụ phát phiền làm vậy ?

— Mất tiền toi ! mất tiền toi ! nó lừa lão !

— Bầm lừa cụ cái gì ?

— Ấy đũa hôm qua mà nó lừa tao.

— Bầm chúng con đã can cụ, cụ chẳng nghe, cụ cứ khen người giòn-mũi!

Cách mấy hôm nữa ông đến chơi trông thấy ông cụ ấy có sắc buồn, vẫn

biết sự thế rồi, táng-lờ hỏi rằng :

— Nghe cụ mới có sự tốt lành phải không, thế mà cụ không cho tôi biết.

— Có sự gì đâu.

— Sao người ta nói cụ đã lấy được cò hầu ?

— Tôi cũng định lấy nhưng có lấy được đâu.

— Răng cụ còn nhai được không ?

— Răng tôi rụng gần hết, còn vài chiếc lủng-lả lủng-lả, khó nhai lắm.

Ông pha chuyện khôi-hài cười nói rằng : « Ông trời khéo trêu bạn lão, cái răng không đáng rụng thì lại rụng, cái đáng rụng thì lại không rụng cho, vất-vơ vất-vưởng lại thêm bận cho mình. Thế mà nhiều ông lão còn đăm-mang về cái món ấy để phiền để lụy cho con, chẳng ra sao cả. »

Cụ ấy nghe nói tự dấy không to-tưởng đến vợ hầu nữa.

Ngày kia có ông quan án bạn đồng-liêu đến chơi. Ông hỏi :

— Ngài được mấy cậu ?

— Tôi hiếm lắm, sinh mấy lần nhưng trời để cho còn một đứa.

— Đã học được chưa ?

— Đã, nó học văn-chương cũng có tài-bộ, nhưng tính nó đặng lắm, đánh chữ mãi nó cũng cứ vậy, tôi lo nghĩ về đường con-cái, không biết mai sau nó ra thế nào.

— Cũng nhờ cái phúc nhà, có phúc thi biển-tướng, vô-phúc thì hiện-hình, lo nghĩ sao được.

Không bao lâu ông ta mất; người con bị chúng bạn rủ-ré, đăm mùi thuốc phiện, vợ biết xi-báng mãi. Trước còn đến nhà chúng bạn ăn giầu, sau mắc phải nghiện nặng, hễ quá bữa không được hút sinh ra đau bụng, xỏ mũi; không thể nhịn được, phải lập bàn đèn ở nhà. Vợ lắm lúc đập cả xe lọ, nhưng thấy phá chứng, lại phải để cho hút. Đến sau bao nhiêu ruộng đất trâu bò chui vào lọ hết. Cùng kể không biết làm gì để sinh-nhai, quanh năm thường

đến nhà các quan bạn với ông bố kiếm dăm ba đồng bạc để mua thuốc.

Một hôm đến chơi nhà ông quan, phải ông ấy cũng nghiện, tỉnh lại keo, bắt năm tiêm suốt ngày, đến lúc về đã được một đồng bạc, tính ra tiền ăn đường không đủ, lấy ra cũng tức, không lấy thì không biết chi dùng vào đâu. Nghĩ mình đi chuyến này « xúi-quẩy » quá, giận trở ra. Đi mấy thoi đường đã đến cơn nghiện, bẻ chân không được; vào nhà hàng ngả bàn đèn nằm khểnh, cảm hơi mấy khói và nghĩ cách kiếm xu; hỏi chủ hàng rằng :

— Các quan Hành-thiện ở đây có ông quan nào là lượng dung-nạp bần-nho không ?

Chủ hàng đáp :

— Các quan tôi không được biết, nhưng chỉ nghe tiếng cụ Tuần-đốc hay thương học trò nghèo và lại hay nuôi người viết sách nữa.

Hỏi đến họ cao tên cả mới biết ông vẫn là bạn với cha mình khi trước, liền tìm đến nhà.

Vào thì ông đương đứng ở hè, trông thấy chấp tay vái một cái, vô-ý văng tay vào túi, cái xe cái lọ văng ra ngoài. Cậu ta vội-vàng nhặt bỏ vào túi. Người nhà trông thấy bật cười. Ông mắng : « Cười cái gì ? cười cái gì ? » Người nhà chỉ bưng mồm cười, hỏi mãi không nói. Ông sai mời cậu ta vào nhà khách chơi. Chốc lại hỏi sẽ người nhà, nó bầm răng người khách ấy chào quan lớn không biết cái gì lủng-củng ở trong túi áo văng ra xem như đồ hút thuốc phiện. Ông nín cười không được, nhưng cảm người nhà không được nói-nặng gì, sợ cậu ta mất lòng. Ông sai người nhà sắp cơm khách ăn. Cậu ta bầm :

— Cơm tôi không ăn được mấy hột, chỉ máu-mê có điều thuốc thôi.

— Cậu muốn hút thuốc nhưng chết cái ở đây không có bàn đèn.

— Bầm tôi đi đâu đã phải mang sẵn, nhưng chưa có thuốc.

— Thuốc đây làm gì có?

— Bẩm mới rời lời đi qua chợ thấy gần đây có công-ti phiện.

— Phiện thời nhà tôi không mua đến bao giờ. Không phải là tiếc tiền đâu, nhưng thuốc phiện tôi vẫn không ưa.

Cậu ta ngồi ngáp hoai, chầy cả nước mắt nước mũi, chân tay rụng-rời, ruột gan buồn-bã, dường như con run con sán nó quấy ở trong không thể chịu được, phải giở lọ ra nạo một lần nữa được một ít sái đem nuốt mới đỡ cơn nghiền. Người nhà biết, lên thuật cái thảm-trạng của người khách cho ông nghe. Ông thương hại sai mua cho ba hào thuốc.

Đêm vắng người ông gọi lên bảo rằng:

— Tôi với quan lớn trước là bạn thân, cậu cũng như người nhà, nên tôi nói thật. Người ta năm bảy con, hồng người nọ còn mong người kia, nhưng quan lớn chỉ có một cậu; nếu cậu hư thì còn trông mong vào ai. Cậu nên chừa đi, làm như thế lại càng tỏ bêu xấu ông cha. Nếu cậu chừa thời tôi cho tiền mua thuốc mà chừa, rồi kiếm nghề-nghiệp mà làm để sinh-lý. Bây giờ cậu còn trai-trẻ, đi lại chỗ nhà quen thuộc, người ta cũng nể mình cậu ấm con quan, dãi được rằm ba đồng bạc; nhưng sau có tuổi, chân yếu tay mềm, chỉ nằm đấy mà bú, thời lấy tiền đâu; nên nghe lời tôi chừa đi.

Cậu ta nghe lời mua thuốc chừa, bị phải cái ma phiện nó làm cho đảo-đề, xui bọt xui dãi, vật mình vật mẩy, vợ con trong nhà ai cũng thất-kinh, nhưng cậu ta quyết gan chừa; đến hơn tuần-lễ mới tỉnh lại được như cũ. Sau khỏi chứng phiện, lại được người vợ biết đường làm ăn, cơ-nghiệp cũng hồi lại như cũ.

Bạn đồng-hương với ông là Đặng Đức-Địch đỗ phó-bảng, làm quan đến Lễ-bộ Thượng-thư, lịch-ly trải hơn ba-mươi năm, gặp vua Dục-tôn quyn-

ái, chủ-khảo thi hương thi hội và chủ-khảo trường thi vũ. Trải đến triều vua Kiến-phúc, đương bấy giờ vua mới lên ngôi, đặc-cử cho ngài được thay mặt đi tế Nam-giao. Lúc ấy ngài đã bảy mươi tuổi, ba lần dâng sớ xin về, vua bèn sắc cho về hưu-trí. Ông có thơ mừng rằng:

Lòng son sắt vững,

Tóc tuyết sương pha ;

Được danh gồm được thọ,

Vừa hoạn lại vừa khoa ;

Trong triều ngoài quận đã từng qua,

Một bước công-danh thế mới là ;

Vua muốn lưu ông ông chẳng ở,

Ông về ông thích bạn cùng ta ;

Cầu Bùì-Độ, thuyền Đông-Pha,

Thơ bạch-tuyết, rượu hoàng-hoa ;

Khi bầu phong-nguyệt,

Khi núi Gôi cụm trúc,

Khi sông Nhị chén trà ;

Mừng nhiều ơn vũ-lộ,

May khỏi bước phong-ba ;

Thế-sự gác ngoài đầu chẳng biết,

Thôi thôi một giấc mộng Nam-kha ;

Trời còn để sót người tri kỷ,

Hương-hỏa từ đây kết bạn già.

Lệ làng vị-thứ thì khoa-giáp ở trên; quan Thượng-đỗ Phó-bảng, ông đỗ Tiến-sĩ, chiều lệ ra thời ông làm tiên-chỉ; nhưng ông bảo rằng: « Triều-đình trọng quan-tước thời tiên-chỉ để nhường quan Thượng-làm. »

Quan Thượng-tính rất công-liêm, nhà thanh-dạm, về hưu làm tiên-chỉ dân, thường chít khăn lượt, mặc áo vải, đội nón sơn, không có xa-xỉ; gia-pháp rất nghiêm, con cháu hay người ngoài đến hầu phải khăn áo chỉnh-tề, đi đứng lễ-độ. Có một hôm ngài mượn tên Hoat đống giồng cây, nó mặc áo khách đóng khố. Ngài bắt nó mặc quần, nó bầm: « Nhà con sắm được vải may quần, cũng bằng nhà người ta sắm cái áo vóc, nên phải trân-trọng không dám mặc đến mẩy

khi, sợ làm-lụng lấm-láp và chóng rách, xin quan lớn thứ cho.» Ngài truyền rằng: «Mày làm cho nhà mày hay nhà người ta như thế được, chứ mày làm cho nhà tao mà mày dám thế thời vô-phép quá.»

Nó lại kêu rằng: «Lạy cụ lớn, xin cụ lớn xét, tiền công nhật cụ lớn cho phỏng có đủ tiền mua vải không?»

Ngài bảo nó nói bừa, lập-tức đuổi đi không mượn nữa.

Gần nhà ngài có thầy viên Xuân hay rượu chè; rượu vào thì mắng vợ chửi con âm-ỹ cả xóm lên. Ngài đòi đến quở rằng: «Người ở xóm này hay rộng miệng cả tiếng, hễ rượu vào thời cứ chửi mắng ầm cả làng-diềng, ban ngày đã vậy, ban đêm cũng thế, không để cho người ta ngủ-nghe im-ắng, thế người chỉ biết mình người,

không biết có ai nữa sao? Chiêu hương-lệ thời người phải phạt.» Tên ấy kêu rằng: «Từ nay con biết phép, xin cụ lớn thứ cho.» Ngài tha cho tên ấy về; nhưng thỉnh-thoảng vẫn chén như thế lại thường đọc câu: «Vua-Ngô ba mươi sáu tàn vàng, chết xuống âm-phủ chẳng mang được gì; chúa Chồm uống rượu ti-ti, chết xuống âm-phủ kém gì vua Ngô.» Cứ một câu ấy đọc mãi, đọc rất to, nghe ra rất giọng nhè. Ngài nghe thấy ghét lắm, nhưng ngài cũng tha cho không chấp chi người rượu. Ở trong làng ai cũng kính sợ; ngài làm tiên-chỉ được hai năm rồi từ.

Ông lúc bấy giờ thay ngài trông coi việc dân.

(Còn nữa)

ĐẶNG NGUYỄN-KHU

TUÔNG-HÁT

TÔ-THỊ CHẾT ĐẶNG ANH KỶ-LỪA

I

CHƯƠNG-TRÌNH

CẢNH THỨ I. — Vườn hoa.

Tô-thị người làng Tô-thị, tỉnh Lạng-sơn, có sắc đẹp và trinh-liết, khi ra chơi vườn hoa, Đậu Kim-Liên đi học về qua nom thấy cùng mắc tình. Kim-Liên về cây mối giam, thì đình-trưởng Kỳ-lừa cũng cây mối giam làm vợ lẽ, Tô-thị lấy Kim-Liên, vì thế đình-trưởng căm tức.

CẢNH THỨ II. — Phố Kỳ-lừa và rừng núi.

Khi Tô-thị lấy Đậu Kim-Liên rồi, lên phố Kỳ-lừa buôn-bán, để nuôi chồng học, đình-trưởng lại đón gheo,

Tô-thị mắng, tức về đem Kim-Liên thế lính. Khi Kim-Liên phải đi thú Ngũ-lĩnh, vợ chồng tiễn-biệt rất là thảm xót.

CẢNH THỨ III. — Nhà và núi Vọng-phu.

Sau Tô-thị nhớ chồng quá hóa điên, dẹt găm dâng lên vua, viết thơ gửi thăm chồng, đình-trưởng kiêm đội-trạm, lại trầm giấu đi cả, Tô-thị điên quá, đánh mắng đình-trưởng, rồi chạy lên đầu núi, hóa làm người đá, đứng mong chồng. Đình-trưởng nghe sự lạ cưới ngựa ra xem, lại nói chế nhạo, bị người đá ném bụi vầy nước vào mắt, ngã ngựa chết.

CẢNH THỨ IV. — Đường núi và chùa Tam-thanh.

Khi Đậu Kim-Liên đi lính, làm đến tướng-quân, trở về, hỏi con hầu thì vợ đã hóa đá, liền than khóc, rồi từ chức đi tu, ở chùa Tam-thanh. Sau Tô-thị hiện vào làm hoa sen ở hồ chùa ấy, hoa sen nở ra người, bảo sư Đậu Kim-Liên trả chùa về, vợ chồng ở với nhau đến già mà người đá ở núi Vọng-phu và chùa Tam-thanh hãy còn di tích.

CÁC VAI TRÒ

Tô-thị. — Con Nhài. — Đậu Kim-Liên. —
Thăng Quít. — Đình-trưởng Kỳ-lừa. — Thăng
Đe, Thăng Ngựa. Mỗi Mai mỗi Một. Tô-ông, Tô-
bà — Quan Đông-hình Lạng — Cậu lính, quân
lính. **Cộng 15 vai.**

CÁC ĐIỀU HÁT

Bồng-mạc sa-mạc. — Ngâm. — Nói lời. —
Ca tứ-đại-cảnh — Dip duỗi — Nôi niêu — Đào
lặng — Hành-vân — Sa-lịch — Trống quân. — Nói
sử. — Cờ-bắn. — Kim-tiền đường trường. —
Thơ hát-cú. — Hát lừng — Than-sử. — Hát
văn — Hát quả-lử vu địch. — Vọng-phu. —
Hát dệt gấm — Hát gửi Thơ. — Nổ diên. — Hát
diên. — Ngâm sầu. — Nam-thương. — Hát
thăm. — Thơ tứ-tuyệt — thơ thông. — Vía hát
nam. — Niệm Kinh Phật. — Ngọc mi-nhân. —
Ca giao-đuyên. **Cộng 32 giọng hát.**

* * *

CẢNH THỨ NHẤT

Vườn hoa

Tô-thị ra ngồi vĩa bông-mạc xa-mạc :

Này ơi ai ơi, hừ hừ, tặc lòng tặc
vặng đá hoa, dù sương pha, dù gió lạnh,
sớm mưa trưa tạnh, để bao hòa tẩm
son. (Sa-mạc) Đỉnh non nét đá chưa
mòn, ngấm vàng trắng bạc hãy còn trơ
trơ; xá bao cỏ áy rêu mờ, nọ bia người
cỏ bao giờ cho phai. Hối hoa hoa mĩn
miệng cười, trông mây mây thắm
phương trời xanh xanh; vườn hồng

xuân giục tin oanh, xuân già huyền cõi
một ngành liễu tơ.

Nói sử xung danh :

Tôi quê làng Tô-thị, tên gọi Thạch-
hoa; chốn vườn xuân tơ liễu xanh rờ,
còn nép bóng xuân già huyền cõi. Thù
Lạng-sơn lộ-xô đèo lẩn núi, tên Thạch-
hoa vốn gọi thủa còn non; tuổi mười-
lăm vừa chợt trăng tròn, ngót đôi tám
hãy còn xuân khóa. Riêng một thú
vườn hoa diễm-dã, nhân ngày xuân
thanh-thủ dạo chơi.

*Gọi : A con Nhài, sắm-sửa ra vườn hoa với
cô này. Con Nhài ủa, ra*

Tô-thị ngâm bảo :

Buồng đào gió đón mây đưa,
Kéo khi liễu đợi hoa chờ hỏi ai.

Con Nhài ngâm tiếp :

Thân con chút phận hoa nhài,
Sửa nâng cánh xuyên vàng cài cành
trâm,

Tô-thị ca tứ-đại-cảnh, đi ra vườn hoa :

Thoảng hương trầm, lòng ta mến,
ta toan hẹn, toan hẹn đi tìm, trên vườn
hồng, diu-dặt chim muông chim; cánh
hoa đào, toan viú mà chơi, toan viú
mà xem. Đi chơi đặng, đi chơi đặng,
lưỡng nặng chút tình hoa, bày chừ
lại chờ hẹn hoa với hoa.

Con Nhài ca tiếp tứ-đại-cảnh, cùng đi :

Tôi con Nhài, chuốt lược cài thoa,
khí hầu - hạ dưới bóng hoa. Nương
bóng tà, nương bóng tà, tươi vẻ ngọc
cho hẳng-nga, soi hình-dạng, mường-
trọng nga gương nga, nay ví dù dạo gót
chơi vườn hoa, nguyện cho đặng cùng ra

Tô-thị ca tiếp tứ-đại-cảnh :

Mầu mầu hoa tươi thắm thể, cho
ta, cho ta mẩn-mà, ấy hoa làm cho
thêm đau lòng ta, càng thêm đậm lòng
ta.

Con Nhài ca tiếp tứ-đại-cảnh :

Tình tình hoa, thêm càng mến, hoa
tươi hoa tươi đường nào, khéo sao
khéo sao chẳng chẳng hỏi, chờ đợi chờ
đợi đây ai đây, vui chơi vui chơi làm

vậy, hoa thơm đượm một ngày càng đượm, hoa thơm đượm một ngày càng đượm.

Cùng dạo vườn hoa Tô-thị ngâm thơ từ-tuyệt chiết-tự :

Dạo vườn hoa, dạo vườn hoa,
Lững-thững non mai bóng xế tà;
Ướm hỏi hoa mừng hoa giận mặt,
Hoa còn cười mỉm bạn trăm-thoa.

Đứng vào vườn.

Đậu Kim-Liên đi học về qua nói lời :

Vốn quê hồ Ba - bẽ, tôi tên Đậu
Kim-Liên ; trái bầy lâu đèn sách bút
nghiên, chỉ sá mảng trắng hoa mây
nước. Nay vườn đào dạo bước, bông
gặp ả mây hoa ; người đầu đẹp tựa
tiên sa, mình bông động tình tục-
khách, đó sao.

Ngóng trông ngâm :

Bông hồng đứng nép dưới hoa,
Chạnh mày liếc mắt gương nga lạc
chùng.

Mối tình con dện tơ giăng,
Tình không ăn ớt ăn gừng mà cay.

Tô-thị đứng dưới hoa liếc trông ngâm sa-mạc :

Xem hoa sẽ chạnh đôi mày,
Hoa vì tơ vương hoa gầy hỡi hoa.

Liếc trông mặt ngọc xa xa,
Vì hoa ngo-ngần vì hoa buồn rầu.

Con Nhài nói lời :

Dạ thưa cô ! cô đang xem hoa tươi
đẹp, cơ sao sực dạ buồn rầu ? Hay mối
tình vương mắc vì đâu, để khúc ruột
quặn đau khôn gỡ ? dạ thưa cô ?

Ngâm :

Xem hoa chợt vương tơ sầu,
Hay vì tơ dện kềm màu hoa tươi ?

Tô-thị nói lời :

A con Nhài, hoa vì tơ quặn, lòng bởi
vấn-vương ; chợt có liếc mắt nom
ngang, bông thấy có chàng trông
ngóng ; nhác như người tiên-động, ai
chẳng ngất thần-hồn, a Nhài.

Ngâm :

Người đầu cảm én mây ngài !

Khách qua đàng khéo gọi người tình
chun

*Con Nhài chưa kịp trả lời Tô-thị, t
thẳng Quýt ở đầu chạy đến thấy Đậu Kim-
Liên đang ngóng trông, cũng vach bờ g
trông, thấy hai người con gái đang xe
hoa trò-chuyện ở trong vườn, liền mừ
cưỡng lên, hát díp đuổi bảo thầy là Kim-Liên*

Gái đẹp bằng hoa, trông qua bờ giậu
cậu ơi hỡi cậu, con chim sáo-sậu, n
bay nó đậu, nó bậu dây bìm, tin
tinh tinh bìm, quá lời nọ bìm leo (1
díp). Con chim nó trèo, cậu leo cậ
bắt, mắt nhanh như cắt, nghiêng mà
liếc mắt, rõ mau thoăn-thoắt, lặn
ngắt mà nhìn, tinh tinh tinh nhìn, qu
lời nọ nhìn xem (2 dip). Cậu muốn bắ
chim phải tìm cho khéo, vườn hoa
khuất nẻo, ngọn rào sẽ kéo, cậu vào
cậu ghẹo tôi đứng tôi thềm, tinh tinh
tinh thềm, quá lời nọ thềm-thềm (3 dip)

Nói lời :

A này cậu, một cặp một cặp, đủ d
đủ đôi, xin biểu cậu một thời, để ph
tôi một nhè.

Đậu Kim-Liên hét lời :

Chi thẳng mách-qué, sao mày nói
nhặng, đừng mượn gió bẻ măng, mà
cột trắng ném đá, a thẳng cuội.

Ngâm :

Khéo may mượn gió bẻ măng,
Cột trắng ném đá chi thẳng cuội
con.

Thằng Quít ngâm :

Trắng kia ném đá chưa mòn,
Bẻ măng mượn gió cuội còn bắt chim.

*Tô-thị cùng con Nhài thấy thế xấu hổ l
ra về. Đậu Kim-Liên ngẩn liếc máng th
Quít hét lời :*

Mày rõ là hư quá, thầy mắt cả thú
vui, gái như hoa nên để lặng mà coi,
thằng xỏ lá vội bồi-hồi háu đôi.

Ngâm :

Xem hoa mày chữa biết xem,
Chỉ quen xỏ lá bắt chim đầu ngành.

Thằng Quít hát trống-quân :

Cậu ơi tôi chưa biết tinh, bắt chim chim én trên ngành vôi bay. Vì rằng tôi chột vô tay, để chim bay bổng cậu cay như gừng. Rầy tôi đại thế thì đừng, theo thầy xin sẽ lặn rừng tìm chim. Chết vì con mắt lim-dim, tinh hay máu nóng thấy chim vôi vô.

Đâu Kim-Liên còn ngăn tiếc Tô-thị. trông theo ngâm :

Người về khuất nẻo non Vu,
Ta về ta sẽ thăm dò mối manh.

Thằng Quít nói :

Phải phải, thầy trò về đi tìm mối mà giạm hỏi lấy tử-tế, chớ ngăn tiếc làm gì, (Hạ)

Đình-trưởng kiêm đội-tram phố Kỳ-lừa ra nói lời :

Tôi Đình-trưởng kiêm đội-tram, tự Đổng-đăng đến phố Kỳ-lừa; tửu đã hay mà sắc đẹp biết bao vừa, phiện vẫn hút mà bạc thừa là hẳn đất. Chỉ thích sự no cơm ấm cật, và quen điều nói gặt chơi ngông; nghe họ Tô có ả mà hồng, thử mượn mỗi xe vòng chỉ thăm, đó sao.

Via, hát nổi niêu :

Via: Cái cánh hoa thơm thơm ngát-ngát ngào, làm trai thấy gái má đào ai chẳng ưa.

Hái: Con sông kia tinh bằng bao nhiêu nước cho vừa. (Láy 3), cả sông tinh chung đổng chợ y ý y phố Kỳ-lừa càng đổng; hỏi nàng Tô thật đích thật đích cô chưa chồng. (Láy 3), một roi sông tinh chung ruồi con ngựa bạch y ý y anh kết sợi tơ hồng nên chăng? Cô lấy anh sung-sướng ai bằng. (Láy 3), chỉ một anh ra tay phất gió y ý y hai ba bốn ả chơi trăng cũng vừa; kia kia trên cung trăng một cuội ngồi chờ. (Láy 3), chỉ một cô Hằng ôm ấp y ý y nó tro-tro ra thế nào; cô có lấy lẽ anh anh vấn sợi tơ đào. (Láy 3), mượn trăng già làm mối hai ba bốn

ả y ý y với một anh-hào cho nó «pho» ò ý e ò e ý ò.

Nói lời gọi bầy-tô :

Nào là thằng ngựa, nào là thằng dê, thầy say hoa là bối máu mè, bay mượn mối cho thầy tậu nghé, làm trai lấy vợ bé, nhà giàu tậu nghé hoa, a mây.

(Thằng ngựa thằng dê cùng dạ, ra)

Thằng ngựa mượn hát dịp dưới :

Dạ, bẩm thưa thầy, con nay nhẹ bước, thầy sai là được, con phi lên trước, nước đại thật tài, tinh tinh tinh tài, quá lời nọ tài bay (1 dịp). Dạo bước theo thầy, con rầy đã giỏi, chồn chân mỗi gối, giảng cương giắt mối, đạp gọng lỏi về, tinh tinh tinh về, quá lời nọ về ngay (2 dịp).

Nói :

Dạ, thưa thầy, thầy sai con đi bắt mụ mối, con đến đạp gọng cho mụ mấy chiếc, con lỏi về ngay được.

Đình-trưởng nói :

Chi thằng, mời mối chớ mảy lại bắt mối, thì ai người ta làm mối vợ cho thầy, a may?

Thằng dê mượn hát tiếp dịp dưới :

Dạ, bẩm thưa thầy, con nay rất khỏe, vợ con mần đẻ, mối người gái trẻ, khỏe đẻ cho thầy, tinh tinh tinh thầy, quá lời nọ thầy yêu (1 dịp). Con mạnh giỏi nhiều, đủ điều hoa nguyệt, pha bầu rượu tiết, cường cân bỏ huyết, hùng-kiệt tinh nòi, tinh tinh tinh nòi, quá lời nọ nòi dê!

Nói lời :

Kề như tôi thì rất tinh nòi, nhưng làm mối vợ tôi thật giỏi, thầy sai làm mối tôi bảo vợ tôi.

Thằng ngựa nói lời tiếp :

Mây rõ khéo lỏi-thối, tôi đây lỏi vạn mối, vợ mây dù có giỏi, song ai mượn vợ mây.

Đình-trưởng nói lời đáp :

Hai bay tìm mối cho thầy, cốt mụ khéo tay mới vợ mới được, a bay.

(Ngựa dè dạt đi. — Các Hạ)

Mụ mới Mai ra nói lời :

Khéo tay về chỉ, tên gọi mới Mai, tôi thường thay bà Nguyệt-lão trên trời, ai cũng gọi cô To-hồng dưới đất, a chị em.

Via hát dào lằng :

Via : Chị em ơi, ra tay tôi vẫn chặt dây tơ, mà tin ong sủ điệp đón đưa rập-rìu, a chị em.

Hát : (A mà) ra tay (kia còn) tôi (a) vẫn (a mà) vẫn chặt dây (ối a thôi mà) dây tơ.

Via : Chị em ơi, ra tay tôi vẫn chặt dây tơ, mà tin ong sủ điệp đón đưa rập-rìu, a chị em.

Hát : (A mà) tin ong (kia còn) sủ (a) điệp (a a à, a ới a, ới ới a, a hà mà để có) đón đưa rập (ối a thôi mà) rập-rìu ; (a mà) dù ai (kia còn) dâm ngọc lam (ối a thôi mà) Lam-kiều.

Via : Chị em ơi, chớ dù ai dâm ngọc Lam-kiều, mà qua tay cũng phải sợi tơ điều tôi xe sẵn, a chị em.

Hát : (A mà) qua tay (kia còn) sao) cũng (a) phải (a a à, a ới a, ới ới a, a hà mà để có) sợi tơ điều tôi sẽ (ối a thôi mà) xe sẵn : (a mà) thay trắng già (kia còn) tôi lựa dịp sông (ối a thôi mà) sông Ngân.

Via : Chị em ơi, thay trắng già tôi lựa dịp sông Ngân, mà con chim oanh nô-nức tin xuân trên vườn hồng, a chị em.

Hát : (A mà) con chim oanh (kia còn) nô (a) nức (a a à, a ới a, ới ới a, a hà mà để có) tin xuân trên vườn (ối a thôi mà) vườn hồng ; (a mà) dây duyên (kia còn) tôi vẫn sợi tơ (ối a thôi mà) tơ vàng.

Đậu Kim-Liên ra nói lời :

A bà mối, nay có nàng Tô-thị, tôi gặp tại vườn hoa, muốn nên ngài thất-gia, nên cậy bà mai mối, có nên chăng, a bà.

Ngâm :

Gặp nàng trên chốn vườn hoa,
Vi duyên nên phải cậy bà mối manh.

Mụ mới Mai nói :

Được được, mụ làm mối cho ai, cốt có tài mới được.

Ngâm :

Cốt sao có tướng có tài,
To-hồng mới vấn duyên trời mới xe.

Hỏi :

Chớ liệu cậu có tài không, hay chỉ có tướng mà không có tinh, có bụng mà không có lưng thì hỏng

Đậu Kim Liên nói :

Bà mối nói bõm lảm, bà dạy tài là tài giỏi, hay là của, a bà ?

Mối Mai nói :

Tài nào cũng phải có mới được.

Ca hành vãn :

Cậu ơi hời, cậu ơi hời, cốt dặng dặng tài trai, lời non nước đỉnh ước mới Mai, cũng cốt tài mới dặng, nào ai hạch, song mà nên, cốt có tài-hoa, già trắng già trắng già xe dặng. Tinh tuy nặng, dặng tài hay, sợi tơ vầy, vẫn là duyên nợ, cốt tiền ngay tiền ngay.

Nói :

A này cậu, dẫu việc gì cũng phải cốt có tài tốt, mà lại cốt có đồng tiền tài, a cậu.

Đậu Kim-Liên ngâm :

Tơ hồng bà nguyệt hãy xe,
Dây duyên dù bén trở về tạ ơn.

Ca tiếp hành vãn :

Lời dao đá, tạ ơn bà, có vội chi mà, hãy vì ta vì ta. Nên việc này may dặng xong ra, dãi bà áo mát, áo dầy hay áo lương sa.

Nói :

Thưa bà, miễn là bà hãy hết lòng

giúp tôi, hễ xong việc rồi, bà muốn áo dày áo mỏng, thế nào cũng có.

Mụ mỗi Mai nói :

Được được, vậy thì cậu đi với tôi, mụ mỗi cho may thì được. (các hạ).

Mụ mỗi Mọt ra nói lời :

Đục kẻo khoét cột, tôi mỗi Mọt tay quen ; mỗi tơ-hồng tôi xe chữa bén duyên, đồng bạc trắng nó vẫn liền với ruột ; nếu mộng meo mỗi đã lần đến chốt, dù gan lim mỗi cũng rút cho mòn ; mụ vẫn đi làm mỗi luôn luôn, lấm nhà mỗi xoi cùn đến đở ; vì có mỗi mà ngoài không vào đở, cột lại vênh kẻo ; duyên vợ chồng mỗi chỉ về liều, lẽ công-việc ai dễ kỳ-kèo được mỗi ?

Nói :

Nào thử đi xem có đám nào bỏ, mụ mỗi-chài kiểm tẩm áo mặc nào.

Hát sa-lêch :

. Ai sinh ra linh bằng cái cây gỗ đục bảo, chứ để tình cho con mỗi mọt y ối y mà để có đục vào trong tim ; y y khen ới khen thay cho thẳng mặt sửa gan lim. (Láy), chứ để tình muốn nên nhà cửa y ối y mà để mỗi đã tìm, mỗi đã tìm tới nơi ; y y chữa ới chữa hay đầu duyên nợ bởi trời. (Láy), chứ để tình đã tìm đến mỗi y ối y mà để có mỗi thời đục ngay ; y y nghĩ ới nghĩ nực cười cho lấm anh mặt mọt lòng cay. (Láy), chứ để tình mất tiền cho mỗi y ối y mà để mỗi xe dây hững-hờ ; y y chứ ới chứ ở đời sao lấm mỗi lần lừa !

Thằng Ngựa ra mời, hát trống quân :

Tôi nay ở phố Kỳ-lừa, tên là thẳng Ngựa chạy vừa tới đây ; toan tìm mụ mỗi cho thầy, may sao may khéo là may gặp bà.

Thằng Dê cùng chạy đến hát tiếp trống-quân mời :

Thầy tôi muốn tậu ghé hoa, mượn bà mỗi đục kẻo nhà rồi trâu ;

thằng Dê tôi chậm đến sau, mời bà đi trước cho mau việc thầy.

Mụ mỗi Mọt hát tiếp trống-quân :

Thầy Lừa bay muốn xe dây, sai Dê sai Ngựa hai bay mời bà ; thầy hay lừa đảo sai-ngoạ, mỗi này đục rộng kẻo nhà cũng nên.

Nói :

Nào đã mời thì đi, có hề chi mà ngại.

(Cùng vào, Đình-trưởng Kỳ-lừa ra đón chào, vãn vãn)

Đình-trưởng nói lời :

A này mụ mỗi, tôi cậy xe tơ ; hễ phận đẹp duyên ưa, sẽ tiền đưa lễ tạ, a mụ.

Ngâm :

Có nàng Tô-thị mình ưa,
Mụ mà mỗi được ai lừa tiền công.

Ca hành-vân :

Sợi tơ-hồng, sợi tơ-hồng, mỗi họ họ là xong, lời non nước ao-ước nên công, có ai mà tệ bạc, tiền như rác, ai lường công, giúp việc đành xong, hồng hoa hồng, hoa hồng đưa tạ.

Mụ mỗi Mọt nói lời :

Thôi ! người quen đâu bằng lạ, việc hậu - tạ không bằng tiền ; hãy trước phải có tiền, không xong rồi trả bạc, đó ông.

Ngâm :

Thói đời lừa đảo như không,
Cứ đưa tiền đở tơ-hồng mới xe.

Ca tiếp hành-vân :

Dù quen lạ, tạ là hiêu, mỗi xe liều sao bằng tiền trước, khất rồi hiêu rồi hiêu.

Đình-trưởng ca tiếp hành-vân :

Nào hiêu hão, đây không lừa, đôi đẹp duyên vừa, sẽ tiền đưa tiền đưa.

Mụ mỗi Mọt ca tiếp hành-vân :

Họ hay lừa, việc xong là trơ, mỗi này không mắc, có tiền mụ mới xe tơ.

Đình-trưởng nói :

Đầy thì tôi hãy đưa trước cho cụ « thăm » bạc, nếu việc không xong, cụ phải trả tôi đó.

Ngâm :

Kỳ-lừa đầy chẳng hay lừa,
Hãy thăm đồng bạc tay đưa cụ giàu.

Mụ mỗi Mọt ngâm đáp :

Sao thầy giỏi tiếng lái trâu,
Đưa thăm bạc bảo cụ giàu mỗi ai ?

Nói :

Ít cũng phải đưa « keng biệt ».

Đình-trưởng đưa 15 đồng bạc, ngâm :

Này đây tiền ngắn mặt dài,
Mỗi không xong việc cụ thời trả tôi.

Mụ mỗi Mọt nhận tiền ngâm :

Sao thầy rõ khéo lời-thời,
Không xong tiền ném xuống ngồi
cầm chi.

*(Bảo nhau cùng sang nhà Tô-thị.— Các hạ)
Tô thái-ông thái-bà cùng ra, thái-ông nói lối :*

A này bà, nay nhà mình vẫn hiêm,
mà con gái kịp thời ; ai có mồn gả
quách đi thời, gái đã lớn để làm chi
mãi, a bà.

Ngâm :

Gái tơ xuân đã kịp thì,
Có người giạm hỏi để chi lớn ngừng.

Thái-bà nói lối tiếp :

Phải phải, vâu gái tơ ai chẳng muốn
gả chồng, mà trai trẻ có thấy ông nào
hỏi ; có lẽ đi mời mỗi, hay là nở bán
rao, a ông.

Ngâm :

Gái tơ vâu muốn gả chồng,
Có ai mỗi sợi chỉ hồng mà xe.

*Mụ mỗi Mai đưa cậu Kim-Liên, mụ mỗi Mọt
đưa Đình-trưởng Kỳ-lừa cùng đến.*

Mụ mỗi Mai mụ mỗi Mọt gặp nhau hỏi :

Mụ mỗi Mai hỏi :

Chờ cụ đi đâu đấy ?

Mỗi Mọt nói :

Vậy cụ cũng đi đâu đấy ?

Mỗi Mai nói :

Tôi đi mỗi nàng Tô-thị.

Mỗi Mọt nói :

Tôi cũng đi mỗi nàng Tô-thị.

Mỗi Mai hỏi :

Mụ mỗi cho ai ?

Mụ Mọt nói :

Vậy cụ mỗi cho ai ?

Mỗi Mai nói :

Tôi mỗi cho cậu Đậu Kim-Liên
chứ ai.

Mỗi Mọt nói :

Tôi mỗi cho thầy Đình-trưởng Kỳ-
lừa đây chứ ai.

Mỗi Mai hỏi :

Thế cụ liệu có được không ?

Mỗi Mọt nói :

Thế cụ liệu có được không ?

Mỗi Mai ngâm :

Đôi ta mỗi vợ mỗi chồng,
Biết rằng duyên bén tơ-hồng về ai.

Mỗi Mọt ngâm :

Chúng ta mỗi Mọt mỗi Mai,
Còn tơ-duyên bén về ai thì về.

Đình-trưởng Kỳ-lừa nói :

Mụ đã lấy tiền của tôi, thì cụ phải
mỗi cho tôi kỹ được.

Mỗi Mọt bảo mỗi Mai, ngâm :

Tơ hồng tay liệu mà xe,
Mụ đừng tranh đảm cụ về quách thời.

Đậu Kim-Liên nói :

Thời trót đến đây, cụ hãy cứ vào
nói, rồi ai được thì được chờ sao.

Mỗi Mai bảo mỗi Mọt, ngâm :

Chúng ta làm mỗi tay đôi,
Mụ nhường tôi quách sao tôi chịu
nhường.

Cùng vào.

*Tô thái-ông thái-bà gọi Tô-thị ra cùng mời
chào v. v..*

Mỗi Một nói sử:

Dạ dám thưa, tôi là mỗi Một, nghe ông bà có gái tốt đang tơ; tôi xe cho thầy Đình-trưởng Kỳ-lừa, nhà giàu có đã thừa ba bốn vợ.

Đình-trưởng nói:

Chết! sao mụ nói thế?

Bầm vợ tôi chết cả rồi!

Mỗi Một nói sử tiếp:

Giờ vợ lẽ còn tham lấy nữa, cậy tôi đưa đến cửa làm con; tiền hoa-hồng mỗi đã trối tròn, xin ông bà cứ gả luôn có bé.

Gọi Tô-thị ngâm:

Gái khôn ăn góc quả hồng,
Giang-sơn khỏi gánh áo chồng khỏi
[may.

Tô thị ngâm đáp:

Mỗi sao vội lấy tiền tay,
Đàm đầu lấy lẽ thã nay không chồng.

Mỗi Mai nói:

Nào thế mụ Mỗi có xong không?
Không để tôi sẽ nói:

Mỗi Một nói lời:

Xong với chẳng xong, nói chi mà nó;
đến Đình-trưởng còn không ngối,
nữa học trò ai lấy chi, a mụ.

Mỗi Mai nói sử:

Thưa tôi gọi mỗi Mai, trước nhường lời mụ Một;
việc giờ không xong chuốt, tôi xin sẽ xe duyên;
mỗi cho chàng tên Đậu Kim-Liên, liệu công việc có nên xin sẽ định.

Gọi Tô-thị ngâm:

Gái tơ không thuận chung chồng,
Trắng già sẽ vấn chỉ hồng xe riêng.

Tô thị ngâm:

Duyên trời đánh để khuôn thiêng,
Việc nên chẳng nữa xin chiêng mẹ cha.

Tô thái ông nói lời:

Thôi duyên đã thuận trẻ, nay ý cũng ưng già;
cho chàng liệu kíp lại nhà,

cưới vợ nên mà sớm định đó chi.

(Chào nhau rồi đều hạ)

Khi ra ngõ, đình-trưởng Kỳ-lừa đòi tiền mỗi Một hát trống-quân:

Hỡi ơi bà mỗi vụng về, tiền hoa-hồng đó chớ hề tiêu nhăng;
thế mà bà nguyệt tơ trắng, bảo mình thừa vợ nói năng sự gì!

Mỗi Một hát tiếp trống-quân:

Thầy này sao khéo nói kỳ, tiền đưa mụ mỗi khác gì ném ao;
bắc thang lên hỏi thiên-tào, tiền thuê mỗi vợ có đào được không?

Đình-trưởng ngâm:

Tiền thuê mỗi vấn tơ-hồng,
Tơ hồng không bén chỉ hồng lừa nhau

Mỗi Một ngâm:

Thầy Lừa tôi kiêu lái-trâu,
Cổ «thảm» đồng bạc vút đầu mắt rồi.

(Tay sờ lưng)

Đình-trưởng ngâm:

Thế nào mụ phải đền tôi,
Mất «keng» đồng bạc tôi lời cả bò.

Mỗi Một ngâm:

Sao thầy sinh-sự chẳng-cò?
Tiền thuê mụ mỗi bắt bò được chẳng?

Ừ chạy.

Đình-trưởng đuổi.

(Hạ màn)

CẢNH THỨ HAI

Phố Kỳ-lừa và rừng núi

Tô-thị ra ngồi nói sử:

Tôi gọi nàng Tô-thị, kết ngãi Đậu Kim-Liên;
nay vợ chồng hương lửa bén duyên, từng khuya sớm sách đèn khuyên việc học.
Chàng vốn bền dạ ngọc, mình cũng vững gan vàng;
việc cửa nhà cần-cẩn nỗ-nang, gánh non nước đảm-đang nào sá quản.

Ngâm :

Khuyên chồng điếm mực tô son,
Hai vai một quẩy nước non nhẹ hồng.

Đâu Kim-Liên ra ngồi nói lời :

A này mợ, ta từ khi kết mối tơ hồng,
anh nay vẫn chăm ngồi bút mực ; việc
của nhà mặc em đỡ vục, gồng non
sông hết sức đa mang ; lời tạc đá ghi
vàng, ngãi chỉ non thề bề đó em.

Ngâm :

Đòi ta quẩn soi tơ hồng,
Nặng lời vàng đá nặng gồng nước non.

Tô-thị ngồi ca cổ-bản :

Duyên thắm duyên càng đượm, tạc
đá không mòn, em khuyên chàng vợ
chồng còn son, mảnh trăng tròn, hện
thề thề non, song duyên kia nào phụ,
nào phụ trăng tròn, cổ non thề hện
cùng lòng son, lời dặn lòng bao mòn,
ven sắt son sắt son, thư nhận đề hôn,
gương loan bóng tròn, nguồn ân-ái,
khôn hao mòn, nay cùng bạn làm bạn
hòa hôn, vấn-vương tinh tự nỉ-non,
tơ hồng khéo khôn, lựa vào khuôn,
trăng nhỏ đầu non, vàng ngọc vừa ven
tròn non kia đá mòn, vẫn còn non,
ấy cùng thề non, cho trọn đá một hôn,
tấc son nào mòn.

Đâu Kim-Liên ca tiếp cổ-bản :

Ngãi thề non, ơn ngãi ơn ngãi nào
mòn, vì ghi tấc lòng son, gan vàng dạ
ngọc, giao ước hãy còn, ngọc Lam-kiều
hện lời đính-hôn, một lời nước non
tinh-tự, tấc lòng son, bao chờ cho
mòn, non nước hãy còn, đừng người
còn duyên còn, tơ-hồng khéo khôn, khéo
mà khôn, xe xe tròn, xe tròn tơ chỉ,
duyên-nghĩa nên tròn, ven nên tròn,
vẫn còn thương yêu, mặn nồng bao
nhiều, lời vàng gieo, ngọn đèn khêu,
vui lòng ân ý, ân ái thêm nhiều.

Tô-thị nói lời :

A này chàng, chàng gắng công đèn
sách, thiệp chăm việc của nhà, phở

Kỳ-lừa nô-nức thú phồn-hoa, nghề
buôn bán dạo qua ngõ thừ, đó chàng.

Ngâm :

Vì chàng gồng quẩy nước non,
Kỳ-lừa dạo gót bán buôn kíp người.

Đâu Kim-Liên nói lời tiếp :

Phải phải, nàng siêng nghề buôn-
bán, anh hết sức học-hành ; trong khi
tuổi trẻ đầu xanh, sá quẩn buôn Tần
bán Sở, a nàng.

Ngâm :

Đoan-trang ngọc chuốt hoa cười,
Giỏi tay buôn bán là người đảm-đang.

Nói :

A này nàng, bán buôn theo chiều
chợ, mau kíp trở về nhà, kéo tôi
mong nhé. (Ha)

Tô-thị gọi :

A con Nhài, ra lên phố Kỳ-lừa với
mợ đây.

Con Nhài dạ ra.

Cùng hát sa-lịch đi.

Trên ời trên Đồng-dăng tình bằng
có phở phở Kỳ-lừa, chứ đề tình thú
phồn-hoa nô-nức y ối y mà đề đón
đưa mầy đón đưa bạn hàng ; y gái
ới gái về chồng phải quyết quyết
buôn sang. (Láy), chứ đề tình nước
non một quẩy y ối y mà đề nhẹ-nhàng
có nhẹ - nhàng hai vai ; y y gánh
ới gánh giang - sơn em chẳng ngại
ngại đường dài. (Láy), chứ đề tình
nước lững-lờ con cá lặn y ối y mà đề
lững-lung trời lững-lung trời con nhan
sa ; y y bổi ới bổi vì chàng em phải
bước chân ra. (Láy), chứ đề tình ngang
đèo con gió thổi y ối y mà đề cánh
bông hoa cánh bông hoa chấp-chòn ; y
y bạn ới bạn buôn hàng tinh bằng
không quẩn bước quan-sơn. (Ha)

Đình-trưởng Kỳ-lừa ra nói lời :

Hur, như tôi đình-trưởng Kỳ-lừa,
đầy tớ rất tuồng dè ngựa ; song nghĩ
mà tức chữa, vì sự lỗ mà cay ; giam

nàng Tô mượn mỗi mất tiền ngay, mà họ Đậu trên tay liền « phông quật » ; kém nước tổ-tôm lức thật, song mình lâu-cả lo chi ; phở Kỳ-lừa nhân nẻo nàng đi, đem dè ngựa ta thì đón gác, đó chẳng.

Ngâm :

Dè có cảnh ngựa mọc sừng,
Giả lừa mắc bọm ngậm gừng mà cay.

Nói lời gọi đầy tớ :

Nào thằng Dê, nào thằng Ngựa,
thẳng đón cửa thẳng nom đàng, hề
thấy cô nàng, mách thầy Đinh-trưởng,
đó a bay.

Dê ngựa da :

Thằng Dê thằng Ngựa cùng hát dập đuôi :

Dạ bầm thưa thầy, thầy nay tốt số ;
cô nàng lên phố, coi ngô thật tinh ;
tinh tinh tinh tinh, qua lối nọ tinh cay
(1 dịp). Cô liếc đôi mày, tưởng thấy
thì chết ; chết mẹ chết mệt, đẹp thật
kia mà, tinh tinh tinh mà, qua lối nọ
mà sao (2 dịp). Thầy vẫn ước-ao, tại
sao không được ; đánh cờ thấp nước,
sao được mà chông ; tinh tinh tinh
chông, quả lối nọ chông ong (3 dịp).

Cùng nói :

Dạ thưa thầy, cô Tô-thị thì đẹp
thiệt, song trước thầy đã giạm không
được, giờ gái có chông, lại đón gheo-
chúng con chỉ e họ mắng thì e quá, rõ
là chông ong ong đốt, thưa thầy.

Đinh-trưởng nói :

Mắng thế nào, mắng là giáng vào
cổ ấy.

Chạy ra trước Tô-thị giang tay chắn :

Ngâm :

Hỡi nàng còn nhớ anh chẳng ?
Anh là đội-trạm Đồng-đăng Kỳ-lừa.

Trở vào mặt mình ca hành-vân gheo :

Mặt con lừa, mặt con lừa, nhớ bọm
bọm này chưa, tình non nước ao ước
xe tơ, mất tiền cho mỗi Một chờ duyên
tốt xe về ai, mất ếch đàn tơ, chờ đợi
chờ, đợi chờ đón hỏi.

Thằng Dê ca tiếp hành-vân :

Thầy tôi định buộc dây tơ, tình con
lừa từng ra chịu nặng, đặng tiền đưa
tiền đưa.

Nói :

Thưa cô, trước cô không lấy thầy
tôi, thầy tôi cũng mất tiền, giờ cô cho
thầy tôi gheo qua một tí, cũng xin đưa
tiền, bao nhiêu thì bao.

Thằng Ngựa ca tiếp hành-vân :

Ngày xưa cười, sự không xong, giận
tơ-hồng, muốn chông ong chông ong,
xin ong đừng châm đốt bồng bong, bao
tiền không tiếc, thầy tôi thu xếp là xong.

Nói :

Dạ thưa cô, đó là thầy tôi cay cô,
muốn đón cô mà hỏi, xem giờ cô có
chịu hổ chông mà lấy, thì bao nhiêu
thầy tôi cũng lo, thầy tôi bảo thế xin
cô đừng mắng lây chúng tôi khổ thiệt,
tại thầy Kỳ-lừa cả đấy.

Tô-thị ngâm mắng Đinh-trưởng :

Hỡi người tai mặt con lừa,
Đơ sao chẳng liệu mà đơ-dáng đời.

Ca Kim-tiền mắng :

Ấy ai hỏi là ai, sao khéo trêu
người ? cột gheo người, mà nay cột
gheo người, dễ mà chơi, khéo mà con
giời, chi khoe tài, chi khoe mẽ, chi
đơ đời, đừng trêu gheo mà chơi, khéo
mà con giới.

Con Nhài ca tiếp kim-tiền :

Chừ sao khéo chi thiên-hạ, sự lạ
đơ đời, sự lạ đơ đời, thôi đừng trêu
gheo làm chi, thôi thôi đừng trêu
gheo làm chi, nín đi không sợ, chớ
gheo vợ gheo vợ người ta, khéo ma
không ngờ kẻ chọ.

Thét lời :

A này, thầy Đinh-trưởng Kỳ-lừa,
các cậu hầu dè ngựa ; gheo người
đi chợ, không sợ người cười, khéo
rõ mặt giới, hỏi oi con khi.

Đình-trưởng giục bày tờ đánh thét lối :

A bảo thầy con khi, lại bảo tờ mặt giới ; hỡi bày-tờ ta oi, quyết thầy - trò ta già ! già ! già !

Thằng Dê thét lối :

Thôi tôi chả tôi chả, nghe thầy dúi thầy dúi, kéo người chợ chửi tôi, rằng là đồ ghẹo gái, a thầy.

Thằng Ngựa cũng thét lối :

Tôi không đại không đại, thầy đừng ngông đừng ngông ; chồng gái đã có chồng, lỗ người ta họ chửi, a thầy.

Thằng Dê hát trống-quân can thầy :

Thằng tôi xin hỡi can thầy, có lẽ mang chày ghẹo gái thì ngông ; huống chi gái đã có chồng, thôi chớ anh-hùng mang tiếng máu dê.

Thằng Ngựa hát tiếp trống-quân can thầy :

Tiết bò cũng thề máu dê, song tôi thằng Ngựa cũng ề cho thầy ; trêu hoa toan nện bằng chày, lỗ khi mang án tội lây cả trò.

Cũng nói :

Thôi cái sự thầy bảo chúng tôi đánh chác người ta, chúng tôi xin chịu, vì người đi lên phố Kỳ - lưà lườn - lượ, mình đánh người ta sao được, lỗ bị ăn lại vạ lây, chúng tôi chả đi được.

Đình-trưởng nói :

Chúng bay lại dạt thế nữa, u thì ông cũng chịu, đề rồi ông sẽ liệu cách khác cho mà xem.

Ngâm :

Ngựa dê không biết đầu bò,
Thôi thầy cũng chẳng chẳng có với ai.
Rồi đây liệu cách liệu bài,
Làm cho ngọc ở tay người về ta.

Tảng xấu-hồ thét lối :

Rõ quân bày-tờ mọi, để cho thầy ra ma, ghẹo người lại trơ mặt mình ra, giận nó phải lột da nó quách.

Đuổi đình dê ngựa cùng chày. Hạ cả.

Về đến nhà Đình-trưởng Kỳ-lưà ra nói lối ngoài :

Hừ như mình vừa toan sự chuột chim, bày tờ nghĩ tức vì dè ngựa ; rõ nằng Tô đi chợ, bảo bày tờ ngăn đường ; mà những đũa dỏ ương, nó làm thầy xấu-hồ ; gái mắng như bằm như bở, mình cam chịu nín chịu lui ; nghĩ đồ murót mồ hôi, đứng càng trơ mắt thánh ; à à, nay nhân ngày khóa lính, mình đem thế anh chồng ; đề vợ hấn phải nằm không, rồi chồng này sau sẽ liệu, đó sao ?

Ngâm :

Lạ chi thân gái hoa đào,
Vắng trắng thì phải vợ sao giải buồn ;
Chồng mình xa trở nước non,
Thôi mình hấn mắc vào khuôn với lưà.

Gọi :

Nào thằng Dê thằng Ngựa, ra theo thầy thầy tỉnh đi thế lính đây.

Dê ngựa dạ ra.

Đình-trưởng thét mắng nói lối :

Bay thiệt là quân hư, thầy đem đảng lính cả ; thầy vừa toan lấu-cá, mảy gàn sự bắt chim ; làm thầy rõ nhọ-nhem, thì thầy đem thế tất, đó bay.

Ngựa dê cùng hát dịp đuổi :

Dạ bằm thừa thầy, thầy bắt Ngựa Dê, trở về đi lính ; chúng con sức mạnh, cũng định bằng lòng ; ghẹo gái có chồng, thì không nghe đại, xin thầy nghĩ lại, kéo nữa mà làm, tỉnh tỉnh tỉnh làm, qua lối nợ làm to.

Đình-trưởng nói :

Thôi, chúng bay cứ phải đem thế lính cả.

Cùng hát đường-trường đi :

Thú Lạng cùng anh, có ai lên thú Lạng cùng anh, chứ đề tỉnh cho tỉnh vợ lính y y mấy năm canh nhớ chồng ; con chim khôn mắc phải lưới hồng. (Láy), hễ ai mà ai gỡ được y y mấy đảng công lạng vàng ; có anh rằng anh chẳng tiếc vàng. (Láy), chứ đề chồng có đi lính y y mấy cô nằng lấy anh ;

vút roi câu anh ruỗi dậm tràng-đình.
(Láy), thương vì người vợ linh y y
mấy một mình nằm suông, gió lay
mành cửa sổ bóng trăng vương.

(Hạ cả)

*Quan Trấn-thủ Lạng-son, sắp sang thủ Ngũ-
lĩnh ra nói lời :*

Chốn ải-bắc then cài cửa khóa, ngàn
Lĩnh-nam vách đá non mây ; trời riêng
chia mấy dãy rừng cây, đất ngăn cách
một đời rẽ cỏ ; thành Lạng-son trấn-
thủ, trào Nam-Việt trọng-thần ; tiện kỳ
tuyển lính ra quân, đợi lúc điều-binh
khuyến-trống.

Ngâm thơ bát-cú :

Cửa khóa then cài cửa bắc-quan,
Trời Nam riêng chiếm cõi giang-san;
Mấy hàng cỏ rẽ chia đèo núi,
Một dãy rừng sâu chẹt cửa ngàn ;
Vách đá chập-chồng non vẫn vững,
Nước cò đua đuổi cuộc chưa tan ;
Vượt ngoài Ngũ-lĩnh vẫy ra thú,
Nghìn dậm quan-son giục mã-an.

Nói lời :

Xưa kinh vàng triều-mệnh, ra trấn
cửa Bắc-quan ; giờ sắp-sửa nhung-
an, đi thú ngoài Ngũ-lĩnh ; quân, điếm
trống hầu tuyển lính, định ngày sớm
ra quân, đó chi. (Linh dạ dạ).

Đình-trưởng Kỳ-lừa vào thế linh nói sữ :

Dạ dám trình quan cả, tôi Đình-
trưởng Kỳ-lừa, Đậu Kim-Liên nay
tuổi sức đang vừa, kê danh-sách xin
đóng đầu quân-chỉ.

Quan Tổng-trấn nói lời :

Cứ tờ kê đình-trưởng, sai bắt Đậu
Kim - Liên ; kén tài bộ thanh - niên,
sang đình đồn trấn-thủ, đó a. (Hạ cả).

Cậu linh về bắt linh Đậu Kim-Liên ra nói lời :

Quan cứ lệnh, linh cứ truyền ; vắng
lời về bắt Đậu Kim-Liên, mau kíp
tới lưu đồn nơi ải-bắc đó sao.

Via :

Tay anh cầm bầu rượu nắm nem,
anh đi thú Lạng nhớ lời em dặn dò.

Hát lưng :

Tiệc cái công anh gánh vàng đi đồ
sông Ngô, đêm nằm song bên to-trong
mấy đi mò sông Trương ; nói cuộc
đời bồi lấp vũng tang-thương. (Láy),
tiệc công song bên xe cát con dạ -
trường biển Đông ; thăm thương cho
vợ linh tiền đưa chồng. (Láy), giọt
mưa song bên lác-đác lần đôi dòng
châu sa ; bởi vì đầu anh xa-cách nước
non nhà. (Láy), chinh dòng song bên
dẹp bắc mới vẫn là chi trai ; gánh
tang-bồng nặng lắm mà em oi.

Vào nói lời :

A này Đậu Kim-Liên, quan về bắt
lính, tiền sai mau phải tính, việc
kíp phải đi ngay ; tờ Đình-trưởng kê
đây, trát quan binh gọi đó a anh.

Đậu Kim-Liên than sữ :

Ồi thương ơi ! tôi con nhà nho-sĩ,
nào quen việc nhung-hiền ; gắp lửa bỏ
bàn tay, ai khéo xui nên, gác bút ruỗi
cung tên cũng đành rằng vậy ; nay việc
kíp cậu đành hãy trầy, sửa hành-trang
em hãy theo sau ; mỗi tình riêng ai
chia rẽ tơ sầu, nổi li-biệt nghĩ thương
người vợ trẻ !

Nói :

Vậy thì xin cậu hãy trầy trước, để
em còn thu xếp sẽ theo sau a cậu.

Cậu linh nói lời :

Hừ việc quan như lửa đốt đầu, mà
vì vợ như dây buộc cổ, thế thì sao
được a bác ?

Ngâm :

Việc quan như lửa đốt đầu,
Hãy đành dứt nghĩa dây bầu ra đi.

Đậu Kim-Liên ngâm :

A không bận bịu thế-nhi,
Việc quan xin cậu hãy đi kéo chày.

Cậu lính ngâm :

Ư thì tiền cậu mấy chày,
Tha-hồ dan-diu mấy ngày mặc anh.

Đậu Kim-Liên đưa tiền tiền ngâm :

Gọi là tiền cậu tiền canh,
Hay là cậu muốn chày hành xin đưa.

Cậu lính nói :

Chày là « kẹo chày », « thâm chày »,
« chày gập », là tiền ấy chớ, anh lại
giã chày hành, thì có cậu om xương,
thôi mình hãy lấy tiền cắt đã. (Ha).

*Đậu Kim-Liên ngồi than sử, rồi gọi vợ ra
dặn :*

Ới thương ơi, từng mấy năm vẫy
bút, giờ bỗng phút trao cung; đành
chỉ trai toàn trắng nợ tang-bồng, nghĩ
phận gái sức động lòng bô-liêu;
hưởng nằng còn niên thiếu, mà mình
độ trai to; giờ vào nơi đạn gió tên
mưa, luống thương kẻ trắng chờ hoa
đợi; nào nằng Tô ra cho anh hỏi, khúc
biệt-li khôn rõ nỗi tơ sầu, ới em ơi.

Hát vãn :

Giở nỗi ới mà tơ sầu, khúc biệt-li
y y ới em ơi, y y y tình bằng khôn
giở nỗi y giở nỗi tơ-sầu, y y y tình bằng
gánh tình xẻ nửa y y y mới dịp cầu y
dịp cầu rẽ đôi, y dịp cầu rẽ đôi, ới em
oi!

Tô-thị than sử tiếp :

Ới thương ơi! tin mai vừa chợt báo,
to liêu kém tươi màu; thiếp đứng
ngoài nghe trộm đã lâu, sao quân-tử
đa sầu chi lắm tá! Xưa đã trót ghi vàng
tạc đá, trách vì ai gặp lửa khêu dầu!

Hát vãn tiếp :

Gặp lửa ới mà khêu dầu, trách vì ai
y y ới anh ơi, y y y tình bằng gặp lửa
y gặp lửa khêu dầu, y y y tình bằng
bước đàng chia rẽ y y y ấy mấy mối
sầu y mối sầu phân-li, y mối sầu phân-
li, ới anh ơi.

Đậu Kim-Liên nói lời :

A này nằng, sự này vì Đinh-trưởng
đầu giấy tại quan binh, việc tiến-tiền
hành-chinh, giờ tên anh đứng trước,
thôi từ đây xa bước, nghĩ thì nặng vì
tình, giữ sao cho vẹn ngọc lành, nào
sá quản gì đá nát, đó nằng

Ngâm :

Nước non thề với can-tràng,
Dù cho nát đá phai vàng quản nao.

Tô-thị nói lời :

Nghe tỏ tiêu-hạo, ruột như dao cắt;
thề có biển non trời đất, dám sai son
sắt đá vàng; chân đưa một bước dặm
tràng, tay gạt mấy hàng châu lệ, đó sao.

Ngâm :

Lời vàng nghe tỏ tiêu-hạo,
Một lời chém đá như dao cắt lòng.

Ca hành-vân tiền biệt :

Cắt tơ lòng, cắt tơ lòng, đòi đoạn
ruột thông-bong, lời non nước, giao-
ước vừa xong, bỗng xui nên cách-trở,
tình ly-cách, song mà thương, nữ phụ
tình chung, hồng khăn hồng giọt hồng
ướt dầm. Trời cao thăm, dặm non xa,
bước xa nhà ruột đà như cắt, lệ dầm
sa dầm sa.

Đậu Kim-Liên ca tiếp hành-vân :

Người gan đá, lạ chi mà, lia bước xa
nhà, dặm ngàn hoa ngàn hoa, giọt lệ
hòa chứa chơn mưa sa, dẫu là xa cách,
non xanh còn nặng thề hoa.

*Cùng tiền nhau hát bài « Quân - tử
vu dịch » :*

Tô-thị hát :

Quân - tử vu dịch, bất tri kỳ kỳ,
đau lòng thay kẻ ở người đi, con binh-
hỏa ruồi mau chi lắm ta!

Đậu Kim-Liên hát tiếp :

Tưởng những lúc phụ - mẫu sinh
ngã, nhật dạ linh ngã tang, nữ giá

hữu sở qui, kẻ khuyển diệp đặc trưng,
biết chinh-phu mà đem lại tới chàng,
thà đem bỏ đạo bàng cho xong quách.

Tô-thị hát tiếp :

Thiều-thiều lộ viên quan-sơn cách,
người phòng-vi nhớ khách sa-tràng,
du du bỉ thương hề, hạt kỳ hữu cực,
trông những lúc cùng nhau tri-thức,
đem phần son mà nhan-sắc cùng chông ;
tự bả chi đông, thủ như phi bông,
khởi vô cao-mộc, thủy địch vi dong,
trăm năm chút nghĩa đèo bông, xa-xôi
ai có biết lòng chẳng ai ?

Đâu Kim-Liên hát tiếp :

Chân chân quân-tử, qui tai qui tai,
tuần bỉ Nhữ-phần, phạt kỳ điều-mai,
vị kiến quân - tử, thích như trừ cơ,
quần bao thảng đợi năm chờ, nghĩ
người ăn gió năm mưa xót thăm ;
cao sơn lưu thủy thị tri-âm, đau đón
nhể quan-tâm thiệp-ý.

Tô thị hát tiếp :

Hồi thủ mạch đầu dương-liễu sắc,
người chinh-phu chỉ ở phong - hầu,
đem áo chần mà đùm bọc lấy nhau,

chi đến nỗi hàm sầm yểm lệ ; trắng
đầu non mây mặt bẻ, thương tâm
hà thác cánh phùng quân. Ta ngã
hoài nhân, tri bỉ chu-hông, thái thái
quyền-nhĩ, bất doanh khuyh-khuông,
chàng trông thiệp thiệp trông chàng,
nỗi ân-ái đôi đàng khôn xiết kể.

Đâu Kim-Liên hát tiếp :

Bá hề thúc hề, bang chi kiệt hề,
bá đã chấp phù, vị vương tiền khu,
ngâm - ngùi khi bước lên cầu, gánh
tinh xẻ nửa mối sầu chia đôi. Ân kỳ
lôi, tại Nam - sơn chi trắc, hà tư vị
tư, mạc cảm hoàng tức, trận gió
xuân mơ-màng một giấc, thấy cảnh
đầu như giục tấm lòng ; yêu yêu
thảo-trung, địch địch phụ chung, vị
kiến quân-tử, tru tâm xung-xung, cái
cò lặn - lội bờ sông, gánh gạo đưa
chồng tiếng khóc nỉ-non.

(Càng từ biệt)

(Hạ màn)

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHÊM



LƯỢC-KÝ VỀ SỬ NHẬT-BẢN (1)

III

Hậu-nại-luong 後 奈良 thiên-hoàng lên nối ngôi, tiền chi-dụng không đủ. Đại-nội-nghĩa-long hiến vàng để giúp đỡ. Nghĩa-long tỏ ý tôn nhà vua để đóng-dã cho thiên-hạ trước, lại chiêu- nạp để dùng các quan công-khanh. Mới dựng ra các phường các xóm, mở ra ba điều chín lối đi, phỏng như chốn kinh-thành, suy-xét cái chi không phải là gian-hùng để hiệp quyền thiên-tử vậy. Nghĩa-huy nổi làm tướng-quân chỉ có danh mà không có thực. Võ-diễn-tin-huyền với Thượng-sam-khiêm-tín mỗi người cùng xung-hùng một phương đánh nhau mãi. Trai-dăng-loi-chinh thì đánh đuổi chủ là Thổ-kỳ-lại-nghệ đi, Đào-tinh-hiền thì giết chủ là Đại-nội-nghĩa-long. Tân-cửu-kiến-mĩ-tác thì giết chủ là Đại-hữu-giám. Tam-hiếu-chi-khang thì giết chủ là Tế-xuyên-tri-long. Mọi kẻ hùng chia nhau cắt giữ các châu quận không sao kể xiết được. Tàu nước Bò - đảo-nha đến đảo Da-tiết mới truyền-giáo Thiên-chúa. Người nước mới biết dùng súng.

Chính - thân - đình 正 親 町 thiên-hoàng lên nối-ngôi, Mao-lợi-nguyên-từ dâng nộp một đại-lễ giúp đỡ. Rồi đi đánh Đào-thị phải hàng phục, Ni-tử-nghĩa-cửu thì xung bá chiếm giữ mười châu. Tùng-vĩnh-cửu-tú thì giết Nghĩa-huy, mà Nghĩa-vĩnh Nghĩa-chiều vẫn nối giữ chức tướng-quân. Chức-diễn-tín-trường mới khởi lên ở Mĩ-nông; Nghĩa-chiều phải bị u-giam, họ Tú-lợi mất. Kể từ Tôn-thị truyền đến Nghĩa-chiều được mười ba đời, cả thấy

235 năm, trong đời ấy cải-cách lễ-giáo phong-tục không được một điều gì hay cả. Tin-trường mới khởi lên bình-dịnh chốn kinh-kỳ, thay giữ chức tướng-quân, hạ-lệnh chốn kinh-su tha cho tiền thuế thổ-địa, miễn cho các việc dao-dịch, đặt ra sở quan-ty, dời nơi trị-sở đến núi An-thổ. Nhận cho Lữ lốg đem cống quân bắc-nô. Định pháp-chế ngoài quan-dòng mười lăm điều, qui-mô có điều rộng rãi. Tiếc rằng tin yêu Minh-tri-quang-tú quá rồi bị phải nó giết. Quang-tú là đứa tàn-nhẫn, bỏ mẹ cho giặc bắt, thân với người ai cũng ghét. Phong-thần-tú-cát khởi lên từ kẻ nô-bộc mà dựng-binh như thần, giết Minh-tri-quang-tú, diệt họ sai-diễn-thắng-gia, đắp thành Đại-bản. Đồi lệ không bắt phải tấu-thỉnh chỉ xưng «bach» cũng được. Đặt ra năm sở phụng-hành. Cùng với họ Đức-xuyên-gia-khang giảng-hòa, uy-danh lừng-lẫy cả thiên-hạ.

Hậu - dương - thành 後 陽 成 thiên-hoàng lên nối ngôi. Lũ-cát đi đánh Đảo-tân-nghĩa-cửu bắt phải hàng phục, uy-quyền lại càng lớn. Hội-hợp các liệt-hầu tại nhà tụ-lạc, bắt phải cùng tôn nhà vua mà bết sức việc cần-vương. Diệt họ Bắc-điều nhưng không có lam-sát. Lấy năm mươi tư quận của đất Lục-áo mà không phải dùng đến binh-dao. Lại muốn xâm-lược đến bản-đồ cõi nước Tàu. Lấy có quân nhà Nguyên đến xâm Cao-ly, bèn phát ra năm mươi vạn quân Nhật thẳng đến cõi Cao-ly đánh đuổi vua và bắt được hai con vua

(1) Xem N. P. số 137.

Cao-ly. Tắm đạo trong nước Cao-ly đều theo gió mà tan-vỡ cả, bèn xin hòa, mới lập thành hòa-ước. Bày cuộc thưởng-hoa ở Đê-hồ, xưa nay chưa từng có cuộc du quan thịnh như thế. Nhà Minh có đem miện-phục phong vương cho Tú cát. Tú-cát đọc tờ sách-thư mà bảo rằng: « Ta giữ nước Nhật-bản, muốn xưng vương thì xưng vương, có cần gì anh giặc râu xồm ấy phong vương cho ta! Ta mà xưng vương, còn như thiên-hoàng ta sao! » Liền xé bỏ tờ sách-thư, vứt bỏ bộ áo miện-phục đi. Lại khởi quân đi đánh Cao-ly, tài-lược giỏi hơn cả đời trước. Đặt ra năm quan đại lão ba quan trung-lão, định ra bảy đại-dội. Tú cát mất rồi, Đức-xuyên-gia-khang nổi theo, là người tri-dũng nhân-từ, cầm giữ quyền lớn; một trận đánh ở Quan-nguyên giết được Thạch-diên-tam-thành. Chiếm giữ tám châu, tự làm Chính-di-đại-tướng-quân, đại-phong cho các chư-hầu, lập pháp-chế ban trở -thượng. Vợ con các vua chư-âu đều cho ở đất Giang-hộ, cứ cách một năm lại thay đổi. Cấm các nước tây-chư-hà chế ra chiến-hạm. Chia định đường lối trong nước, phân ra từng dặm dựng các cây số, đặt ra năm mươi ba trạm. Cùng với nước Triều-tiên giảng-hòa. Sai Đảo-tân-gia-cửu đánh nước Lưu-cầu bắt phải hàng-phục. Mở rộng nơi hoàng-thành, sửa lại thành Giang-hộ.

Từ đời vua Hậu-nại-lương đến đời vua Hậu-dương-thà h được là 84 năm, thiên-bạ mới biết nghĩa cần-vương, nhà vua đã ôn dần lên. Đến Gia-khang làm tướng-quân, trong nước mới bình-trị.

Hậu - thủy-vĩ 後水尾 thiên-hoàng tin chuộng phạt-pháp, chỉ ngồi chấp tay vô-sự. Gia-khang làm tướng định năm chương phép-chế về các quan văn; mới đặt chức Lão-trung, sửa lại các phép cũ triều-dinh. Định lại chế-

độ thành Giang-hộ và huyện ấp các nơi. Diệt họ Phong - thần di, đình không ban cho miếu-hiệu Phong-quốc nữa. Định nghi-thức trong triều-dinh mười bảy chương, nghi-thức về các quan võ mười ba chương. qui-mô rất sâu xa. Gia-khang mất, Gia-Quang nổi làm tướng-quân, trong nước vô-sự. Kể từ-trưởng ở cảng A-mã đến Trường-y xin vào thông-thương. Người nhà Minh là Trịnh Chi-Long lập nơi tuần-phủ vào hiến đước-phẩm. Người Anh-cát-lợi mới đến Bình-hộ đề giao-dịch với Mạc-phủ. Nghe lời người Hà-lan là Dương-ước-sĩ cấm truyền-giao Gia-tô, giết kẻ giáo-đồ đến năm mươi bảy người. Người đất Y-thế là Sơn-diên-trường-chính sang nước Tiêm-la, lập được chiến-công quân-lĩnh cả quốc-chinh, sai sứ vào làm lễ sính. Người buôn Trường-y là Tân-diên-diệp-nhất giúp Trường-chính đánh phá đất Kha-á, lấy con gái vua Tiêm-la rồi đem về nước. Nước Tây-ban-nha, nước An-Nam cùng đến xin thông-thương. Ở Trúc-tử bỏ cả tượng Gia-tô, dựng chùa Khoan-vĩnh ở núi Đông-tuấn. Sai kẻ phiên-sĩ chiế giữ hai thành, uy-quyền càng ngày càng thịnh. Đăng-nguyên-túc mất, Túc hiệu là Tinh-oa, mới xưng lên theo học-thuyết Chu Trình là tiên-nho nhà Tống, học trò rất nhiều, có Lâm-tín-thắng ra làm quan với Mạc-phủ làm chức đại-học, nho-học bấy giờ thịnh lắm.

Minh-chính 明正 thiên - hoàng lên nối ngôi. Gia-Quang mới đặt ra chức đại-tiền-lão, sai xử đi năm kỳ bảy đạo để xem xét phong-tục. Định ra đội đại-phiên, đặt ra sở bình-định. Dựng nhà miếu Nhậ-quang, ban chế-độ về võ-bi mười chín chương. Sửa soạn phổ-ký các nhà tướng-quân. Định kỳ các chư-hầu vào triều-cận về thăng sáu, còn những nước ở ngoài Quan-đông thì cứ nửa năm một kỳ vào chầu. Cấm không cho nước Giao chỉ, Chiêm-thành

Lữ-tổng vào thông-thương. Đuổi quân Nam-man ba trăm tám mươi bảy người dốt bỏ tàu đi. Dẹp yên giặc Thiên-thảo. Người Hà-lan giữ đất Dài-loan, cướp hàng-hóa thuyền buôn của người Trường-y là Mạt-thứ-Binh-tàng. Ban của Binh-tàng là Tân-diễn-di-binh-vệ đến đất Đái-loan bắt người Hà-lan phải trả lại của cải hàng hóa.

Hậu - quang - minh 後光明 thiên-hoàng là người anh-mẫn, độ-lượng rộng-rãi, chăm học thông-hiểu hết cả các nghĩa lớn. Tính sợ sấm sét, gặp ngày sấm lớn phải ngồi yên trong rèm mới khỏi sợ. Ban cho nhà miếu Nhật-quang cung-hiệu, sắc cho Tôn-trưng Pháp thân-vương làm tọa-chủ ở Đông-tuấn-sơn. Gia-quang mới định pháp-chế hậu-dãi các hầu bá tôn như họ nhà vua, bởi vậy uy-quyền chư-hầu càng thịnh. Gia-Quang mất, Gia-Cương nổi làm tướng-quân. Thiên-hoàng giận rằng uy-quyền nhà vua suy-kém muốn khôi-phục, Bản-thương-trọng-tôn phải mổ bụng ra can ngăn, Mạc-phủ nghe thấy phải khiếp-sợ. Lại muốn dựng miếu đức Khổng-tử, sửa lại nhà Thái-học, nhưng chưa làm bị bệnh đậu mà mất. Thiên-hoàng lại ghét hỏa-táng bảo các quan bỏ cái qui-thức ấy đi. Khi ấy có người Cận-giang là Trung-giang-nguyên, hiệu là Đẳng-thụ, tin theo cái học-thuyết của Minh-nho là Thủ-Nhân, đem dạy bảo người làng, học trò tôn là Cận-giang thánh-nhân. Lại có kẻ môn-nhân là Hùng-trạch-bá-kế hiệu là Phồn-sơn là bậc thông-minh hơn người, làm quan ở Cương-sơn ngoại-phiên, đã nổi danh tiếng, sau bị u-tù đến và mười năm, mà nét mặt không có lo buồn chút gì. Bấy giờ lại có thầy tăng là Ân-nguyên mới qui-thuận, xưng lên một tôn-phái Hoàng-nghiệt, các liệt-hầu theo về giáo ấy cũng nhiều, đều phục là cao-đức.

Hậu-tây 後西 thiên-hoàng lên nối

ngôi, gặp buổi tai-dị luôn mãi, Thiên-hoàng trách là tại mình thất-đức, bèn thoái-tị vào ở động Ngưng-hoa, đọc sách tập chữ, tru-du cho hết năm. Nước Tiêm-la sai sứ lại dâng thư và các đồ phương-vật, Gia-Cương từ chối không nhận. Người nhà Minh là Chu Chi-Du đến qui-thuận, Đức-xuyên-quang-quốc sai đón làm vị tả -str. Thành Giang-hộ cháy, chết đến hơn mười vạn tám nghìn người. Khi ấy có Tĩnh-y-trực-hiếu không học nhưng hay chống nạn giải-phân cũng giỏi. Tùng-binh-tin-cương là người luyện-đạt sự-vụ không kém gì bậc hiền-tá đời xưa. Tửu-tĩnh-trung thẳng giữ việc cơ-mật hơn ba mươi năm, mà vẫn cố-từ hậu-lộc, nghĩ lo cho con cháu về sau, thực là một bậc lương-tá đời bấy giờ.

Linh - quang 靈光 thiên - hoàng là người anh-mẫn, hay suốt biết tình kẻ dưới. Lại có tinh nhân-hậu nhún-nhùng, chỉ ung dung rủ áo chấp tay ngồi làm vua. Gia-cương lập ra pháp-chế hạn cho các vua chư-hầu đem quân sô-tụng không được quá ba cỗ ngựa bảy tay súng. Kẻ thứ-dân không được đeo dao lớn mặc áo lụa. Đào cái ngôi ở đất Chi, sai quân-lính làm cả đêm, hễ người nào làm việc suốt đêm thì cấp cho liền thuê ba ngày. Kẻ thổ-tù ở Hà-ti là Thích-tiên nổi loạn, Tùng-tiên-thái-quảng đánh dẹp yên. Quân phiến Tiên-dài làm loạn, bèn đem đầy những kẻ tôn - thần là : Y-đạt-tôn-thắng, Tô-hưng, Nội-đẳng-trung-thắng. Lại giết Vĩnh - tinh - thượng - trường ở chùa Tăng-thượng. Kẻ gia-thần ở Việt-hậu là lũ Tiểu-lật-chính-củ mưu làm phản, đều phải giết chết. Nước Anb xin sang thông-thương thì không cho, kẻ thổ-tù ở A mã-cảng hộ-tổng mười hai người phiêu-dân đất Y-thế đến đất Trường-y, Chương-Cát sai đem đưa về trả và cấm từ nay không được hộ-tổng kẻ phiêu-dân. Kẻ xử-sĩ là Sơn-lộc-

nghĩa-cử có làm ra sách *Thánh-giáo-yếu-lục* bài-bác đạo học phái Tống-nho. Lại có người Thạch-xuyên-oa là người ân-sĩ ở dưới núi Tuấn-sơn, có làm ra nhà Thi-tiên-đường, chỉ đánh đàn và lấy việc hàn-mặc làm vui. Khi ấy lại có Sơn-y-gia theo về học phái Trình Chu, về năm cuối lại càng nghiên-tinh thần-học, kẻ môn-nhân đặt hiệu ông ấy là Thùy-gia tiên-sinh, học-thuật ở chốn dân-gian từ đấy lại hưng-thịnh.

Đông-sơn 東山 thiên-hoàng lên nối ngôi, thì gặp lắm việc tai-biến, nhân-tâm không được yên-đàn. Thiên-hoàng tự trách mình là kém đức mới nên thế, bèn nhường ngôi không làm vua nữa, thực là có cái phong đời vua Hậu-tây-đế. Khi bấy giờ Cương-Cát làm chức tướng-quân, thường hạ lệnh hề người nào làm bị thương con chó thì phải chết, giết chó cũng phải bêu đầu. Lại cấm những kẻ tru-đồng vũ-nữ không được ra vào trong cung-cấm. Dựng nhà miếu ông Khổng-tử ở đất Thần-diễn-bản, thiên thánh-thượng Nhẫn-cương đến nhà tân-miếu. Định cái ngạch thông-thương với tàu thuyền nhà Thanh. Đức-xuyên-quang-quốc có sửa lại cái nền Nam-chính-thành; lại dâng bộ sách sử Nhật-bản, và những sách *Lễ-nghi loại-diễn*, rồi cáo-lão về ở núi Tây-sơn, nhà gianh vách đất, ưu-du tự-thích, chứ không có sửa-sang gì cả. Tể-lĩnh-như-thân có khuyên Liễu-trạch-cát-bảo sửa lại những nơi sơn-lăng các đời. Sách-tuệ-phiên có sai sứ-thần đến là lũ người Đại-thạch-lương-hùng bốn-mười-bảy người. Lại giết Cát-lương-nghĩa-anh để phục-thu cho chủ. Nhà Mạc-phủ có theo cái nghị của kẻ nho-sĩ là Vật-mậu-khanh đem giết lũ Lương-hùng.

Trung-ngự-môn 中御門 thiên-hoàng lên nối ngôi, thì Gia-tuyên làm tướng-quân, nước Triều-tiên có sai sứ

lại mừng. Tân-lĩnh-quân-mĩ có đặt ra mười điều lệ về việc học Nhà Mạc-phủ tự xưng là Nhật-bản quốc-vương, sứ nước Cao-ly đến thì phải xuống xe mới dám vào cửa. Gia-tuyên khi gần mất có xá tội cho những kẻ quần-thần. Gia-kế nổi lên làm chức tướng-quân, theo cái nghị của Tân-lĩnh-quân-mĩ hề thuyên các nước phiên mà đến gần cửa bể thì đem đổi bỏ thuyền và giết người đi. Hễ người trong nước ai mà đi lại các tàu thuyền với các phiên thì đều bị bắt. Gia-kế mất đi rồi thì Cát-Tung nổi làm chức tướng-quân. Khi ấy phía đông-nam bị đói lắm, chết đói đến hơn mười sáu vạn người, nhà Mạc-phủ cấp gạo cho dân đói cứ mỗi người đàn ông thì hai cáp, đàn bà thì một cáp. Từ đời người Tiều-lạp-nguyên triah-nhâm mới tìm đến ở cũ-lao Tiều-lạp-nguyên, nguyên trước tăng-tổ Trình-nhâm là Trình-lại có phụng-mệnh Phong-điều-tú-cát đi xem xét phía Nam-bải tìm thấy được cái cũ-lao ấy, về sau cứ hàng năm đi lại, đã ít lâu bỏ vắng đi, đến đây lại sai người đến. Khi ấy Bối-nguyên-độc-tín và Vật-mậu-khanh đều mới mất. Độc-tín thì học chuyên-chủ về thực-dụng. Mậu-khanh hiệu là Tồ-lai là người rất bác-học coi khinh cả một đời, lại hay bài-sích phái Tống-nho có nói rằng: «Đạo ông Khổng-tử tức là đạo dấng tiên-vương, đạo dấng tiên-vương chỉ cốt là yêu dân mới lập ra chế-độ và i-vi, mà tóm lại chỉ cốt yêu dân cả, ông Khổng-tử quý về đạo nhân mà đạo nhân tức là cái đức yêu dân vậy.» Lại nói rằng: «Cái người chỉ biết luồn cúi đem cái thân đi để phụng-thờ vua, đó là cái đạo kẻ thiếp-phụ, kẻ thiếp-phụ với kẻ nô-lệ chỉ biết dạ vâng theo mệnh-lệnh mà thôi, chứ còn mong gì như chân tay giúp đỡ nữa.» Mậu-khanh tiên-sinh có rất nhiều học trò, như là: A-ti-đăng-hoán-dồ, Thái-tê-thuần, Phục-bộ-nguyên-kiền đều là người có tiếng cả.

Anh - dinh 櫻町 thiên - hoàng nối ngôi, khi ấy có những danh-nho như là : Y-đăng-trường-dận. Nguyên cha Trường-dận là Duy-trình hiệu là Nhân-trai, học-thức không phải do sư-truyền mà tự hay xướng lên học-thuyết một nhà, đã trước Mậu-Khanh mà thành đấng nho-tôn một đời. Trường-dận là con hay truyền được gia-học, có cái phóng-thối người quân-lử, hiện là Đông-nhai. Kẻ nho-sĩ ở Võ-tàng là Thạch-mộc-dôn-thư xin lấy giống củ mài ở Tát-ma đem về giồng ở các đảo. Tân-tĩnh-quân-mĩ mới mở trường học tiếng Hà-lan, Đôn-thư lại nối sau mở thêm ra, Tây-học từ đấy mới khai dần mãi ra. Mạc-phủ mới cho đi cầu giống má ở tàu thuyền các nước ngoài đem đến giồng ở trong nước.

Đào-viên 桃園 thiên-hoàng nối ngôi. Cát-tôn mất, Gia-trọng nối giữ chức tướng-quân. Cát-tôn có làm ra pháp-luật chín mươi chương, lấy điều cần-kiệm khuyên bảo kẻ dưới, trong khoảng năm Hưởng-bảo Nguyên-văn, Mạc-phủ đã trung-hưng lên được. Khi ấy có Gia-hạ-phiêu nổi loạn, kẻ nghịch-thần là Đại-qui-nội-tàng-doãn và kẻ thị-nữ là Thiên-vĩ đều phải xử hình-trúc-cứ ; còn mười hai người nữa thì phải xử trảm. Người Đan-ba là Trúc-nội-thức-bộ thường ra vào các nhà tấn-thân giảng bàn võ-nghệ, Gia-trọng đuổi đi, giam-cấm Đẳng-nguyên-công-tfch gỡ xuống mười bảy người. Gia-trọng mất, Gia-trị nối chức tướng-quân.

Hậu-anh-dinh 後櫻町 thiên-hoàng là con gái vua Anh-dinh, rủ rèm ra ngự triều, khi ấy có người Nga mới đến đất A-ba.

Hậu-đào-viên 後桃園 thiên-hoàng là con vua Đào-viên lên nối ngôi. Đất Giang-hộ bị hỏa-tai to lắm. Các nước phiên ở phía tây nam bị bão to. Năm

thứ sáu thì đất Tát-ma, Đại-ngung bị động đất. Đất Anh-đảo bị cháy, người và súc-vật chết nhiều.

Tự đời vua Thủy-vĩ lên ngôi đến đời vua Hậu-đào-viên này được là 168 năm. Họ Đức-xuyên quyền-thế càng ngày càng thịnh, nhà vua chỉ ngồi rù áo chấp tay mà thôi. Uy-quyền nhà vua càng ngày càng suy, nhưng văn-hóa có phần lại thịnh hơn lên vậy.

Hiếu-cách 孝格 thiên-hoàng là tăng-tôn vua Đông-son, là người thông-minh hơn người, mình dài sáu thước năm tấc. Khi chịu nhường ngôi không chịu húi tóc, nói rằng người Nhật-bản sao lại bắt chước lối Tây-phương. Gia-trị mất, Gia-tề nối chức tướng - quân. Trong cung đại-nội bị cháy. Nước Hã-di nổi loạn. Gia-tề hạ lệnh cho các nước chư-hầu lập ra kho trữ-bị, cứ mỗi trại muôn thạch thì phải chứa thóc vào kho năm mươi thạch. Giảm bớt ngạch thuế cho thuyền tàu ngoại-quốc. Mới đặt ra y-quán. Mới hạ lệnh cho số học-chính đặt ra khoa khảo-thí. Người nước Nga đưa trả lưu-dân đất Y-thế, mới đến đất Hà-Di đề xin thông thương, rồi lại sai quan Lạc-lát-nặc-đức đưa giả lưu-dân đất Tiên-đài. Người Nga rồi lại vào ăn cướp đất Trạch-súc, Kha-thái, phải sai Cận-đăng-thủ-trọng đến đóng giữ Trạch-súc, lại sai Gian-cung-luân-tôn đi thám xét xứ Khư-thái cho đến xứ Đông-thát. Mạc-phủ mới đặt nhà Xương-quán để đưa thư tín, mới dựng các chùa ở Đông-hà-di, mới đời Tùng-tiền-chương-quảng ra ở đất Lưong-xuyên. Đặt ra chức Tùng-tiền phụng-hành, phía bắc từ đấy mới sinh ra nhiều việc. Tàu nước Anh mới ghé vào đất Trường-y lên cướp cả các phố chợ. Tùng-bình Khang-anh đem quân ra đánh, nhưng thất-cơ không đánh được phải tự-tử mà chết. Thiên-hoàng ở ngôi được ba mươi sáu năm, khi ấy có Lâm-lử-bình

hay sinh bàn việc ngoài biên. Cao-sơn-
chính-chi mới xướng lên cái nghị tôn-
vương. Bản-cu-tuyên-trường lại hay
giảng bàn quốc-học.

Nhân-hiếu 仁孝 thiên - hoàng là
người cần thận hiếu hạnh và chăm học.
Khi ấy ở Tây-hải bị bão to đổ nát mất
hơn năm vạn nóc nhà, chết mất hơn
một vạn người. Giang-hộ bị cháy to,
lây đến mười vạn chín nghìn nóc nhà,
chết cháy mất hơn một nghìn chín
trăm người. Đại-diêm-bình-bát nổi lên
làm loạn. Người nước Anh ghé tàu vào
ăn cướp ở Bảo-đảo. Gia-tề mới hạ cái
lệnh nương-di đuổi hết người ngoại-
quốc đi, theo lời nói của Đức-xuyên-
tề-chiêu phục lại chức Tùng-tiền
phụng-hành. Gia-tề mất đi, Gia-khánh
tên nổi giữ chức tướng-quân. Tề-chiêu
thu hết cả chuông đồng tượng đồng
trong cõi để đúc súng lớn. Người Hà-
lan mới nói tỏ ra rằng tỏa-cảng
không giao-thông với nước người là
có hại. Thiên-hoàng ở ngôi được ba
mười ba năm, khi ấy có Bồ-sinh-quân-
bình làm ra bài *Sơn-lãng-chi*. Nham-
viên-tùng-miêu sửa lại sách *Quốc-sử-
lược*. Lại-tương làm ra bài *Nhật-bản
chính-ký* và sách *Nhật-bản ngoại-sử*.
Kể sĩ-phu khi ấy xướng lên cái thuyết
tôn-vương càng ngày càng nhiều.

Hiếu - minh 孝明 thiên - hoàng là
người thông-minh anh-tuấn biết lo xa
việc nước nhà. Năm Hoảng-hóa thứ ba,
người nước Mĩ là Bắc-đức-lộc lại xin
thông-thương. Năm Gia-vĩnh thứ hai,
người nước Anh vào cướp đất Hạ-diền.
Năm thứ năm tàu nước Nga đến đất
Hạ-diền đưa giả bảy người huu-dân ở
Phi-tiền. Năm thứ sáu người nước Mĩ là
Bá-nhĩ-ly đem tàu binh đến Phố-hạ xin
thông-thương. Gia-khánh mới đắp cái
pháo-đài ở Cao-luân, triệu người Đức-
xuyên-tề-chiêu cùng vào tham-dự nghị-
luận việc lớn. Gia-khánh mất đi thì

Gia-định nối chức tướng-quân, cho
các nước chư-hầu chế làm tàu lớn,
và đem các đồ hỏa-khí vào đất Giang-
hộ. Quan thủy-sư đề-đốc nước Nga là
Bổ-diền-định đến đất Trường-y, xin
chính lại bờ cõi đất Hà-di. Năm An-
chính nguyên-niên, Bá-nhĩ-ly là người
Mĩ lại đến xin thông - thương Đức-
xuyên-tề-chiêu mới tàu mười điều nghị
rằng nên đánh người Mĩ, vua không
nghe, cứ mặc cho tàu Mĩ ghé vào ba
cửa cảng là Hạ-diền, Xương-quán,
Trường-y. Bắt giam kẻ sử-sĩ là Tả-
cửu-gian-tu-ly và Cát-diền-dân-nhi.
Mới lấy hiệu mặt trời định làm hiệu cờ
nước Nhật. Quan tổng-binh nước Anh
là Thiết-nhĩ-linh-cách dâng thư nói về
việc người Nga dòm nom đất Bắc-hà-
di, tàu Nga vào đất Nhiếp-hải. Năm
thứ hai người nước Hà-lan đem hiến
cho cái tàu đào đất và lại nói sự tỏa-
cảng là không lợi. Đất Giang-hộ bị
động đất dữ lắm, chết đến hơn mười
vạn người. Năm thứ ba mới đặt ra sở
dịch sách ngoại - quốc và sở ngoại-
quốc sự-vụ. Đất Giang-hộ bão to, chết
hại đến hơn mười vạn người. Khi ấy
có quan lão-trung là Quát-diền-chính-
mục cùng với người Mĩ lập ra một
điều-ước tạm, họ Đức-xuyên Khánh-
thứ, Khánh - đốc, Khánh-hĩ, Khánh-
vĩnh đều nói xin bỏ điều-ước đi, thiên-
hạ bấy giờ đều xướng lên cái thuyết
nương-di. Gia-định mất, Gia-mậu nối
chức tướng-quân. Tỉnh-y-trực-bạt nổi
làm quan đại-lão chuyên quyền ở trong
Triều-đình, xuống chỉ cho Tề-chiêu
chuyên việc nương-di, dẹp các nước
ngoài. Trực-bạt sai Ung-ti-chính-thông
và quan Nội-đại-thần là Tam-diều-thực-
vạn đều phải húi tóc. Lại bắt lũ người
Kiều-bản-tả-nội, Lại - tam - thụ năm
mười bảy người, đem giam ở Giang-hộ
rồi đem chém cả. Khi ấy có thầy
tăng ở Thanh-thủy-pháp-tĩnh-viện là
Nguyệt-chiêu chạy đến đất Tát - ma
cùng với Tây-hương-long-thịnh nhẩy

xuống bể, nhưng Long-thịnh không chết. Năm vạn-diên nguyên-niên, Gia-mậu sai sứ sang nước Mĩ cùng giao-thông hòa-hiếu. Khi ấy có người Thủy-hộ là lũ Tá-dã-quang-minh mười bảy người đâm chết Tinh-y-trực-bật ở Anh-diễn. Quạt-lợi-hi đương mặt mắng nhiếc quan Lão-trung là An-dăng-tin-chính rồi tự-sát. Năm Phụ-cửu nguyên-niên, người Nga ghé tàu đến Đồi-mã ăn cướp cả đồ-vật của dân. Nhà sứ-quán nước Anh bị dân cướp giết chết mất ba người Anh. Năm thứ hai, lũ người Hà-bản-nhất, Việt-tri-thông-hoảng đón đánh An-dăng-tin-chính ở Bản-hạ bị thương. Mao-lợi Khánh-thần xướng lên cái nghị phụng theo triều-mệnh để giữ vững lấy gốc nước ; Vĩnh-tĩnh-nhã-nhạc vào kinh tàu xin chuần lập điều-ước bị phải giết chết. Đại-nguyên-trọng-đức phụng mệnh xuống phía đông, Đảo-tân-cửu-quang cùng đi theo, khi trở về qua đất Sinh-mạch chém chết người Anh. Gia-mậu phụng tờ chiếu-sắc khởi-phục Khánh-hỉ cho làm chức hậu-kiến, Khánh-vĩnh làm chức tổng-tài, đình-hoãn cái kỳ hội-đồng các nước chư-hầu, cho vợ con đều về nước. Cử Bảo-khoa-dung-bảo làm chức kinh-sư thủ-hộ, sắc cho Tam-điều-thực-mỹ và chị là Tiểu-lộ-công-tri đem quân xuống phía đông, lại tuyên nghĩa nhưong-di đánh đuổi các nước đi. Triệu binh các nước Phiên vào giữ chốn kinh-kỳ. Khi ấy hơn tám mươi Phiên đều kéo quân vào Kinh. Gia-mậu chế ra tàu binh, mộ dân biên làm bộ-binh, kỵ-binh, pháo-binh ba đội. Năm thứ ba, bọn sứ-sĩ kháng-nghị thúc giục việc nhưong-di. Khi ấy Thổ, Trường, Tát ba phiên cùng khuynh-loát tranh nhau. Gia-mậu mới mộ bọn sứ-sĩ lập ra hai đội quân tân-soạn tân-chưng. Thiên-hoàng ngự đến Nam-son muốn ban cho Gia-mậu cờ tiết để ra cầm q ân. Gia-mậu cáo bệnh không dám ra. Lại toan ban cho Khánh-hỉ, Khánh-hỉ cùng-quần cũng cáo bệnh

về ở chùa. Bọn sứ-sĩ tức giận lắm, tàu vua đi thân-chính xin làm tiên-phong. Gia-mậu tàu xin lấy mồng mười tháng năm làm kỳ nhưong-di khởi quân đi đánh. Đến ngày mồng mười, người Trường-phiên đánh tàu nước Mĩ. Tháng bảy, người Tát-phiên đánh nhau với người nước Anh. Tháng tám, bãi quân vệ-binh của họ Mao-lợi. Tam-điều-thực-mỹ trở xuống bảy quan Khanh đều bỏ chạy đến Trường-môn, xuống chiếu tước bỏ quan-chức. Tháng chín, bọn Tùng - bản-khiêm-tam-lang cùng suy-tôn Trung-son-trung-Quang làm nguyên-súy, khởi binh ở Đại-hòa. Mạc-phủ hội các phiên lại đánh, Trung-Quang chạy ra Trường-môn. Sau lại có bọn Binh-dã-quốc-thần suy-tôn Tuyên-hi làm nguyên-súy giữ đất Dãn-mã, Mạc-phủ sai đánh dẹp yên, Tuyên-hi chạy thoát. Năm Nguyên-trị năm đầu, Khánh-hỉ đã bị bãi, còn các kẻ bày tôi phiên Thủy-hộ vẫn chia bè đảng đánh nhau. Quân Trường-phiên lại lấn vào kinh, sau phải thua chạy. Gia-mậu hạ lệnh đánh Trường-phiên, bắt giam Xi-nhân thân-vương trở xuống hơn bảy mươi người. Tháng mười, sai Điền-chiều-y-tôn đem quân đánh đảng Thủy-hộ. Năm thứ hai, tháng sáu, quân đi đánh Trường-phiên, thủy-lục đều tiến, nhưng đánh không được phải lui binh. Gia-mậu mất ở thành Đại-bản. Tháng chạp, Khánh-hỉ vào làm tướng-quân, sai Tiểu-xuất-mỗ sang nước Nga nghị-định lại cương-giới Khả-thái. Trong tháng chạp ấy Thiên-hoàng mất Sang năm sau Khánh-hỉ từ chức tướng-quân. Từ vua Quang-cách đến đời vua Hiếu-minh này là tám mươi sáu năm, người ngoại-quốc đến dòm-nom ngoài biên càng ngày càng khẩn-bách, trong nước xôn-xao mới xướng lên cái thuyết nhưong-di, người nào mà bài-bác thì cho là gian-thông với ngoại-quốc, việc nước càng nát. Đến năm

cuối vua cũng biết bài-ngoại là không phải, thời bấy giờ lại cho là chiếu-chỉ nhà vua phân-phúc bất-nhất. Nếu những bậc quân-tử bấy giờ mà biết ra, trước nhất khai cảng Trương-y cảng Xương-quản ra cho các nước thông-thương, rồi cho giảng-cứu tây-học để cho biết hết sự-tình ngoại-quốc ; mở mang đất Hà-di đem những kẻ du-đăng hung - bạo trong nước đi đến đó cho hết sức khải-thác, mà đồng-tâm phòng - thủ lấy phía bắc, như thế thì không đến nỗi phân-nhiều. Chỉ khốn về những kẻ ngu-dốt không biết sự-tình bên ngoài, lại gian-giảo muốn sinh cái tài-trí của mình để vor lấy phú-quí, vậy nên họ Đức-xuyên đến bại-hoại cũng chẳng lạ gì. Thế thì lúc bấy giờ mà xướng lên cái thuyết nhương-di không phải là chủ bài-sách người ngoại-quốc, mà lại làm phá-tan Mạc-phủ, có phá-tan Mạc-phủ đi, thì mới chấn-chỉnh lên được. Họ Đức-xuyên từ Gia-khang làm tướng-quân, truyền đến Khánh-hỉ là 14 đời, cả thảy 266 năm.

Vua Minh-trị 明治 để tang đấng-tiên-hoàng đến một năm mới lên ngôi. Tháng năm năm ấy mới xuống chiếu mở cửa cảng Binh-khố, các chư-hầu không ai dám dị-nghị. Tháng mười phục lại quan-tước cho bảy quan khanh và họ Mao-lợi. Bãi bỏ những sở nhiếp-quan, tấu-nhi, thủ-hộ, mới đặt ra ba chức Tổng-tài, Nghị-định, Tham-dự. Bá cáo khắp cả trong nước, vua ngự ra coi muôn việc. Khánh-hỉ vào thành Đại-bản lại cho cả các tướng là Bảo-khoa-dung-bảo, Tùng-bình-định-kinh theo vào. Vua xuống chiếu cấm không cho Dung-bảo, Định-kinh vào kinh, cho đòi Khánh-hỉ đến thì không thấy đến. Năm Minh-trị nguyên-niên, tháng giêng Khánh-hỉ đem quân lấn vào cửa khuyết, vua cho Gia-chương thân-vương làm chính-thảo tướng-quân đi đánh, quân giặc tan chạy. Xuống chiếu

truất bỏ quan tước của Khánh-hỉ, lại cho Xi-nhân thân-vương làm chinh-đông đại-tổng-đốc đi đánh giặc. Sắc cho sứ-thần các nước không được cứu-viện cho quân giặc và bán đồ binh-khí cho giặc. Tháng hai mới đặt ra chức tổng-tài, thần - kỳ, nội ngoại quân-phòng, cố-kế, hình-pháp chế-độ tám cục. Thiên-hoàng thân ra ngự triều họp các quan công khanh chư-hầu lại thề rằng : Muôn việc phải quyết theo công-luận. Trên dưới phải nhất-tâm kinh-lý. Văn võ đều coi như một, để cho nhân-dân được thỏa chí. Phải bỏ hết hủ-tục đi. Phải làm theo đạo công - bình. Phải học cho rộng thêm tri-thức khắp cả trong hoàn-vũ. Thề xong mới bàn đến việc mở cõi Hà-di. Khi ấy mới ấn-hành một thứ Thái-chính quan-báo. Vua ngự đến Đại-bản để duyệt hải-quân, Sai quan tiên-phong tổng-đốc tự đạo Trung-sơn đi đánh lấy Giáp-phủ. Quan đại-tổng-đốc đến lấy Tuấn-phủ. Khánh-hỉ xin về hàng vào chùa Khoan-vĩnh để đãi mệnh. Tháng tư, quan tiên-phong tổng-đốc đạo Đông-hải là Kiều-mộc-thực-lương và quan phó tổng-đốc là Liễu-nguyên-tiền-quang đem quân vào Giang-hộ thu nhận lấy thành, tha cho Khánh-hỉ tội chết, đuổi ra ở Thủy-hộ. Còn những quân giặc hoành - hành ở Phòng-tông, quan quân đều dẹp yên hết cả. Quan đại-tổng-đốc vào Giang-hộ đóng ở chùa Tăng-thượng. Tháng tư nhuận, bãi bỏ ba chức, tám cục, đặt ra tòa Nghị-chính, hành-chính, thần-kỳ, cố-kế, quân-vụ, ngoại-quốc, hình-pháp bảy chức quan. Quan quân dẹp yên giặc ở Tổng-dã, quan Giám-sát-sứ ở Quan-dông là Tam-diều-thực-mĩ đến Giang-hộ tuyên-bá sắc-chỉ. Khi ấy quân giặc lại vây hãm thành Bạch-xuyên. Quan trấn-phủ-tổng - đốc là Cửu-diều-đạo-hiếu, phó tổng-đốc là Trạch - vi-lương, Tham-mưu là Đề-hồ-trung-kính cùng đem quân đến Áo-

vũ đề phó-viện. Khi ấy Tiên-đài, Mễ-trạch và hơn mười phiên họp nhau ăn thẻ ở Bạch-thạch để chống quan-quân. Vua xuống chiếu tước bỏ quan-tước lũ Y-đặt-khánh-bang. Tháng năm, quan quân thu-phục được thành Bạch-xuyên, đánh diệt giặc Đông-đài. Tháng sáu, quán-quân kéo vào Việt-hậu, đổi tên thành Giang-hộ gọi là Đông-kinh. Bọn quân giặc là lũ Ưu-bản-phủ-nhị-lang đem tám chiếc tàu binh qua Phầm-xuyên rồi chạy ra phía-đông. Quan quân vây thành Nhược-tùng. Tháng chín, Dung-bảo ra hàng. Tiên-đài, Mễ-trạch đều ra thú tội cả. Tháng mười, vua ngự đến Đông-kinh, quân giặc chạy ra Hà-di chiếm cứ đất Hàm-quán. Tháng chạp, chia Lục-áo làm năm quận, Xuất-vũ làm hai quận. Xa-giá vua lại ngự về kinh-sư. Năm ấy mới làm tiền giấy.

Năm thứ hai, tháng giêng, sắc dụ trăm quan, khuyên giữ liêm-tiết, chớ ham tư-lợi. Bãi bỏ cái nghi-vệ khi vua ra thét cấm đường sá. Tháng hai, đặt ra viện tập-nghị, tuyên thân-sĩ các phiên cho làm nghị-viên. Bãi bỏ bồi (đốt thầy), kiệt (xé thầy) hai hình, cho in bán các báo tân-văn. Tháng ba đặt ra viện Đãi-chiếu, sảuh dân-bộ. Xa-giá lại ngự đến Đông-kinh, xuống chiếu đánh tan giặc ở Hàm quán. Tháng năm giặc xin ra đầu-hàng, phía đông-bắc mới yên. Mới lập ra nền xã Chiêu-hồn để tế những tướng-sĩ tử-trận. Ban thưởng cho những kẻ có chiến-công từ năm đình-mão trở xuống. Đặt ra nhà điện-tín, lập ra chế-độ phủ-phiên, cho những người phiên-chủ cũ sang làm tri-phiên-sự. Bỏ cái danh xưng chư-hầu và công-khanh, đều là hoa-tộc cả, còn những người thân-bộc cho làm sĩ-tộc. Tháng bảy, mới đặt cung thần-kỳ; lại đặt thái-chính-quan và dân-bộ, đại-tàng, binh-bộ, hình-pháp, cung nội-ngoại-vụ sáu sảnh. Ngồi quan chia ra

có mười hai bậc. Lại phân ra sắc-tầu phân ba đẳng. Bỏ những phủ ở ngoài Kinh-đô, Đại-bản, Đông-kinh đều đổi làm huyện. Đổi Hà-di gọi là đạo Bắc-hải, chia ra làm mười một quận. Tháng chín, xuống chiếu thưởng cho kẻ công-thần ba mươi tư người, đều cho ăn lộc có thứ bậc. Tháng chạp, bỏ những chức trung hạ đại-phu, chức thượng-sĩ, đều cho làm sĩ-tộc. Bỏ cách ban lộc chỉ cấp cho gao.

Năm thứ ba, tháng giêng định các hiệu-cờ, đặt sảnh công-bộ. Tháng chạp, thu lại những đất đình chùa ở các phiên-quốc. Định cái chế-độ các thân-vương. Định phục-chế hải-quân. Ban cái cương-lĩnh về luật mới.

Năm thứ tư, tháng giêng, định-luật cấm quan-lại chứa những kẻ xướng-kỹ. Tháng hai, tuyên triệu binh lính của ba phiên-quốc: Tát, Trường, Thồ làm quân thân-binh, cho các họ Hoa-tộc đều thuộc về Đông-kinh. Mới dùng máy hơi đúc ra tiền bạc. Tháng ba, định lễ-nghi quan võ, chế đồ binh-phục. Cho kẻ thứ-dân được cưới ngựa. Sai quan ngoại-vụ-khanh là Y-đặt-tôn-thành sang nhà Thanh định điều-ước giao-thông. Sai quan Tham-nghị là Phó-đạo-trùng-thần sang Ba-tê-diệp-đồ định lại cương-giới đất Kha-thái. Bỏ các phiên gọi là huyện. Bỏ các sảnh-quan. Đổi lại quan-chế Thái-chính. Định lại đẳng-cấp quan-chế, phân làm mười lăm bậc. Đặt chức thái-chính đại-thần, tả hữu đại-thần và tham-nghị, ba chức ấy ở trên tất cả trưởng-quan các tỉnh. Cho quốc-dân tùy ý muốn dề tóc thì dề, đeo dao thì đeo. Tháng mười, sắc sai quan hữu-dại-thần là Nham-xương-cự-thị làm quan đại-sứ, cùng quan tham-nghị là Mộc-hộ-hiếu-doãn, quan đại-tàng-khanh là Đại-cửu-bảo-lợi-thông, quan công-bộ đại-phụ là Y-đẳng-bác-

văn đều làm chức phó-sứ sang lịch-sinh các nước bên Âu Mỹ để xem xét mọi việc. Tháng mười một, ban-bố cái điều-lệ huyện-trị và sự-vụ chương-trình.

Năm thứ năm, tháng giêng, ban-bố cái điều-lệ xuất-bản. Bỏ thân-binh, lập ra đội binh cận-vệ. Ban-bố cái điều-lệ về quan-lại phạm tội. Đặt ra chức giáo-đạo. Ban giáo-hiến ba điều, cho các lãng-lữ được ăn thịt lấy vợ. Đặt cục bur-tiên. Định học-chế, phân học-khu. Đặt ra sổ tài-phán. Dựng ra nhà ngân-hàng. Mở đường thiế-t-lộ tự Đông-kinh đến Hoành-tân. Lưu-câu sai sứ vào châu, sách phong cho vua nước ấy là Thượng-thái làm phiên-vương, ngang bằng quan nhất-dãng, kê vào họ hoa-tộc. Cấm không được buôn bán người, giải-phóng cho những kẻ xướng-kỹ. Tháng mười một, xuống chiếu bỏ Âm-lịch, bau-hành dương-lịch, lấy ngày mồng ba tháng chạp làm ngày mồng một tháng giêng năm Minh-trị thứ sáu. Lấy cái năm vua Thần-vũ mới lên ngôi làm năm đầu kỷ-nguyên, nhân đặt ra tiết kỷ-nguyên. Kê từ đời Thần-vũ kỷ-nguyên nguyên-niên đến đây được là 2533 năm. Ban-bố lệnh trung-binh.

Năm thứ sáu, đặt các dinh sở trấn-đài, mở rộng công-viên. Lấy tiết Thiên-trường làm ngày chúc. Cho thông-hôu với người ngoại-quốc. Đấng Thiên-hoàng mới húi tóc, bà hoàng-hái-hậu và hoàng-hậu bỏ phỉn sáp. Sai ngoại-vụ-khanh là Phó-đảo-chủng-thần sang nhà Thanh đề bàn cái việc Đài-loan với Triều-tiên. Trước kia triều-đình nhà Thanh vẫn coi khinh người ngoại-quốc không thêm tiếp kẻ sứ-thần nước ngoài, đến đây mới cho làm lễ yết-kiến. Tháng sáu, mới ban ảnh Thiên-hoàng cho các phủ-huyện. Mới định phép thuế in, phát-hành các giấy in. Định thuế đất cây, giá trưng khăn đất. Tháng chín, bọn đại-sứ là lũ Nha n-

xương-cụ-thị đi lịch-sinh ở Âu Mỹ mới về. Tháng mười, quan tham-nghị là lũ Tây-hương-long-thịnh, Phó-đảo-chủng-thần phải bãi. Tháng chạp, mới lấy thuế về tiền lộc của họ hoa-sĩ, cho các họ sĩ-tộc trở xuống được trả tiền lộc thường.

Năm thứ bảy, tháng giêng, quan đại-tàng-khanh là Đại-ôi-trọng-tín dâng số thuế địa-tô, tính ra gạo là một nghìn một trăm năm mươi tám vạn tám nghìn sáu trăm thạch; bạc là một trăm ba mươi vạn linh chín trăm đồ-g. Còn thuế hải-quan và các thứ thuế khác nữa chưa kê. Tháng ba, mới lập trường nữ-tử sư-phạm học-hiệu. Xuống chiếu cho lục-quân trung-tướng là Tây-hương-tùng-đạo đem quân đi đánh Đài-loan tranh nhau với người nhà Thanh. Mới đặt cái qui-chế cho hiến-binh mở đồn-điền ở đạo Bắc-hải. Cho trăm quan được phép nghỉ hè. Bỏ cái qui-tắc giấy in dùng về chứng-khoán, ban-bố cái qui-tắc thuế in. Tháng mười, sai quan tham-nghị là Đại-cửu-bảo-lợi-thông sang sứ nhà Thanh bàn về việc Đài-loan, người nhà Thanh phải chịu nộp tiền đền mới rút quân Nhật về.

Năm thứ tám, mới định các thứ thuế nô-tý xe ngựa và thuế rượu. Bỏ viện tả-hữu, đặt ra viện Nguyên-lão, viện Đại-thâm. Mới mở hội-nghị các địa-phương quan. Ban-bố cái luật sàm báng và điều-lệ các báo tân-văn. Đổi lại cái điều-lệ xuất-bản. Dân đảo Giang-hoa Triều-tiên đánh tàu Nga, binh-hạm Nga bắn phá đảo-đai cướp lấy đồ binh-khi rồi trở về. Mới chia cắt đảo Kha-thái cho nước Nga, mà lấy một nửa. Người thổ-dân Kha-thái dời đến đạo Bắc-hải để hơn nghìn người.

Năm thứ chín, chiếu cho quan Tham-nghị là Hắc-diên-thanh-long và Tỉnh-thượng-binh sang sứ Triều-tiên. Nước Triều-tiên xin chịu tội, định lại qui-

điều tu-hiếu. Sửa định lệ trưng-giới quan-lại, mới ban-bố cái lệ kỳ-hạn các quan địa-phương nhiệm-chức. Đòi các sở tài-phán ở phủ-huyện, đặt làm sở tài-phán các địa-phương. Khi ấy có giặc ở Hùng-bản-sơn khởi lên, đánh dẹp yên ngay.

Năm thứ mười, giảm thuế địa-tô một phần trong sáu phần ; giảm số bạc định ngạch ở các tỉnh chư-hầu. Sửa lại các ngạch quan phủ huyện các tỉnh. Xa-giá ngư đố kinh-đô, làm lễ tế Hậu-nguyệt-luân-đông sơn-lăng. Lại ngư đến Đại-hòa làm lễ tế Hỏa-sơn đông-bắc lăng. Ban-bố điều-lệ phóng-thích. Khi ấy có giặc ở Lộc-nhì-đảo khởi lên, mà chính là Tây-hương-long-thịnh, Đông-dã-lợi-thu làm cứ-khỏi. Quan quân đánh dẹp mãi mới yên, chết thương đến và vạn.

Năm thứ mười một, tháng năm, có quân giặc đâm quan tham-nghị là Đại-cửu-bảo-lợi-thông. Tháng tám, vua đi tuần-thứ về mặt bắc-lục. Tháng mười một mới trở về, dân đều reo mừng vạn-tuế.

Nước Nhật sa-g-tạo ra đã lâu, từ đời Thiên-tôn xuống đến đời Thiên-tôn vẫn làm chủ đất Trung-châu, một dòng Hoàng-thống thay trời cầm quyền chính, muôn đời không thay đổi, không để cho họ khác được dòm nom đến ngôi trời, đó là để dựng ra nhân-cực, khiến cho muôn dân đều một lòng báo-quốc, để phòng cái nguồn họa-loạn về sau. Tuy rằng thế, đời thiên-tôn từ vua Ngạn-hóa-hỏa-xuất-hiện-tôn đều lấy ba con nối vâng đại-thống, thế là từ đời Thần-tô trở xuống, nối ngôi không cứ gì là phải con trưởng nhà vua. Đó là các đấng liệt-thánh đều nghĩ vì thiên-hạ chọn lấy người giỏi nối ngôi, phép nhà rất nghiêm, không dám lấy ngôi báu lớn để riêng cho con mình vậy.

Đời Thần-tô phía đông đi đánh cõi Trung-châu, trước cùng với các anh và

các hoàng-tử hội bàn phương-lược, cần trước ghín sau, đều lấy phó-thác làm trọng vậy. Từ đấy về sau các đời Thiên-hoàng hễ có đi đánh dẹp đâu, thì tất thân mình đóng-dã lên trước, rồi bắt cả hoàng-tử tôn-thất đều hết sức liêu minh ở chốn hàng-trận, như là đời vua Sùng-thần có bốn người họ tôn-thất đều phải sung làm bốn đạo tướng-quân. Đời vua Cảnh-hàng thì các hoàng-tử đều phải đi dẹp loạn phía tây-đông, thực là làm phép hay cho muôn đời.

Về phần con trai con gái thì đều một vợ một chồng phối-hợp với nhau, lại phải rộng tìm dòng dõi hoa-tộc để lập làm bà hậu, đó là để hòa-hợp gia-đạo, dự-phòng những sự dâm-dật, thực là lo nghĩ về sâu xa lắm.

Đấng tổ-tôn lại trọng cái lễ tế-tự để cúng vị Thái-thần, nào là bày diện-tế bằng bàn lá, đựng bưng đồ sánh, để cúng việc tế-tự, cốt là sạch-sẽ mà lại có kiệm-đức ngụ ở trong. Lại còn tế các thần sấm-linh phối-hưởng những thần có công, không đặt thần-tượng, chỉ đặt thần-vị ; còn các vị đại-tiên thần-kỳ đều nghiêm bày thứ bạc để hưởng tế, bởi thế trăm quan cùng kẻ thứ dân đều cảm-hóa cả.

Việc dụng-hình cho là một việc bất-đắc-dĩ, vậy nên chỉ có những tội mưu-nghịch và tội sát-nhân thì phải xử-tử, còn như những tội khác, chẳng qua chỉ khép vào tội cấm-cố và lưu-phóng mà thôi. Những tội lỗi nhỏ đều cho họ hàng thân-thích răn bảo. Việc ngược-tụng thì tất thân phán-đoán kỹ càng. Không có đặt ra thành quách tường lũy, thường thiên-tử luôn để cho liên-muôn dân, thịnh-đức đại-nghiệp còn gì hơn thế nữa.

Cổ-giả truyền rằng đấng Thiên-tôn sắc cho Thiên-nhi-ốc, Thiên-thái-ngọc các thần xuống để phối-hầu đấng Thiên-tôn. Lại đặc-sắc cho Nhi-ốc,

Thái-ngọc hai thần thống-trị các việc tế-tự. Còn những vị quan khác cũng do các thần suy-cử lên cả, cũng như là đấng thượng-thiên tuyền-trạch các sự-giả, sự-tích chép trong lịch-sử hãy còn đủ chứng-cứ cả. Đến đời Thần-tổ bình-định cõi trung-châu, mới nhân cái qui-chế cũ phát-huy thêm ra, mới đặt ra Trai-bộ, Vật-bộ, và các chức quốc-tạo huyện-chủ; lại đặt ra một chức Thần-thực-quốc-chính-đại-phu để tổng-phiếp cả trăm quan, cho Khải-mĩ-chân-thủ-mệnh, và Thiên-nhật-phương kỳ - nhật - phương - mệnh cùng làm chức ấy để cùng lòng hiệp sức tuyên-bá hoàng-du. Lại sắc cho Thiên-trủng-tử-mệnh làm chức thị-thần, để cùng với chức Thần-thực-quốc-chính-đại-phu cùng duy-trì, để cho khỏi thiên-trọng. Vả lại phân-thiết ra nhiều phiên-quốc cho giám sát lược đi. Đấng Thiên-hoàng ở trên nhất, lấy bụng chí-thành để quản-trị, còn các chức quốc-tạo huyện-chủ thì phân ra cai-trị các phương-dân, ai cũng một lòng phụng phép công để thi hành chính-sách nhà vua. Đến đời vua Thành-vụ lại sửa-sang chính-sự, hạn núi sông để chia ra các quận quốc, tùy đường thiên-mạch để định ra các hương ấp, kén những người tài còn cho làm quan-trưởng các nơi để rào-giậu cho trung-khu, trăm họ an-cư, thiên-hạ vô-sự. Các vua nước ngoài đều đến triều-sinh phụng-vâng phép trời. Tuy rằng tại đời thượng-cổ dân thuần-tục-phác, đời sau không kịp được, nhưng không phải thịnh-dức thì sao hay được như thế. Còn đến như cái nguồn gốc ăn mặc, thì vẫn chăm chủ về đường thủy đường lục, ruộng nương cây cấy, giồng dâu chăn tằm, lại đặt ra chức ấp-quân chuyên coi việc nông, đời nào vẫn lấy làm sùng-trọng, vậy nên nhà nước yên-ổn thịnh-giàu hơn cả các nước.

Đến đời vua Ứng-thần năm thứ

muoi sáu mới truyền nho-giá để mở-mang cái tục trung chất cho văn-vệ thêm ra, văn giáo từ đó mới khởi ra, lễ-nghi từ đó mới đủ, mà có thể nghiệm xem thế-biến cũng từ đó.

Từ đời vua Ứng-thần trở về trước, thói dân còn trung-hậu chất-phác, pháp chính giản-dị, bất-lệnh nhi-hành, đó là thuộc về đời thần-giáo bất-ngôn. Từ đời vua Ứng-thần mới truyền Nho-giáo, các hoàng-tử đều phải đi học. Đời vua Khâm-minh mới truyền Phật-giáo, các quan đại-thần cũng nhiều người theo Phật-giáo, vậy nên chính-lệnh giáo-hóa cũng phần nhiều bất-chước ở Phật-giáo. Đời các vua Nhân-đức, Thiên-trí, Quang-nhân, Hoàn-võ, Đề-hồ. Thôn-thượng, đều là bậc vua hiền cả. Vậy nên điển-chương văn-vật rực-rỡ trong sử-sách, trải hơn tám trăm năm, đó là cái thời-dại nhân-văn xướng-minh. Sau truyền đến đời vua Điều-vũ, Nguyên-lại-triều xâm-lấn mất quyền nhà vua, từ bấy giờ quyền-bính về tay các tướng-quân, như là họ Bắc-diều, Túc-lợi, Chức-diền, Phong-thần, Đức-xuyên, các tướng-quân hết kẻ nọ phé thì người kia hưng, nổi nhau giữ chính-quyền, trải đến sáu trăm sáu mươi năm. Thiên-hoàng chỉ ngồi giữ hư-vị, không được thân-chính, đó là cái thời-dại vô-nhã chuyên-quyền. Nhưng cái thói thuần-phác cũng chưa đến tuyệt-diệt đi hết cả, so với các nước văn-minh cũng không đến nỗi thẹn. Thực là bởi các đời tổ-tổ lưu-phong thiện-chính vẫn còn thấm-thía ở lòng người, dầu cái người không học cũng không dám trái đạo-lý.

Nay xét từ triều Ứng-thần trở xuống các hạng nhân-vật giỏi dang như là: Vật-bộ-vĩ-dư, Đẳng-nguyên-kiêm-lúc, Tô-ngã-thương-sơn, Diền-thạch-xuyên-ma-lữ, Hòa-khí-thanh-ma-lữ, Đẳng-nguyên-bách-xuyên. Nguyên-lại-nghĩa, Đẳng-nguyên-quang-lại,

Bình-trọng-thịnh, Đẳng-nguyên-dẳng-phông, Nam-chinh-thành, Tân-diên-nghĩa-trinh, Mao-lợi-nguyên-tựu, Chức-diên-tín-trường, Phong-thần-túc-cát, Đức-xuyên-gia-khang, Gia-dẳng-thanh-chính, Đức-xuyên-lại-phông, hoặc người rất mực trung-thành, hoặc kẻ là bạc hào-hùng, hoặc người là bạc đạo-đức nhân-nghĩa, hoặc kẻ có tài vĩ-lực viên-muru, đều là đáng khen cả. Còn như những người hiểu-tử, nghĩa-bộc, trinh-phụ cũng nhiều, không sao kể hết được. Lại còn kẻ chết theo vua thì cũng khi quá, nhưng cũng là bởi chí-thành. Nguyên nước Nhật ta (1) lấy trung-hậu dựng nước, trên lấy điều nhân khuyển-bảo kẻ dưới, dưới hết bụng thành báo-dáp người trên, một nước cũng như một nhà, ai cũng vâng theo lời sắc lời huấn của đấng thiên-tổ, nên trong đạo cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn đều ở với nhau tử-tế cả, có phải các nước ngoài mong kịp được đâu.

Các bậc hiền-tài như Đẳng-nguyên-kiêm-túc trở xuống làm việc thực là lỗi-lạc sáng tỏ như mặt trời, muru-mô tài giỏi không kể hết được. Chỉ tiếc rằng những lời gia-ngôn không truyền lại được mấy, hoặc còn thấy có một vài điều chép trong sử sách, cũng có thể làm răn cho thói kiêu-bạc, ích cho nhà nước được. Vua Khâm-minh muốn lạy Phật, Kiêm-túc có can rằng: «Xưa nay nước ta vẫn kính quốc-thần, bốn mùa có lễ-tự để cầu phúc lớn. Nay vô-cố lại bái thần ngoại-phiên, sợ làm cho quốc-thần giận.» Ghét người nước hay bịnh Phật thì bảo rằng: «Thần-đạo là gốc tự trời đất, diên-tịch rõ ràng như mặt trời mặt trăng, thuận-nhất không có hỗn-tạp không cần phải đến giáo-huấn của đạo Nho đạo Phật nữa. Duy lấy sách Nho sách Phật mà

nhuận-sắc thêm cho rộng ra, để xét cho biết đến nguồn gốc đạo lý thì là phải.» Sau Kiêm-túc có giúp vua Thiên-trí khôi-phục nhà nước. Khi vua lên ngôi có can rằng: «Nếu vượt thứ lên ngôi thừa-thống ngay, thì sợ mất cái nghĩa cung-thuận.»

Tô-ngã-thương-son và Diên-thạch-xuyên-ma-lữ, bị phải đưa em là thân-thứ gièm pha, bị Khái-hộ hoang-lữ đánh gần chết, có nói rằng: «Tôi dựng ra cái chùa này, không phải là vị thần muru, chỉ cốt cầu ngôi báu nhà vua được lâu dài, xin đời đời không dám quên dấng quân-thượng.»

Hòa-khi-thanh-ma-lữ ghét thầy tăng là Đạo-kính có ý dòm nom ngôi trời, tâu thần-sắc lên nói rằng: «Triều-đình ta từ khi khai-tịch đến nay, cái phận vua tôi rất nghiêm, lấy bầy tôi mà lấu ngôi vua chữa có thể bao giờ. Nối ngôi vua thì phải lập dòng-dõi nhà vua, còn như cái người vô-đạo thì phải quét trừ cho sạch đi!»

Đẳng-nguyên-bách-xuyên xin lập vua Sơn-hộ, đứng trước điện hơn bốn mươi ngày cứ tâu xin mãi, nói rằng: «Không được lời thánh-đoán ưng cho, thì tôi không chịu cáo lui.»

Nguyên-lại-nghĩa đánh giặc Lục-áo chín năm mới dẹp yên, Thanh-nguyên-võ-tắc khen rằng: «Ương-quân vất vả khó nhọc về việc vua, hơn mười năm gọi gió tắm mưa mặc áo giáp-trụ đã sinh ra chấy rận, trời đất đã cảm lòng tinh-trung, tướng-sĩ ai cũng vui theo hiệu-dụng.» Võ-tắc khi làm quan có vọng-bái về kinh-thành thì rằng: «Cúi xin đại-thần soi xét tấm lòng thành của tôi, nếu không cố chết hết sức làm cho trọn bản-phận thì thần giết đi.»

Đẳng-nguyên-quang-lại ghét đưa cháu là Tín-lại cuồng-bội, nói rằng: «Nhà ta từ phụng-sự vua Diên-hỉ đến

nay là mười một đời, không phải thiên-chính thì không phụng hành, không phải kẻ trung-lương thì không cùng làm việc. Nay dám làm sa-sút mất gia-thanh đi thì chẳng thương lắm thay! Đời dẫu đương buổi kiêu bạc, nhưng bóng mặt trời chưa sa, thần-linh nhà tôn-miếu vẫn còn giúp nhà nước ta đây. Ta nghe nước khác hằng đời thường có kẻ loạn-thần, chứ bản-triều ta chưa có việc ấy bao giờ.»

Bình-trọng-thịnh hết lòng cần-vương, giết trừ kẻ hung-ngược, có nói : « Dã phụng sắc ra quân thì chẳng kẻ chi mạnh yếu. Thân làm kẻ võ-thần, nghe tin dấy thiên-tử mắc nạn, lẽ nào lại không phấn-đấu để cứu-nạn, làm tướng mà lấy ít quân đánh nhiều là sự thường, ra đánh mà tử-trận ngay, cũng đủ để tiếng về đời sau. »

Cha Trọng-thịnh là Thanh-thịnh chuyên quyền lũng-bức, muốn dời vua Pháp-hoàng ra ngoài. Trọng-thịnh can rằng : « Ở trên đời có bốn cái ân, mà quốc - ân là rất trọng, biết ơn ra thì là loài người, mà không biết ơn thì là loài thú. Trọng-thịnh này không nở bội quốc-ân, còn có kẻ bội-hạ tử-sĩ hai trăm người, cũng đủ hộ-vệ Pháp-hoàng được. Tuy rằng thế, nhưng lấy con mà kháng-cự với cha cũng không nở. Trước kia Nghĩa-triều lấy mệnh vua làm hại cha, người ta còn chê là bội-nghịch. Trọng-thịnh này muốn làm kẻ hiếu-tử thì mang tiếng bất-trung, muốn làm kẻ trung-thần thì mắc tiếng bất-hiếu, dẫu nào cũng dở? Vậy nay tôi can mà không nghe, thì xin trước chém Trọng-thịnh này đi cho rồi!»

Sau lại có việc Đãng-nguyên-thành-thân âm - mưu chực giết họ Bình. Thanh-thịnh toan sai võ-sĩ đem chém đi. Trọng-thịnh can rằng : « Trước kia triều vua Sai-nga, Đãng-nguyên-trọng-thành bị giết, từ đấy bỏ cái tội tử-

hình đã đến hai-mươi-năm đời. Đến năm Bảo-nguyên, Đãng-nguyên-tin-tây cầm quyền, chém giết Nguyễn Bình hai họ rất nhiều, đào cả mộ ông Vũ-trị-tả-phủ. Sau Tin-tây cũng bị phải Tin lại đào mả, chẳng phải là ác-báo đấy là gì. Nay nhà ta hiền-qui đã hơn đời, chỉ lo cho con cháu về sau thôi. Xin đại-nhân nghĩ tích-thiện để phúc về sau, thư giận đi một chút để con cháu nhờ »

Đãng-nguyên-đãng-phòng làm quan triều vua Đề - hồ. Chính-sự nhà vua dỏ lắm, khi ấy có Gièm-trị-cao-trình đến dâng con ngựa thiên-ly. Vua lấy làm thích. Đãng-Phòng can rằng : « Nay trong nước mới yên, nhân dân tàn-tật chưa khỏi, chính là lúc các quan chấp-chính phải siêng-răng, kẻ gián-thần phải cao ngẩng, yên-ủi kẻ tật-khở, cứu-chính điều lỗi lầm. Thế mà trăm quan đều đua nịnh cầu-dung, đã tập thành ra cái thói dâm-tùng, việc nước càng ngày càng hỏng. Đương lúc này mà con ngựa ấy hiện ra, thực là họa - thai, chứ không phải tường-thụy. Xin nhà vua nén bớt cái chi ngoạn-vật đi, mà rộng thi cái ơn bác-tế cho dân nhờ.»

Nam-chính-thành thiên - tinh trung-nghĩa, hăng-hái quét trừ kẻ bạn-thần, có nói : « Dẫu chết mà lấy được điều nghĩa, thành được điều nhân cũng chẳng từ, đó là cái chí của kẻ trung-thần dũng-sĩ đấy!» Sau phải quân họ Túc-lợi-tôn vây đánh, mình đã bị mười một vết thương, mà còn cùng với em là Chính-qui xông ra đâm đánh, sắp chết còn nói rằng : « Nếu tái - sinh lên cõi nhân - gian, cũng giết cho sạch quân hung-tặc!»

Tân-diễn-nghĩa-trình tự đặt tên là « Nghĩa-Trình » nói rằng : « Đi đánh kẻ phản dẹp kẻ loạn, mà không hết lòng nghĩa-trình, thì không nên.» Lại đặt tên em cũng gọi là Nghĩa-Trình

bảo rằng: « Ta có cử-nghĩa lên đánh giặc thì mày nên giúp ta. »

Nguyên-thân-phòng đánh nhau với Cao-sur-dông, cầu - viện Kết-thành - thân - triều, có đưa thư nói rằng: « Nước Nhật ta là tự đấng thiên-tổ mới mở-mang ra, đấng Nhật-thần - thống-linh cả các châu, liệt-thánh kế thừa, thế truyền đến vô-cùng, không để cho ai qua vượt được. Những đứ a toan việc phẩn-chắc, không được bao lâu rồi cũng tuyệt-diệt đi hết. »

Thượng-sam - khiêm-tin phải bách theo lời nghị trong hàng quân làm chủ đất Việt-hạ. Đến khi triều-đình trao cho làm quan, thì ông nói rằng: « Ngồi không mà nhận lấy quan-tước, không phải là nghĩa kẻ nhân-thần. » Vô-diên-tin-huyền thường đánh Thôn-thượng - nghĩa - thanh quân - bách. Nghĩa-thanh cầu-viện, Khiêm-tin nói rằng: « Gặp người biết ta mà ta không xuất-lực cứu-giúp, thì không phải kẻ trọng-phu. » Đến khi Tin-huyền chết rồi, kẻ tướng-sĩ muốn xin đi đánh. Khiêm-tin nói: « Ta đánh nhau với Tin-huyền và mười trận, mà sức mình không thể đánh được; nay lại thừa lúc có tang khinh đứ a con hèn mà đánh, thì sao hay đối đáp với thiên-hạ. »

Mao-lợi-nguyên-tự đi đánh Đào-tinh-hiền, dâng thư nói rằng: « Đại-nội-nghĩa-long thừa di-nghiệp của tổ-phụ, vẫn hết lòng giúp nhà vua, mà phải kẻ tặc-thần là Đào-tinh-hiền giết đi. Thần, Nguyên-tự hết sức nhỏ mọn đi đánh dẹp chừ a được thành-công. Cúi xin nhà vua ban cho tờ chiếu thảo-tặc, để cho được củ-hợp bộ-thuộc, để đi quét thanh cỗi tây-thù. »

Chức-điều-tin-trường phụng tờ mật- chiếu, dâng thư nói rằng: « Đấng thiên-tử lấy cả thiên-hạ làm nhà, phải nên cần thiên-chức. Nay nhà vua suy-kém, ai chẳng thương đau. Mong nhờ

thiên-uy, giết kẻ hung-nghịch để yên bụng vua. » Rồi giết được bọn tể-đồ là Tuấn-sơn, lại nói rằng: « Ta muốn định bốn bề, dấy đạo vua, dẫu nhọc cân-cốt, liều thân-mệnh, cũng không dám ở yên một ngày nào, thế mà lũ tể-đồ dám theo bọn nghich-tặc để làm trở-ngạnh quân nhà vua, chẳng phải giặc là gì! Nay mà không tiêu-trừ đi, thì là để lo cho thiên-hạ. »

Phong-thần-tú-cát, có chí đẹp loạn giúp nhà vua, thường nói tỏ cái chí rằng: « Nhật-bản là một nước thiêng-liêng, quốc-tục từ xưa vẫn sùng-phụng phép vua. Đến đời gần đây mới phong đời tục đời, khinh triều-mệnh, tranh quốc-thổ. Ta lớn lên quyết chí phục ngôi thánh-minh về thần-đại, để uy-danh đến muôn đời, sớm tối vẫn nghĩ lo-toan mãi không thôi. »

Đức-xuyên-gia-khang có độ-lượng khoan-dung yêu người, thường dạy con cháu rằng: « Phàm những hầu-bá tướng-sĩ đều cùng với ta cùng lao-khổ, chớ nên làm cho nhà họ tuyệt-diệt đi, để báo đền cho cái bụng trung-tiên-tổ nhà họ. Trung có phải chỉ trung với nhà ta đâu, là trung với trời đất. » Ta cũng vì trung với trời, vậy nên trời trao cho ta lấy quyền-bính lớn. Nếu mà lại lộng-quyền sinh ra lời biếng, kiêu-xa để làm hại sinh-dân, thì trời lại cướp mất cái quyền-bính ấy đi. »

Gia-đăng-thanh-chính thích để râu dài; đi đâu thường đem quân lính đi theo; có lập một nhà riêng ở Đại-bản để thường vào thăm Phong-thần-tú-lại. Gia-khang bảo rằng ba điều ấy nên bỏ cả đi. Thang-chính nói rằng: « Ta mặc áo binh-phục dát đồng, phải để râu che đỡ thì mới trang-nghiêm, chừ không nên bỏ. Nhà riêng ở Đại-bản là nơi ta về thăm chỗ nghĩa cũ, cũng không nên bỏ. Còn như đem lính đi theo là để phòng khi hoãn-cấp, nếu bãi bỏ đi thì sợ có khi không kịp, đều không nên bỏ cả. »

Đức-xuyên-lại-phòng có di-mệnh dẫn con là Quang-quốc rằng: « Thói nước ta cứ quen theo lẽ tuân-táng (chết theo), vua chết mà không có người tuân-táng thì không phải là vua, bầy tôi chết mà không có người tuân-táng thì không phải là bầy tôi, như thế thì bất-nhân lắm; mà nên cấm đi chớ có nghe theo. »

Phàm những bậc công hầu tướng tướng trên ấy, ngôn hành đều là chí-thành cả, sinh-khi lâm-lâm thiên-cổ không mòn, thực hay nổi chi đáng tôn-tôn, mà không mất cái phong trung-hậu. Người có công-đức với dân thì không ai bằng họ Đàng-nguyên. Họ Đàng-nguyên từ đấng Thiên-nhi-ốc sai xuống hầu đấng Thiên-tôn, tổng-nhiếp quyền-chính trải và nghìn năm, nhiều kẻ danh-nhân xuất-hiện, không thiếu gì bậc anh-tài. Tuy rằng không khỏi cái tiếng chê là chuyên - quyền, nhưng không phải là kẻ muốn dòm nom ngôi trời, làm lưu-độc cho kẻ sinh-dân, thì cũng không hại gì là công-đức, từ họ Nguyễn-bình trở xuống đều không kịp được vậy.

Còn như ở dân-gian cũng nhiều kẻ hiểu-tử, nghĩa-học, trình-phụ, đều là bản tự tâm-tính mà làm. Duy về đời trung-cổ kẻ sĩ văn-học không được người nào, thực khá than-tiếc. Song cổ-nhân vẫn là trung hậu thành-tinh, nên phát ra lời nói tự-nhiên rõ-rệt có văn-chương; so với người đời sau chỉ đua nhau từ-tảo, múa bút khoe văn-chương, ví như túi gấm đựng phân, sao đủ quý được. Nói tóm lại nước ta cái thói trung-hậu là nguyên tự đời tổ-tôn có thâm-nhân hậu-trạch, thấm-thía vào xương tủy người ta, còn như sự văn-học là thứ hai vậy. Nay đương hoàng-vận trung-hưng, khôi-phục lại cơ-đồ cũ, cùng với vạn-quốc giao-thông, chỉ cốt học lấy điều sở-trường, để làm ti-ích cho dân-sinh hơn đời trước. Nếu không tu thực-học mà chỉ chuộng hư-văn thì sợ rằng những bạo-hạnh nó khởi lên, tà-thuyết nó làm hoặc-chúng, lại mắc vào cái thế-giới hắc-ám, chính-phủ quý-sử dạ-xoa, thực đáng sợ thay!

(Hết)

ĐÔNG-CHÂU dịch



NHẬT NỘ VI HỒNG-NHAN

一 怒 爲 紅 顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

VIII

HỘI THỨ TÂM

*Bỏ Viên-cơ, Sấm-vương lui Tây-thiền;
Phong sắc-mệnh, Tam-Quế đổi Nam-triều.*

Lý-Sấm đã bắt cha Tam-Quế là Ngô Trương để ở trên thành giết di, lại đem gia-quyển Tam-Quế cả thảy 30 người, giết cả ở trên thành, lần-lượt đem đầu lâu từng người ném xuống dưới thành. Tam-Quế cả giận, sai quân-sĩ nhật lấy những các đầu-lâu đem lại trình - nghiệm. Tam - Quế nhận khắp một lượt, chỉ không thấy cái đầu Trần-Viên-Viên. Tam-Quế nghĩ bụng rằng Trần-mỹ-nhân tất đã bị đũa nghịch-lặc hiếp lấy làm vợ rồi. Trong tâm Tam-Quế lại càng phát-phẫn. Nhưng không thể nói rõ ra được. Chỉ nói ra rằng vua ta cha ta đã bị giết, nhà ta đã bị bại, ta cùng với kẻ nghịch ấy, chẳng giết được để báo thù chẳng [hỏi]. Tam-Quế lại tức-khắc hạ-lệnh đốc-suất quân-sĩ hết sức đánh thành.

Lý Sấm ở trong thành, cả lo sợ, đã toan đưa trả Viên-Viên cho Tam-Quế, nhưng ý còn quyến-luyến không nỡ bỏ, mới cùng với chư-tướng thương-nghị cái phương-pháp giải vây. Viên hộ-tướng là Cốc-Đại-Thành nói rằng : « Nay gia-quyển nhà Tam-Quế hơn 30 người đã bị ta sát-hại cả đi rồi ; tưng-nhiên Tam-Quế có ý luyến-ái Viên-Viên, cũng khó mở miệng ra được. Vì Tam-Quế quân-phụ đã bị bại, gia-quyển đã chết hết ; Tam-Quế quyết chẳng có

thể vì cơ được một con Viên-Viên, mà tức hành bãi-binh. Nay chẳng gì bằng cứ để lại con Viên-Viên ở trong quân, để dự-bị lúc hoãn cấp. » Viên quân-sư Lý Nham nói rằng : « Đại-vương đã giết cả nhà Tam - Quế, còn để lại làm gì một con Viên - Viên. Nếu giết cha mẹ người ta, mà để lại vợ đẹp người ta đó, thì thiên-hạ tất báo Đại-vương vì hiếu-sắc mà đến nổi vong-quốc, chẳng gì bằng nhân thể giết cả con Viên-Viên đi, để cố-dộng lòng quân-sĩ, mà đánh liều một trận nữa; đánh nếu chẳng được, thì tức-khắc bỏ kinh-thành mà chạy, cũng đủ mình được cái tâm sáng-sủa của đại-vương. » Lý Sấm chẳng theo lời Lý Nham, chỉ theo lời Cốc-Đại-Thành, tạm để lại Viên-Viên ở trong quân, để làm cái chôn dự-bị khi hoãn-cấp. Vua tôi Lý Sấm đương bàn nói, chợt báo thành ngoài đã bị quân Tam-Quế đánh vỡ. Lý Sấm cả sợ, hoảng-hốt không biết làm thế nào. Cốc-Đại-Thành tiến nói rằng tôi xin cùng với Tam-Quế quyết một trận tử-chiến. Cốc-Đại-Thành tức-khắc kéo quân ra ngoài thành để quyết-chiến. Cốc-Đại-Thành vừa trông thấy mặt Tam - Quế, tức - khắc lên tiếng mắng rằng : « Mày cũng là người trung-quốc đấy mà, sao lại công răn cắn gặm nhà ! Ta nay cùng mày quyết một phen tử-chiến, ta chết cũng là vinh ; mày làm kẻ nô-lệ cho Mãn-nhân, mày sống cũng là nhục. » Tam-Quế chỉ cúi mặt không thể đáp lại được, cứ thúc quân

tiến đánh. Cốc Đại-Thành cũng đốc-suốt chư-lương hết sức đón đánh, từ giờ thìn đến giờ dậu, đôi bên đều có tổn-thương, mà chưa phân thắng-phụ. Chợt có trận gió đông cả dấy, cát vàng bay lên, mặt-mù che lấp cả trời đất, trong quân Cốc Đại-Thành cò gây ngựa ngã. Cốc Đại-Thành tự biết rằng không thể chống cự được nữa, mới truyền-lệnh lui quân. Lúc ấy Lý Sấm đang ở trên chỗ thành-lâu, đánh trống để trợ-lực; chợt có một phát tên ở quân Tam-Quế bắn sang, trúng vào cánh tay tả Lý Sấm, tiếng trống liền dứt ngay; lại gặp lúc bụi cát bay mù, trong quân Lý Sấm nhất-tề tan-vỡ. Tam-Quế tức-khắc thừa-thể sẵn quân vào được ngoại-thành.

Mãn-Thân-vương là Đa-Nhĩ-Cổn cũng thống-suất đại-binh vừa đến, biết rằng Tam-Quế đã đánh phá được ngoại-thành, tức-khắc đưa lời khen cho Tam-Quế nói rằng: «Trông-quân phen này hạ được thành Bắc-kinh, ngày khác luận-công thưởng tước, có lẽ chẳng ở dưới bản-tước này.» Tam-Quế đến Đa-Nhĩ-Cổn bái tạ, liền lại đi đánh thành. Lúc ấy Lý Sấm thua chạy về trong cung, liệu-lượng thành Bắc-kinh không thể cố-giữ được, bàn với chư-tướng, lui về Thiêm-tây, để tái-duỡng nguyên-khí. Chư-tướng người nào người ấy không có tâm chiến đấu nữa, đều cho lời Lý Sấm là phải. Lý Sấm liền cả hô tướng-sĩ, thu-xếp sự tây-hành; thoát tiên đem cung điện Đại-minh phóng lửa đốt cháy, lại cướp nhặt lấy những đồ tế-nhuyên quý báu, và mang cả Trần Viên-Viên đi nữa, xông-sát ra cửa tây-môn trốn chạy; cho Ngu Kim-Tinh làm kẻ tiên-phong, Cốc Đại-hành làm kẻ đoạn-hậu, gồm các vai văn-vũ lục-tục trốn đi. Tam-Quế đang ở ngoại-thành đánh phá vào, thấy trên thành hiệu cờ vẫn y-nhiên, mà không có người chống giữ, ngờ rằng Lý Sấm

đã trốn đi; liền trông thấy khói lửa ở trong thành cả dấy, Tam-Quế tức-khắc mừng nói rằng Sấm-nghịch thực đã trốn đi rồi. Tức-khắc hết sức đánh thành, phút-chốc thành vỡ. Tam-Quế liền muốn tiến-binh vào thành. Mãn-Thân-vương vội-vàng đối với Tam-Quế ngăn-cản lại và nói rằng: «Sấm-nghịch phen này trốn đi, tất chạy về Thiêm-tây; nếu khiến cho quân Sấm-nghịch lại được tái-duỡng nguyên-khí, cái lo ấy biết bao giờ trừ xong, thì ra công-trước của tướng-quân hết thấy hồ cả; xin tướng-quân hăng tạt đừng cởi áo giáp vội, đem binh kéo sang phía tây, thừa khi giặc Sấm nó cùng-sức, một chuyến có thể bắt được; tướng-quân đã giết được giặc Sấm, mới là báo được cái thù cho vua với cha; rồi sau sẽ liệu-lý việc vua việc nước các việc lớn, cũng chừa muợn gì.» Tam-Quế nghe nói, trong lòng đã lấy làm buồn-bực. Vì mình trải trăm trận đánh, mới hạ được thành Bắc-kinh; khi hạ được thành, Mãn-Thân-vương lại ngăn-cản lại, không cho mình tiến vào thành, bắt kéo quân sang phía tây đi đuổi giặc Sấm. Nhưng sợ thế-lực Mãn-Thân-vương, không dám trái lệnh. Tam-Quế liền thống-suất bản-bộ quân-đội, trở nẻo phía tây tiến đi.

Lý Sấm tự lúc ở Bắc-kinh trốn ra, ruổi chạy cả ngày cả đêm, chẳng lúc nào nghỉ; đến cõi Sơn-tây, biết rằng quân Tam-Quế đã theo sau đuổi đến nơi, liền toan bỏ gia-quyển lẫn đồ khinh-trọng mà chạy đi một mình. Duy đối với Trần Viên-Viên, ý vẫn không nỡ bỏ mới bảo Viên-Viên mà than rằng: «Trẫm để lại nàng, là muốn cho Tam-Quế nghĩ đến tình trước của nàng, hoặc vì nàng mà thoai-binh; nay nàng theo trẫm, Tam-Quế đến bức-bách trẫm, trẫm nếu lại thua, thì có lẽ trẫm với nàng cùng chết ở chốn này.» Viên-

Viên nói rằng : « Tam-Quế chẳng qua là một kẻ dưng mà không mưu, đại-vương thực chẳng thiên-xử dấy thôi ; Tam-Quế lại dấy, thực là hấn chỉ vì thiệp, hấn nếu được thiệp, tất hấn thoái-binh. Song le hấn là kẻ tinh-tinh hung-tợn trái-ngược, thiệp tôi cũng chẳng muốn cùng với Tam-Quế tái-kiến nữa. » Lý Sấm hỏi rằng : « Thế thì ý nàng thế nào ? » Viên-Viên nói rằng : « Thiệp tôi thực là chẳng muốn tái-kiến Tam Quế. Song-le đại-vương nếu có sự gì ủy cho trách-nhiệm, thì cũng chẳng dám từ chối. Thiệp tuy chán hấn, hấn thực chữa từng chán thiệp ; thiệp đối với Tam-Quế, ngày trước đều nói gì cũng nghe, chước gì cũng theo, đại-vương nếu có việc gì muốn ủy-dùng thiệp, chẳng hại gì, cứ nói rõ cho thiệp nghe. » Lý Sấm nói rằng : « Trẫm nay toan phóng cho nàng về tiếp-kiến Tam-Quế, ý nàng lấy làm phải không ? » Viên-Viên nói rằng : « Nếu không có sự gì mang lấy trách-nhiệm cho đại-vương mà đại-vương chỉ phóng về không, thì thiệp tôi cũng chẳng muốn tái-hồi với Tam-Quế. Vả lại do ý đại-vương phóng-hồi, thì Tam-Quế tất ngờ rằng thiệp thất-tiết với đại-vương. » Lý Sấm nói rằng : « Thế thì ý nàng thế nào ? Nếu nàng thoái được binh Tam-Quế, ngày khác trẫm thành được sự thiên-hạ, trẫm sẽ lập nàng làm ngôi hoàng-hậu. » Viên-Viên lại nói rằng : « Thiệp đội cái ơn của đại-vương chẳng xa đem giết, vốn đã lấy làm cảm-kích lắm rồi, thiệp dám mong đâu cái ngôi hoàng-hậu. Nhưng vì đại-vương thoái được binh Tam-Quế, thì sau này cắt tóc đi tu, chẳng muốn ở trong cõi trần chi nữa. Đại-vương nếu phóng thiệp về, chỉ khỏi ra cái lòng hoài-nghi cho Tam-Quế. Chẳng gì bằng cứ bỏ thiệp ở đây, để thiệp tự mình đi tiếp-kiến Tam-Quế, lúc ấy thiệp tự-khắc có lời, để vì đại-vương thoái được

binh. » Lý Sấm cả mừng nói rằng : « Nàng da như ngọc mặt như hoa, nếu cắt tóc đi tu, thực là khá tiếc ; đợi nàng sau khi tiếp-kiến Tam-Quế, trẫm nếu thiên-hạ-sự thành, sẽ tức-khắc đi đón nàng, nàng bất-lắt phải lo-lắng, xin nàng đừng vội cắt tóc đi tu. » Lý Sấm với Viên-Viên đương bàn nói, chợt báo quân Tam-Quế sắp sửa đến nơi. Lý Sấm ý vẫn còn lưu-luyến. Viên-Viên cũng giả-cách làm ra đáng-bộ nương-tựa chẳng nở rời bỏ, liền lại nói rằng : « Đại-vương nay vì tính-toán việc lớn, xin bất-lắt phải như vậy. »

Lý Sấm nói rằng : « Trẫm bỏ nàng ở đây, sợ rằng nàng không có cách gì để tự-toàn lấy thân. » Viên-Viên nói rằng : « Chỉ được bộ-hạ của đại-vương chẳng đem giết hại, thì thiệp tôi tự có cái đạo toàn-thân. » Lý Sấm mới rút một cái tên gọi là cái lệnh-tiền đưa cho Viên-Viên nói rằng : « Cầm cái tên này có thể không hại gì, xin nàng cứ trân-trọng, sau này sẽ lại có lúc thấy nhau. » Lý Sấm nói xong, liền quất roi ngựa ruổi thẳng trốn đi ; khi ngựa đã chạy Lý Sấm vẫn còn ngảnh đầu lại dõi trông Viên-Viên đến vài bốn lần. Viên-Viên cũng làm ra đáng-bộ dõi trông theo ; khi ngựa Sấm đã chạy xa, Viên-Viên tức-khắc đi ra khỏi vòng quân, bắt đầu đi vào một cái nhà của kẻ thôn-dân.

Lúc ấy trẫm họ đương trốn chạy trong vòng loạn-lạc, thấy một người con gái yếu-diệu xinh-đẹp ít ai là kẻ dám chừa. Viên-Viên bảo người thôn-dân ấy rằng : « May nếu chừa ta ở trong nhà, chẳng bao lâu, chỉ trong một hai ngày ta có thể bảo-toàn được cho nhà mày, vả lại có thể làm cho nhà mày được phú-quí. » Nguyên người thôn-dân ấy cũng họ Trần tên là Lục-An, nghe Viên-Viên nói, rất lấy làm kỳ-dị, liền hỏi sự lai-lịch của Viên-Viên. Viên-Viên thẳng bảo cho rõ họ rõ tên, và tự nói ra rằng mình là vợ yêu của Ngô

Tam-Quế, vì tránh loạn đến đây; chẳng mấy ngày binh Ngô tướng-quân đến, ta sẽ ra tiếp-kiến Ngô tướng-quân. Trần Lục-An nửa mừng nửa sợ, và tin lấy làm thực, mới lưu lại Viên-Viên ở trong nhà. Viên-Viên tức khắc cùng với Trần Lục-An nhận làm nghĩa anh em. Khi quân Sấm đương đi qua, thì tức-khắc treo cái lệnh-tiến của Lý-Sấm ở ngoài cửa, vì thế may cũng được vô-sự. Kịp khi quân Sấm đi hết, thì tức-khắc bỏ cái lệnh-tiến ấy đi, mà chuyên-ý ngóng đợi quân Tam-Quế. Kịp quân Tam-Quế đến, Viên-Viên tức-khắc bảo với Lục-An rằng: « Nay quân Ngô-tướng-quân đã đến, anh nếu có thể vì em nói với quan Ngô-tướng-quân, em tất có nghĩa nặng để báo đền. » Trần Lục-An vâng lời. Viên-Viên liền thảo một bức thư đưa cho Tam-Quế, thư rằng :

« Thiếp tự sau khi cùng tướng-quân ly-biệt, lưu-trệ ở chốn kinh-thành, thiếp cũng chẳng muốn thế, chỉ vì trong sợ phép nhà, ngoài e việc nước đành chẳng biết làm thế nào, hàng ngày mong được trông thấy tôn-nhan, như nắng mong mưa. Chợt giặc Sấm ùng - ùng, nhiễu - loạn chốn kinh-thành; thiếp vì có theo đòi trong cửa tướng-quân, mới mắc vào nơi hoạn-nạn nguy-hiểm. Than ôi! Nước đã mất, vua đã chết, vì bằng đem cái thân bạc-mệnh này mà chết theo vua theo nước, cũng có tiếc gì. Chỉ vì chưa được trông thấy tướng-quân, làm thiếp ai tỏ cho, vậy thiếp chẳng dám vội chết. Giặc Sấm đành vẫn hàng ngày loan sự xâm-phạm thiếp, thiếp cũng chỉ lấy kế-sách mà chống-cự với giặc; may giặc Sấm còn sợ cái uy của tướng-quân, cho nên cái thân nhỏ mọn này chưa đến nỗi ô-nhục ở trong tay người giặc. Kịp khi giặc Sấm cất quân đông-hành, thiếp mới lấy trộm được cái lệnh-tiến của giặc, gian nan trốn chạy đến cõi Sơn-tây. Thiếp tự khi liạ cách chốn Kinh-

thành, anh em cha mẹ nhà tướng-quân, tin-tức thế nào, hết thấy đã chẳng được nghe; ngảnh đầu trông lại cõi đông-bắc, khôn xiết đau-dớn bàng-khuáng. Nay thiếp còn hiện ở nhà người anh thiếp, hàng ngày ngóng đợi tin-tức tướng-quân. Gần đây nghe tướng-quân đem binh vào kinh, giặc Sấm phía tây trốn chạy, mà ngọn cờ của tướng-quân đã trở đến; cần-thuật chút tinh sau khi ly-biệt, nếu tướng-quân còn ghi nhớ tình xưa, nên có điều để xử-tri thiếp vậy. Thư chẳng hết lời, xin giữ phần chết ngồi đây, để đợi mệnh đến. »

Trần Lục-An đem bức thư thẳng tới quân Tam-Quế. Tam-Quế xem thư nói rằng bấy lâu Trần mỹ-nhan vẫn chẳng phụ ta vậy. Nguyên bức thư ấy chẳng qua là lời Viên-Viên nói mai Tam-Quế; chứ kỳ-thực Viên-Viên đã từng ở trong cung Lý Sấm, khi ấy lại là theo Lý Sấm đến Sơn-tây; mà sự nhà Tam-Quế bị hại, Viên-Viên đều đã biết cả. Duy Tam-Quế vì luyện-ái quá mà bị Viên-Viên ngu-lộng dấy thôi. Tam-Quế xem thư xong, tức-khắc sai kẻ tả hữu dẫn Lục-An tiến vào trong quân-trưởng hỏi họ hỏi tên. Lục-An thẳng nhận mình là anh Trần Viên-Viên. Tam-Quế cả mừng, cũng thẳng nhận Lục-An là tình quyến-thuộc, lập-tức sai người theo gót Lục-An đi về đón Viên-Viên; trước hẵng đem đồ vàng lụa thù lạng cho Lục-An, và bảo rằng đợi bản-sứ thành công sau này, sẽ cất nhắc ngô-huynh lên làm quan. Lục An bái tạ đi về. Kịp Viên-Viên vào tiếp-kiến Tam-Quế, Tam-Quế trông thấy Viên-Viên, liền nói rằng: « Ta chẳng mừng gì phá được giặc Sấm, chỉ mừng lại được trông thấy mặt nàng; tự sau khi nàng ly-cách Bắc-kinh, giặc Sấm đã sát-hại cả nhà ta, nàng còn sống sót, thực cũng là may. » Viên-Viên nghe nói, cũng làm ra dáng-bộ đau-dớn, gạt nước mắt chẳng thôi, rồi nói rằng: « Thiếp tôi tự khi bị nạn, những muốn sự quyên-

sinh đã lâu; vì chưa được trông thấy tướng-quân vậy, nên ầu-nhân cho đến ngày nay; may mà ngày nay đã thấy mặt tướng-quân, thiếp tôi tâm-sự đã minh; ngày nay xin chết ở trước mặt tướng-quân, để minh cho cái chi của thiếp.» Viên-Viên nói xong, rút ra một con dao nhỏ, giả-cách toan tự-vẫn. Tam-Quế kịp giằng lấy dao mà nói rằng: « Ta chưa từng trách nàng, nàng sao vội quên-sinh; kể từ khi ta ra trấn Ninh-viễn đến giờ, trong tâm chưa từng lúc nào quên nàng; ta cũng tự-trách rằng ta khởi-binh khi chậm-trễ, cho nên làm lụy cho nàng phải trải bao nhiêu khổ - nạn, ta thực thương nàng vô-cùng; may sao ngày nay lại được tương-hội; sau này đương hi-vọng thiên-tràng địa-cửu, làm cây liên-ly, làm chim song-phi; sao nàng nỡ nhất-dân bỏ ta mà đi.» Viên-Viên nghe nói xong, lên tiếng cả khóc. Tam-Quế lại nói rằng: « Nay ta cất-quân vào phía tây; nhất-quyết cất lấy đầu thẳng Sấm nghịch, để hả cái giận ta; nàng bất-tật phải quá nghĩ, nay ta cùng nàng cất quân cùng đi.»

Viên-Viên thông-dong nói rằng: « Xin tướng-quân hăng rě, để thiếp tôi xin nói mấy lời; tướng-quân tiên - đồ muôn dặm, gánh vác việc lớn của quốc-gia; thiếp tôi là phận nữ-nhi, sao dám bàn ra nói vào; duy thiếp tôi trong lòng thực có cái chốn lo sợ áy-náy không thể không hỏi với tướng-quân được. Nghe tướng-quân mượn được đại-binh của Mãn-châu, cùng về phá giặc; hiện nay thì binh-mã của Mãn-châu, đóng ở chốn nào?» Tam-Quế đáp rằng: « Mãn-châu binh-mã đã vào Bắc-kinh, ta phụng-lệnh Mãn Thân-vương đi đuổi đánh giặc Sấm đến đây.» Viên-Viên lại hỏi rằng: « Mãn Thân-vương sao chẳng cùng tướng-quân cùng đốc-binh đi đánh giặc Sấm, lại sai tướng-quân lìa Bắc-kinh mà tây-hành, ấy là có gì?» Tam-Quế đáp rằng:

« Mãn Thân-vương còn phải thủ-vệ Bắc-kinh, cho nên sai ta lĩnh binh đi một mình.» Viên-Viên nghe nói đến đây, tỏ ra nét mặt kinh-hãi nói rằng: « Nghe tướng-quân chỉ sang Mãn-châu mượn binh mà thôi, tướng-quân là chủ, Mãn-binh là khách, sao lại phải chấp tay mà nghe hiệu-lệnh Mãn Thân-vương. Nay thấy tướng-quân ọc tóc đổi phục-trang, lòng thiếp đã sinh nghi, lại nghe tướng-quân làm việc đều phải nghe hiệu-lệnh người Mãn, thiếp chỉ sợ rằng thành Bắc-kinh chẳng phải là của nhà Minh ta có nữa.» Tam-Quế nói rằng: « Ta nếu không gióc tóc đổi phục-trang, không đủ kết được cái lòng tin của Mãn Thân-vương.» Viên-Viên lại tỏ ra nét mặt buồn rầu nói rằng: « Tướng-quân cất quân tây-hành mà Mãn Thân-vương vào Bắc-kinh, điều đó thực là khá lo đấy! Thủ-hỏi tướng-quân, vì bằng Lý Sấm trả lại hai con vua Sùng-trinh-đế cho tướng-quân, thì tướng-quân đặt hai con vua Sùng-trinh-đế ở chốn nào?» Tam-Quế đáp rằng: « Ta đã có ước với Mãn-Thân-vương, Mãn-Thân-vương tất chẳng dối ta.» Viên-Viên đáp tay xuống chiếu mà than rằng: « Chao ôi! Tướng-quân lầm rồi, tướng-quân lầm rồi! Xưa nay cái lối tranh-dành, đều chỉ thi nhau bằng sức, lừa nhau bằng mẹo, còn nghĩ gì đến tín-nghĩa, mà tướng-quân chắc rằng người Mãn nó chẳng dối ta. Thiếp sợ rằng tướng-quân cất quân sang phía tây, mà Mãn Thân-vương nó đã lập quốc ở Bắc-kinh đó vậy.» Tam-Quế đến lúc ấy, chỉ chủ-trừ nín lặng, không có lời gì đáp lại được nữa.

Viên-Viên lại thông-dong nói rằng: « Sự thế ngày nay nếu mà bất-hạnh đúng như thiếp tôi sở-liệu như trên; thì tướng-quân tuy phá được giặc Sấm mà thành ra là kẻ có tội với nhà Minh, có tội với thiên-hạ, cái tội ấy kiếp nào rửa sạch. Nay chẳng gì bằng thừa lúc

giặc Sấm nó đã cùng-sức, không phải phiên đến uy-lực tướng-quân đi đuổi đánh nữa. Thiếp tôi xin tính về đại-cục ngày nay cho tướng-quân, tướng-quân nên mau chóng kéo quân về Bắc-kinh để xem Mãn Thân-vương nó thấy binh-uy của tướng-quân có: thịnh tất nó còn giới-tâm; ta sẽ liệu cơ ứng-biến khôi-phục lấy nhà Minh, mà bảo-toàn lấy Trung-quốc. Nếu chẳng thế thì nhà Minh tuyệt hi-vọng, Tướng-quân tuyệt hi-vọng vậy ». Tam-Quế nghe trần Viên-Viên nói, thực là có đạo-lý hẳn-hoi, tự biết rằng không còn có lời lẽ gì có thể cãi lại được nữa, liền nghe kế-sách Viên-Viên, truyền-lệnh hồi-quân trở lại Bắc-kinh, không đi đuổi đánh giặc Sấm nữa.

Quân Ngô Tam-Quế trở về sắp sửa đến đất Hà-giang, đã nghe được tiêutức biết rằng Mãn Thân-vương Đa-Nhĩ-Côn đã lập-quốc ở Bắc-kinh, tự xưng là Nhiếp-chính-vương, và đón chúa Mãn-châu đến Bắc-kinh lên ngôi hoàng-đế, dựng niên-hiệu là Thuận-trị nguyên-niên; cái dã-tâm của người Mãn đã rõ-ràng, quả như lời Trần Viên-Viên sở-liệu. Người Mãn khi ấy, thật là chẳng hao một người lính, chẳng mất một mũi tên, mà đã chiếm-lĩnh được Bắc-kinh. Tam-Quế nghe được tiêutức ấy, tiến thì chẳng dám tiến, thoái thì chẳng nỡ thoái, chỉ bàng-hoàng không biết làm thế nào, rút lại bảo kẻ tángười hữu rằng bản-súy từ nay trở đi, đối với quốc-gia đại-sự, chỉ không hỏi đến nữa là xong. Viên-Viên tiến nói rằng: «Tướng-quân ngày nay sao có thể đề thân ra ngoài việc được, vì tướng-quân thực dẫn binh-mã người Mãn nó tiến vào, tướng-quân tiến được nó vào mà chẳng thoái được nó đi; có lẽ mai sau chết xuống dưới đất, không mặt nào trông thấy đấng liệt-tiên liệt-tổ nhà Đại-Minh; mà còn sống ngày nào, cũng không mặt nào đối với nhân-dân trong thiên-hạ.

Tướng-quân ôi! Tướng-quân nếu cứ thấy sự mà ân-nhân mãi, thì thiếp tôi e rằng đối với công-luận về đời sau làm sao?» Kẻ tángười hữu cũng đều tán-thành lời Viên-Viên mà tiến nói rằng: «Trừ ngoài Bắc-kinh ra, hành-tĩnh trong các lộ, còn là đất nhà Minh, chữa tất đã không có chỗ nào căn-cứ. Triều nhà Minh nuôi kẻ sĩ hơn 200 năm, há lại không có người trung-nghĩa; tướng-quân mà nhất-cử, thì thiên-hạ tất-nhiên mây hợp mà hưởng-ứng, sự-thể ngày nay chẳng đủ lo gì.» Tam-Quế nói rằng: «Các nhà người nói cũng phải, đề bản-súy còn đợi nghĩ kỹ.» Tam-Quế nói xong, tức khắc truyền kẻ tángười lui ra, chỉ cùng với Viên-Viên thương-nghị. Tam-Quế lúc ấy lại càng bàng-hoàng, chủ-kiến không nhất-định.

Mãn Thân-vương Đa-Nhĩ-Côn ở Bắc-kinh, lúc ấy đã nghe được tin Tam-Quế hồi-binh, rất lo rằng Tam-Quế nếu nửa chừng có biến, thì các tỉnh miền nam-bắc sông Đại-hà tất-nhiên phân-vân khởi-nghĩa đề trợ-lực Tam-Quế. Nhưng Đa-Nhĩ-Côn lại biết rằng Tam-Quế vốn là tuồng tham phú tham quý, trước nên đem sự phú quý đề yên-ủi cái lòng Tam-Quế là phải. Liền tiến-phong Tam-Quế là tước Bình-tây-vương, gồm sai Hồng Thừa-Trù mang sắc-mệnh với áo mũ và mọi đồ vàng lụa nữa, ra khao-thưởng cho Tam-Quế. Nguyên Thừa-Trù là viên đại-thần nhà Minh đã từng bắt đầu sang hàng người Mãn, nghĩ mình cũng hơi biết hồ mình; cho nên khi vào tiếp-kiến Tam-Quế, chỉ đạt qua cái mệnh-lệnh Mãn Thân-vương và đề ra mọi đồ khao-thưởng mà thôi, còn thì chỉ ngồi nín lặng, không nói gì cả. Có một viên tùy-hành là Mạnh-Cùng-Văn đối với Tam-Quế noi rằng: «Tướng-quân vì bằng muốn vì nhà Minh hết sức chẳng nữa, ngôi chẳng qua phong tước hầu, ngựa chẳng qua cưỡi một con,

sao dám nam-diện mà xưng-vương được. Tân-triều ngày nay ân-lễ rất là phong-hậu, tướng-quân lại là một kẻ khai-quốc nguyên-huân ; Bắc-kinh vừa mới định xong, tức-khắc phong cho tướng-quân vương-tước ; cơ-hội tốt này, xin tướng-quân khéo-khéo chớ làm lỗi. » Tam-Quế nghe xong, một là tham cái vương-tước, hai là sợ thế-lực Mãn-thân-vương, ba là Tam-Quế vốn là bề ngoài anh-hùng, bề trong grom-cổ, tham sống mà sợ chết ; liền sụp xuống hai lạy tạ ơn tân-triều rồi cầm lấy áo mũ thu nhận. Hồng Thừa-Trù vẫn thủy-chung không nói một câu gì. Đến ngày mai Thừa-Trù từ-biệt trở về Bắc-kinh Chợt có tin báo vua Phúc-vương ở Nam - kinh cũng phái viên chuyên-sai lại tiếp-kiến Tam-Quế.

Nguyên Phúc - vương là em vua Sùng-trình-đế, chur thần nhà Minh lập lên ở Nam-kinh, để kế-thống nhà Minh. Lúc ấy Nam-kinh biết rằng chúa Mãn-

châu đã chiếm-cử Bắc-kinh mới đặc-phái mấy viên đại-thần là lũ Tả-Mậu-Đệ lên Bắc-kinh, nhất-diện đem vàng lụa khao-tặng cho Mãn-châu, nhất-diện viếng-tế lăng-tẩm vua Sùng-trình-đế. Lại đặc-biệt chuyên-sai Tả-Mậu-Đệ trước hăng tiếp-kiến Tam-Quế, để dò thám tâm-ý Tam-Quế thế nào, nếu có sự gì ý-ngoại khá thừa, thì tức-khắc khuyên Tam-Quế hồi đầu phản-chiến, trợ - lực cho Nam-kinh, và có sắc mệnh áo mũ đem đi, phong Tam-Quế làm tước Bình-tây-bá. Tam-Quế nghe được tin bọn Tả-Mậu-Đệ đến, tiếp-kiến thì chẳng dám tiếp-kiến, mà chẳng tiếp-kiến thì lại không có thể chẳng tiếp-kiến được, trong tâm thực lại bàng hoàng vô-cùng.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch

VĂN - UYÊN

1 — Chơi thuyền trên sông Bạch-đăng

Anh em cố vừng một tay chèo,
Sông Bạch-đăng nay cảnh vắng teo !
Đáy nước trắng lồng kinh-ngạc lánh,
Đầu non gió thổi bách-lùng reo ;
Tan hồn mấy trận quân Nguyên-khẩu,
Nức tiếng bao phen Tướng Việt-triều ;
Ngâm cuộc tang-thương lòng cảm-khái,
Anh em cố vừng một tay chèo.

2 — Đi đường hoài-cảm

Thần-thơ thơ-thần giữa con đò,
Ngâm đến giang-sơn đất Việt-thường ;
Mấy cuộc bề dàu qua Hán, Tống,

Nghìn thu non nước vẫn Nùng, Hương
Gió Âu mưa Mĩ dương dào-dạt,
Mầm Lạc chồi Hồng vẫn nở-nang ;
Tân cựu muốn xoay nền móng lại,
Ai là thợ khéo cỡi Đông-dương ?

3 — Tây-hồ

Nam Tô bắc Nhị giữa Tây-hồ,
Cảnh-tri khen ai khéo họa đồ ;
Mây phủ lưng trời ba cảnh miếu,
Bóng lồng đáy nước một vầng ô ;
Trâu vàng ngựa mặt châu vua Trắc,
Gáo trắng cau mây đuôi chú Tô ;
Cao, Trịnh khen đây là thắng-địa,
Lý, Trần, Lê-đề đóng kinh-đô.

4 — Cô tây

Quan tất cô nay đã gặp thời,
 Nghênh-ngang dài-các thỏa lòng thời ;
 Lấy chồng việc chỉ ăn, nằm, đứng,
 Kết bạn nghề riêng ngắm, vuốt, ngồi ;
 Rap-hát cao-lâu vai sánh một,
 Ô-lô song-mã về kè đôi ;
 Sơn tô phấn điểm cô ưa mãi,
 Xuân nhạt rồi ra cũng đốm môi.

5 — Vịnh cảnh buổi sáng.

Mây tuôn khói tỏa khắp non sông,
 Tỉnh dậy kia xem đã rạng đông !
 Chim-chóc vui mừng đua tiếng hót,
 Cỏ hoa hớn-hở ngát hương xông ;
 Thi-thùng ngoài ải quân đồn trống,
 Vắng-vắng bên chùa tiếu đấm chuông ;
 Trời đất thưởng riêng người mến cảnh,
 Vũng ó đã mọc dấy mà trông. . . .

6 — Tu đầu bằng tu chùa
Hương-tích

Bầu trời cảnh Phật thú thanh-u,
 Hương-tích ai mà chẳng muốn tu !
 Suối Yến long-lanh cơn gió hạ,
 Hàn mai vắng vắng lúc trăng thu ;
 Chim rừng lặng lẽ tan hồn tục,
 Vượn núi nghe kinh phá mộng ngu ;
 Ướm hỏi tham thiền ai đó tá ?
 Tu tròn quả phúc mới là tu !

7 — Vịnh hang Đầu-gỗ (Hạ-long)

Thuận buồm xuôi gió ghé hang Đầu,
 Cảnh-trí xem ra nhất địa-cầu ;
 Đá mọc chênh-vênh tầng đá xếp,
 Hang vòng ngoắt-ngoéo lối hang sâu ;
 Đồng này cảnh ấy bao người mến,
 Nước nọ tình kia mấy kẻ sầu ;
 Ngụ-lâm thơ đề còn dấu cũ,
 Trải bao mưa nắng chẳng phai màu.

8 — Vịnh chùa Một-cột

Một cột xây lên một cảnh chùa,
 Nhìn xem phong-cảnh lại càng ưa ;
 Gió đưa mặt nước hương thoang-
 thoảng,

Trăng rọi đầu cầu bóng nhạt thưa ;
 Lễ Phật cầu hôn trai gái nhỡ,
 Tụng kinh chúc thọ vãi già đưa ;
 Cửa thiền như thế ai không mến,
 Quang-cảnh bây giờ khác thuở xưa.

9 — Hựu-thê

Mặt nước treo lên một cảnh chùa,
 Càng trông càng ngắm lại càng ưa ;
 Nghìn năm cột vững rêu xanh biếc,
 Một mảnh trăng lồng sóng gợn đưa ;
 Tiếng kệ giải oan phương qui sống,
 Chày kinh khua tỉnh lũ dân xưa ;
 Lý Trần tô-diêm gây nền trước,
 Công-quả xem ra chẳng phải vừa.

10 — Ông Nguyễn Văn-Thành.

Tiền-quân mở nước buổi hưng-long,
 Gởi đất nằm sưng vẫn một lòng ;
 Định bắc bao phen yên xã-tắc,
 Bình tây mấy trận vững non sông ;
 Nghe thơ trẻ dại gây nên va,
 Niu áo vua hiền chẳng đoái công ;
 Điều tận cung tàng còn chuyện cũ,
 Non Bình trăng rọi tấm gương trung.

11 — Trọng-Thủy Mỹ-Châu

Nam bắc gây nên cuộc chiến hòa,
 Mưu sâu những ước mới thông-gia,
 Đem trai gấn bó lo thù nước,
 Gả gái đình-ninh gỡ nạn nhà ;
 Lông ngỗng đưa đường chồng hẹn vợ,
 Móng rùa thay máy rẽ lửa cha ;
 Nước đời như thế nên suy kỹ,
 Thành tin làm chi giả đó mà !

12 — Ngự

Tay cần lưng rỏ đứng bên sông,
 Thả chiếc mồi câu đón giữa dòng ;
 Bàn cá tham ăn còn mắc lưới,
 Giống người có biết biết hay không?

13 — Tiều

Vác búa lên ngàn dẫn củi chơi,
 Tiếng kêu chan-chát động tim trời ;

Cáo cây lữ-lượ tìm phương lánh,
Phá sạch rừng hoang mở cõi đời.

14 — Canh

Đất trâu ra ruộng tớ đi cày,
Cỏ tốt xanh um mọc đã đầy ;
Rạch đất dọc ngang bờ cõi rộng,
Tay cày vững chãi giúp dân đầy.

15 — Mục

Gã mục chăn trâu bãi cỏ tề,
Ngựa nghiêng trời đất ngắm sơn-khê ;
Đình, Đào thừa trước là ai đó,
Chêm-chện mình trâu thối sáo về.

16 — Hai con sắc-qui trong quan-trường

Bề hoạn ngày nay biển bể dâm,
Sóng tình vùi dập hết lương-tâm ;
Duyên ưa vợ lính dờn phong-nguyệt,
Thú lạ có ni gạn sắt-cầm ;
Trịnh Vệ đảo-diên nền đạo-đức,
Tây Tàn nhặng-nhỡ lối gian-thâm ;
Này gương phụ-mẫu sao nên thế,
Hay họ nhà tôm buổi cát làm !

17 — Bà Tiên-Dung gặp Chủ Đông-tử

Thuận buồn dòng Nhị buổi giông chời,
Bến Chủ xem ra bởi lại trời ;
Thuyền đỗ mãi vui hoa cỏ mển,
Màn vẩy tắm mát cát sa trôi ;
Duyên ưa gặp gỡ tình càng thắm,
Phận đẹp xui nên nghĩa chẳng rời ;
Đạ-trạch hóa tiên ghi thắng-tích,
Nghìn thu hương khói cũng lưu đời.

18 — Buổi sáng dạy học

Vàng đông đã rạng hơi đồng-bào,
Giác mộng mê-man tỉnh dậy nào ;
Màn hồng gợi Ôn ghi dạ đó,
Sân Lư cửa Phúc bước chân vào ;
Á Ấu gặp hội văn-minh mới ;
Hồng Lạc gây nền đạo-đức cao ;
Khoa-học nổi sóng lừng bốn bể,
Khuyến nhau khuya sớm nghĩ làm sao ?

19 — Than đời

Ngán nỗi trăm năm cũng kiếp người,
Cuộc đời khó lắm các em ơi !
Hai đường danh lợi xô nhau đây,
Chìm đắm trong vòng bể khổ thôi.

20 — Buổi đời

Buổi đời danh lợi chúng chen nhau,
Ông nọ bà kia cũng kẻ đầu ;
Phú-qui chẳng qua hề về mặt,
Nghìn năm thanh-sử chép chi đầu.

21 — Đồ-tề

Đồ-tề ngày nay giữ ấn son,
Đóng vào mình lợn những khoan tròn ;
Kẻ mua người bán vui bằng lễ,
Ném bạc tranh nhau lấy miếng ngon !

22 — Vịnh đề Chọi (năm tí)

Hè làm yếu lắm hơi ai ơi,
Nước mới dâng lên đã lún rồi ;
Mấy vạn bạc đồng trên cứu giúp,
Vào hà ra hồng chết dân thôi !

23 — Mặt trời mọc

Vầng hồng lừng-lhững tự phương đông,
Tia sáng vùng soi khắp núi sông ;
Sao lặn mây tan thay cảnh mới,
Muôn loài hơn-hở ngừng đầu trong.

24 — Mặt trời lặn

Kim-ô chênh-chếch xế ngàn tây,
Đỏ úa chân trời cái vạc bay ;
Bảng-lãng chiều hôm hơi lạnh ngắt,
Phương đông bóng nguyệt rơi đầu cây.

25 — Đọc sách

Ngồi buồn đọc sử mái tây-hiền,
Trưởng đến công-lao bạc thánh-hiền ;
Phá Tống bình Chiêm gương chói rọi,
Thiên-thư định phận nước non tiên.

26. — Phỏng sánh

Ghi-khi như ông mới lạ đời,
Trơ-trơ chẳng nói lại hay cười ;
Óc không ruột rộng ngồi chi đó ?
Vác mặt văn-minh cũng kiếp người.

27 — Mặt trăng

Khen ai khéo nắn quả trăng tròn,
Lo-lĩnh bầu trời bé cón-con ;
Vàng-vạc thâu đêm chờ đợi đó,
Có ngày trên dưới giải lòng son.

28 — Học vị mình.

Lối học vị mình phải nghĩ sao,
Rũa rèn dũa lớn với tài cao ;
Mặc đời biết đến hay không biết,
Cối thánh ai ơi cố bước vào.

29 — Học vị người

Thiên-hạ đua nhau học vị người,
Giả danh đạo-đức để khoe đời ;
Thang mây hiển-hách cho mình thật,
Bìa miệng trăm năm vẫn nực cười.

30 — Tự-trào

Ta nghĩ mình ta mới thật gân,
Văn-chương bả mía với trần-gian ;
Chi hồ đã giả nay đang mọc,
Thế cũng nho-nhoe đám luận bàn.

31 — Đêm thu nhớ nhà

Ai giải ân-tình ta,
Đêm thu nghĩ nhớ nhà ;
Mong người khi sớm tối,
Tưởng bạn lúc vào ra ;
Giải-trí kỳ thi tửu,
Di-tình tuyết nguyệt hoa ;
Hồn quê vợ vẫn mãi,
Yêu nước phải lo xa.

32 — Vịnh sông Bạch-dăng

Dăng-giang lịch-sử truyền,
Cảnh Tào lại thêm duyên ;
Nước chảy mây đưa nguyệt,
Thông reo sóng vỗ thuyền ;
Ngó Quyền công phá Hán,
Quốc-Tuấn trận bình Nguyên ;
Chinh-chiến trên sông đó,
Gây nên độc-lập-quyền.

33 — Than đời

Nghĩ việc đời,
Ngán cho đời ;

Trăm năm giấc mộng lệ đầy voi.

Ghen chi mấy hỡi trời,

Thương kiếp người,

Tiếc kiếp người,

Bóng, vang, bọt nước thật như lời,

Trông thấy cũng nực cười ! . . .

34 — Không nên hút thuốc phiện

Hút chơi tưởng thú à,

Diệt-chúng cách dần-dà ;

Cổ rút ra hình quỷ,

Vai so tựa xác ma,

Trai gãy đường trộm cướp,

Gái chịu kiếp trắng hoa ;

Nhấn bảo đồng-bào biết,

Làm người phải tránh xa.

35 — Vịnh bà Triệu Âu

Gái lạ anh-hùng đất Cửu-chân,

Vú dài ba thước vẩy ngang lưng ;

Đầu voi xung-đột kinh Ngô-quốc,

Lưỡi kiếm tung-hoành khiếp Việt-quân.

Rửa thù nước,

Cứu yên dân ;

Mở bờ cõi,

Chỉ kinh-luân,

Những toan độc-lập gây nền trước,

Sánh với Trung-vương cũng xuất-quân.

Vị-thường Vũ Bắc

Bài phú thần tự-do

Lời tiểu-chí

Bài này là phỏng cái thể-tài bài *Thu-thanh-phú* của Âu-Dương-tử thuộc về lối cổ-phú.

Bài phú này của tác-giả, vốn không phải là chê-bai thần Tự-do, chính là ngụ-ý thành-toàn cho thần Tự-do. Vì tự-do cũng có hai thứ, một thứ là tự-do có giáo-dục, một thứ là tự-do không giáo-dục. Thứ tự-do có giáo-dục thực cũng đáng quý, thứ tự-do không giáo-dục thực đáng chê, đó là cái lòng chung của nhân-loại. Nay tác-giả cũng xin thề-tất cái lòng

chung của nhân-loại mà tả ra bài này để làm mảnh gương nhỏ mọn cho khách tự-do, không hề có ý riêng gì cả, xin cao-minh quân-tử lượng xét.

Lời phú

Tùng-vân-tử đương ban ngày xem sách, dường có thần tự ngoài bề xa xa lại đó. Rùng mình mà coi, nói rằng : *Lạ thay ! mới dập diu mà thấp-thoảng, chợt run-rủi mà bành-trướng. Như luồng gió bỗng dàu, nước triều lai-láng. Nó tiếp vật vậy, lạnh-chanh lòng-bóng, vàng đá đều không. Lại như ai nẩy, đánh bỗng nhón-nhờ làm bộ, chẳng nghe cách-điệu, chỉ nghe những tiếng bập-bung.*

Ta bảo kẻ đồng-tử : — Ấy thần gì vậy ? Mày ngó ra xem.

Hồng-tử nói rằng : — Trời đất chệnh-choáng, cây cỏ gắt-gay ; bốn bên không thần, thần ở đám say.

Ta nói rằng : — Than ôi ! nực cười thay ! Ấy thần Tự-do vậy, có làm sao lại chi đây ?

Bởi tự-do nó làm giống vậy, danh nó đẹp-đẽ, kẻ ham người quý ; nghĩa nó sâu-xa, mấy người hiểu qua ; khí nó hăng-hái, chẳng khôn chẳng dại ; thói nó góm-ghé vừa tỉnh vừa mê. Cho nên nó làm thần vậy, mạnh-mạnh bạo-bạo, điên-cuồng bát-nháo. Lẽ-thói đương phong-nhã khá coi, xã-hội đương trật-

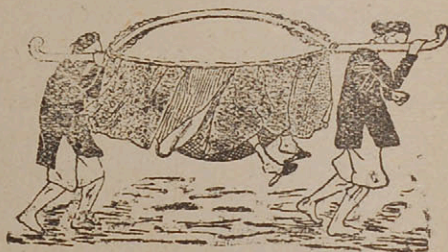
tự khá bấu ; lẽ thói pha nó mà lố-lăng, xã-hội gặp nó mà điên-đảo. Đời người số-dĩ thế-thảm bại-hoại như thế, là vì một lẽ chưa từng hiểu.

Ôi ! Tự-do là dao vậy, trẻ con chọt dao dễ đứt tay. Tự-do là thóc vậy cấy ruộng gieo thóc, phải đợi ngày đó là cái vật dễ lạm-dụng của thiên-hạ, thường phải có hạn-chế thời mới hay,

Trời kia sinh ra loài người, qui nha ; Lãng liêm-sĩ, tin nhau bằng pháp-luật. Cho nên kẻ trị nước vậy, lễ, nghĩa, liêm, sĩ, gọi là tứ-dạy. Kẻ xem sách vậy, sách xem muốn quyền chẳng xem luật, gọi là vô-thuật. Tự-do là ngựa vậy, lễ-nghĩa liêm-sĩ làm dây cương, Tự-do là xe đi muốn dẫm vậy, pháp-luật làm đường sắt.

Chao ôi ! Coi bước tiền-đồ, còn lắm những trò. Đường xa nghĩ nổi, sao này mà lo. Trăm luồng gió làm cho óc vánh, muôn làn sóng làm cho mắt mờ. Theo đời mà lướt, chẳng điên cũng ngu. Hởng-chi lại : nhắc tỉnh-túy mà làm mất, theo bã-cặn mà học mô. Trách nào chẳng : phẩm thanh-quí mà ngu-liên, giống khôn-thiêng mà ngần-ngơ. Sao trong tâm có chân-lý, chẳng quan-sát mà dẫn-đo. Thử nghĩ xem, ai làm hại mình cái nhân-cách, thói cũng oán gì thần Tự-do !

Tùng-Vân



THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thời-cục nước Tàu, — tiếp theo tin kỳ trước, sau khi Tướng Giới-Thạch đã lấy được Vũ-Hán, dẹp yên được Lương-Hồ, Tướng có phát-biểu lời tuyên ngôn đại-lược như sau này :

« ... Hồi Tổng-lý hã còn, lời tuyên-ngôn trong khi lên miền Bắc, tình trịnh-trọng nói về cái mục-dịch Bắc-phạt, là không những đánh đổ Tào Côn, Ngô Bội-Phu, mà cốt khiến cho Tào, Ngô sau khi đã bị đổ rồi, không bao giờ còn có kẻ nào nổi theo lên nữa. Cái mục-dịch lần này cũng không những đánh đuổi Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi, mà cốt khiến cho sau khi Lý, Bạch đã trừ được rồi, không bao giờ còn có kẻ bắt chước Lý, Bạch mà làm phản nữa. Nếu không nghĩ cái kế trừ cho tiết gốc thì cuộc cách-mệnh không bao giờ thành, mà dân-lộc Trung-hoa ta cũng không bao giờ giải-phóng và độc-lập được. Bởi vậy hết-thảy quốc-dân trong nước, các bạn đồng-chí trong đảng đều nên tìm cái gốc quân bạn-nghịch vì đâu mà ra, để liệu cách tiêu-trừ quân bạn-nghịch ấy. Xét ra bọn bạn-đảng phản-quốc số-dĩ dám làm những việc bạn-nghịch ấy, thực là vì chiếm đất-cõi để xưng-hùng, giữ quân-linh để tự trọng ; mà bọn ấy dám chiếm đất-cõi giữ quân-linh ấy, thực là bởi chính-phủ Trung-wong không vững bền, uy-tin của Trung-wong không đủ tỏ. Chứ nếu Chính-phủ Trung-wong mà vững bền, thì Trung-wong có thể đem thực-lực mà chinh-đốn cương-kỷ, đem uy-tin mà thực-hành pháp-lệnh, bản-đồ toàn-quốc đều nhất-thống ở dưới chính-phủ Trung-wong, quân bạn-nghịch đâu muốn

chiếm đất-cõi cũng không được, giữ quân-linh cũng không được. Vì thế cái lẽ làm cho bền-vững chính-phủ Trung-wong thực là cái đạo duy-nhất để trừ quân bạn-nghịch vậy.

« Nhưng chính-phủ Trung-wong đến nỗi khó làm cho bền-vững được, thực bởi ở quốc-dân không biết ủng-hộ. Nếu quốc-dân cả nước, biết lấy sự lợi hại của Trung-wong làm sự lợi hại của mình, lấy sự còn mất của Trung-wong làm sự còn mất của mình, đem thực-lực làm quân hậu-thuần cho Trung-wong, lấy dư-luận làm quân tiền-khu cho Trung-wong, thì uy-lin Trung-wong tự tỏ rệt được, cơ-sở Trung-wong tự vững bền được. Vì thế quốc-dân ủng-hộ trung-wong lại là cái đạo duy-nhất để làm cho bền vững trung-wong vậy...»

Tướng Giới-Thạch lại tuyên-cáo dân-chúng hai tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc, mong chủ ý ba việc như sau này :

1^o Về tư-tướng nên tin chắc chủ-nghĩa của bản-đảng ;

2^o Về chính-trị nên giúp cho chóng thành cuộc chán-chính thống-nhất, bền vững cơ-sở cách-mệnh ;

3^o Về việc địa-phương hành-chính nên phát-huy cái năng-lực tự-trị, hóa-trừ cái ý-kiến riêng về cương-vực.

Có tin rằng các cơ-quan quân-chính ở Vũ-Hán, Chính-phủ trung-wong đều đã tiếp-nhận cả.

Các tướng Quảng-lây là bọn Hồ Tôn-Đặc và Đào Quân đã bằng lòng theo như điều-kiện của Tướng Giới-Thạch đem quân bản-bộ giao trả chính-phủ trung-wong, hai người sẽ do chính-

phủ giúp tiền cho xuất-dương du-học. Vậy từ đây miền thượng-du Trường-giang có thể khỏi được nạn chiến-tranh, mà toàn cảnh Hồ-bắc cũng về phần chinh-phủ trung-ương cả.

Miền Nam đã tạm yên, Tướng Giới-Thạch lại quyết khiến các quân ba tỉnh Hồ-nam, Quảng-dông, Vân-nam chia ba đường tiến vào đánh Quảng-tây. Hà-Kiến theo đường giữa, Trần Tế-Đường theo đường đông, Long-Vân theo đường tây.

Sau có tin quân ở phía đông Quảng-tây tìm cách tiếp-ứng với quân của Hoàng Thiệu-Hùng để đánh Quảng-dông. Quảng-châu có cơ nguy-ngập. Nhưng gần đây có tin rằng quân Hà-Kiến ở Hồ-nam đã khai chiến với quân Quảng-tây và đã thắng được quân Quảng-tây, thì Quảng-dông lại vững.

Tướng Giới-Thạch có hạ-lệnh cho Chu Thiệu-Lương phải xuất binh giúp Quảng-dông đánh phái Quảng-tây, Tướng lại điện cho Trần Tế-Đường là tổng-chỉ-huy quân Quảng-dông, dù thế nào cũng phải cố giữ lấy đường Quảng-Tam.

Gần đây Tướng Giới-Thạch đã trở về Nam-kinh định trung-tuần tháng năm sẽ đi Bắc-bình để đón linh-cữu Tôn Văn.

Tướng Giới-Thạch mới được cử làm tổng-trưởng hội-đồng chính-trị trung ương; như vậy Tướng giữ được chủ-quyền về chính-phủ quốc-dân.

Chính-phủ trung-ương lại cử Hà Ứng-Khâm làm chức tham-mưu tổng-trưởng thay cho Lý Tế-Thâm.

Trong mấy tháng nay Tướng Giới-Thạch thắng lợi về đường binh-vụ và về đường chính-trị, làm cho thanh-thế của Tướng được vững thêm. Dự-luận tán-thành cho Tướng trong việc trừ các phái phản-đối Chính-phủ trung-ương và nhất là các viên lĩnh-tụ Quảng-tây.

Tướng Giới-Thạch khi đi Hồ-nam chắc là để trừ hẳn các đảng ấy.

Gần đây vẫn thường có tin đồn rằng Phùng Ngọc-Tường và Tướng Giới-Thạch có ý bất-bình với nhau, không khéo quyết-liệt đến nơi. Nhưng mỗi tin đồn một khác, không biết đâu mà đoán-định trước được.

Phùng trước có nhận chức trưởng bộ quân-chính, nhưng từ khi đi dưỡng bệnh ở Hoa-sơn, đã tỏ ý quyết từ chức quân-chính, mà cả chức trưởng viện hành-chính cũng không làm. Chính-phủ quốc-dân sẽ định cử Lộc Chung-Lân là bộ-tướng của Phùng hiện đương quyền chức ấy làm thay Phùng.

Phùng Ngọc-Tường có thông-diện đại-ý nói rằng : « Cuộc thống-nhất đã hoàn-thành, phân-hội chính-trị Khai-phong (Hà-nam) đã tuân lệnh triệt bỏ từ ngày 15 Mars rồi, vậy từ nay hết thấy các việc hành-chính trong năm tỉnh Hà-nam, Thiểm-tây, Cam-túc, Thanh-hải, Ninh-viễn đều thuộc quyền Chính-phủ trung-ương trực-tiếp thống-trị. Về việc dùng người hành-chính hoàn-toàn phục-tòng mệnh lệnh Chính-phủ trung-ương. »

Phùng Ngọc-Tường ưng thôi không giữ quyền về Hán-khẩu nữa, mà cũng không được chủ-quyền ở lĩnh Sơn-dông là lĩnh giao về quyền Phùng để bù cho việc Phùng giữ thái-độ trung-lập. Chính-phủ trung-ương vẫn kiểm-soát công việc ở Sơn-dông, mà các phương-sách của Nam-kinh thi-hành để hạn-chế cái quyền của Phùng, thì cứ như tình-thế bây giờ Phùng cũng không thể phản-kháng được.

Phùng Ngọc-Tường vừa rồi có phục thư cho Tướng Giới-Thạch đại-ý nói những việc sau này ;

10 Hiện nay đảng-bộ các bậc, ý-kiến thường trái nhau, sợ nhân đó mà

sinh ra sự nguy-hiểm, vậy xin nghị cách chỉ-dẫn và sửa-sang lại.

20 Nên mau mau thực-hành cái án biên-khiển đã quyết-ngự, cách biên-khiển các bộ-đội nên lấy lịch-sử cách-mệnh và kỹ-luật lỗi xấu làm liêu-chuẩn.

30 Hiện nay nhân-dân khốn-cùng đã đến cực-điểm, mà các quan-lại chỉ chăm chăm sự tự-phụng mình cho sung-sướng không biết đến sự đau-khổ của nhân-dân, xin chính-phủ nên thiết-thực giảng-cầu cái đạo cứu-tế nhân-dân, nếu không thì việc cách-mệnh bấy lâu chẳng có ý-nghĩa, chẳng có giá-trị gì. Không khéo sẽ mất lòng tin-ngưỡng của nhân-dân.

Gần đây Phùng Ngọc-Tường có triệu-tập các tướng bộ-hạ mở một cuộc hội-ngự ở Đồng-quan có bàn về mấy việc sau này :

10 Cử Tổng Triết-Nguyên mang bảy sư-đoàn đến Thiểm-tây, Cam-túc để làm cho mặt sau được bền vững ;

20 Gửi điện xin Tướng Giới-Thạch giữ tin-uớc ;

30 Thông-điện cho cả nước khuyến cổ lo việc thống-nhất, cùng mưu việc kiến-thiết, thúc giục lòng ái-quốc của người nước.

Các nhà lĩnh-lự quân-sự về phái Phùng đều nói Phùng thực lòng phục-tòng trung-ương.

Tướng Giới-Thạch có gửi điện cho Phùng Ngọc-Tường nói rằng : «Lần này phải dùng quân đánh phái Quảng-tây là vì lo sự thống-nhất đảng-quốc. Đối với ngô-huỳnh lối vốn tin là người có lòng công-trung đối với nước. Về phần riêng Trung-chính này đợi khi nào kết-thúc được việc Quảng-tây rồi, sẽ từ chức về làng, việc trị-an ở phía bắc, xin trông cậy ở ngô-huỳnh. »

Tướng lại điện cho Diêm Tích-Sơn bảo mau mau trở lại Bắc-bình để tọa-trần và khuyên Phùng nên vì đảng vì nước hết sức, để không phụ cái công-lao gây dựng trong vài mươi năm trời của Tôn tổng-lý.

Một vị yếu-nhân có nói rằng thái-độ của Phùng đối với Tướng rất lột, những kẻ phản-đối ở bên ngoài cứ bịa-đặt ra những lời nọ kia, ta chớ nên tin.

Tuy vậy, nhưng việc cạnh-tranh của Phùng với Tướng trước tướng như còn tri-hoãn, nhưng không khéo nay mai sẽ phát-hiện ra đến nơi.

Phùng chưa đáp lại Tướng về việc Tướng yêu-cầu Phùng bãi quân, mà Phùng lại thu-thập các dụng-cụ hỏa-xa.

Phùng Ngọc-Tường bị nghị là thông-mưu với chánh-phủ Xô-viết nước Nga, nghe đâu đã đem quân đến đóng mấy nơi quan-trọng trên đường hỏa-xa từ Bắc-bình đến Hán-khẩu.

Phùng tụ-tập quân-linh ở lĩnh Hà-nam để chống nhau với quân của chính-phủ Trung-ương cử đến.

Nghe chừng tình-thế khó-khăn, nên Tướng Giới-Thạch phải hoãn không đi Bắc-bình với. Chỉ một mình Tướng phu-nhân sẽ đi đón Tôn phu-nhân rồi tới Bắc-bình.

Trong các công-văn nói rằng Tướng Giới-Thạch quyết-chi dùng võ-lực đối-phó với các tướng không chịu theo lệnh của Chính-phủ trung-ương. Người ta nói nếu Phùng không bí-mật kết-liên được với tướng khác cũng bất-bình và cũng cứu-dịch với Tướng, thì Phùng không ra mặt chiến-đấu với Nam-kinh.

Cái chính-sách hòa-bình thống-nhất của Tướng Giới-Thạch. — Tướng Giới-Thạch có phát-biểu một bài rõ dài nói cái chính-sách duy-nhất của chính-phủ quốc-dân là cái chính-sách « hòa-bình thống-nhất. » Đại-ý bài ấy Tướng nói

rõ cái chân-lương việc binh-dịnh phái Quảng-tây vừa rồi, chỉ trong một cái thời-gian rất ngắn-ngủi mà lấy lại được Vũ-Hán; số-dĩ được chóng thành-hiệu như thế, là nhờ có chủ-nghĩa tam dân. Cuối cùng Trương nói phàm quốc-dân kay đẳng-viên đều nên ủng-hộ cái chính-phủ quốc-dân đã vì có cái thế-lực trung-lâm ấy mà tổ-chức nên. Cùng thời các nhà cầm quyền-chính trong chính-phủ quốc-dân và các bậc quân-sự linh-tụ, nên cùng lòng cùng sức, khiến cho chính-sách hòa-bình thống-nhất được thực-hiện. Nếu người nào lại sinh lòng khác chực vượt ra ngoài vòng thế-lực ấy thì cứ trông sự thất-bại của phái Quảng-tây mà làm một cái gương soi vậy.

Việc thống-nhất tài-chính. — Từ sau khi quân Nam-kinh đã lấy lại được Vũ-Hán rồi, cái kế-hoạch thống-nhất tài-chính của chính-phủ trung-ương sẽ có thể hoàn-toàn thực-hiện được. Trương Giới-Thạch lấy cái danh-nghĩa là đánh phái Quảng-tây, mang quân đến Vũ-Hán, thực ra chỉ là muốn thu-hồi quyền tài-chính ở hai tỉnh Hồ mà phải đánh. Nay việc đánh phái Quảng-tây đã thành công, thì sau này khoản quốc-thuế ở hai tỉnh Hồ tất phải định kỳ nộp giải về chính-phủ trung-ương, mà phương-diện Quảng-đông, quân Quảng-tây đã trở về Quảng-tây rồi, số phủ-thuế ở tỉnh ấy, trừ khấu lấy một phần để cung vào chính-phí và quân-phí ở tỉnh ấy, còn thì có thể mong giải nộp về bộ tài-chính trung-ương. Diêm Tích-Sơn cũng từng diện trình chính-phủ Giang-ninh, nói rằng chính-phủ tỉnh Sơn-tây đã quyết đem cái số thừa của kho hàng lĩnh nộp về chính-phủ trung-ương. Cái thái-độ của Phùng Ngọc-Trường gần như Diêm Tích-Sơn, nhưng ba tỉnh Hà-nam, Thiểm-lây, Cam-túc nghèo-nản quá sau này còn mong cậy ở chính-phủ trung-ương giúp đỡ cho quân-phí và

chính-phí ở ba tỉnh ấy. Xem như vậy thì hiện nay đã có mười-ba tỉnh bằng lòng theo như cái kế-hoạch tài-chính của Tổng Tử-Văn rồi.

Trương Tôn-Xương thua chạy sang Nhật. — Trương Tôn-Xương trước nhờ có Chử Ngọc-Phác giúp sức cho vây đánh Lưu Trần-Niên ở Mậu-binh, sau Chử bị thương chết. Trương Tôn-Xương bị quân Quốc-dân đuổi đánh rất gấp, phải trốn chạy ra Đại-liên, nay đã cùng một cô ái-thiếp trốn sang năm trốn ở nhà lữ-quán bên Nhật rồi, thế là mặt Sơn-đông yên. Nhật-bản đã rút hết trú-binh về, tỉnh ấy hiện đã về quyền quân Nam-kinh.

Tình-hình Thanh-đảo — Đoàn đại-biểu chính-phủ tỉnh Sơn-đông ngày 14 Avril đã đến Thanh-đảo, chính-thức tiếp-nhận quyền cai-trị tỉnh ấy. Bắt đầu từ hôm ấy toàn-thành ấy đều trở cờ thanh-thiến bạch-nhật cả.

Chính-phủ quốc-dân với các nhượng-địa. — Chính-phủ quốc-dân Trung-hoa có một bài tuyên-bố yêu-cầu liệt-quốc hoàn lại Uy-hải-vệ, Thanh-đảo, Cao-ly và Lữ-thuận.

Viên chủ-tịch Mông-cổ bị hại. — Viên chủ-tịch chính-phủ Ngoại Mông cổ là Đa Ba bị người Nga giết hại, chính-phủ quốc-dân Nam-kinh đã hạ-lệnh cho bộ ngoại-giao phải giao-thiệp với chính-phủ Nga một cách nghiêm-trọng,

Các vương Mông-cổ đến Mãn-châu tỏ lòng phản-kháng và không chịu công-nhận chủ-nghĩa tam-dân của chính-phủ Quốc-dân. Các vương xin cứ ở Đại-lát-ma giữ chủ-quyền ở Mông-cổ không ưng đặt các phủ, và phần-đều không cho lính Trung-hoa vào Mông-cổ.

Việc trong nước

Lược thuật các việc quan-hệ.

Quan Toàn-quyền PASQUIER đi khảo-sát bên Java từ đầu tháng trước, nay đã cùng các quan tùy-tông trở về Đông-dương rồi, cuộc du-hành được hoàn-hảo cả. Ngài ở Sài-gòn mấy bữa, họp ban thường-trực Hội-đồng Chính-phủ, rồi đi đường bộ ra Bắc, ngày mồng 9 tháng 5 đã tới Hà-nội. — Văn-phòng quan Toàn-quyền lại mới thêm một quan-viên mới, là ông BAUDUIN DE BELLEVAL, là một nhà làm báo ở Pháp, chủ tạp-chí L'Indochine, nay sung chức trưởng tỉ giao-thiệp với các báo ở Phủ Toàn-quyền.

— Suốt nửa phần đầu tháng 5 này, ở Bắc-kỳ và Nam-kỳ náo-nhiệt về việc bầu-cử hội-viên thành-phố, bầu lần đầu ngày mồng 5 không xong, ngày 12 lại phải bầu lại. Về phần Tây thì ở Hà-nội tuy có hai số tranh nhau, nhưng sự cạnh-tranh cũng không kịch-liệt gì. Kết-quả số hội-viên cũ được thắng. Ở Sài-gòn cũng có hai số, số DE LA CHEVROTIÈRE, và số ARDIN và BÉZIAT, mà tranh nhau dữ lắm. Kết-quả số ARDIN-BÉZIAT được thắng, số này phần nhiều người có cảm-tình tốt và thực bụng đê-huê với dân An-nam. Về phần An-Nam cuộc tuyển-cử cũng được kết-quả tốt : có hai số tranh nhau, số Nguyễn Đình-Trị và số Nguyễn Khắc-Nương, sự cạnh-tranh cũng ra vẻ hăng-hái lắm, nhưng lần đầu không được người nào trúng cả, lần sau hai bên điều-đình với nhau họp làm một số, gọi là số « liên-hiệp người Việt-Nam », không có cạnh tranh nữa, được trúng-tuyển cả. Ở Hà-nội và Hải-phòng thì cuộc bầu-cử về phần An-nam không lợi cho hội-viên cũ, và kỳ bầu-cử này có một cái tính-cách lạ, là nhân các quan-viên làm việc Nhà-nước cũng được quyền ứng-cử, phần nhiều người

đi bầu (đến 2 phần 3) là quan-viên tòng-sự cả, có ý thiên về số các anh em đồng-sự mình, không chịu châm chước với số các nhà công-thương nghiệp-chủ khác, thành ra kết-quả không được viên-mãn như ở Sài-gòn biết khéo làm-thời liên-hiệp cả hai số làm một. — Có tin kỳ-hạn hội-viên thành-phố ở Đông-dương cũng sẽ tăng lên 6 năm như ở Pháp.

— Ở Bắc-kỳ, ở Nam-kỳ, gần đây đều có một cái án « hội kín » đương tra-xét. Ở Hà-nội thì Hội-đồng Hề-hình vẫn còn đương bắt đương tra. Việc Bazin cũng xét chưa xong. Ở Sài-gòn thì việc Nguyễn An Ninh (cùng với việc « Hội kín » làm một) đã đem ra xử, nhưng mới xử về phần thường-phạm, — tội kháng-cự lính cảnh-sát nhà-nước, — còn phần quốc-phạm, — tức là việc hội kín, — thì sau này mới đề ra tòa Đại-hình. Về thường-phạm Nguyễn An-Ninh phải án ba năm tù. — Mới đây có tin ngót bốn trăm học trò trường sư-phạm Sài-gòn bãi học.

— Cũng ở Sài-gòn, tháng này có cuộc đánh « banh vợt » (tennis) thi to lắm. Nguyễn có người Trung-hoa tên là KHUO HOO-HYE (Khuu Phi-Hải) là tay vô địch về nghề đánh banh vợt ở Tân-gia-ba (Singapore) qua đây đánh với tay vô-địch của ta là Chim. Cách mấy tháng nay Chim đã sang Tân-gia-ba đánh thi với Khuu mà bị thua, nay Hội Thể-thao ta mới mời Khuu sang đây để cho Chim đánh phục-thù. Chim đánh ba lần đều thua cả. Giao cũng là tay vô-địch Nam-kỳ trong năm 1929, đánh với Khuu hai lần thì một lần hai bên hòa nhau một lần Giao được thắng. Người sành nghề khen Giao đánh kỳ này giỏi lắm.

— Ngày mồng 2 tháng 5 ở Sài-gòn mới xuất-bản một tập tuần-báo mới cho nữ-giới, tên là Phụ-nữ-tân-văn, do ông bà Nguyễn Đức-Nhuận là nhà đại-thương ở Nam-trung chủ-trương. Báo này biên-tập và sắp-đặt chỉnh-đốn lắm, chắc là sẽ được quốc-dân hoan-nghênh. Bản-chí xin có lời mừng bạn đồng-nghiệp mới.

— Ngày mồng 9 tháng 5, vào 2 giờ trưa có nhật-thực. Ở phía đông-nam Nam-kỳ và ở đảo Côn-lôn (Poulo-Condore) thì mặt trăng ẩn lấp hẳn mặt trời, đương ban ngày tối như đêm. Nhờ bữa ấy trời tạnh ráo nên các nhà thiên văn ở Pháp đem máy sang nghiệm tại đảo Côn-lôn, quan-sát được rõ-ràng lắm.

Sách mới

Bản-chí tiếp được những sách mới xuất-bản như sau này :

1. — Quốc-hoa tùng-san : 10) Thời-bệnh luận ; 20) Danh-nhân dật-sử ; 30) Sách quốc-ngữ dạy trẻ. — Quốc-hoa thư-quáo, 115, Phố hàng Bông, Hà-nội, xuất-bản.

2. — Hồn-du-ký. Áo - tướng tiên-thuyết. Nguyễn Mạnh-Bồng biên-thuật.

— Hương - hát - thư - điểm Hải-phòng xuất-bản.

3. — Thê-thao Tàu. Thê-thao và Quyên-thuật của Thiệu-lâm-phá Sơn-nhân thuật. Hai quyển. — Nhật-nam thư-quán, 117 phố hàng Gai, Hà-nội xuất-bản.

Nam-Phong Tùng-thư

Mới xuất-bản :

Chính-trị nước Pháp, quyển II, dày 156 trang. Có phụ 14-vựng các danh-từ về pháp-chính, giá 5 hào.

Đã xuất-bản trước :

1) Văn-minh luận ; — 2) Ba tháng ở Paris ; — 3) Văn-học nước Pháp ; — (L'Idéal du sage ; — 5) Chính-trị nước Pháp, quyển I. — Mỗi quyển giá 4 hào.

Đương in :

Khảo về liêu-thuyết.

